

Sổ Tay Những thông tin cần biết về tuyển sinh **ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG** *Hướng Nghiệp 2022*



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

Sổ tay tặng học sinh lớp 12

Các ngành:

- * Marketing
- * Kinh doanh quốc tế
- * Quan hệ quốc tế
- * Quản trị kinh doanh
- * Quản lý dịch vụ
- * Quản lý doanh nghiệp
- * Quản lý dự án
- * Quản lý du lịch
- * Quản Trị nhân sự
- * Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp
- * Phát triển kinh doanh kỹ thuật số
- * Tài chính ngân hàng

Học bổng bao gồm:

Học phí, chi phí ăn, chỗ ở, giáo trình học tập và giám hộ theo kèm để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập tại trường. Học bổng cũng bao gồm trong chương trình là sinh viên được học 01 học kỳ hè tại một quốc gia Châu Âu trong năm học thứ 2.

HỌC BỔNG 50% TRONG 3 NĂM HỌC



+ Thụy Sĩ

STUDY IN GENEVA

Học tại **Geneva - Thụy Sĩ**

Thời gian học **3 năm**

Học bằng **Tiếng Anh**

Thực tập có lương tại
Châu Âu hoặc Hoa Kỳ



Đại diện tuyển sinh tại Việt Nam

Công ty Cổ Phần Kết Nối Văn Hoá Việt

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Loyal, 151 Võ Thị Sáu,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM



Hotline: 0907 898 317



Email: hocbong.aedp@gmail.com



(Đăng ký qua email: Họ và Tên, Địa chỉ, Học trường, Điện thoại)



Website: ketnoivanhoviet.com/



Fanpage: facebook.com/CongTyCoPhanKetNoiVanHoaViet/
facebook.com/Duhoc.VHV/

Tier
1

Global
#3

CEO Magazine MBA rankings 2016



Quét mã QR Zalo
để được tư vấn.

THE FUTURE IS UNFOLDING

TOUR TRẢI NGHIỆP THỰC TẾ "MỘT NGÀY LÀM SINH VIÊN"

CHƯƠNG TRÌNH
ĐƯỢC TỔ CHỨC
THƯỜNG XUYÊN
HÀNG NĂM

Mục đích: Chương trình là dịp để các em có cơ hội đến trực tiếp tại các trường Đại Học, Cao Đẳng để trải nghiệm trực tiếp các chương trình đào tạo, học tập, sinh hoạt và cuộc sống tại trường, giao lưu với các anh chị sinh viên. Đồng thời chương trình cũng kết hợp thăm quan những điểm hấp dẫn tại TP.HCM giúp các em học sinh tự tin hơn trước khi chọn ngành và chọn trường.

Nội dung chương trình:

Thời gian	Hoạt động ngày 1
5:00	Đi Thành Phố Hồ Chí Minh
8:30	Đến ĐHQG TP.HCM, tham quan và tham gia các hoạt động tại các chương trình đào tạo Đại Học và giao lưu với sinh viên tại các điểm đến.
11:45 – 12:30	Cơm trưa sinh viên
12:30 – 14:30	Thăm quan khu công nghệ cao, nhà máy....
15:00 – 17:30	Trải nghiệm các lớp học một giờ làm sinh viên tại trường các trường Đại Học
17:30 - 19:30	Duy chuyển về điểm nghỉ ngơi
19:40 - 21:40	Chương trình Talkshow Giao lưu cùng các chuyên gia tư vấn hàng đầu trong công tác hướng nghiệp tại TP.HCM và doanh nhân..., xem biểu diễn văn nghệ.
22:00 - 22:15	Nghỉ ngơi.
Thời gian	Hoạt động ngày 2
7:00 - 11:30	Đến các Trường Đại Học tham quan và tham gia các chương trình đào tạo Đại Học và giao lưu sinh viên của trường.
11:45 – 12:30	Cơm trưa sinh viên
13:00 – 17:00	Thăm quan Thành Phố Hồ Chí Minh - Những điểm đến hấp dẫn, Chụp ảnh lưu niệm, kết thúc chương trình.



Đơn Vị Thực Hiện: CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT NỐI VĂN HÓA VIỆT

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà Loyal, 151 Võ Thị Sáu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM ☎ 0907 373 317
VP2: Phòng 11, Số 3 Công Trường Quốc Tế, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM ✉ huongnghiep.tuyensinh@gmail.com



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

QS STARS 4

CƠ SỞ VẬT CHẤT



PHÁT TRIỂN HỌC THUẬT



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN



CHẤT LƯỢNG GIÁNG DẠY



VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT



Thành lập từ năm 1995, Trường Đại học Văn Lang là một trong những đại học tư thục đầu tiên tại phía Nam, hiện có gần 60 ngành đào tạo đại học, 14 chương trình đào tạo sau đại học. Trường Đại học Văn Lang đào tạo người học trở thành phiên bản tốt nhất của chính họ với tinh thần học tập suốt đời, luôn sống trọn vẹn với tất cả tiềm năng của bản thân và trở thành những nhà lãnh đạo tương lai trong lĩnh vực họ theo đuổi. Bằng cách xây dựng một hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, Trường Đại học Văn Lang tạo điều kiện để người học, nhà khoa học và doanh nghiệp được kết nối, học tập và phát triển những giải pháp đột phá cho

một tương lai tốt đẹp hơn.

Tháng 10/2021, Trường Đại học Văn Lang là đại học đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng nhận QS Stars 4 sao ngay trong lần đầu tiên kiểm định, góp mặt trong 4 trường đại học Việt Nam đạt xếp loại QS cao nhất (4/5 sao) tính đến thời điểm hiện tại. Dấu mốc này khẳng định những giá trị về chất lượng của Trường được ghi nhận ở tầm quốc tế. Kết quả cao của 6/8 đánh giá từ thang đo của QS cho thấy Trường Đại học Văn Lang tiệm cận nhiều tiêu chuẩn quốc tế trong giáo dục đại học.

Với triết lý giáo dục "Thông qua học tập trải nghiệm, đào tạo con người toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có đạo đức, có sức ảnh hưởng và mang lại thay đổi tích cực cho cộng đồng", Trường Đại học Văn Lang mạnh mẽ trên con đường định hình tương lai trở thành một trong những đại học trẻ được ngưỡng mộ nhất Châu Á vào năm 2030. Văn Lang không ngừng nỗ lực, vượt qua giới hạn của một trường đại học truyền thống, được ghi nhận về những thành tựu đột phá trong giáo dục đại học, đổi mới sáng tạo và đóng góp cho Việt Nam và cộng đồng thế giới.

Cơ sở chính: 69/68 Đặng Thùy Trâm, P.13, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Cơ sở 1: 45 Nguyễn Khắc Nhu, P. Cô Giang, Q.1, TP. HCM

Cơ sở 2: 233A Phan Văn Trị, P.11, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Ký túc xá: 160/63A-B Phan Huy Ích, P.12, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Điện thoại: 028.7105.9999

Website: www.vlu.edu.vn

Email: tuyensinh@vanlanguni.edu.vn

Fanpage: Trường Đại học Văn Lang

Zalo: Trường Đại học Văn Lang (0904.214.254)

Instagram: Van Lang University



VAN LANG
UNIVERSITY

3 LỰA CHỌN CHO NGƯỜI HỌC

- CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN
- CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẶC BIỆT
- CHƯƠNG TRÌNH QUỐC TẾ

5 PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

- Xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2022
- Xét điểm học bạ THPT
- Xét điểm thi Đánh giá năng lực – ĐHQG Tp.HCM
- Thi tuyển sinh năng khiếu (Vẽ, Âm nhạc, Sân khấu Điện ảnh)
- Xét tuyển thẳng

ĐỂ TRỞ THÀNH KHÓA 28 ĐẠI HỌC VĂN LANG?

ĐIỂM CHUẨN THAM KHẢO 2021

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN	MÃ TỔ HỢP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT	ĐIỂM XÉT TUYỂN HỌC BẠ THPT
7210205	THANH NHẠC (*)	N00	22.0	24.00
7210208	PIANO (*)	N00	22.0	24.00
7210234	DIỄN VIÊN KỊCH, ĐIỆN ẢNH - TRUYỀN HÌNH (*)	S00	20.0	24.00
7210235	ĐẠO DIỄN ĐIỆN ẢNH, TRUYỀN HÌNH (*)	S00	20.0	24.00
7210402	THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP (*)	H03, H04, H05, H06	23.0	24.00
7210403	THIẾT KẾ ĐỒ HỌA (*)	H03, H04, H05, H06	26.0	24.00
7210404	THIẾT KẾ THỜI TRANG (*)	H03, H04, H05, H06	25.0	24.00
7210407	THIẾT KẾ MỸ THUẬT SỐ (*)	H03, H04, H05, H06	24.00	
7220201	NGÔN NGỮ ANH	D01, D08, D10	18.0	24.00
7220204	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC	A01, D01, D04, D14	16.0	18.00
7220210	NGÔN NGỮ HÀN QUỐC	D01, D10, D14, D66	18.00	
7229030	VĂN HỌC (ỨNG DỤNG)	C00, D01, D14, D66	16.0	18.00
7310401	TÂM LÝ HỌC	B00, B03, C00, D01	19.0	18.00
7310608	ĐỒNG PHƯƠNG HỌC	D01, C00, D01, D04	18.0	18.00
7310630	VIỆT NAM HỌC	C00, D01, D14, D15	18.00	
7320104	TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN	A00, A01, C00, D01		24.00
7320108	QUẢN HỆ CÔNG CHỨNG	A00, A01, C00, D01	26.0	26.00
7340101	QUẢN TRỊ KINH DOANH	A00, A01, C01, D01	22.0	22.00
7340115	MARKETING	A00, A01, C00, D01	23.0	23.00
7340116	BẤT ĐỘNG SẢN	A00, A01, C04, D01	19.0	18.00
7340120	KINH DOANH QUỐC TẾ	A00, A01, C01, D01		18.00
7340121	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	A00, A01, C01, D01	18.0	18.00
7340122	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	A00, A01, C01, D01		18.00
7340201	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	A00, A01, C04, D01	19.0	18.00
7340301	KẾ TOÁN	A00, A01, D01, D10	17.0	18.00
7380101	LUẬT	A00, A01, C00, D01	17.0	18.00
7380107	LUẬT KINH TẾ	A00, A01, C00, D01	17.0	18.00
7420201	CÔNG NGHỆ SINH HỌC	A00, A02, B00, D08	16.0	18.00
7420205	CÔNG NGHỆ SINH HỌC Y DƯỢC	A00, B00, D07, D08	16.0	18.00

ĐIỂM CHUẨN THAM KHẢO 2021

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN	MÃ TỔ HỢP	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT	ĐIỂM XÉT TUYỂN HỌC BẠ THPT
7420207	CÔNG NGHỆ THẨM MỸ	A00, B00, D07, D08		18.00
7480103	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	A00, A01, D01, D10	17.0	18.00
7480109	KHOA HỌC DỮ LIỆU	A00, A01, C01, D01	16.0	18.00
7480201	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	A00, A01, D01, D10	18.0	18.00
7510205	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	A00, A01, C01, D01	17.0	18.00
7510301	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	A00, A01, C01, D01	17.0	18.00
7510406	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	A00, B00, D07, D08	16.0	18.00
7510605	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	A00, A01, C01, D01	20.0	18.00
7510606	QUẢN TRỊ MÔI TRƯỜNG DOANH NGHIỆP	A00, B00, D07, D08	16.0	18.00
7520114	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	A00, A01, C01, D01	16.0	18.00
7520115	KỸ THUẬT NHIỆT	A00, A01, D07	16.0	18.00
7540101	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	A00, B00, D07, C02	16.0	18.00
7580101	KIẾN TRÚC (*)	V00, V01, H02	17.0	24.00
7580108	THIẾT KẾ NỘI THẤT (*)	H03, H04, H05, H06	19.0	24.00
7580201	KỸ THUẬT XÂY DỰNG	A00, A01, D01, D07	16.0	18.00
7580205	KỸ THUẬT XÖ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG	A00, A01, D01, D07	16.0	18.00
7580302	QUẢN LÝ XÂY DỰNG	A00, A01, D01, D07	16.0	18.00
7589001	THIẾT KẾ XANH	A00, A01, B00, D08	16.0	18.00
7620118	NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO	A00, B00, D07, D08	16.0	18.00
7220201	DƯỢC HỌC	A00, B00, D07	21.0	24.00
7720301	ĐIỀU DƯỠNG	B00, C08, D07, D08	19.0	19.50
7720501	RĂNG - HÀM - MẶT	A00, B00, D07, D08	24.0	25.00
7720601	KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	A00, B00, D07, D08	19.0	19.50
7760101	CÔNG TÁC XÃ HỘI	C00, C14, C20, D01	18.0	18.00
7810103	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH	A00, A01, D01, D03	19.0	18.00
7810201	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	A00, A01, D01, D03	19.0	18.00
7810202	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ẨM THỰC	A00, A01, D01, D03	17.0	18.00
7810103	DU LỊCH	A00, A01, D01, C00		18.00
7340405	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	A00, A01, C01, D01		

*Năm 2022, Trường Đại học Văn Lang dự kiến mở các ngành mới: Y đa khoa, Y học cơ truyền...

Các ngành (*): Tổ hợp V00, V01, H02 môn Vẽ Mỹ thuật nhằm hệ số 2; tổ hợp H03, H04, H05, H06 môn Vẽ Năng khiếu nhằm hệ số 2.

Các ngành Thanh nhạc, Piano (môn Ngữ văn đạt từ 5.0 điểm trở lên, môn NK Âm nhạc 1 đạt từ 5.0 điểm trở lên, môn NK Âm nhạc 2 đạt từ 7.0 điểm trở lên): môn Năng khiếu Âm nhạc 2 nhằm hệ số 2.

Các ngành Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình (môn Ngữ văn đạt từ 5.0 điểm trở lên, môn NK SKDA 1 đạt từ 5.0 điểm trở lên, môn NK SKDA 2 đạt từ 7.0 điểm trở lên): môn NK SKDA 2 nhằm hệ số 2.

Ngành Ngôn ngữ Anh: môn tiếng Anh nhằm hệ số 2

H02 (Toán, Anh, Vẽ Mỹ thuật)
H03 (Toán, Khoa học tự nhiên, Vẽ)
H04 (Toán, Anh, Vẽ)
H05 (Văn, Khoa học xã hội, Vẽ)
H06 (Văn, Anh, Vẽ)

V00 (Toán, Lý, Vẽ Mỹ thuật)
V01 (Toán, Văn, Vẽ Mỹ thuật)
A00 (Toán, Lý, Hóa)
A01 (Toán, Lý, Anh)
A02 (Toán, Lý, Sinh)
B00 (Toán, Hóa, Sinh)
B03 (Toán, Sinh, Văn)

C00 (Văn, Sử, Địa)
C01 (Toán, Sinh, Anh)
C02 (Toán, Văn, Hóa)
C04 (Toán, Văn, Địa)
C08 (Văn, Hóa, Sinh)
D01 (Toán, Văn, Anh)
D03 (Toán, Văn, Pháp)

D07 (Toán, Hóa, Anh)
D08 (Toán, Sinh, Anh)
D10 (Toán, Địa, Anh)
D14 (Văn, Sử, Anh)
D66 (Văn, GDCT, Anh)
N00 (Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2)
S00 (Văn, Sân khấu Điện ảnh 1, Sân khấu Điện ảnh 2)



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI
(TRƯỜNG CÔNG LẬP)

TUYỂN SINH CAO ĐẲNG 2022

MÃ TRƯỜNG
CDT0209



☎ 028 38 446 320

**📍 287 Phan Đình Phùng, P.15,
Q. Phú Nhuận, TP.HCM**

WWW.COFER.EDU.VN

VÙNG TUYỂN SINH: Xét tuyển thí sinh trong cả nước

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN: Xét tuyển theo 2 phương thức

- Phương thức 1: Xét học bạ THPT gồm 3 học kỳ (Học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 11; Học kỳ 1 lớp 12);
- Phương thức 2: Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT.

VĂN BẰNG: Cử nhân thực hành (sau khi tốt nghiệp được liên thông ngay lên Đại học trong và ngoài nước).

HỌC PHÍ: Theo quy định của Nhà nước về mức học phí đối với các trường cao đẳng công lập.

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN GỒM:

1. Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu), thí sinh tải mẫu từ website của Trường.
2. Bản photo bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.
3. Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo hình thức sau:
 - Đối với đăng ký xét tuyển theo học bạ: Nộp bản photo học bạ THPT hoặc phiếu điểm có xác nhận của Trường trong 3 học kỳ (HK 1 và HK 2 lớp 11; HK 1 lớp 12);
 - Đối với đăng ký xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: Nộp bản photo giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT.
4. Bản photo giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
5. Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/nguyên vọng + 15.000đ phí phát giấy báo (nộp trực tiếp tại Trường hoặc qua hình thức chuyển khoản).

***Lưu ý:**

- Thí sinh trúng tuyển tại cơ sở Cần Thơ sẽ học năm 1 tại Cs. Cần Thơ, năm 2 và 3 tại cơ sở TP. HCM.
- Có ký túc xá cho thí sinh đăng ký học tại cơ sở Cần Thơ.

THỜI GIAN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN:

- Đăng ký online trên Website: **WWW.COFER.EDU.VN** từ ngày **01/3/2022-30/6/2022**
- Phương thức xét tuyển học bạ: Nhận hồ sơ đăng ký từ ngày **01/3/2022 - 30/6/2022**
- Phương thức xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT: Nhận hồ sơ xét tuyển trong vòng 7 ngày từ khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Lưu ý: Thí sinh gửi hồ sơ theo đường bưu điện sẽ tính thời gian đăng ký xét tuyển theo dấu bưu điện.



Thí sinh xem thêm thông tin hướng dẫn và giải đáp thắc mắc tuyển sinh tại Fanpage: www.facebook.com/tuyensinhcofer

➤ TÊN NGÀNH NGHỀ

1. Kinh doanh Xuất nhập khẩu
2. Logistics
3. Quản trị kinh doanh (*)
4. Marketing thương mại (*)
5. Quản trị khách sạn (*)
6. Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành (*)
7. Thương mại điện tử (*)
8. Kế toán Doanh nghiệp
9. Tài chính Doanh nghiệp
10. Tiếng Anh thương mại

➤ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

A00: Toán, Vật lý, Hóa học

D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

Đối với ngành Tiếng Anh thương mại xét tuyển

theo tổ hợp môn sau:

D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

Ngành có (*) là ngành có 6 môn học được chuyển giao từ chương trình đào tạo của trường UPC - Australia và được công nhận trong hệ thống giáo dục Australia.

Năm 2022 Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại tuyển sinh lớp chất lượng cao cho tất cả các chuyên ngành. Chương trình đào tạo được chuyển giao từ các chương trình đào tạo Quốc tế. Đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm và môi trường học tập hiện đại.



Quét mã QR để đăng ký xét tuyển Online





TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG

THÀNH LẬP NĂM 1906
TRƯỜNG CÔNG LẬP - TRỰC THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2022

CAO ĐẲNG CHÍNH QUY các ngành, nghề

SINH VIÊN TỐT NGHIỆP:

- Được cấp bằng Cao đẳng (danh hiệu Kỹ sư thực hành hoặc Cử nhân thực hành)
- Được liên thông đại học:
 - + ĐH Bách Khoa TP. HCM; ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM; ĐH Jeonju - Hàn Quốc; ...
 - + Các chương trình đạt chuẩn kiểm định ABET có thể học liên thông tại Mỹ, Úc, Canada hoặc các nước phát triển khác.

Ngành đào tạo

Chương trình đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành, chú trọng về kỹ năng nghề, khả năng tính toán, thiết kế và giải quyết các vấn đề trong thực tế sản xuất

Mã ngành, nghề

- | | |
|---|---------|
| 1. Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử | 6510303 |
| - Chuyên ngành CNKT Điện công nghiệp | |
| - Chuyên ngành CNKT Điện tử công nghiệp | |
| 2. Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông | 6510312 |
| (Điện tử, Truyền thông) | |
| - Chuyên ngành CNKT Điện tử viễn thông | |
| - Chuyên ngành CNKT Viễn thông và Mạng máy tính | |
| 3. Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí | 6510201 |
| 4. Công nghệ Kỹ thuật Ô tô | 6510202 |
| 5. Công nghệ Thông tin | 6480201 |
| - Chuyên ngành Công nghệ lập trình ứng dụng web | |
| - Chuyên ngành Công nghệ lập trình ứng dụng di động | |
| - Chuyên ngành Mạng máy tính | |
| 6. Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt (Cơ điện lạnh) | 6510211 |
| 7. Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | 6510304 |
| 8. Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa | 6510305 |
| 9. Kế toán doanh nghiệp (Kế toán tin học - 2,5 năm) | 6340302 |

Nghề đào tạo

Chương trình đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành, chú trọng về kỹ năng nghề và khả năng giải quyết các vấn đề trong thực tế sản xuất

Mã ngành, nghề

- | | |
|--|---------|
| 10. Cơ khí chế tạo (Cắt gọt kim loại) | 6520121 |
| 11. Sửa chữa cơ khí (Nguội sửa chữa máy công cụ) | 6520126 |
| 12. Hàn (Công nghệ cao - 2,5 năm) | 6520123 |
| 13. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 6520205 |
| 14. Bảo trì, sửa chữa Ô tô (Công nghệ Ô tô) | 6510216 |
| 15. Điện công nghiệp | 6520227 |
| 16. Điện tử công nghiệp | 6520225 |
| 17. Quản trị mạng máy tính | 6480209 |
| 18. Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 6480102 |

Ký hiệu trường: CKC

Thời gian đào tạo: 3 năm

Chỉ tiêu: 4.500 (dự kiến)

Vùng tuyển sinh: Cả nước

Phương thức xét tuyển tất cả ngành, nghề:

- Học bạ THPT - 3 học kỳ
(HK 1, 2 lớp 11; HK 1 lớp 12)
- Kết quả tốt nghiệp của kỳ thi THPT Quốc gia năm 2022
- Kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2022 của Đại học Quốc gia TP. HCM

Tổ hợp xét tuyển:

- + A00 (Toán - Lý - Hóa)
- + A01 (Toán - Lý - Anh)
- + D01 (Toán - Văn - Anh)

Tất cả các tổ hợp: môn Toán hệ số 2

Điểm trúng tuyển: Theo ngành, nghề

Đăng ký xét tuyển (ĐKXT):

Từ 01/01/2022, theo một trong các hình thức:

- + Đăng ký online trên website trường
- + Nộp phiếu ĐKXT trực tiếp tại trường
- + Nộp phiếu ĐKXT qua đường bưu điện

Hạn cuối đăng ký xét tuyển (dự kiến):

- + Học bạ THPT: 10/7/2022
- + Kết quả thi THPT QG: 30/7/2022
- + Kết quả thi ĐGNL ĐHQG-HCM: 20/7/2022

Thông tin chi tiết tại: www.caothang.edu.vn

Phòng Đào tạo (lầu 1, nhà E) - Địa chỉ: 65 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 38.212.868; 0813 813 222 - Email: tuyensinh@caothang.edu.vn

Facebook tư vấn tuyển sinh: www.facebook.com/caothang.edu.vn



Trường Cao đẳng đầu tiên tại Việt Nam

được tổ chức ABET (Hoa Kỳ) công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

UIT

TOÀN DIỆN • SÁNG TẠO • PHỤNG SỰ

Mã trường
QSC

Chỉ tiêu 2022 | **100% sinh viên**
1700 (Dự kiến) **có việc làm**

"Sinh viên ra trường có VIỆC LÀM TỐT, THU NHẬP CAO và THÀNH ĐẠT chính là thương hiệu của Trường Đại học Công nghệ Thông tin ĐHQG-HCM".

Môi trường đại học đáng mơ ước

Trường Đại học danh tiếng ↘

UIT là trường Đại học công lập đầu tiên và uy tín của Việt Nam chuyên đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.

Là thành viên của Đại học Quốc gia TP.HCM - đứng vị trí thứ 801-1000, thuộc Top 68% các đại học tốt nhất thế giới theo Bảng xếp hạng QS World 2020.

Trường Đại học hiện đại ↘

UIT đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập của sinh viên.

Chương trình đào tạo tiên tiến chuẩn quốc tế ↘

Chương trình đào tạo luôn cập nhật, bám sát thực tiễn, lấy người làm trung tâm hướng tới các tiêu chuẩn của quốc tế.

Bề dày thành tích dạy và học ↘

UIT đã có thể tự tin khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông với bề dày thành tích đạt được của giảng viên và sinh viên trong cuộc thi trong nước và quốc tế.

Đội ngũ chuyên gia đầu ngành ↘

UIT có đội ngũ giảng viên với trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học, có khả năng giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ trong các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Môi trường học tập lý tưởng ↘

Phát huy tính sáng tạo, chủ động xây dựng tinh thần tự học và luôn học hỏi để đáp ứng nhu cầu thay đổi ngày càng nhanh của xã hội hiện đại.

Đại Học Quốc Gia
Thành Phố Hồ Chí Minh
Trường Đại Học
Công Nghệ Thông Tin

Khu phố 6, phường Linh Trung,
TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Hotline tuyển sinh: ☎ tuyensinh.uit.edu.vn
0908 831 246 ☎ tuyensinh@uit.edu.vn
0971 203 246 ⓘ [Fb.com/tuyensinh.UIT](https://fb.com/tuyensinh.UIT)

Quét mã QR nhật cập nhật
thông tin tuyển sinh mới nhất



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



LỰA CHỌN ĐÚNG - TƯƠNG LAI SÁNG
RIGHT CHOICE - BRIGHT FUTURE

QUALITY

**Chất lượng trong
ĐÀO TẠO**

- Các chương trình đào tạo **Chất lượng cao, Chất lượng cao đẳng tiếng Anh, Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp**
- Chương trình: **Song ngành, Song bằng, Cử nhân tài năng**
- Chương trình Liên kết quốc tế với các trường đại học:
- Đại học Gloucestershire (Anh)
- Đại học Birmingham City (Anh)
- Đa dạng các chương trình 2+2, 3+1,... và trao đổi sinh viên tại các trường đối tác ở Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Nhật, Hàn, Singapore
- Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ Thạc sĩ (BS-MS)
- Tuyển sinh: Đại học chính quy, Sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ), Đại học Văn bằng 2, Vừa làm vừa học, Liên kết quốc tế (Cử nhân, Thạc sĩ)

EXCELLENCE

**Hiệu quả trong
NGHIÊN CỨU**

- Phòng Mô phỏng thị trường tài chính đầu tiên tại Việt Nam
- Phòng Nghiên cứu và kinh doanh thông minh (BI Lab)
- Phòng Dạy học số, các phòng thực hành...
- Các viện, trung tâm nghiên cứu: Viện Nghiên cứu phát triển Công nghệ Ngân hàng, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Tài chính, Viện Pháp luật Quốc tế và So sánh
- Các cuộc thi về Nghiên cứu khoa học "Nhà nghiên cứu khoa học trẻ UEL", các cuộc thi học thuật về kinh tế - luật - kinh doanh...

LEADERSHIP

**Uỷ tín với
NHÀ TUYỂN DỤNG**

- **98%** sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp
- Các đối tác, nhà tuyển dụng tham gia góp ý xây dựng khung chương trình đào tạo
- Đa dạng các sân chơi về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, công tác xã hội, ngoại ngữ...
- Đa dạng lĩnh vực tuyển dụng từ các đối tác của UEL
- Đa dạng các hoạt động thực tế doanh nghiệp như: tham quan, talkshow, workshop, kiến tạo, thực tập
- Đa dạng các nguồn học bổng, hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước

KINH TẾ

Kinh tế học (*)
Kinh tế đối ngoại (*)
Kinh tế và Quản lý công (*)
Toán Kinh tế

LUẬT

Luật Kinh doanh
Luật Thương mại quốc tế
Luật Dân sự (*)
Luật Tài chính - Ngân hàng

KINH DOANH

Tài chính - Ngân hàng (*), Công nghệ tài chính, Kế toán (*), Kiểm toán (*)

Kinh doanh quốc tế, Marketing, Quản trị kinh doanh (*), Quản trị du lịch và lữ hành

Hệ thống thông tin quản lý (*), Thương mại điện tử, Kinh doanh số và tri tuệ nhân tạo

(*) Các chương trình đào tạo đạt chuẩn Kiểm định AUN-QA (Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á)

THÔNG TIN TUYỂN SINH

<https://www.tuyensinh.uel.edu.vn>
<https://fb.com/tuyensinh.uel.edu.vn>



(028) 37244 550
0846 0611 64

Link tải file
điểm trúng tuyển
các phương thức
năm 2021



Số 669, Quốc lộ 1, Khu phố 3, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

MÃ TRƯỜNG
QST



Thông tin tuyển sinh

tuyensinh.hcmus.edu.vn



Fanpage

www.facebook.com/tvts.hcmus/



Địa điểm

CS1: 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4,
Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
CS2: Khu đô thị ĐHQG - HCM



Email

tuyensinh@hcmus.edu.vn
tuvantuyensinh@hcmus.edu.vn



CÁC LĨNH VỰC ĐÀO TẠO

LĨNH VỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

LĨNH VỰC TOÁN, MÁY TÍNH VÀ
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

LĨNH VỰC KHOA HỌC SỰ SỐNG,
QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

LĨNH VỰC KỸ THUẬT,
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT

CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN 2022



PHƯƠNG THỨC 1

Tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển
theo Quy định của bộ GD - ĐT



PHƯƠNG THỨC 2

Ưu tiên xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển
theo Quy định của
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh



PHƯƠNG THỨC 3

Dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT



PHƯƠNG THỨC 4

Dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và
Đại học Quốc gia Hà Nội



PHƯƠNG THỨC 5

Dựa trên kết quả chương trình đào tạo THPT và
kết quả kỳ thi quốc tế



PHƯƠNG THỨC 6

Dựa trên kết quả các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế
kết hợp với kết quả học tập THPT

LỜI NÓI ĐẦU!

Các em học sinh thân mến!

Năm 2022, là năm thứ 12 “*Sổ tay hướng nghiệp, những thông tin cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2022*” được phát hành. Sổ tay do Công ty Cổ phần Kết Nối Văn Hóa Việt phối hợp với Trung tâm Phát triển giáo dục và đào tạo phía Nam và Trung tâm hỗ trợ Học sinh, Sinh viên TP. HCM dành tặng trực tiếp cho các em học sinh lớp 12 trên địa bàn TP. HCM và các tỉnh từ Đà Nẵng đến Cà Mau và phát hành trên trang điện tử: www.huongnghiep.online; Facebook: [huongnghiep.online](https://www.facebook.com/huongnghiep.online). Đây là món quà ý nghĩa mà chúng tôi đã thực hiện và trao tặng cho hàng triệu học sinh trong những năm qua.

Năm 2022, do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 nên có nhiều thay đổi trong công tác thi tốt nghiệp THPT và Xét tuyển ĐH, CĐ. Nhiều trường ĐH, CĐ đã chủ động đưa ra nhiều phương thức xét tuyển mới để phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với kiến thức đã học của các em trong năm nay.

Nội dung Sổ tay năm nay cung cấp thông tin về Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, thông tin tuyển sinh ĐH, CĐ, ngành nghề “hot” trong thời gian tới, chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam trong những năm tới, thị trường lao động và nguồn nhân lực, giáo dục quốc tế, sức khỏe dinh dưỡng mùa thi, danh bạ ĐH, CĐ.

“*Sổ tay hướng nghiệp, những thông tin cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2022*” là kênh tham khảo quan trọng để giúp các em có nhiều thông tin liên quan đến việc Xét tuyển ĐH, CĐ năm 2022. Hy vọng Sổ tay sẽ giúp các em đưa ra quyết định đúng đắn để chọn một ngành học, một trường phù hợp với bản thân và điều kiện tài chính gia đình.

Chúc các em thành công!

BAN BIÊN SOẠN.

MỤC LỤC

Lời nói đầu và Mục lục	11
Thông tin kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022	12
Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	18
Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2035	20
Ngành nghề “HOT” năm 2022	30
Thông tin tuyển sinh năm 2022 của một số trường ĐH, CĐ từ Đà Nẵng trở vào	35
Tâm lý mùa thi	148
Sức khỏe mùa thi	150
Danh bạ các Học Viện, Trường ĐH, CĐ từ Đà Nẵng đến Cà Mau	154
(Thông tin tuyển sinh được các trường cung cấp và từ cổng thông tin điện tử của trường)	

Hãy đăng ký và truy cập: www.huongnghiep.online; Facebook: [huongnghiep.online](https://www.facebook.com/huongnghiep.online) để xem thông tin mới nhất về tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2022 của các Trường ĐH, CĐ.

THÔNG TIN KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022

(Trích một số nội dung của Thông tư số: 15/2020/TT-BGDĐT và sửa đổi bổ sung một số điều theo Thông tư số: 05/2021/TT-BGDĐT)



I. KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022

1. Mục đích, yêu cầu:

1.1. Thi Tốt nghiệp THPT nhằm mục đích:

- Đánh giá kết quả học tập của người học theo mục tiêu giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT, chương trình GDTX cấp THPT (gọi chung là chương trình THPT).
- Lấy kết quả thi để xét công nhận Tốt nghiệp THPT làm cơ sở đánh giá chất lượng dạy, học của trường phổ thông và công tác chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục.
- Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp có thể sử dụng kết quả thi Tốt nghiệp THPT để tuyển sinh.

1.2. Yêu cầu: Kỳ thi Tốt nghiệp THPT (gọi tắt là kỳ thi) phải bảo đảm yêu cầu nghiêm túc, trung thực, khách quan, công bằng.

2. Nơi đăng ký dự thi (ĐKDT): Đăng ký thi bằng hình thức trực tuyến

3. Thời hạn đăng ký dự thi: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Đối tượng, Điều kiện dự thi, Đăng ký bài thi:

4.1. Đối tượng dự thi gồm:

- a) Người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi;
- b) Người đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi Tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa Tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
- c) Người đã có Bằng Tốt nghiệp THPT, người đã có Bằng Tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh;
- d) Một số trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định.

4.2. Điều kiện dự thi:

- a) Người đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi phải bảo đảm được đánh giá ở lớp 12 đạt hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên và học lực không bị xếp loại kém; riêng đối với người học thuộc diện không phải xếp loại hạnh kiểm và người học theo hình thức tự học có hướng dẫn thuộc chương trình GDTX thì không yêu cầu xếp loại hạnh kiểm;
- b) Người đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi Tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải có Bằng tốt nghiệp THCS và không xếp loại học lực kém ở lớp 12; trường hợp không đủ điều kiện dự thi trong các năm trước do xếp loại học lực kém ở lớp 12, phải đăng ký và dự kỳ kiểm tra cuối năm học đối với một số môn học có điểm trung bình dưới 5,0 (năm) điểm (tại trường phổ thông nơi học lớp 12 hoặc trường phổ thông nơi ĐKDT), bảo đảm khi lấy điểm bài kiểm tra thay cho điểm trung bình môn học để tính lại điểm trung bình cả năm thì đủ điều kiện dự thi về xếp loại học lực theo quy định;
- c) Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh phải bảo đảm học và thi đạt yêu cầu đủ số lượng các môn văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GD&ĐT;
- d) Các đối tượng dự thi phải ĐKDT và nộp đầy đủ các giấy tờ đúng thời hạn.

4.3. Đăng ký bài thi:

- a) Để xét công nhận Tốt nghiệp THPT: thí sinh giáo dục THPT trong năm tổ chức kỳ thi và đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi Tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa Tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 04 bài thi, gồm 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn;
- b) Thí sinh GDTX đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi hoặc đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi Tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa Tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 03 bài thi, gồm 02 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn, có thể ĐKDT thêm bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh;
- c) Thí sinh đã có Bằng Tốt nghiệp THPT, người đã có Bằng Tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh được ĐKDT các bài thi

độc lập, bài thi tổ hợp hoặc các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp theo nguyện vọng.

4.4. Bài thi:

Tổ chức thi 05 bài thi, gồm: 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Tự nhiên (viết tắt là KHTN) gồm các môn thi thành phần Vật lí, Hóa học, Sinh học; 01 bài thi tổ hợp Khoa học Xã hội (viết tắt là KHXX) gồm các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân đối với thí sinh học chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT hoặc các môn thi thành phần Lịch sử, Địa lí đối với thí sinh học chương trình GDTX cấp THPT.

5. Nội dung thi, hình thức thi và thời gian làm bài thi/môn thi:

- 5.1. Nội dung thi: Nội dung thi nằm trong chương trình THPT, chủ yếu là chương trình lớp 12.
- 5.2. Hình thức thi: Các bài thi Toán, Ngoại ngữ, KHTN và KHXX thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan (gọi chung là bài thi trắc nghiệm); bài thi Ngữ văn thi theo hình thức tự luận (gọi chung là bài thi tự luận).

II. XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT

1. Miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi Tốt nghiệp THPT

- 1.1. Người được triệu tập tham gia kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế hoặc Olympic khu vực các môn văn hóa được miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT nếu đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Được triệu tập vào học kỳ 2 lớp 12;
 - b) Xếp loại cả năm lớp 12 đạt hạnh kiểm loại tốt và học lực từ loại khá trở lên;
 - c) Có tên trong danh sách miễn thi của Bộ GDĐT.
- 1.2. Người trong đội tuyển tham gia các cuộc thi Olympic quốc tế hoặc Olympic khu vực về khoa học kỹ thuật, văn hóa - văn nghệ được miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT nếu đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Được triệu tập vào học kỳ 2 lớp 12;
 - b) Xếp loại cả năm lớp 12 đạt hạnh kiểm và học lực từ loại trung bình trở lên;
 - c) Có tên trong công văn đề nghị miễn thi và xác nhận tham dự tập huấn và dự thi đúng quy định của cơ quan tuyển chọn gửi đến sở GDĐT trước ngày thi tốt nghiệp THPT.
- 1.3. Người khuyết tật đặc biệt nặng và người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, bản thân bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Đối với người khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung: Học hết chương trình THPT; đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 4.2 điều kiện dự thi phần I; có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- b) Đối với người khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung: Được Hiệu trưởng trường phổ thông nơi đăng ký học tập xác nhận kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân từng năm ở cấp THPT; có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- c) Đối với người hoạt động kháng chiến, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: Học hết chương trình THPT; đủ điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 4.2 điều kiện dự thi phần I; có giấy xác nhận bị nhiễm chất độc hóa học và bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Đặc cách tốt nghiệp THPT

- 2.1. Người học thuộc các đối tượng quy định tại khoản 4.1 và 4.2 của phần I nếu đủ điều kiện dự thi được xét đặc cách tốt nghiệp THPT trong trường hợp bị tai nạn, bị ốm hoặc có việc đột xuất đặc biệt trước ngày thi không quá 10 ngày hoặc ngay trong buổi thi đầu tiên, không thể dự thi.
 - a) Điều kiện: Xếp loại về học lực và hạnh kiểm cả năm ở lớp 12 đều từ khá trở lên;
 - b) Hồ sơ gồm: Hồ sơ nhập viện, ra viện do bệnh viện từ cấp huyện trở lên cấp (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt); biên bản đề nghị xét đặc cách tốt nghiệp THPT của trường phổ thông nơi ĐKDT và hồ sơ minh chứng về xếp loại học lực, hạnh kiểm ở lớp 12.
- 2.2. Người học thuộc các đối tượng quy định tại khoản 4.1 và 4.2 của phần I nếu đủ điều kiện dự thi được xét đặc cách tốt nghiệp THPT trong trường hợp bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt sau khi đã thi ít nhất một bài thi và không thể tiếp tục dự thi hoặc sau khi bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt tự nguyện dự thi số bài thi còn lại.
 - a) Điều kiện: Điểm của những bài đã thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT đều đạt từ 5,0 (năm) điểm trở lên; xếp loại ở lớp 12 có học lực từ trung bình trở lên, hạnh kiểm từ khá trở lên;
 - b) Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị xét đặc cách của thí sinh; hồ sơ nhập viện, ra viện của bệnh viện từ cấp huyện trở lên (nếu bị tai nạn, bị ốm) hoặc xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú (nếu có việc đột xuất đặc biệt) và hồ sơ minh chứng về xếp loại học lực, hạnh kiểm ở lớp 12.
- 2.3. Các đối tượng là vận động viên đủ điều kiện được xét đặc cách tốt nghiệp THPT theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

2.4. Thủ tục:

- a) Chậm nhất 07 ngày sau buổi thi cuối cùng của kỳ thi, thí sinh phải nộp hồ sơ đặc cách cho Thủ trưởng đơn vị nơi thí sinh ĐKDT. Thủ trưởng đơn vị nơi thí sinh ĐKDT chịu trách nhiệm thu nhận và chuyển giao hồ sơ đặc cách cho Sở GDĐT;
- b) Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp THPT xem xét, quyết định đặc cách cho thí sinh căn cứ hồ sơ và các quy định tại khoản 1 và 2 phần II này.

3. Miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT

3.1. Đối tượng miễn thi:

- a) Là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- b) Có một trong các chứng chỉ được quy định trong hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ GDĐT.

3.2. Thí sinh được miễn thi bài thi Ngoại ngữ được tính 10 điểm cho bài thi này để xét công nhận tốt nghiệp THPT.

3.3. Thí sinh không đăng ký sử dụng quyền được miễn thi bài thi Ngoại ngữ thì phải dự thi và xét công nhận tốt nghiệp THPT như thí sinh không được miễn thi.

4. Điểm xét tốt nghiệp THPT

4.1. Điểm xét tốt nghiệp THPT(ĐXTN):

- a) Thí sinh đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi; đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 04 bài thi, gồm 03 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn;
- b) Thí sinh GDTX đã học xong chương trình THPT trong năm tổ chức kỳ thi; đã học xong chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước phải dự thi 03 bài thi, gồm 02 bài thi độc lập là Toán, Ngữ văn và 01 bài thi tổ hợp do thí sinh tự chọn, có thể ĐKDT thêm bài thi Ngoại ngữ để lấy kết quả xét tuyển sinh;
- c) Điểm xét công nhận tốt nghiệp THPT gồm điểm các bài thi thí sinh dự thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT theo quy định tại điểm a, b khoản 5.1 này, điểm ưu tiên, khuyến khích (nếu có) và điểm trung bình cả năm lớp 12; điểm của từng bài thi được quy về thang điểm 10 để tính ĐXTN.

d) Điểm xét tốt nghiệp đối với học sinh giáo dục THPT được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐXTN} = \frac{\left(\frac{\text{Tổng điểm 4 bài thi} + \text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4} \right) \times 7 + \frac{\text{(Điểm trung bình cả năm lớp 12)} \times 3}{10} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

đ) Điểm xét tốt nghiệp đối với học viên GDTX được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐXTN} = \frac{\left(\frac{\text{Tổng điểm 3 bài thi}}{3} + \frac{\text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4} \right) \times 7 + \frac{\text{(Điểm trung bình cả năm lớp 12)} \times 3}{10} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

4.2. ĐXTN được lấy đến hai chữ số thập phân, do phần mềm máy tính tự động thực hiện.

5. Công nhận tốt nghiệp THPT

5.1. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật hủy kết quả thi, tất cả các bài thi và các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp ĐKDT để xét công nhận tốt nghiệp đều đạt trên 1,0 điểm theo thang điểm 10 và có ĐXTN từ 5,0 (năm) điểm trở lên được công nhận tốt nghiệp THPT.

5.2. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, được miễn thi tất cả các bài thi trong xét tốt nghiệp THPT theo quy định tại khoản 2 phần II này được công nhận tốt nghiệp THPT.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

(Trích một phần nội dung Quyết định Số: 879/QĐ-TTg, ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)



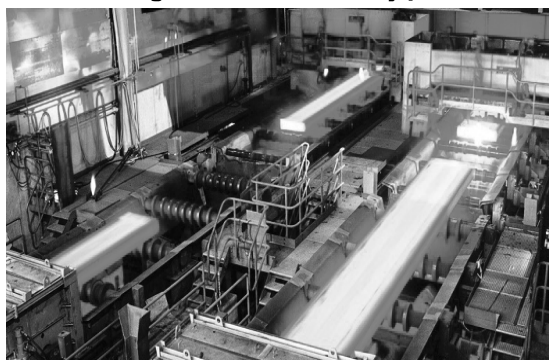
1. Chiến lược phát triển công nghiệp

Huy động hiệu quả mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước và từ bên ngoài để phát triển, tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại; Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp có kỹ năng, có kỷ luật, có năng lực sáng tạo; Ưu tiên phát triển và chuyển giao công nghệ đối với các ngành, các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và công nghệ hiện đại, tiên tiến ở một số lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản, điện tử, viễn thông, năng lượng mới và tái tạo, cơ khí chế tạo và hóa dược; Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp hợp lý nhằm phát huy sức mạnh liên kết giữa các ngành, vùng, địa phương để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Các nhóm ngành công nghiệp lựa chọn ưu tiên phát triển

a) Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo

- Nhóm ngành Cơ khí và Luyện kim



Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên các nhóm ngành, sản phẩm: máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, ô tô và phụ tùng cơ khí, thép chế tạo. Sau năm 2025, ưu tiên các nhóm ngành, sản phẩm: đóng tàu, kim loại màu và vật liệu mới.

- Nhóm ngành Hóa chất

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên hóa chất cơ bản, hóa dầu và sản xuất linh kiện nhựa - cao su kỹ thuật; Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển nhóm ngành hóa dược.

- Nhóm ngành Chế biến nông, lâm, thủy sản

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên nâng cao tỷ lệ chế biến các sản phẩm nông sản, thủy hải sản chủ lực và chế biến gỗ phù hợp với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình sản xuất, chế biến nông sản, xây dựng thương hiệu và sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam.

- Nhóm ngành Dệt may, Da giày

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên sản xuất nguyên, phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu; Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên sản xuất sản phẩm quần áo thời trang, giày cao cấp.

b) Ngành Điện tử và Viễn thông

Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên phát triển sản phẩm thiết bị máy tính, điện thoại và linh kiện.

Giai đoạn sau năm 2025, ưu tiên phát triển phần mềm, nội dung số, dịch vụ công nghệ thông tin và điện tử y tế.



c) Ngành Năng lượng mới và năng lượng tái tạo

Giai đoạn đến năm 2025 thúc đẩy phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo như gió, mặt trời, biomass; Giai đoạn sau năm 2025 phát triển năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, ưu tiên phát triển các dạng năng lượng tái tạo như địa nhiệt, sóng biển...



3. Giải pháp phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên.

a) Ngành Chế biến, chế tạo

- Nhóm ngành Cơ khí và Luyện kim

+ Lựa chọn và tập trung đầu tư có trọng điểm cho một số đơn vị nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực thiết kế đáp ứng yêu cầu phát triển.

+ Đầu tư phát triển sản xuất thép chế tạo

cho ngành cơ khí: thép tấm, thép hình, thép hợp kim.

- Nhóm ngành Hóa chất

+ Đầu tư tập trung cho những công trình trọng điểm, ưu tiên nhóm sản phẩm hóa dầu.

+ Đối với lĩnh vực hóa dược tập trung nghiên cứu các loại dược liệu từ thiên nhiên để sản xuất các loại tá dược và vitamin phục vụ nhu cầu chữa bệnh trong nước, tiến tới xuất khẩu ở giai đoạn sau.

- Nhóm ngành Chế biến nông, lâm



+ Khuyến khích đầu tư phát triển vùng nguyên liệu nuôi trồng quy mô lớn, bảo đảm nguồn nguyên liệu đầu vào đủ tiêu chuẩn cho công nghiệp chế biến.

+ Ưu tiên sản phẩm chế biến xuất khẩu có tính cạnh tranh cao, kết hợp với xây dựng và phát triển thương hiệu đặc trưng cho nông, lâm, thủy sản Việt Nam.

- Nhóm ngành Dệt may, Da giày

+ Thực hiện đa dạng hóa sản xuất sản phẩm và chủ động phát triển nguồn nguyên phụ liệu.

+ Đẩy mạnh khai thác các thị trường xuất khẩu truyền thống; phát huy tối đa các lợi thế của Việt Nam khi tham gia các hiệp định thương mại song phương và đa phương; thúc đẩy các thị trường tiềm năng như Nga, Trung Đông, Đông Âu, châu Phi; xây dựng hệ thống phân phối bán lẻ mang thương hiệu Việt Nam.



b) Ngành Điện tử và Viễn thông

+ Khuyến khích phát triển các phần mềm, đặc biệt là phần mềm nhúng trong các thiết bị phần cứng, điện tử, viễn thông, đáp ứng nhu cầu nội địa.

+ Phát triển các lĩnh vực mang tính

lượng dụng phục vụ quốc phòng như điện tử điều khiển tên lửa hành trình, điện tử viễn thông do thám, tìm kiếm; điện tử trong các thiết bị bay không người lái...

c) Ngành Năng lượng mới và năng lượng tái tạo

+ Tăng cường phối hợp với các quốc gia và các tổ chức quốc tế để phát triển và sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, từng bước làm chủ công nghệ.

+ Tập trung ứng dụng công nghệ cao cho nguồn phát điện năng lượng mặt trời, gió, biogas, biomass, địa nhiệt..., đối với năng lượng vì mục đích hòa bình tiếp tục nghiên cứu về an toàn hạt nhân và các công nghệ điện nguyên tử phổ biến hiện nay.

QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

(Trích một phần nội dung Quyết định số 880/QĐ-TTg “Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-TTg”,

ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Nội dung

a) Ngành cơ khí - luyện kim



- Đầu tư phát triển một số chuyên ngành và sản phẩm cơ khí trọng điểm để đáp ứng về cơ bản nhu cầu của nền kinh tế như: Máy động lực, cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, máy công cụ, cơ khí xây dựng, cơ khí đóng tàu, thiết bị điện - điện tử, cơ khí ô tô - cơ khí giao thông vận tải. Hình thành một số Tập đoàn cơ khí chế tạo chủ đạo đi đầu để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và khu vực.

- Phát triển ngành luyện kim theo hướng sử

dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, thiết bị đồng bộ có tính liên hợp cao và suất tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng thấp; từng bước đáp ứng nhu cầu về các chủng loại thép chế tạo, thép hợp kim, một số kim loại màu; tập trung giải quyết những khâu cơ bản như đúc, rèn phôi, nhiệt luyện, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

- Kết hợp với công nghiệp quốc phòng, xây dựng các chương trình dự án sản phẩm có tính lưỡng dụng cao để phát huy hiệu quả các nguồn lực và nâng cao khả năng sẵn sàng đáp ứng nhu cầu an ninh quốc gia khi cần thiết.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành cơ khí - luyện kim giai đoạn đến năm 2020 đạt 15 - 16%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 14 - 15%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành cơ khí - luyện kim chiếm 20 - 21% và năm 2030 chiếm 22 - 24% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

- Năm 2020 ngành cơ khí - luyện kim đáp ứng 45 - 50% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2030 đáp ứng đến 60%.

- Đến năm 2020 tập trung phát triển các nhóm sản phẩm sau:

+ Nhóm máy móc, thiết bị kỹ thuật điện: Sản xuất, lắp ráp máy phát điện đến 600MW; máy phát điện gió, pin mặt trời; nghiên cứu chế tạo máy biến áp 500KV; chế tạo động cơ điện mini.

+ Nhóm máy công cụ và dụng cụ: Sản xuất khuôn mẫu; chế tạo thiết bị tiêu chuẩn; Phát triển hệ thống điều khiển tự động công nghệ cao, cơ khí chính xác.

+ Nhóm máy móc, thiết bị nâng hạ: Sản xuất xe nâng hàng, thiết bị áp lực lớn dành cho tàu thủy.

+ Nhóm máy móc chuyên dùng: Sản xuất thiết bị chế biến nông - lâm sản, thực phẩm, thiết bị bao gói, tạo nhãn sản phẩm; thiết bị dầu khí; thiết bị y tế.

+ Nhóm chế tạo xe có động cơ: Chế tạo động cơ xăng, hộp số xe ô tô con; lắp ráp các loại xe du lịch, xe khách, xe tải nhẹ và xe nông vụ phục vụ nông thôn; sản xuất động cơ diesel.

+ Nhóm thiết bị thủy: Chế tạo động cơ thủy; đóng mới các tàu có tải trọng lớn.

+ Nhóm máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp: Sản xuất các loại động cơ diesel cỡ trung, cỡ nhỏ động cơ xăng công suất nhỏ, máy canh tác, thiết bị bảo quản, chế biến thực phẩm, đồ uống.

+ Nhóm thiết bị siêu trường, siêu trọng và giàn khoan dầu khí.

+ Nhóm công nghiệp thép: Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đẩy mạnh sản xuất thép tấm, thép hình khổ lớn và thép ống không hàn với công nghệ tiên tiến; thép đặc biệt phục vụ ngành chế tạo máy và công nghiệp quốc phòng.

- Đến năm 2030: Tiếp tục nghiên cứu đầu tư một số dự án với công nghệ cao, hiện đại để sản xuất các thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất xanh, sạch, tiêu tốn ít vật tư, năng lượng, có giá trị gia tăng cao, sử dụng vật liệu nhẹ; sản xuất thiết bị gia dụng chất lượng cao bằng vật liệu mới; sản xuất và lắp ráp thiết bị, phương tiện bay, thiết bị định vị kiểm soát không lưu, hải lưu; chế tạo các thiết bị đo kiểm, thiết bị y tế.

b) Ngành hóa chất

- Phát triển công nghiệp hóa chất theo hướng sử dụng công nghệ cao, hiện đại, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, giá thành cạnh tranh, giảm thiểu và hạn chế thải các hóa chất độc hại ra môi trường.

- Phát triển công nghiệp hóa dầu, hóa chất cơ bản, hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành hóa chất giai đoạn đến năm 2020 đạt 14 - 16%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 11 - 13%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành hóa chất chiếm 13 - 14% và năm 2030 chiếm 14 - 15% trong cơ cấu ngành công nghiệp.

- Năm 2020 ngành hóa chất đáp ứng 75 - 80% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2030 đáp ứng 85 - 90%.

- Đến năm 2020.

+ Tiếp tục triển khai đầu tư các dự án sản xuất phân bón như DAP, đạm ure; sản xuất lớp ô tô radian; sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản như H_2SO_4 và H_3PO_4 ; sản xuất thuốc kháng sinh loại Cephalosporin, sản xuất Sorbitol; tá dược, vitamin các loại.

+ Phát triển ngành hóa dầu làm nguyên liệu cho ngành nhựa (đáp ứng 40 - 50% nhu cầu nội địa cho các ngành công nghiệp).

+ Tiếp tục triển khai các dự án mở rộng giai đoạn 2 và một số dự án mới theo Quy hoạch của ngành Hóa chất đã được phê duyệt.

- Đến năm 2030

Căn cứ vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, xem xét mở rộng một số dự án trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường. Các dự án định hướng là: Sản xuất mỹ phẩm cao cấp; sản xuất đặc quy cho ô tô lai điện và ô tô điện. Tiếp tục phát triển ngành hóa dược (sản xuất vắc-xin).



c) Ngành điện tử, công nghệ thông tin

- Xây dựng ngành điện tử, công nghệ thông tin trở thành ngành công nghiệp chủ lực để tạo cơ sở hỗ trợ cho các ngành khác phát triển.

- Tiếp tục phát triển phương thức lắp ráp các thiết bị điện tử, tin học để đáp ứng nhu cầu sản phẩm điện tử trong nước và tham gia xuất khẩu; tăng cường liên kết với các tập đoàn điện tử,

tin học lớn trên thế giới để tiếp nhận công nghệ hiện đại và tăng năng lực sản xuất linh kiện trong nước.

- Khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm phần mềm tin học phục vụ cho các ngành công nghiệp và tham gia vào thị trường xuất khẩu.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành điện tử, công nghệ thông tin giai đoạn đến năm 2020 đạt 17 - 18%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 19 - 21%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành điện tử, công nghệ thông tin chiếm 9 - 10% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 65 - 70% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 12 - 13% và đáp ứng 75 - 80% nhu cầu.

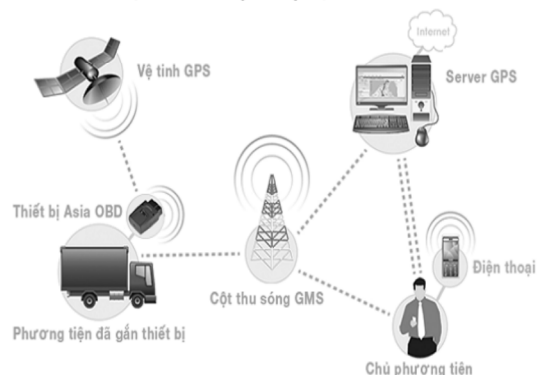
- Đến năm 2020

Nghiên cứu thiết kế, sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện tử chuyên dụng, sản xuất robot công nghiệp, sản xuất một số linh kiện, phụ kiện điện tử, cơ điện tử thông dụng. Tập trung vào các nhóm dự án và chương trình sau:

- + Nhóm máy tính và thiết bị văn phòng: Nghiên cứu công nghệ phát triển mạng tích hợp giữa các thiết bị công nghệ thông tin với công nghệ truyền thông (hữu tuyến và vô tuyến), tích hợp tính đa năng giữa chuyên dụng và dân dụng;

- + Nhóm thiết bị điện tử chuyên dụng: Từng bước làm chủ công nghệ sản xuất các thiết bị truyền dẫn, kết nối, chuyển mạch; sản xuất, lắp ráp thiết bị, bộ điều khiển công nghệ cao; sản xuất thiết bị đo lường, giám sát, cảnh báo điện tử; sản xuất màn hình chuyên dụng; sản xuất các thiết bị điện tử y tế thông dụng; sản xuất, lắp ráp thiết bị thu phát đa tần; sản xuất lắp ráp các thiết bị dò tìm, viễn thám, định vị qua vệ tinh.

HỆ THỐNG ĐỊNH VỊ VỆ TINH GPS



- + Nhóm thiết bị điện tử dân dụng: Đẩy mạnh sản xuất trên cơ sở liên doanh, hoặc sản xuất theo đơn hàng của các nhà cung cấp linh kiện với các dự án: Sản xuất lắp ráp các thiết bị truyền hình số đa năng; sản xuất lắp ráp máy ảnh số các loại; sản xuất, lắp ráp tivi internet; sản xuất thiết bị điện tử nghe nhìn phục vụ đào tạo.



- + Công nghiệp phần mềm: Bên cạnh việc phát triển một số chương trình, hệ điều hành dùng riêng, tập trung phát triển phần mềm ứng dụng và dịch vụ trên nền các hệ điều hành đã phổ biến. Phát triển phần mềm nhúng và phần mềm thiết kế mẫu.

- + Tiếp nhận và làm chủ các công nghệ mới trong sản xuất các lĩnh vực: Máy tính chủ và thiết bị ngoại vi phù hợp với internet thế hệ mới; các loại thiết bị công nghệ thông tin không dây; thiết bị điện tử gia dụng chất lượng tiêu chuẩn cao; linh kiện lắp ráp đồng bộ, trong đó có flash RAM (bộ nhớ nhanh); một số thiết bị cơ điện tử, tự động hóa điều khiển; công nghệ hỗ trợ sản xuất mạch in nhiều lớp, khuôn mẫu có độ chính xác cao; công nghiệp điện tử y tế.

- Đến năm 2030

- + Phân đầu tư cung cấp 80% nhu cầu phần mềm cho cả nước.

- + Đa dạng hóa chủng loại, mẫu mã các thiết bị phần cứng đáp ứng trên 70% nhu cầu trong nước, tăng tỷ trọng thiết bị không dây theo nhu cầu.

- + Thiết bị, công nghệ hoàn toàn chuyển sang kỹ thuật số.

d) Ngành dệt may - da giày

- Phát triển ngành dệt may - da giày theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, nhằm tạo ra bước nhảy vọt về chất và lượng sản phẩm.

- Lấy xuất khẩu làm mục tiêu cho phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa. Tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành dệt may - da giày giai đoạn đến năm 2020 đạt 10 - 12%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 8 - 9%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành dệt may - da giày chiếm 10 - 12% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 90 - 95% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 7 - 8% và đáp ứng 100% nhu cầu.

- Đến năm 2020

+ Tiếp tục phát triển sản xuất các sản phẩm ngành dệt may, da giày theo hướng phục vụ xuất khẩu, kết hợp đáp ứng nhu cầu trong nước với mẫu mã, chất lượng, giá cả phù hợp sức mua của người tiêu dùng các vùng miền, chú trọng các vùng nông thôn, miền núi;

+ Đầu tư nâng cấp kết hợp đầu tư mới các dây chuyền sản xuất sản phẩm thời trang cao cấp; xây dựng các trung tâm thiết kế mẫu mới có quy mô hiện đại; tiếp tục triển khai chương trình 5 tỷ mét vải. Hợp tác với ngành dầu khí trong đầu tư một số dự án sơ sọt tổng hợp.

+ Nghiên cứu xây dựng trung tâm xúc tiến thương mại chuyên ngành. Tập trung đáp ứng nhu cầu các phụ liệu ngành may và da giày; khai thác có hiệu quả các dự án sơ sọt tổng hợp.

- Đến năm 2030

+ Tập trung phát triển vùng nguyên liệu bông, vùng chăn nuôi gia súc để chủ động một phần nguyên liệu bông, da cho ngành.

+ Tiếp tục nghiên cứu phát triển các loại quần áo thời trang, giày cao cấp phục vụ các thị trường đòi hỏi chất lượng cao

đ) Ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống



- Phát triển ngành theo hướng hiện đại, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh để chủ động hội nhập với khu vực và thế giới. Chú trọng xây dựng và phát triển thương hiệu trên các thị trường trong nước và xuất khẩu;



- Tập trung phát triển vùng nguyên liệu quy mô lớn phục vụ cho chế biến, trên cơ sở áp dụng rộng rãi các loại giống mới có năng suất và chất lượng cao, áp dụng tiên bộ kỹ thuật trong gieo trồng và bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống giai đoạn đến năm 2020 đạt 9 - 10%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 8 - 9%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống chiếm 25 - 27% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 80 - 85% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 21 - 23% và đáp ứng 90 - 95% nhu cầu.

- Đến năm 2020.

+ Đối với ngành bia rượu nước giải khát và dầu thực vật: Thực hiện theo Quy hoạch phát triển ngành đã được phê duyệt.

+ Xây dựng các nhà máy chế biến thực phẩm, thủy hải sản với công nghệ tiên tiến tại các vùng thuận lợi về nguyên liệu; đầu tư nâng cấp các nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi.

+ Sản xuất thực phẩm chức năng và chế biến thủy, hải sản ứng dụng công nghệ sinh học.

+ Phát triển công nghiệp sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu.

- Đến năm 2030

 Tập trung phát huy lợi thế về tiềm năng,

hiện đại hóa các công nghệ nuôi trồng vùng nguyên liệu, chế biến sản phẩm để phát triển các vùng sản xuất tập trung từ nguyên liệu tới chế biến, chế biến sâu các sản phẩm ngành thực phẩm, đồ uống bảo đảm đáp ứng các yêu cầu vệ sinh thực phẩm, các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

e) Ngành sản xuất vật liệu xây dựng



- Phát triển khoa học công nghệ, đưa công nghệ mới và thiết bị hiện đại vào sản xuất vật liệu xây dựng nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Lựa chọn quy mô đầu tư hợp lý, tiếp tục phát triển sản xuất các sản phẩm có khả năng cạnh tranh ở thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành sản xuất vật liệu xây dựng giai đoạn đến năm 2020 đạt 8 - 9% và giai đoạn đến năm 2030 đạt 6 - 7%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 5 - 6% và năm 2030 chiếm 4 - 5% trong cơ cấu ngành công nghiệp; đáp ứng khoảng 90% nhu cầu thị trường trong nước về các sản phẩm xây dựng thông thường; năm 2030 đáp ứng 95 - 100%.

- Đến năm 2020

- + Đẩy mạnh phát triển các nhà máy sản xuất vật liệu không nung.

- + Hoàn thành việc chuyển đổi công nghệ các nhà máy sản xuất xi măng lò đứng sang lò quay trước năm 2016. Cân đối năng lực đồng bộ giữa nghiền xi măng với sản xuất clinker, giữa các vùng với mức cao nhất.

- + Nâng công suất sản xuất gạch ốp lát, sử dụng vệ sinh đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và một phần cho xuất khẩu.

- + Tạm dừng đầu tư xây dựng mới các nhà

máy sản xuất kính xây dựng thông thường, tập trung vào nghiên cứu sản xuất các sản phẩm kính đặc biệt, có giá trị sử dụng cao, đáp ứng nhu cầu cho các công trình kiến trúc hiện đại.

- + Tiếp tục triển khai các dự án mở rộng giai đoạn 2 và một số dự án mới theo Quy hoạch của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đã được phê duyệt.

- Đến năm 2030.

Căn cứ vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, khuyến khích đầu tư và mở rộng các dự án trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường; Sản xuất các loại kính tiết kiệm năng lượng, vật liệu ốp lát nội thất có khả năng ngăn ngừa sự ngưng tụ hơi nước, ngăn ngừa sự bám bẩn, có khả năng hút mùi hôi; sản xuất các loại vật liệu ốp lát ngoại thất có bề mặt chống thấm cao, chống bám dính, có khả năng tự làm sạch, ngăn ngừa sự phát triển của rêu mốc.

g) Ngành khai thác và chế biến khoáng sản

- Phát triển ngành khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở sử dụng có hiệu quả tiềm năng trong nước, kết hợp với nhập khẩu; đầu tư khai thác với quy mô kinh tế, tăng cường chế biến sâu, bảo đảm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng khoáng sản; làm tốt công tác phục hồi, tái tạo môi trường;

- Tăng cường công tác điều tra, đánh giá trữ lượng, chuẩn bị tài nguyên cho khai thác, chế biến theo quy hoạch chuyên ngành được phê duyệt.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành khai thác và chế biến khoáng sản giai đoạn đến năm 2020 đạt 7 - 8%; giai đoạn đến năm 2030 đạt 6 - 7%.



- Năm 2020 tỷ trọng ngành khai thác và chế biến khoáng sản chiếm 1 - 2% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 65 - 70% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 0,5 - 1,0% và đáp ứng 75 - 80% nhu cầu.

- Đến năm 2020.

Tiếp tục đầu tư thăm dò các mỏ bôxít, quặng sắt, titan, chì, kẽm, quặng thiếc, vàng, đồng, niken, molipden, serpentin, barit, grafit, fluorit, bentonit talc, diatomit,... ở các nơi có triển vọng làm cơ sở cho công tác khai thác và chế biến phục vụ cho các ngành công nghiệp trong nước và một phần xuất khẩu.

+ Nhóm công nghiệp nhôm - nhôm: Triển khai các dự án sản xuất nhôm đã được phê duyệt; nghiên cứu xây dựng nhà máy điện phân nhôm.

+ Các kim loại khác: Căn cứ vào khả năng nguồn nguyên liệu và thị trường, lựa chọn đầu tư một số nhà máy luyện thiếc, chế biến quặng vonfram đa kim; hợp kim vonfram xuất khẩu; luyện antimon; sản xuất niken kim loại và các sản phẩm đi kèm.

- Đến năm 2030.

Tùy thuộc vào nhu cầu thị trường và khả năng đầu tư tại thời điểm năm 2020, có thể xem xét mở rộng một số dự án khai thác trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, đảm bảo yêu cầu cao hơn về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường.

h) Ngành điện



- Sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước cho phát triển điện, kết hợp với việc nhập khẩu điện, nhập khẩu nhiên liệu hợp lý, đa dạng hóa các nguồn năng lượng sơ cấp cho sản xuất điện, bảo tồn nhiên liệu và bảo đảm an ninh năng lượng cho tương lai.

- Từng bước hình thành, phát triển thị trường điện cạnh tranh, đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện. Nhà nước chỉ giữ độc

quyền lưới điện truyền tải để đảm bảo an ninh hệ thống năng lượng quốc gia.

- Phát triển ngành điện dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng sơ cấp của mỗi miền; đảm bảo cung cấp đầy đủ, liên tục, an toàn cho nhu cầu điện tất cả các vùng trong toàn quốc.

- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành điện giai đoạn đến năm 2020 đạt 13 - 14% và giai đoạn đến năm 2030 đạt 10 - 12%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành điện chiếm 4 - 5% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 85 - 90% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 5 - 6% và đáp ứng 95 - 100% nhu cầu.

- Đến năm 2020

+ Hoàn thành các dự án nguồn điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.



+ Phát triển các dạng năng lượng mới và tái tạo theo Quy hoạch phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt để đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa các nguồn năng lượng (gió, mặt trời, biomass,...). Sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn nhiên liệu cho sản xuất điện, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Tăng cường trao đổi, mua bán điện với các nước láng giềng, nhằm tăng cường khả năng cấp điện mùa khô cho khu vực miền Bắc.

+ Phát triển lưới điện ở các cấp điện áp, đảm bảo đồng bộ với các dự án nguồn điện.

- Đến năm 2030

Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện khoảng 146.800MW, trong đó thủy điện chiếm 11,8%; thủy điện tích năng 3,9%; nhiệt điện than 51,6%; nhiệt điện khí đốt 11,8% (bao gồm 4,1% sử dụng LNG); nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo 9,4%; điện hạt nhân 6,6% và điện nhập khẩu 4,9%.

25 Điện năng sản xuất năm 2030 là 695 tỷ kWh,

trong đó thủy điện chiếm 9,3%; nhiệt điện than 56,4%; nhiệt điện khí đốt 14,4% (bao gồm 3,9% sử dụng LNG); nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo 6,0%; điện hạt nhân 10,1% và điện nhập khẩu 3,8%.

i) Ngành than

Phát triển ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước, nhằm phục vụ nhu cầu trong nước là chủ yếu; đóng góp tích cực, hiệu quả vào việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng tối đa nhu cầu than phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm việc xuất, nhập khẩu hợp lý theo hướng giảm dần xuất khẩu và chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa có nhu cầu sử dụng thông qua biện pháp quản lý bằng kế hoạch và các biện pháp điều tiết khác phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và các cam kết quốc tế của Việt Nam.



- Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành than giai đoạn đến năm 2020 đạt 9 - 10% và giai đoạn đến năm 2030 đạt 7 - 9%.

- Năm 2020 tỷ trọng ngành than trong cơ cấu ngành công nghiệp từ 1 - 2%, đáp ứng 80 - 85% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng từ 0,5 - 1,5% trong cơ cấu ngành công nghiệp, đáp ứng 75 - 80% thị trường.

- Đến năm 2020:

+ Triển khai thăm dò, khai thác tại các vùng mỏ theo Quy hoạch ngành than đã được phê duyệt.

+ Thăm dò đánh giá xong phần tài nguyên dưới mức -300 m đến đáy tầng than ở bể than Quảng Ninh, đồng thời thăm dò tỉ mỉ một phần bể than Đồng bằng sông Hồng.

+ Phát triển ngành than kết hợp với phát triển các dự án nhiệt điện than phù hợp Quy

hoạch phát triển điện lực quốc gia.

+ Đầu tư chế biến than theo hướng đa dạng hóa sản phẩm (nhiên liệu đốt trực tiếp, than dùng cho luyện kim, khí hóa than, nhiên liệu lỏng từ than, nhiên liệu cho công nghiệp hóa chất).

+ Từng bước đầu tư ra nước ngoài thông qua các hoạt động hợp tác thăm dò, khai thác, chế biến than.

- Đến năm 2030

Tranh thủ các nguồn vốn để thăm dò nâng cấp và gia tăng trữ lượng than; xác minh nghiên cứu công nghệ khai thác than hầm lò dưới mức -300 m ở bể than Quảng Ninh; triển khai khai thác than vùng Đồng bằng sông Hồng ở mức độ phù hợp; ứng dụng một số công nghệ mới để sản xuất than cho các nhu cầu đặc biệt.

k) Ngành dầu khí

- Phát triển ngành dầu khí đồng bộ, đa ngành và liên ngành để trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của đất nước; sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí trong nước, đồng thời đẩy mạnh đầu tư tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài, kết hợp xuất, nhập khẩu làm cơ sở để phát triển ngành Dầu khí bền vững, đóng vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo an ninh năng lượng cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa của đất nước.

- Phát huy nội lực, kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò, gia tăng nhanh trữ lượng xác minh góp phần ổn định và gia tăng sản lượng khai thác; ưu tiên tìm kiếm, thăm dò, khai thác những vùng nước sâu, xa bờ, chồng lấn và nhạy cảm. Khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực chế biến, phân phối sản phẩm, dịch vụ,...



- Phát triển ngành dầu khí đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh thái, đảm bảo an ninh, quốc phòng, tăng cường sức mạnh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển, hải đảo và trên đất liền.

- Giai đoạn đến năm 2015, phần đầu doanh thu dịch vụ kỹ thuật dầu khí đạt tốc độ tăng trưởng 15 - 20%/năm; giai đoạn 2016 - 2025 đạt tốc độ tăng trưởng 20 - 25%/năm.

- Năm 2020 tỷ trọng khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên chiếm 4 - 5% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng 70 - 80% nhu cầu thị trường; năm 2030 chiếm tỷ trọng 5 - 6% và đáp ứng 80 - 90% nhu cầu. Đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 phát triển ngành dầu khí đồng bộ, bao gồm các hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối, dịch vụ và xuất, nhập khẩu, cụ thể:

Về tìm kiếm, thăm dò dầu khí: đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò, gia tăng trữ lượng dầu khí xác minh; ưu tiên triển khai ở những vùng nước sâu, xa bờ, chông lán và nhạy cảm; tích cực triển khai đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí. Phần đầu gia tăng trữ lượng dầu khí xác minh đạt 35 - 45 triệu tấn quy dầu/năm.

Về khai thác dầu khí: Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hệ số thu hồi dầu và duy trì mức sản lượng khai thác dầu khí tối ưu, đảm bảo an toàn và hạn chế nguy cơ bị ngập nước của các mỏ đang khai thác; tích cực mở rộng hoạt động đầu tư khai thác dầu khí ra nước ngoài.



Phần đầu khai thác 25 - 38 triệu tấn quy dầu/năm, trong đó: khai thác dầu thô giữ ổn định ở mức 18 - 20 triệu tấn/năm và khai thác khí 8 - 19 tỷ m³/năm.

Về phát triển công nghiệp khí: Tích cực phát triển theo hướng đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, khí sẽ được cung cấp cho các ngành: sản xuất điện, phân bón, hóa chất, các ngành công nghiệp, giao thông vận tải và dân dụng với quy mô sản lượng khoảng 19 tỷ m³/năm vào năm 2025. Nghiên cứu kết nối hệ thống đường ống Đông - Tây Nam Bộ, đường ống dẫn khí xuyên quốc gia làm cơ sở kết nối với đường ống dẫn khí khu vực Đông Nam Á. Nghiên cứu các giải pháp công nghệ phù hợp để thu gom và sử dụng có hiệu quả nguồn khí từ các mỏ nhỏ, mỏ biên phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước.



Về công nghiệp chế biến dầu khí: dự kiến đến năm 2020 hoàn thành xây dựng 3 - 5 nhà máy lọc hóa dầu với tổng công suất khoảng 26 - 32 triệu tấn/năm, xây dựng và đưa vào vận hành từ 1 - 2 tổ hợp hóa dầu. Đến năm 2025 tiếp tục mở rộng và xây dựng 6 - 7 nhà máy lọc hóa dầu nâng tổng công suất lọc dầu 45 - 60 triệu tấn/năm, đáp ứng khoảng 50% nhu cầu sản phẩm hóa dầu cơ bản. Về phát triển dịch vụ dầu khí: Tăng cường đầu tư chiều sâu chiếm lĩnh thị trường dịch vụ công nghệ cao như thu nổ địa chấn; khoan thăm dò, khai thác tại các vùng nước sâu, xa bờ, có điều kiện địa chất phức tạp; tư vấn, quản lý dự án; thiết kế, chế tạo thiết bị dầu khí; vận chuyển dầu thô; khí thiên nhiên, khí hóa lỏng, khí nén, v.v.

l) Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Ngành cơ khí - luyện kim



+ Tập trung sản xuất các chi tiết, cụm chi tiết để lắp ráp thiết bị toàn bộ như: Sản xuất thiết bị tiêu chuẩn, các loại dây dẫn, bu lông, đai ốc, hệ thống điều khiển, máy tính công nghiệp dùng chung; sản xuất máy động lực, các máy điện quay và tĩnh, động cơ diesel, động cơ xăng các loại và các phụ kiện truyền động, dẫn động; sản xuất thiết bị, phụ tùng cho phương tiện vận tải đường bộ; đường thủy; thiết bị, phụ tùng cho ngành chế biến nông lâm, thủy sản.

+ Tăng cường đầu tư chiều sâu tại các cơ sở cơ khí chế tạo hiện có để nâng cao năng lực đúc, rèn, tạo phôi lớn, nhiệt luyện, xử lý bề mặt, cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm tiêu chuẩn để chế tạo chi tiết, phụ tùng cho sản xuất 3 nhóm sản phẩm cơ khí chính là thiết bị đồng bộ, máy công cụ, máy móc xây dựng, tích cực thu hút đầu tư nước ngoài vào các quá trình sản xuất công nghệ cao và những khâu cơ bản mà Việt Nam còn yếu kém.

+ Đối với ngành công nghiệp ô tô: tập trung phát triển sản xuất theo cụm công nghệ gồm cabin, khung, vỏ, hệ thống treo, động cơ, hộp số, các đăng, hệ thống lái cho các loại xe tải, xe khách và xe chuyên dụng. Phát triển có chọn lựa một số loại động cơ, hộp số, bộ truyền động và phụ tùng với số lượng lớn phục vụ lắp ráp ô tô trong nước và xuất khẩu.



+ Xây dựng các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ cơ khí tại Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh và Đà Nẵng.

- Ngành điện tử - tin học.



Tập trung vào các dịch vụ cung ứng giải pháp, thiết kế, trong đó đầu tư vào các dịch vụ cao cấp để hỗ trợ cho sản xuất phần mềm, phần cứng chuyên dụng; nghiên cứu thiết kế, phát triển sản phẩm mới, trong đó tập trung xây dựng các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, giải mã công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp cho công nghiệp điện tử: cung ứng linh phụ kiện, logistics, cung ứng hạ tầng, bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ có chất lượng cao.



- Ngành dệt may - da giày

Đến năm 2020 đạt khoảng 40% nhu cầu vải dệt thoi; sản xuất trong nước từ 40 - 100% phụ tùng cơ khí dệt may; đáp ứng 80% nhu cầu nội địa về các sản phẩm xơ, sợi tổng hợp và tiến tới xuất khẩu từ sau năm 2020. Ngành công nghiệp hỗ trợ da giày phối hợp với ngành dệt may, đẩy nhanh khả năng cung ứng các loại vải dệt để sản xuất giày dép, đặc biệt là giày dép vải xuất khẩu.



2. Quy hoạch phân bố không gian theo các vùng lãnh thổ

a) Vùng Trung du miền núi phía Bắc.

- Tập trung phát triển các ngành khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm sản, công nghiệp thủy điện, một số dự án luyện kim.

- Tại các tỉnh dọc tuyến hành lang Lào Cai - Hà Nội sẽ phát triển công nghiệp lắp ráp linh kiện, công nghiệp hỗ trợ theo hướng hợp tác và khai thác thị trường Trung Quốc (thông qua cửa khẩu Lào Cai), thúc đẩy phát triển toàn tuyến hành lang.

- Xem xét tình hình phát triển một số dự án có quy mô lớn trong Vùng, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển công nghiệp cả Vùng.

b) Vùng Đồng bằng sông Hồng (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ)

- Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim, hóa chất, nhiệt điện, công nghiệp công nghệ cao.

- Phát triển có chọn lọc công nghiệp hỗ trợ sản xuất linh kiện cơ khí, ô tô, xe máy, linh kiện điện tử xung quanh thành phố Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh.

c) Vùng Duyên hải miền Trung (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung)

- Phát triển các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến hải sản, cơ khí đóng tàu, luyện kim và các ngành công nghiệp gắn với lợi thế vận tải biển.

- Kêu gọi đầu tư các ngành công nghiệp gắn với phát triển của hệ thống cảng biển; với trục hành lang Đông - Tây; Nghiên cứu phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nhu cầu tuyến đường Hồ Chí Minh.

d) Vùng Tây Nguyên.

- Phát triển công nghiệp chế biến cây công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Phát triển công nghiệp tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng và gắn kết với hệ thống giao thông.

đ) Vùng Đông Nam Bộ (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam)

- Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, dầu khí và các chế phẩm hóa dầu, hóa chất, công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao; nghiên cứu phát triển công nghiệp phụ trợ.

- Căn cứ tình hình phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng thuộc tuyến hành lang Đông - Tây, nghiên cứu hình thành một số ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu của các tỉnh trong Vùng.

- Đầu tư phát triển đồng bộ các ngành công nghiệp gắn với tổ hợp khí - điện - đạm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Đồng Nai; phát triển công nghiệp công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long)

Tập trung phát triển các ngành chế biến nông sản, thủy hải sản xuất khẩu, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, đóng và sửa chữa các loại phương tiện đánh bắt xa bờ.

- Đầu tư hoàn chỉnh cụm khí - điện - đạm Cà Mau theo hướng hình thành một khu liên hợp công nghiệp lớn của Vùng.

- Xem xét bố trí một số dự án công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu thuyền gắn với mạng lưới cảng biển và cảng sông.



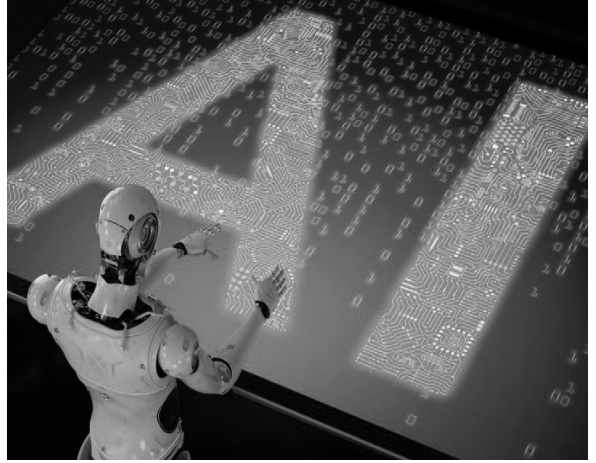
NGÀNH NGHỀ "HOT" NĂM 2022

1. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Với sự bùng nổ của internet như hiện nay khiến Công nghệ thông tin là lĩnh vực có nhu cầu về nhân lực rất lớn. Đây là ngành nghề tạo cho bạn nhiều cơ hội khởi nghiệp sớm với số vốn lớn nhất là khả năng của bản thân. Ngoài ra, bạn còn có cơ hội làm việc tại các tập đoàn lớn trong nước và trên thế giới.

2. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

Trí tuệ nhân tạo là một phần của Khoa học máy tính tập trung vào việc tạo ra những cỗ máy thông minh hoạt động như con người. Chúng có thể thực hiện bất cứ hành động nào nếu được cung cấp đầy đủ những kiến thức cho chúng... Ngành này hiện nay có rất nhiều trường đào tạo và có nhiều học sinh quan tâm vì vậy tỉ lệ chọi của ngành này cũng khá cao.



3. KHOA HỌC DỮ LIỆU

Khoa học Dữ liệu "Nghề nghiệp hấp dẫn nhất thế kỷ 21". Thuật ngữ "Khoa học Dữ liệu" đã trở thành một từ khóa phổ biến trên các phương tiện truyền thông, nhất là trên các diễn đàn về việc làm. Tại Hoa Kỳ, Khoa học Dữ liệu đứng đầu trong số 25 nghề tốt nhất, đứng thứ 16 về mức lương và đứng đầu trong số 10 ngành nghề được tuyển dụng nhiều nhất hiện nay. Các vị trí nghề nghiệp đòi hỏi các năng lực về phân tích dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu lớn đang gia tăng nhanh chóng ở rất nhiều các quốc gia trên thế giới.

Ở Việt Nam, nhu cầu tuyển dụng các chức danh nghề nghiệp liên quan đến khoa học dữ liệu trong các doanh nghiệp đang tăng lên nhanh chóng và dự báo sẽ trở nên cấp thiết trong các năm sắp tới. Trong xu hướng của cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là giai đoạn chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam hiện nay, các doanh nghiệp ngày càng nhận thức rõ tầm quan trọng của dữ liệu trong hoạt động tác nghiệp và điều hành, nhất là đối với việc ra quyết định kinh doanh thông minh. Việc này đòi hỏi cần có đội ngũ nhân lực có khả năng phân tích và khai thác được sức mạnh của dữ liệu, giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động tác nghiệp và hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp, cũng như các tổ chức kinh tế - xã hội.

4. DU LỊCH, NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN

"Công nghiệp không khói" (tên gọi không chính thức của ngành du lịch) đang nắm giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam cũng nằm trong quỹ đạo đó. Là điểm đến mới với nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa khá phong phú cùng nhiều khách sạn, resort... do các tập đoàn nước ngoài đầu tư, ngành du lịch Việt Nam phát triển khá nhanh trong thập niên qua và có tiềm năng tiến xa hơn trong thời gian tới. Cùng với sự tăng trưởng của ngành công nghiệp du lịch, các nhà doanh nghiệp trong nhóm ngành dịch vụ, bao gồm các ngành du lịch lữ hành, nhà hàng khách sạn, dịch vụ ăn uống đang ráo riết tuyển dụng nguồn nhân lực trẻ và chất lượng.





5. DỊCH VỤ Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Sức khỏe luôn được con người quan tâm hàng đầu, Việt Nam với sự gia tăng dân số mạnh mẽ trong những năm qua đã kéo theo sự phát triển của hệ thống chăm sóc sức khỏe con người. Vì vậy, những ngành nghề này được nhiều học sinh lựa chọn. Tuy nhiên đa số các chuyên ngành trong nhóm này điểm đầu vào cao và mang tính chọn lọc.

Thời gian qua ngành y tế Việt Nam đã xuất sắc, khẳng định vai trò quan trọng của mình trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Các dịch vụ y tế cũng được áp dụng

công nghệ, thúc đẩy chăm sóc sức khỏe từ xa, nhằm thích ứng an toàn, linh hoạt với dịch bệnh. Khách hàng hiện nay đang cần các dịch vụ chăm sóc sức khỏe riêng tư với chất lượng tốt hơn, đây cũng là một tín hiệu tốt tạo cơ hội việc làm cho nhiều học sinh, sinh viên lựa chọn ngành học này trong những năm tới.

6. CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Việt Nam với số dân trên 96 triệu người nên nhu cầu về sử dụng thực phẩm chế biến ngày càng lớn và nhất là nhu cầu về thực phẩm sạch an toàn cho sức khỏe. Cùng với quá trình hội nhập nên nhóm ngành này càng được chú trọng và phát triển để đáp ứng đầy đủ nhu cầu người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Đây là một mảnh đất màu mỡ cho những bạn đã, đang và sẽ theo ngành công nghệ thực phẩm.



7. LOGISTICS:

Logistics đang trở thành một trong những ngành nghề thu hút nguồn nhân lực rất lớn hiện nay. Ngành Logistics sẽ đào tạo ra một đội ngũ nhân lực có tay nghề cao, được cung cấp các kiến thức chuyên sâu về logistics/Quản lý chuỗi cung ứng như: kinh tế logistics, luật vận tải, quản trị logistics, quản trị chuỗi cung ứng. Học ngành này sẽ giúp người học có khả năng lên kế hoạch, có khả năng điều phối, biết tính toán và nhạy bén. Hiện tại, ngành này đang có mức thu nhập cao và thiếu nguồn nhân lực.



8. DIGITAL MARKETING

Trong thời kỳ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, ngành Digital Marketing đang chuyển biến mạnh mẽ với các nền tảng kỹ thuật số được ứng dụng các công nghệ mới nhất. Chính vì vậy, lĩnh vực này đang được săn đón hơn bao giờ hết. Cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Digital Marketing sau khi tốt nghiệp rất đa dạng.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Digital Marketing có thể tìm kiếm cơ hội việc làm ở rất nhiều lĩnh vực và vị trí khác nhau. Các vị trí có thể kể đến như quản lý, tiếp thị hoặc quan hệ công chúng, copywriter, marketing online, trợ lý truyền thông, quản lý thương hiệu, quan hệ khách hàng, kế toán, phân tích kinh doanh, luật thương mại, quản lý sự kiện, khởi nghiệp, tài chính, nhân sự và kinh doanh quốc tế...





9. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Theo thống kê của Trung tâm dự báo Nhân lực và Thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh, trong năm 2021, nước ta cần 1.000.000 nhân lực cho ngành học Thiết kế đồ họa. Chính nhu cầu cao về nhân lực đã tạo ra cơ hội lựa chọn việc làm phong phú cho các cử nhân ngành Thiết kế đồ họa. Ngành thiết kế đồ họa là một trong những ngành có nhiều cơ hội việc làm nhất hiện nay. Nhân viên thiết kế đồ họa luôn được nhiều nhà tuyển dụng săn đón tại rất nhiều lĩnh vực ngay khi mới tốt nghiệp.

Ngành thiết kế đồ họa là việc sử dụng các công cụ thiết kế đồ họa để truyền tải thông điệp tới khách hàng

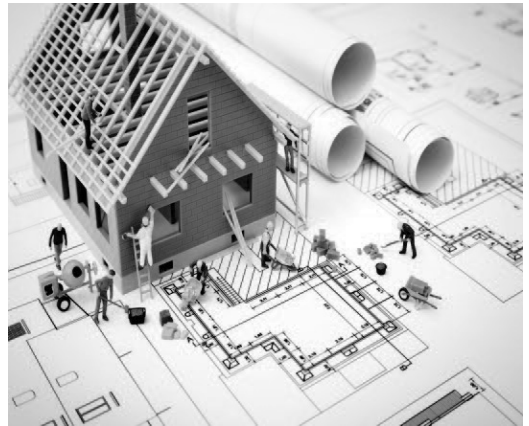
bằng những hình ảnh đẹp, ấn tượng đi sâu vào lòng người. Có thể nói, thiết kế đồ họa là một loại hình nghệ thuật kết hợp hài hòa giữa các hình ảnh, chữ viết và ý tưởng sáng tạo nhằm truyền đạt thông điệp của doanh nghiệp một cách hiệu quả, qua các sản phẩm in ấn hoặc trực tuyến.

10. KIẾN TRÚC

Đây là nghề chuyên thiết kế các công trình đô thị nhà cửa... Kiến trúc sư là nghề liên quan đến cả nghệ thuật và kỹ thuật nên nó đòi hỏi bạn cần có lòng đam mê, một chuyên môn giỏi và một chút năng khiếu bẩm sinh thì mới mong trụ lại được với nghề. Vì thế, kiến trúc sư vẫn luôn là nghề được trọng dụng và có tiềm năng phát triển lớn. Mức thu nhập của ngành này khá cao, tuy nhiên cũng phụ thuộc vào năng lực mỗi người.

11. XÂY DỰNG

Việt Nam là nước đang phát triển, đời sống người dân ngày càng phát triển đồng nghĩa với việc các công trình xây dựng ngày càng "mọc" lên nhiều hơn. Đây là một nghề khá triển vọng và có tiềm năng phát triển trong những năm tới.



12. CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

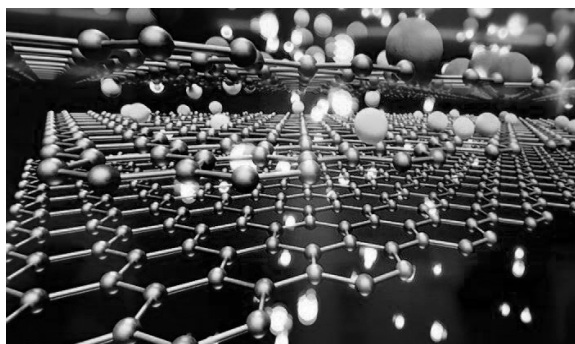
Trong giai đoạn phát triển kinh tế mạnh mẽ như hiện nay ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô sẽ rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu nhân lực trong tương lai, ngành học này tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực: cơ khí, tự động hóa, điện - điện tử và công nghệ chế tạo máy, chuyên về khai thác, sử dụng và quản lý dịch vụ kỹ thuật ô tô như điều hành sản xuất phụ tùng, lắp ráp, cải tiến, nâng cao hiệu quả sử dụng.



13. KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA:

Trong giai đoạn công nghiệp 4.0 bất cứ ngành nghề kỹ thuật nào cũng cần đến tự động hóa. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa là ngành thuộc nhóm ngành điện - điện tử, chuyên nghiên cứu các thuật toán để điều khiển, sử dụng các thiết bị chấp hành nhằm mục đích tự động các quá trình công nghệ sản xuất, nơi các thao tác của con người được thay thế hoàn toàn bằng máy móc, robot và các thiết bị tự động khác. Đây là ngành học đòi hỏi người học phải năng động, đam mê, sáng tạo, kiên trì, ham học hỏi, có kỹ năng nghề nghiệp cao.





14. KỸ THUẬT VẬT LIỆU

Ngày nay, cùng với sự phát triển của rất nhiều các ngành kỹ thuật như công nghệ cơ khí, công nghệ hóa học, công nghệ hóa học, điện tử, công nghệ giao thông vận tải, kỹ thuật hàng không,... ngày càng đòi hỏi ngành công nghệ vật liệu cũng phải phát triển nhằm đáp ứng phù hợp với sự phát triển chung của ngành công nghiệp. Ngành Kỹ thuật Vật liệu là ngành nghiên cứu và triển khai các phương pháp chế tạo, xử lý vật liệu nhằm mục đích thu được vật liệu mới có đặc tính ưu việt hơn, thân thiện môi trường và kinh tế, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của con người. Kỹ

thuật vật liệu đang là một trong bốn mũi nhọn khoa học công nghệ của thế giới. Chính bởi vậy, nó đang thu hút sự quan tâm của giới trẻ với cơ hội rộng mở cùng mức thu nhập đáng mơ ước.



15. KỸ THUẬT CƠ KHÍ, ĐIỆN, ĐIỆN TỬ:

Các ngành về cơ khí, điện, điện tử như: Cơ khí chế tạo, điện tử viễn thông, điện, điện lạnh, ô tô,... cũng được xem là các ngành hot nhất hiện nay. Ngành này hiện nay đang thiếu nhân lực.



16. CÔNG NGHỆ MỚI, VẬT LIỆU MỚI, NĂNG LƯỢNG MỚI

Kinh tế thế giới phát triển, môi trường sống của con người ngày càng ô nhiễm và bị tàn phá nặng nề, dẫn đến nhu cầu tìm kiếm các nguồn vật liệu mới thân thiện với môi trường ngày càng cao. Chính vì vậy, ngành này có xu hướng phát triển cao không chỉ tại Việt Nam mà trên toàn thế giới.



17. KINH DOANH QUỐC TẾ

Trong giai đoạn đang hội nhập quốc tế mạnh mẽ, Việt Nam đã ký kết hợp tác với nhiều nước trên thế giới thông qua các hiệp định như: Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Ấn Độ, Hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản,... việc gặp gỡ, giao thương giữa các nền kinh tế của các quốc gia sẽ diễn ra ngày càng sâu rộng. Với kế hoạch mở rộng kinh doanh và xuất nhập khẩu hàng hóa, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đều có nhu cầu tuyển dụng những cử nhân kinh doanh quốc tế. Học ngành này

các bạn có rất nhiều sự lựa chọn về việc làm, đảm nhận rất nhiều vị trí khác nhau như: Chuyên gia nghiên cứu thị trường; Chuyên gia marketing quốc tế; Chuyên gia quản trị chuỗi cung ứng; Nhân viên xuất nhập khẩu; Chuyên gia hoạch định tài chính quốc tế; Chuyên gia tư vấn đầu tư quốc tế; Chuyên gia xúc tiến thương mại; Nhà tư vấn quản trị kinh doanh quốc tế; Chuyên gia nghiên cứu và giảng dạy về kinh doanh quốc tế... ở các công ty hay tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước. Một yếu tố quan trọng của ngành này là phải giỏi ngoại ngữ thì cơ hội việc làm sẽ rộng mở hơn.

18. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thương mại điện tử là một lĩnh vực mới, dựa trên sự giao thoa và tương tác của nhiều ngành khoa học khác nhau, đó là: kinh tế, kinh doanh, quản trị, marketing, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, luật... Do vậy, nguồn nhân lực ngành thương mại điện tử thường đòi hỏi kiến thức tổng hợp cần có kiến thức rộng trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, công nghệ thông tin, quản trị và ngoại ngữ.... Bên cạnh đó, thương mại điện tử là lĩnh vực có hàm lượng ứng dụng công nghệ cao, tốc độ phát triển nhanh. Vì thế hiện đang cần nguồn lao động có trình độ về thương mại điện tử, bởi kinh doanh trên mạng xã hội và sàn giao dịch thương mại điện tử đang đem lại hiệu quả kinh tế cao.



gia kinh tế những người đầu tư kinh doanh, định giá, môi giới, các chuyên gia quản lý vận hành bất động sản quản lý, khai thác kinh doanh và duy trì trạng thái kỹ thuật của công trình bất động sản. Trong nền kinh tế thị trường, để đáp ứng yêu cầu về tính đặc thù của hoạt động kinh doanh bất động sản, những người hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản phải có kiến thức đa ngành: kinh tế, kỹ thuật, tâm lý xã hội.

20. NGÔN NGỮ

Trong giai đoạn mọi người hướng đến việc trở thành công dân toàn cầu, việc giao tiếp của mỗi người càng trở nên quan trọng và phụ thuộc vào ngôn ngữ giao tiếp. Ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới và là cầu nối giúp công dân của các quốc gia khác nhau có thể giao tiếp. Ngôn ngữ là một ngành học chuyên về nghiên cứu, nhằm giúp cho sinh viên có thể làm chủ và sử dụng ngôn ngữ của một quốc gia mình muốn trao đổi công việc trong tương lai một cách thành thạo tất cả các kỹ năng, những kiến thức nền tảng về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử..., đồng thời sinh viên theo học ngành ngôn ngữ cũng sẽ được trang bị thêm những kiến thức bổ trợ về các lĩnh vực kinh tế, tài chính, dịch vụ, marketing, xuất nhập khẩu, quan hệ quốc tế,... để có thể đáp ứng được các yêu cầu công việc sau này.



THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2022 CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỰ ĐÀ NẴNG TRỞ VÀO ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 41 Lê Duẩn, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng

Thông tin hỗ trợ tư vấn tuyển sinh của các cơ sở thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng

STT	TRƯỜNG THÀNH VIÊN	THÔNG TIN HỖ TRỢ TUYỂN SINH
1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA Mã trường: DDK	- Địa chỉ: 54 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: http://www.dut.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://dut.udn.vn/TuyenSinh2022 - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/DUTpage - Zalo tuyển sinh: https://zalo.me/dhbkdn2022 - Email tuyển sinh: tuyensinhbkdn@dut.udn.vn - Youtube: https://www.youtube.com/c/DUTMedia - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0888) 377 177; (0888) 477 377; (0888) 577 277;
2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ Mã trường: DDQ	- Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://due.udn.vn/ - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://due.udn.vn/tuivantuyensinh - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/FaceDue/ - Zalo tuyển sinh: 0911 223 777 - Email tuyển sinh: tuyensinh@due.edu.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): 0911 223 777; (0236) 352 2345
3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM Mã trường: DDS	- Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: http://ued.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: https://tuysinh.ued.udn.vn/ - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/ueddn - Email tuyển sinh: tuyensinh@ued.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0898) 204 204
4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ Mã trường: DDF	- Địa chỉ: 131 Lương Nhữ Hộc, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: www.ufl.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: https://tuysinh.ufl.udn.vn - Facebook tuyển sinh: https://vi-vn.facebook.com/fanpage.ud.ufls/ - Email tuyển sinh: tuyensinh@ufl.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0236) 369 9335
5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT Mã trường: DSK	- Địa chỉ: 48 Cao Thắng, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://ute.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: https://tuysinh.ute.udn.vn - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/tuysinhhdhsptk - Zalo tuyển sinh: https://zalo.me/g/pusssm884 - Email tuyển sinh: tuyensinh@ute.udn.vn
6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN Mã trường: VKU	Địa chỉ: 470 Trần Đại Nghĩa, Phường Hoà Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://vku.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://tuyensinh.vku.udn.vn - Facebook tuyển sinh: https://facebook.com/vku.udn.vn - Zalo tuyển sinh: https://vku.udn.vn/zalo - Email tuyển sinh: tuyensinh@vku.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0236) 655 2688; (0236) 366 7131
7	PHẦN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM Mã trường: DDP	- Địa chỉ: 704 Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, TP. Kon Tum - Địa chỉ trang thông tin chung: http://kontum.udn.vn - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://ts.kontum.udn.vn - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/kontum.udn.vn - Zalo tuyển sinh: https://zalo.me/2950488430114856478 - Email tuyển sinh: tuyensinhudck@kontum.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0260) 650 9559; 0934 876 005; 0931 642 456
8	VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VIỆT – ANH Mã trường: DDV	- Địa chỉ: 158A Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://vnuk.udn.vn/ - Địa chỉ trang tuyển sinh: https://tuysinhvnuk.edu.vn/ - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/vnukadmission - Zalo tuyển sinh: 0905 556 654 - Email tuyển sinh: admission@vnuk.edu.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): 0905 556 654
9	KHOA Y DƯỢC Mã trường: DDY	- Địa chỉ: Đô thị Đại học Đà Nẵng, Phường Hoà Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng - Địa chỉ trang thông tin chung: https://smp.udn.vn/ - Địa chỉ trang tuyển sinh: http://smp.udn.vn/tuyen-sinh - Facebook tuyển sinh: https://www.facebook.com/Tuy%E1%BB%83n-sinh-Khoa-Y-D%C6%B0%E1%BB%A3c-%C4%90H%C4%90N-102863388053043 - Email tuyển sinh: tuyensinhkyd@smp.udn.vn - Số điện thoại tuyển sinh (hotline): (0236) 710 9357 (Bấm số 2); 0979 552 214

Thông tin đăng ký xét tuyển vào các cơ sở đào tạo thành viên của Đại học Đà Nẵng năm 2022

Link thông tin chi tiết: <https://ts.udn.vn/DHCD/Chinhquy/DHTbao/7748>

Trích Nguồn: <https://ts.udn.vn/DHCD/Chinhquy/DHTbao/7871> - <https://ts.udn.vn/DHCD/Chinhquy/DHCTDTao/987>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

Mã trường: KTD

I. CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO

TT	Ngành & chuyên ngành	Mã ngành	Phương thức 1: xét theo điểm thi THPT 2022	Phương thức 2: xét tuyển theo kết quả học bạ		
I	CÁC NGÀNH NĂNG KHIẾU, KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ			Cách 1 Điểm TB 5 học kỳ	Cách 2 Điểm TB cả năm 12	Cách 3 Tổng điểm 3 môn cả năm lớp 12
1	Kiến trúc (Chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra Hoa Kỳ)	7580101	V00 (Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật) V01 (Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật)	Xét theo điểm TB tất cả các môn của 5 HK và Vẽ mỹ thuật	Xét theo điểm TB cả năm lớp 12 và Vẽ mỹ thuật	V00 (Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật) V01 (Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật)
2	Quy hoạch vùng và đô thị - Quy hoạch vùng và đô thị - Kiến trúc cảnh quan	7580105	V02 (Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật) A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh)			V02 (Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật) A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh)
3	Thiết kế nội thất	7580108				
4	Thiết kế đồ họa - Thiết kế đồ họa - Thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện	7210403	V00 (Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật) V01 (Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật) V02 (Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật) H00 (Văn, Vẽ mỹ thuật, Bó cục màu)			V00 (Toán, Lý, Vẽ mỹ thuật) V01 (Toán, Văn, Vẽ mỹ thuật) V02 (Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật) H00 (Văn, Vẽ mỹ thuật, Bó cục màu)
5	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00 (Toán, Lý, Hóa)	Xét theo điểm TB tất cả các môn của 5 HK	Xét theo điểm TB cả năm lớp 12	A00 (Toán, Lý, Hóa)
6	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh)			A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh)
7	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	B00 (Toán, Hóa, Sinh)			B00 (Toán, Hóa, Sinh)
8	Quản lý xây dựng	7580302	D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh)			D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh)
9	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301				
10	Công nghệ thông tin	7480201				
II	CÁC NGÀNH KINH TẾ, KINH DOANH					
	Kế toán - Kế toán tổng hợp - Kế toán - Kiểm toán	7340301	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa, Sinh) D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh)	Xét theo điểm TB tất cả các môn của 5HK	Xét theo điểm TB cả năm lớp 12	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa, Sinh) D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh)
12	Tài chính - Ngân hàng - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp	7340201				
13	Quản trị kinh doanh - Quản trị kinh doanh tổng hợp	7340101				
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103				
15	Quản trị khách sạn	7810201				
16	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605				
III	CÁC NGÀNH NGOẠI NGỮ					
17	Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh biên - phiên dịch - Tiếng Anh du lịch	7220201	D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh) A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh)	Xét theo điểm TB tất cả các môn của 5HK	Xét theo điểm TB cả năm lớp 12	D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh) A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh)
18	Ngôn ngữ Trung Quốc - Tiếng Trung Quốc biên - phiên dịch	7220204	D14 (Văn, Sử, Tiếng Anh) D15 (Văn, Địa, Tiếng Anh)			D14 (Văn, Sử, Tiếng Anh) D15 (Văn, Địa, Tiếng Anh)

II. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. PHƯƠNG THỨC 1 - XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT 2022: Căn cứ vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, Nhà trường sẽ công bố điểm xét tuyển vào trường trên website và thông tin đại chúng.

2. PHƯƠNG THỨC 2 - XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ HỌC TẬP GHI TRONG HỌC BẠ

- Cách 1: Xét theo điểm TB tất cả các môn của 5HK (Trừ HKII của lớp 12): Điều kiện xét tuyển: Điểm TB của tất cả các môn của 05 học kỳ ≥ 6.0
- Cách 2: Xét theo điểm trung bình cả năm học lớp 12: Điều kiện xét tuyển: Điểm TB chung cả năm học ≥ 6.0
- Cách 3: Xét theo tổng điểm TB 3 môn của 2 HK lớp 12: Điều kiện xét tuyển: Tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển ≥ 18.0

Link đăng ký: <http://xettuyen.dau.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen.html>

III. THỜI GIAN XÉT TUYỂN

1. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: Từ ngày 15/01/2022 đến 30/09/2022

2. Đợt xét tuyển:

Đợt 1: 15/01/2022 – 30/04/2022 - **Đợt 2:** 01/05/2022 – 30/06/2022 - **Đợt 3:** 01/07/2022 – 31/08/2022 - **Đợt 4:** 01/09/2022 – 30/09/2022

Mọi thông tin chi tiết liên hệ: **Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng**

Địa chỉ: 655 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Đường dây nóng: 0866 254 999

Trích nguồn: <https://tuyensinh.dau.edu.vn/dai-hoc-kien-truc-da-nang-cong-bo-phuong-an-xet-tuyen-dai-hoc-nam-2022.html>

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mã trường: XDN

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1. Ngành nghề tuyển sinh và chỉ tiêu đào tạo:

Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
Kỹ thuật xây dựng + Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp + Chuyên ngành Kỹ thuật nền móng công trình + Chuyên ngành Công nghệ thi công và an toàn lao động + Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình	7580201	30
Kiến trúc + Chuyên ngành Kiến trúc công trình + Chuyên ngành Đồ họa kiến trúc	7580101	25
Kiến trúc nội thất	7580103XDT	25
Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông + Chuyên ngành Xây dựng cầu đường + Chuyên ngành Tự động hóa thiết kế cầu đường	7580205	25
Kinh tế xây dựng	7580301XDT	25
Quản lý xây dựng (Chuyên ngành Quản lý dự án)	7580302	25
Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	30
Kế toán + Chuyên ngành Kế toán xây dựng cơ bản + Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp	7340301	30
Công nghệ thông tin	7480201XDT	25
Quản lý đô thị và công trình	7580106XDT	25
Quản trị kinh doanh + QTKD tổng hợp + QTKD Du lịch + QTKD Nhà hàng - Khách sạn	7340101XDT	25

2. Tổ Hợp Xét Tuyển

TT	Tên tổ hợp	Mã tổ hợp	TT	Tên tổ hợp	Mã tổ hợp
	Khối ngành kỹ thuật, kinh tế			Ngành Kiến trúc, Kiến trúc nội thất	
1	Toán, Vật lý, Hóa học	A00	1	Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật	V00
2	Toán, Vật lý, Anh văn	A01	2	Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật	V01
3	Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01	3	Toán, Vật lý, Anh văn	A01
4	Toán, Ngữ văn, Anh văn	D01	4	Toán, Ngữ văn, Anh văn	D01

Thông tin liên hệ: **PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNGTRƯỜNG**

- Địa chỉ: số 544B Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;

- Website: <http://www.mucedanang.edu.vn> - Website tuyển sinh: <http://tuyensinh.mucedanang.edu.vn>;

- Email: tuyensinhdanang@muce.edu.vn - Facebook <https://www.facebook.com/MuceDaNang>;

- Điện thoại Phòng Quản lý Đào tạo: (0236) 3845102 - Hotline: 0935.081.799 và 0966.456.890

Trích Nguồn: <http://mucedanang.edu.vn/app/thong-tin-tuyen-sinh-2022-tttsph-01>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Mã Trường: TTD

1. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

- Tốt nghiệp THPT (chính quy hoặc giáo dục thường xuyên)
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành (không mắc bệnh tim mạch, hô hấp, thần kinh..., không bị dị hình, dị tật)

2. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

- **PHƯƠNG THỨC 1:** Tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển
 - + Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD&ĐT
 - + Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Trường
- **PHƯƠNG THỨC 2:** Xét điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập THPT (học bạ)
 - + Sử dụng kết quả học bạ lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đối với ngành Quản Lý TDTT và ngành Y sinh học TDTT
- **PHƯƠNG THỨC 3:** Xét điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập THPT (học bạ) và kết hợp thi tuyển năng khiếu TDTT
 - + Sử dụng kết quả học bạ lớp 12 đối với ngành GDTC và HLT

+ Sử dụng kết quả học bạ lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đối với ngành Quản Lý TDTT và Y sinh học TDTT

3. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH:

NGÀNH	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	HÌNH THỨC XÉT TUYỂN	TỔ HỢP
Giáo dục thể chất	7140206	200	Xét tuyển và thi năng khiếu	T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT T03: Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu TDTT T05: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu TDTT T08: Toán, Giáo dục công dân, Năng khiếu TDTT
Huấn luyện thể thao	7140207	250		
Quản lý TDTT	7810301	50	Xét tuyển	B04: Toán, Sinh học, Giáo dục công dân C18: Ngữ văn, Sinh học, Giáo dục công dân
			Xét tuyển và thi năng khiếu	T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT T05: Ngữ văn, Giáo dục công dân, Năng khiếu TDTT
Y sinh học TDTT	7729001	50	Xét tuyển	B00: Toán, Hóa học, Sinh học B04: Toán, Sinh học, Giáo dục công dân
			Xét tuyển và thi năng khiếu	T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT T03: Ngữ văn, Sinh học, Năng khiếu TDTT

4. NỘI DUNG THI NĂNG KHIẾU

- **Quản lý TDTT, Y sinh học TDTT:** Bật xa tại chỗ (cm) và Chạy 100m (s)
- **Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao:**
 - + **Năng khiếu chung:** Bật xa tại chỗ (cm) và Chạy 100m (s)
 - + **Năng khiếu chuyên ngành:** Điền kinh; Thể dục; Thể thao dưới nước; Bóng đá; Cầu lông; Bóng rổ; Bóng bàn; Bóng chuyền; Bóng ném; Cờ vua; Võ thuật; Quần vợt; Khiêu vũ thể thao

5. THỜI GIAN THI NĂNG KHIẾU: Đợt 1: 14–15/7/2022 – Đợt 2: 29-30/7/2022 – Đợt 3: 11-12-8/2022

Đăng ký tại Link: <https://bitly.com/tuyensinhdaihocchinhquy2022>

Tư vấn hỗ trợ tuyển sinh: **Bộ phận Tuyển sinh - Trường Đại học TDTT Đà Nẵng.**

Địa chỉ: số 44 Đường Sỹ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3759918 - 0915090123 – 0932591985 - Website: <https://dsu.edu.vn>

Trích Nguồn: <https://dsu.edu.vn/tuyensinh/dai-hoc/tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2022-8195>

ĐẠI HỌC DUY TÂN

Mã trường: DDT

Chỉ tiêu: 6.200

I. VÙNG TUYỂN SINH: Tuyển sinh trong cả nước.

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trong nước hoặc nước ngoài đủ điều kiện xét tuyển học đại học theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Trường thực hiện theo phương thức xét tuyển

- Xét tuyển thẳng thí sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của trường.
- Xét tuyển dựa vào Kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia HCM & Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022.
- Xét kết quả kỳ thi THPT vào TẤT CẢ các ngành đào tạo của trường.

4. Xét kết quả Học bạ THPT cho tất cả các ngành: bằng 1 trong 2 hình thức sau

4.1. Dựa vào kết quả học tập năm lớp 12, cột trung bình cả năm của môn xét tuyển, hoặc

4.2. Dựa vào kết quả điểm Trung bình môn năm lớp 11 & điểm học kỳ 1 lớp 12:

Điểm Xét tuyển: Các ngành = tổng điểm 3 môn + điểm ưu tiên ≥ 18 điểm

Điểm Xét tuyển khối ngành Khoa học Sức khỏe bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định.

- **Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển Học bạ trực tuyến tại:** <http://tuyensinh.duytan.edu.vn/xettuyenhocbatruuctuyen/>

- Thí sinh tham gia xét tuyển Ngành Kiến trúc sẽ tham dự thi môn Vẽ Mỹ thuật (Hình thức: Vẽ tĩnh vật) do Trường Đại học Duy Tân tổ chức vào tháng 07/2022 hoặc thí sinh nộp kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật từ các trường khác để xét tuyển vào Trường Đại học Duy Tân.

- Đối tượng Xét tuyển thẳng:

- Tham dự đội tuyển thi Olympic quốc tế, cuộc thi KHKT quốc tế. Xét giải các năm: 2020, 2021, 2022.
- Giải học sinh giỏi Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích cấp Quốc gia; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong Cuộc thi Khoa học Kỹ thuật cấp quốc gia; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Giải Nhất, Nhì, Ba, khuyến khích tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN, thi tay nghề quốc tế.
- Tham gia Vòng thi tuần trong cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia" trên Đài truyền hình Việt Nam.
- Xét tuyển thẳng đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT Chuyên của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Xét tuyển thẳng Thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia.
- Xét tuyển thẳng Thí sinh là người nước ngoài tốt nghiệp THPT hoặc tương đương THPT của Việt Nam.

- Thí sinh có thể đăng ký Xét tuyển thẳng tại đây: <https://duytan.edu.vn/tuyen-sinh/xettuyenthang/>

IV. TÊN NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ MÔN XÉT TUYỂN

ĐẠI HỌC DUY TÂN CÓ 5 TRƯỜNG & 2 VIỆN ĐÀO TẠO					
TT	Mã ngành	Ngành học	Mã Chuyên ngành	Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển	
				Xét tuyển theo kết quả thi THPT	Xét tuyển Học bạ THPT
TRƯỜNG KHOA HỌC MÁY TÍNH - TOP 251 - 300 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION					
01	7480103	Ngành Kỹ thuật phần mềm có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Phần mềm (Đạt kiểm định ABET)	102		
		Thiết kế Games và Multimedia	122		
02	7480202	Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành:			
		Kỹ thuật Mạng (Đạt kiểm định ABET)	101		
03	7480101	Ngành Khoa học máy tính*	130		
04	7480109	Ngành Khoa học dữ liệu*	135		
05	7480102	Ngành Mạng Máy tính và Truyền thông Dữ liệu*	140		
TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - TOP 251 - 300 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION					
01	7510301	Ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử có các chuyên ngành (Đạt kiểm định ABET)		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Điện tử động	110		
		Điện tử-Viễn thông	109		
	7510301 (CLC)	Điện-Điện tử chuẩn PNU	113(PNU)		
02	7510205	Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô có chuyên ngành:			
		Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	117		
		Điện Cơ Ô tô	145		
03	7520216	Ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa có chuyên ngành:			
		Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	118		
04	7520201	Ngành Kỹ thuật Điện	150		
05	7520114 (CLC)	Ngành Kỹ thuật Cơ điện tử có chuyên ngành			
		Cơ điện tử chuẩn PNU	112(PNU)		
06	7210403	Ngành Thiết kế đồ họa	111		
07	7210404	Ngành Thiết kế thời trang	119		
08	7580101	Ngành Kiến trúc có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Văn, Vẽ (V01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Kiến trúc công trình	107		
09	7580103	Ngành Kiến trúc Nội thất có chuyên ngành			
		Kiến trúc nội thất	108		
10	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105		
11	7510102	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng có chuyên ngành:			
		Công nghệ Quản lý Xây dựng	206		
		Quản lý và Vận hành Tòa nhà	207		
12	7580205	Ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình Giao thông có chuyên ngành:			
		Xây dựng Cầu đường	106		

13	7510406	Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường có chuyên ngành:		301	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Công nghệ & Kỹ thuật Môi trường				
14	7540101	Ngành Công nghệ thực phẩm có chuyên ngành:		306	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Lý (C01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Công nghệ Thực phẩm				
15	7850101	Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường có chuyên ngành:		307	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, KHXX (C15)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Quản lý Tài nguyên và Môi trường				
16	7510202	Ngành Công nghệ Chế tạo Máy có chuyên ngành:		125	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Chế tạo Máy				

TRƯỜNG KINH TẾ

01	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Kinh doanh Tổng hợp	400		
		Quản trị Kinh doanh Bất động sản	415		
		QTKD Quốc tế (Ngoại thương)	411		
02	7340122	Ngành Thương mại Điện tử	422		
03	7340404	Ngành Quản trị Nhân lực	417		
04	7510605	Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng	416(HP)		
		Ngành Marketing có chuyên ngành			
		Quản trị Kinh doanh Marketing	401		
05	7340115	Digital Marketing	402		
		Ngành Kinh doanh Thương mại có chuyên ngành			
		Kinh doanh Thương mại	412		
07	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng có chuyên ngành:			
		Tài chính doanh nghiệp	403		
		Ngân hàng	404		
08	7310104	Ngành Kinh tế Đầu tư có chuyên ngành			
		Đầu tư Tài chính	433		
09	7340301	Ngành Kế toán có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Kế toán doanh nghiệp	406		
		Kế toán Nhà nước	409		
10	7340302	Ngành Kiểm toán có chuyên ngành			
		Kiểm toán	430		

TRƯỜNG NGOẠI NGỮ & XHNV

01	7220201	Ngành Ngôn ngữ Anh có các chuyên ngành:		1.Văn, Toán, Anh (D01) 2.Văn, Sử, Anh (D14)	1.Văn, Toán, Anh (D01)
----	---------	---	--	--	------------------------

		Tiếng Anh Biên-Phiên dịch	701	3.Văn, Địa, Anh (D15) 4.Văn, KHTN, Anh (D72)	2.Văn, Sử, Anh (D14) 3.Văn, Địa, Anh (D15) 4.Toán, Lý, Anh (A01)
		Tiếng Anh Du lịch	702		
		Tiếng Anh Thương mại	801		
	7220201 (CLC)	Tiếng Anh Chất lượng cao	711(CLC)		
02	7220204	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có các chuyên ngành:		1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 3.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15) 4.Văn, KHTN, Ngoại ngữ (D72)	1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)
		Tiếng Trung Biên-Phiên dịch	703		
		Tiếng Trung Du lịch	707		
		Tiếng Trung Thương mại	803		
	7220204 (CLC)	Tiếng Trung Chất lượng cao	714(CLC)		
03	7220210	Ngành Ngôn Ngữ Hàn Quốc có chuyên ngành:		1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Văn, Sinh, Ngoại ngữ (D13) 3.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09) 4.Toán, Địa, Ngoại ngữ (D10)	1.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 2.Văn, Sinh, Ngoại ngữ (D13) 3.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09) 4.Toán, Địa, Ngoại ngữ (D10)
		Tiếng Hàn Biên-Phiên dịch	705		
		Tiếng Hàn Du lịch	706		
		Tiếng Hàn Thương mại	805		
	7220210 (CLC)	Tiếng Hàn Chất lượng cao	710(CLC)		
04	7220209	Ngành Ngôn Ngữ Nhật có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)	1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)
		Tiếng Nhật Biên-Phiên dịch	704		
		Tiếng Nhật Du lịch	708		
		Tiếng Nhật Thương mại	804		
	7220209 (CLC)	Tiếng Nhật Chất lượng cao	719(CLC)		
05	7229030	Ngành Văn học có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Văn, Toán, Địa (C04)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Sử (C03) 4.Văn, Toán, Địa (C04)
		Văn Báo chí	601		
06	7310630	Ngành Việt Nam học có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)
		Việt Nam học	600		
07	7320104	Ngành Truyền thông đa phương tiện có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)
		Truyền thông Đa phương tiện	607		
08	7310206	Ngành Quan hệ quốc tế có các chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)
		Quan hệ Quốc tế (Chương trình Tiếng Anh)	608		
		Quan hệ Quốc tế (Chương trình Tiếng Nhật)	604		
		Quan hệ Quốc tế (Chương trình Tiếng Trung)	603		
		Quan hệ Kinh tế Quốc tế	602		
09	7320108	Ngành Quan hệ Công chúng	610	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH	1.Văn, Sử, Địa (C00)

				(C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)	2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01)
10	7380107	Ngành Luật kinh tế có chuyên ngành: Luật Kinh tế	609	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
11	7380101	Ngành Luật có chuyên ngành Luật học	606		
TRƯỜNG DU LỊCH					
01	7810201	Ngành Quản trị Khách sạn có chuyên ngành: Quản trị Du lịch & Khách sạn	407	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
	7810201 (CLC)	Quản trị Du lịch & Khách sạn chuẩn PSU	407(PSU)		
02	7810103	Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành có chuyên ngành: Quản trị Du lịch & Dịch vụ Hàng không	444		
		Hướng dẫn Du lịch quốc tế (tiếng Anh)	440		
		Hướng dẫn Du lịch quốc tế (tiếng Hàn)	441		
		Hướng dẫn Du lịch quốc tế (tiếng Trung)	442		
		Quản trị Du lịch & Lữ hành	408		
	7810103 (CLC)	Quản trị Du lịch & Lữ hành chuẩn PSU	408(PSU)		
03	7340412	Ngành Quản trị Sự kiện có chuyên ngành: Quản trị Sự kiện và Giải trí	413		
04	7810202 (CLC)	Ngành Quản trị Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống có chuyên ngành: Quản trị Du lịch và Nhà hàng chuẩn PSU	409(PSU)		
05	7810101	Ngành Du lịch có các chuyên ngành: Smart Tourism (Du lịch thông minh)	445		
		Văn hóa Du lịch	605		
TRƯỜNG Y - DƯỢC					
01	7720301	Ngành Điều dưỡng có chuyên ngành: Điều dưỡng Đa khoa	302	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, Sinh, Văn (B03)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)
02	7720201	Ngành Dược có chuyên ngành: Dược sỹ (Đại học)	303		
03	7720101	Ngành Y Khoa có chuyên ngành: Bác sĩ Đa khoa	305	1.Toán, KHTN, Văn (A16) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, KHTN, Ngoại ngữ (D90) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Lý, Sinh (A02) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
04	7720501	Ngành RĂNG-HÀM-MẬT có chuyên ngành Bác sĩ RĂNG-HÀM-MẬT	304	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, KHTN, Ngoại ngữ (D90)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Lý, Sinh (A02) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
05	7420201	Ngành Công nghệ Sinh học có chuyên ngành:		1.Toán, Hóa, Sinh (B00) 2.Toán, Sinh, Ngoại ngữ	1.Toán, Lý, Sinh (A02)

		Công nghệ Sinh học	310	(D08) 3.Toán, KHTN, Văn (A16) 4.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09)	2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
06	7520202	Ngành Kỹ thuật Y sinh	320	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Toán, Sinh, Văn (B03)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)
CÁC CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN & CHẤT LƯỢNG CAO, DU HỌC - ĐẠI HỌC DUY TÂN					
1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN & CHẤT LƯỢNG CAO					
1	7480202 (CLC)	An ninh Mạng chuẩn CMU	116(CMU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
2	7480103 (CLC)	Công nghệ Phần mềm chuẩn CMU (Đạt kiểm định ABET)	102(CMU)		
3	7340405 (CLC)	Hệ thống Thông tin Quản lý chuẩn CMU (Đạt kiểm định ABET)	410(CMU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
4	7510301 (CLC)	Cơ Điện tử chuẩn PNU	112(PNU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
5	7510301 (CLC)	Điện-Điện tử chuẩn PNU (Đạt kiểm định ABET)	113(PNU)		
6	7340101 (CLC)	Quản trị Kinh doanh chuẩn PSU	400(PSU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
7	7340201 (CLC)	Tài chính-Ngân hàng chuẩn PSU	404(PSU)		
8	7340301 (CLC)	Kế toán chuẩn PSU	405(PSU)		
9	7810201 (CLC)	Quản trị Du lịch & Khách sạn chuẩn PSU	407(PSU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
10	7810103 (CLC)	Quản trị Du lịch & Lữ hành chuẩn PSU	408(PSU)		
11	7810202 (CLC)	Quản trị Du lịch và Nhà hàng chuẩn PSU	409(PSU)		
12	7580201 (CLC)	Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp chuẩn CSU	105(CSU)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)

13	7580101 (CLC)	Kiến trúc Công trình chuẩn CSU	107(CSU)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, KHXH, Vẽ (M02) 4.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, Ngoại ngữ, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)
2. CHƯƠNG TRÌNH HỌC & LẤY BẢNG MỸ TẠI ĐÀ NẴNG (DU HỌC TẠI CHỖ 4+0)					
1	7480101 (ADP)	Ngành Khoa học Máy tính có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Thông tin TROY	102(TROY)		
2	7810201 (ADP)	Ngành Quản trị Khách sạn có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3. Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Du lịch & Khách sạn TROY	407(TROY)		
3	7340101 (ADP)	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Kinh doanh KEUKA	400(KE)		
CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG - ĐẠI HỌC DUY TÂN					
1	7480103 (HP)	Ngành Kỹ thuật phần mềm có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Big Data & Machine Learning (HP)	115(HP)		
		Trí tuệ Nhân tạo (HP)	121(HP)		
2	7340101 (HP)	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Doanh nghiệp (HP)	400(HP)		
3	7340115 (HP)	Ngành Marketing có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Marketing & Chiến lược (HP)	401(HP)		
4	7510605 (HP)	Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02)
		Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng (HP)	416(HP)		

					4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
5	7340201 (HP)	Ngành Tài chính-Ngân hàng có chuyên ngành:		403(HP)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Tài chính (HP)			
6	7340301 (HP)	Ngành Kế toán có chuyên ngành		406(HP)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Kế toán Quản trị (HP)			
7	7310206 (HP)	Ngành Quan hệ quốc tế có chuyên ngành		608(HP)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quan hệ quốc tế (HP)			
8	7380107 (HP)	Ngành Luật kinh tế có chuyên ngành		609(HP)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Luật Kinh doanh (HP)			
CMU: Carnegie Mellon University			HP: Chương trình Tài năng		
PSU: Pennslyania State University			TROY: ĐẠI HỌC TROY		
CSU: California State University			KE: ĐẠI HỌC KEUKA		
CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VIỆT - NHẬT (VJJ)					
1	7480103	Ngành Kỹ thuật phần mềm có các chuyên ngành:		102(VJJ)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Phần mềm			
2	7480202	Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành:		101(VJJ)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Thiết kế Games và Multimedia			
3	7480101	Ngành Khoa học máy tính*		130(VJJ)	
4	7510301	Ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử có các chuyên ngành:		110(VJJ)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Điện tự động			
5	7510205	Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô có chuyên ngành:		117(VJJ)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Điện tử-Viễn thông			
6	7520201	Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô có chuyên ngành:		119(VJJ)	
7	7210403	Ngành Thiết kế đồ họa		111(VJJ)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Công nghệ Kỹ thuật Ô tô			
8	7580101	Ngành Kỹ thuật Điện*		150(VJJ)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V00) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Kỹ thuật Điện*			
8	7580101	Ngành Kiến trúc có các chuyên ngành:		107(VJJ)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Kiến trúc công trình			

				(V01) 3.Toán, KHXH, Vẽ (M02) 4.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	3.Toán, Ngoại ngữ, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)
9	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105(VJJ)		
10	7510406	Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Công nghệ & Kỹ thuật Môi trường	301(VJJ)		
11	7540101	Ngành Công nghệ thực phẩm có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Lý (C01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Toán, Hóa, Sinh (B00)
		Công nghệ Thực phẩm	306(VJJ)		
12	7340101	Ngành Quản trị kinh doanh có các chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Kinh doanh Marketing	401(VJJ)		
13	7340121	Ngành Kinh doanh Thương mại có chuyên ngành		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Văn, Toán, Lý (C01) 3.Văn, Toán, Hoá (C02) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Kinh doanh Thương mại	412(VJJ)		
14	7220209	Ngành Ngôn ngữ Nhật* có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)	1.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Văn, Sử, Ngoại ngữ (D14) 4.Văn, Địa, Ngoại ngữ (D15)
		Tiếng Nhật Du lịch	708(VJJ)		
15	7810201	Ngành Quản trị Khách sạn có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Du lịch & Khách sạn	407(VJJ)		
16	7810103	Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01)
		Quản trị Du lịch & Lữ hành	408(VJJ)		
17	7720301	Ngành Điều dưỡng có chuyên ngành:		1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03)
		Điều dưỡng Đa khoa	302(VJJ)		

				4.Toán, Sinh, Văn (B03)	4.Văn, Toán, Hoá (C02)
18	7420201	Ngành Công nghệ Sinh học có chuyên ngành:		1.Toán, Hóa, Sinh (B00)	1.Toán, Lý, Sinh (A02)
		Công nghệ Sinh học	310(VJJ)	2.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08) 3.Toán, KHTN, Văn (A16) 4.Toán, Sử, Ngoại ngữ (D09)	2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Toán, Sinh, Ngoại ngữ (D08)
19	7320104	Truyền thông đa phương tiện có chuyên ngành:		1.Văn, Sử, Địa (C00)	1.Văn, Sử, Địa (C00)
		Truyền thông Đa phương tiện	607(VJJ)	2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)	2.Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01) 3.Toán, Lý, Ngoại ngữ (A01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)

(*) **Ngành mới dự kiến tuyển sinh năm 2022**

Chương trình Liên kết đào tạo với các đại học nước ngoài: Mỹ, Anh, Canada

- Liên kết với trường Đại học Appalachian State (thuộc hệ thống Đại học Bang North Carolina - UNC danh tiếng, Mỹ), Đại học Medaille College (Buffalo, Mỹ) và Đại học Cape Breton (Canada) triển khai chương trình Du học 2+2.
- Liên kết với trường Đại học Coventry (Anh Quốc) tổ chức tuyển sinh chương trình liên kết du học 3+1 với các chuyên ngành đào tạo: Quản trị Kinh doanh, Tài chính, Quản trị Du lịch & Khách sạn, Công nghệ Thông tin.
- Liên kết với trường Cao đẳng Cộng đồng Lorain (bang Ohio, Hoa Kỳ) tổ chức tuyển sinh chương trình liên kết du học 1+1+2 với các chuyên ngành đào tạo: Kế toán, Tài chính, Quản trị Kinh doanh, Marketing, Du lịch, và Công nghệ Thông tin.

*** Ghi chú:** Thí sinh đăng ký xét tuyển theo MÃ NGÀNH đào tạo và được quyền chọn các chuyên ngành thuộc mã ngành xét tuyển để học.

V. ĐIỂM XÉT TUYỂN:

1. Xét theo kết quả thi THPT

- **Đối với các ngành chung:**

Điểm Xét tuyển = (điểm thi môn 1 + điểm thi môn 2 + điểm thi môn 3) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng)

- **Đối với ngành Kiến trúc:**

Điểm Xét tuyển = (điểm môn 1 + điểm môn 2 + điểm thi Vẽ Mỹ thuật) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

2. Xét theo kết quả Học bạ THPT: Áp dụng cho cả 2 phương án

+ Điểm Xét tuyển = (điểm Môn 1 + điểm Môn 2 + điểm Môn 3) + điểm ưu tiên ≥ 18 điểm

+ Điểm Xét tuyển khối ngành Khoa học Sức khỏe bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định.

+ Môn Vẽ Mỹ thuật: Thí sinh có thể thi tại Trường Đại học Duy Tân hoặc dùng kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật tại các trường đại học có tổ chức thi trong cả nước. Trường Đại học Duy Tân tổ chức thi môn Vẽ Mỹ thuật vào tháng 07/2022.

3. Xét theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. HCM & Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức

- Đối với các ngành chung: Tổng điểm đạt từ 600 điểm trở lên;

- Đối với các ngành Y khoa, Răng-Hàm-Mặt và Dược: Tổng điểm đạt từ 600 điểm trở lên, đồng thời có kết quả học lực năm lớp 12 đạt loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 điểm trở lên;

- Đối với các ngành Điều dưỡng: Tổng điểm đạt từ 600 điểm trở lên, đồng thời có kết quả học lực năm lớp 12 đạt loại Trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,5 điểm trở lên;

4. Đối với các chương trình Du học tại chỗ lấy bằng Mỹ và liên kết đào tạo với nước ngoài: Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển khi đã tốt nghiệp THPT

VI. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN

1. Thời gian nhận Hồ sơ Đăng ký Xét tuyển theo Học bạ THPT: Từ tháng 02/2022

2. Thời gian nhận Hồ sơ Đăng ký Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực: sau khi có kết quả công bố từ các trường tổ chức.

3. Thời gian nhận Hồ sơ Đăng ký Xét tuyển theo kết quả thi THPT:

- Theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Thí sinh đăng ký nguyện vọng vào Trường Đại học Duy Tân theo lịch cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được điều chỉnh nguyện vọng sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT.

4. Thời gian nhận Hồ sơ Đăng ký thi tuyển môn Vẽ Mỹ thuật tại Trường Đại học Duy Tân: đến 17h00 ngày 15/07/2022.

5. Địa chỉ nhận Hồ sơ Xét tuyển: TRUNG TÂM TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

- Địa chỉ: 254 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

- Điện thoại: 1900.2252 - 0905.294.390 - 0905.294.391

Mọi thông tin về Tuyển sinh, thí sinh có thể tìm hiểu chi tiết tại: <http://tuyensinh.duytan.edu.vn>

hoặc liên hệ trực tiếp: Ban Tư vấn Tuyển sinh Đại học Duy Tân

Địa chỉ: 254 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: (0236) 3650.403 - 3653.561 - 3827.111 - 2243.775 - Fax: (0236) 3650.443

Số điện thoại đường dây nóng: 1900.2252 - 0905.294.390 - 0905.294.391

Facebook: tuyensinhDTU; Zalo: 0905.294.390 - 0905.294.391

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á

Mã trường: DAD

I. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Thí sinh chọn 1 hoặc cả 3 phương thức để xét tuyển (XT)

1. XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT (HỌC BẠ)	
1.1. Xét điểm trung bình 3 năm Điểm XT = TBC lớp 10 + TBC lớp 11 + HK1 lớp 12 + Điểm UT ≥ 18.0	Ngành GD Mầm non, GD Tiểu học, Dược ≥ 24.0 Ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hồi chức năng ≥ 19.5
1.2. Xét điểm trung bình 3 học kỳ Điểm XT = HK 1 lớp 11 + HK 2 lớp 11 + HK 1 lớp 12 + Điểm UT ≥ 18.0	
1.3. Xét điểm trung bình 3 môn học lớp 12 Điểm XT = ĐTB môn 1 + ĐTB môn 2 + ĐTB môn 3 + Điểm UT ≥ 18.0	
1.4. Xét điểm trung bình năm lớp 12 Điểm XT = Điểm TBC lớp 12 + Điểm UT ≥ 6.0	Ngành GD Mầm non, GD Tiểu học, Dược ≥ 8.0 Ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hồi chức năng ≥ 6.5
2. XÉT KẾT QUẢ KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT	
2.1. Xét điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT Điểm XT = Tổng điểm thi 3 môn/tổ hợp + Điểm UT	Điểm xét trúng tuyển vào các ngành của Trường sẽ được công bố sau khi có kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT
2.2. Xét điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu Điểm XT = Tổng điểm môn/tổ hợp + Điểm thi NK + Điểm UT Trường tổ chức thi năng khiếu các môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển: hát/múa; kể chuyện/ đọc diễn cảm. Đợt 1: 04 - 09/7; Đợt 2: 18 - 23/7. Hoặc thí sinh có thể sử dụng kết quả môn thi năng khiếu tại các trường ĐH có tổ chức thi.	
3. TUYỂN THĂNG VÀ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN: theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT vào tất cả các ngành đào tạo của Trường	

II. NGÀNH, MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN

(Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm trung bình xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên đối với các ngành: Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Dược học; xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm trung bình xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với ngành: Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hồi chức năng).

TT	Ngành học	Mã ngành	TT	Ngành học	Mã ngành
1	Giáo dục mầm non	7140201	19	Kỹ thuật máy tính *	7480106
2	Giáo dục tiểu học	7140202	20	Khoa học dữ liệu & Trí tuệ nhân tạo	7480112
3	Ngôn ngữ Anh	7220201	21	Công nghệ thông tin	7480201
4	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	22	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	7510103
5	Ngôn ngữ Nhật	7220209	23	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	7510205
6	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	24	Công nghệ Kỹ thuật điện - Điện tử	7510301
7	Tâm lý học	7310401	25	CNKT Điều khiển và Tự động hóa	7510303
8	Truyền thông đa phương tiện	7320104	26	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605
9	Quản trị kinh doanh	7340101	27	Công nghệ thực phẩm	7540101
10	Marketing	7340115	28	Nông nghiệp công nghệ cao	7620101
11	Kinh doanh quốc tế	7340120	29	Dược	7720201
12	Thương mại điện tử	7340122	30	Điều dưỡng	7720301
13	Tài chính - ngân hàng	7340201	31	Hộ sinh *	7720302
14	Kế toán	7340301	32	Dinh dưỡng	7720401
15	Quản trị nhân lực	7340404	33	Kỹ thuật phục hồi chức năng *	7720603
16	Quản trị văn phòng	7340406	34	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
17	Luật	7380101	35	Quản trị khách sạn	7810201
18	Luật kinh tế	7380107	36	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202

* Ngành đang mở

III. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN VÀ NHẬP HỌC

Tiếp nhận hồ sơ đăng ký	Thời gian xét tuyển và nhập học (dự kiến)
Từ 15/1/2022	Đợt 1: 18-30/7/2022 - Đợt 2: 08-20/8/2022

Nhà trường tổ chức 3 đợt xét bổ sung theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT nếu chưa đủ chỉ tiêu.

IV. ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ: Thí sinh gửi hồ sơ xét tuyển chuyển phát nhanh qua đường bưu điện hoặc đến nộp trực tiếp tại trường

- Đại học Đông Á theo địa chỉ: Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Đông Á
- Địa chỉ: 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
 - Điện thoại: 0236.3519.991 - 0236.3519.929 - 0236.3531.332 - Hotline: 0981 326 327
 - Website: donga.edu.vn - Email: phongtuyensinh@donga.edu.vn

Trích nguồn: <https://donga.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM

1. Mã trường: DQU

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 1.050, các ngành sư phạm: 400 chỉ tiêu

3. Các ngành tuyển sinh

STT	Mã Ngành	Tên Ngành	Tổ Hợp Môn Xét Tuyển	Mã Tổ Hợp Môn
1	7140209	Sư phạm Toán	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01
			Ngữ văn, Toán, GD công dân;	C14
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.	D01
2	7140211	Sư phạm Vật lý	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01
			Toán, Vật lý, Sinh học;	A02
			Văn, Vật lý, Tiếng Anh.	D11
3	7140213	Sư phạm Sinh học	Toán, Vật lý, Sinh học;	A02
			Toán, Hóa học, Sinh học;	B00
			Toán, Sinh học, Tiếng Anh;	D08
			Văn, Sinh học, Tiếng Anh.	D13
4	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;	C00
			Ngữ văn, Lịch sử, GD Công dân;	C19
			Ngữ văn, Địa lý, GD Công dân;	C20
			Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh.	D14
5	7140201	Giáo dục Mầm non	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu;	M00
			Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu;	M01
			Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu;	M02
			Ngữ văn, GD CD, Năng khiếu.	M03
6	7140202	Giáo dục Tiểu học	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;	C00
			Ngữ văn, Toán, GD công dân;	C14
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.	D01
7	7480201	Công nghệ Thông tin	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
			Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01
			Ngữ văn, Toán, GD công dân;	C14
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.	D01
8	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh;	D01
			Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh;	D11
			Ngữ văn, GD CD, Tiếng Anh.	D66
9	7310630	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	Toán, Địa lý, GD Công dân;	A09
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;	C00
			Ngữ văn, Địa lý, GD Công dân;	C20
			Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh.	D01
10	7620112	Bảo vệ thực vật	Toán, Vật lý, Sinh học;	A02
			Toán, Hóa học, Sinh học;	B00
			Toán, Sinh học, Tiếng Anh;	D08
			Văn, Sinh học, Tiếng Anh.	D13
11	7229010	Lịch sử	Toán, Lịch sử, GD Công dân;	A08
			Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý;	C00
			Ngữ văn, Lịch sử, GD Công dân;	C19
			Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh.	D14

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học;
- Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

5. Phạm vi tuyển sinh:

- Các ngành sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam.
- Các ngành ngoài sư phạm tuyển sinh trong cả nước.

6. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020, 2021, 2022
- Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ lớp 12).
- Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp với thi tuyển năng khiếu đối với ngành Giáo dục Mầm non.

7. Thời gian tuyển sinh:

- Tổ chức nhiều đợt xét tuyển trong năm. Số đợt xét tuyển tùy thuộc vào tình hình xét tuyển và chỉ tiêu còn lại sau mỗi đợt.
- Tổ chức thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non dự kiến ngày 10, 11/7/2022.

Thông tin liên hệ:

- Phòng Quản lý chất lượng & Thanh tra (Tầng 1 - Khu B), Trường Đại học Quảng Nam. Số 102, đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Điện thoại số: 0235.221.5255
- Ban Tư vấn tuyển sinh: 0868.343.058 - Website: <http://qnamuni.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh/>.

Trích nguồn: <http://qnamuni.edu.vn/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2022/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN CHÂU TRINH

Mã trường: DPC

Các thông tin tuyển sinh năm 2022

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)

2. Đối tượng tuyển sinh

- Tất cả thí sinh tính tới thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

3. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển:

- **Đối với phương thức xét tuyển:** Chỉ áp dụng đối với bậc Đại học. Thực hiện tuyển sinh theo 4 phương án sau:
 - + **Phương án 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi THPT năm 2022
 - + **Phương án 2:** Xét tuyển dựa vào học bạ THPT gồm 2 lựa chọn, cụ thể:
 - Dựa vào điểm tổng kết 3 môn học (theo tổ hợp môn xét tuyển) của lớp 12
 - Dựa vào điểm tổng kết 3 môn học (theo tổ hợp môn xét tuyển) của lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12
 - + **Phương án 3:** Xét theo điểm thi đánh giá năng lực của trường ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh
 - + **Phương án 4:** Xét tuyển thẳng theo Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành. Ngoài ra nhà trường còn có quy định tuyển thẳng cụ thể cho các đối tượng khác như sau: Thí sinh là người nước ngoài (người Lào): Căn cứ vào quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Thể thao nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, kết quả học tập THPT kết hợp với kết quả kiểm tra Tiếng Việt, Hiệu trưởng xem xét quyết định trúng tuyển nhập học.

Phương án	Bậc ĐH sư phạm	Bậc ĐH Ngoài Sư phạm	Bậc Cao đẳng sư phạm
Phương án 1	70	30	30
Phương án 2	30	60	70
Phương án 3	0	5	0
Phương án 4	0	5	0

Thí sinh phải dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng hoặc sử dụng kết quả thi năng khiếu do các cơ sở Đào tạo Đại học, Cao đẳng khác tổ chức thi.

5. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/nhóm ngành/khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo (dự kiến)

Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4
			Tổng chỉ tiêu	Theo KQ THPT	Theo phương thức khác				
Đại học	7140210	Sư phạm Tin học	44	31	13	A00	A01	D01	D90
Đại học	7140211	Sư phạm Vật lý	35	25	10	A00	A01	D01	
Đại học	7140217	Sư phạm Ngữ văn	47	33	14	C00	D78		
Đại học	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	120	84	36	D01	D72	D96	
Đại học	7140209	Sư phạm Toán học	50	35	15	A00	A01	D01	D90
Đại học	7140202	Giáo dục Tiểu học	73	51	22	A00	D01	C00	D78
Đại học	7420203	Sinh học ứng dụng	30	9	21	B00	D90		
Đại học	7480201	Công nghệ Thông tin	80	24	56	A00	A01	D01	D90
Đại học	7510201	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	100	30	70	A00	A01	D90	
Đại học	7520114	Kỹ thuật Cơ - Điện tử	100	30	70	A00	A01	D90	
Đại học	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	30	9	21	A00	A01	D90	
Đại học	7310105	Kinh tế phát triển	80	24	56	A00	A01	D01	D90
Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	40	12	28	D01		D96	

Đại học	7340122	Thương mại điện tử	30	9	21	A00		D01	D90
Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh							
		- Quản trị kinh doanh	50	15	35	A00		D01	D90
		- Quản trị kinh doanh du lịch	50	15	35	A00	A01	D01	D90
Đại học	7810101	Du lịch	30	9	21	C00		D01	D78
Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	134	40	94	M00			
			1123						

- **Thi năng khiếu:**
 - + Thời gian nhận hồ sơ đăng ký: Sau 15 ngày kể từ ngày công bố đề án cho đến 30/6/2022.
 - + Thời gian thi các môn năng khiếu (dự kiến): Ngày 15 và 16/7/2022
 - + Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: Trường ĐH Phạm Văn Đồng, 509 Phan Đình Phùng, Tp. Quảng Ngãi
 - + Hồ sơ thi năng khiếu gồm: 01 Phiếu đăng ký thi năng khiếu, 02 ảnh 4x6 cm, 02 phong bì có dán đủ tem và ghi địa chỉ liên lạc của thí sinh. Mẫu Phiếu đăng ký thi năng khiếu thí sinh tải xuống từ website của trường: tuyensinh.pdu.edu.vn
 - + Lệ phí thi năng khiếu: 300.000đ/thí sinh
- **Các đợt thi năng khiếu bổ sung:** Căn cứ vào kết quả xét tuyển của đợt chính thức, nếu nhà trường có tuyển bổ sung đối với ngành cao đẳng Giáo dục mầm non, Trường sẽ thông báo cụ thể lịch thi

Mọi thông tin cần tư vấn vui lòng liên hệ: Văn phòng tuyển sinh
 Cô Nguyễn Thị Hải Linh - Phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Phan Châu Trinh
 Địa chỉ: Số 09 Nguyễn Gia Thiều, P. Điện Ngọc - Thị xã Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam
 (thuộc Khu đô thị Làng Đại học Đà Nẵng, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng)
 Điện thoại: (0235) 3 757 959 – Hotline / Zalo: 0962553155 – 0981559255 - Email: tuyensinh@pctu.edu.vn
 Fanpage: www.facebook.com/daihocphanchautrinh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Mã Trường: DKQ
Phương án tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2022

TT	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét xét tuyển
I. QUANG NGÃI (Mã tuyển sinh: UFA)			
1	Quản trị kinh doanh + Quản trị Doanh nghiệp + Quản trị Marketing + Quản trị Khách sạn và Du lịch	7340101	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - Khoa học tự nhiên
2	Kinh doanh Quốc tế + Kinh doanh Quốc tế	7340120	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - Khoa học tự nhiên
3	Tài chính - Ngân hàng + Tài chính công + Tài chính Doanh nghiệp + Ngân hàng + Thuế - Hải quan	7340201	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - Khoa học tự nhiên
4	Kế toán + Kế toán Nhà nước + Kế toán Doanh nghiệp + Kiểm toán	7340301	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - Khoa học tự nhiên
5	Luật Kinh tế + Luật Kinh tế	7380107	A00: Toán - Vật lý - Hóa học D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh C00: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý C15: Ngữ văn - Toán - Khoa học xã hội
II. THỪA THIÊN HUỆ (Mã tuyển sinh: HFA)			
1	Quản trị kinh doanh + Quản trị Doanh nghiệp + Quản trị Marketing + Quản trị Khách sạn và Du lịch	7340101	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - Khoa học tự nhiên
2	Kế toán + Kế toán Nhà nước + Kế toán Doanh nghiệp	7340301	A00: Toán - Vật lý - Hóa học A01: Toán - Vật lý - Tiếng Anh D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh A16: Toán - Ngữ văn - Khoa học tự nhiên
3	Luật Kinh tế + Luật Kinh tế	7380107	A00: Toán - Vật lý - Hóa học

			D01: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh C00: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý C15: Ngữ văn - Toán - Khoa học xã hội
--	--	--	---

- 1. Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022:** Thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT về thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển, cách thức đăng ký. Thí sinh cần tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022 và có điểm thi đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường quy định (Riêng các đợt xét tuyển bổ sung sẽ theo lịch của trường)
- 2. Đối với các phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học bạ THPT:** Thí sinh cần có điểm xét tuyển đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường quy định. Cụ thể, với phương thức xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn, thí sinh cần có tổng điểm trung bình năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên; với phương thức xét tuyển học bạ 05 học kỳ, thí sinh cần có tổng điểm trung bình 05 học kỳ xét tuyển (trừ học kỳ II năm lớp 12) đạt từ 18 điểm trở lên (bao gồm điểm ưu tiên).

Thí sinh đăng ký xét tuyển học bạ theo 02 hình thức:

- Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại website (www.tckt.edu.vn/tuyen-sinh)
- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện về địa chỉ:
 - + Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Tài chính - Kế toán: Số 02 Đường Lê Quý Đôn, La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
 - + Phòng Quản lý Đào tạo - Công tác sinh viên, Phân hiệu Trường Đại học Tài chính - Kế toán tại Thừa Thiên Huế: Số 290 Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế.

Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển học bạ theo từng đợt, dự kiến như sau:

Đợt 1: Nhận hồ sơ từ 15/4 đến 30/7/2022	Đợt 2: Nhận hồ sơ từ 01/8 đến 15/8/2022	Đợt 3: Nhận hồ sơ từ 16/8 đến 30/10/2022
---	---	--

Liên hệ để được tư vấn chi tiết: Trường Đại Học Tài Chính - Kế Toán

Địa chỉ: 02 Lê Quý Đôn, La Hà, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi
 Hotline: 0345 326 999 - Điện thoại: 0255 3 84 55 66 (Quảng Ngãi) – 0234 6 29 68 68 (Huế)
 Email: tuyensinh@tckt.edu.vn - Facebook: fb.com/tuyensinhdhtckt, fb.com/dhtckt

Trích Nguồn: <http://www.tckt.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh/chi-tiet/phuong-an-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2022-1>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

Mã trường: DPQ

I. Danh mục các ngành tuyển sinh năm 2022

TT	Bậc	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Đại học	7140210	Sư phạm Tin học	44
2	Đại học	7140211	Sư phạm Vật lý	35
3	Đại học	7140217	Sư phạm Ngữ văn	47
4	Đại học	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	120
5	Đại học	7140209	Sư phạm Toán học	50
6	Đại học	7140202	Giáo dục Tiểu học	73
7	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	134
8	Đại học	7420203	Sinh học ứng dụng	50
9	Đại học	7480201	Công nghệ Thông tin	100
10	Đại học	7510201	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	100
11	Đại học	7520114	Kỹ thuật Cơ – Điện tử	100
12	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử – Viễn thông	50
13	Đại học	7310105	Kinh tế phát triển	80
14	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	40
15	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	40
16	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	100
17	Đại học	7810101	Du lịch	50

II. Bảng tổ hợp môn xét tuyển

Mã tổ hợp môn	Môn 1	Môn 2	Môn 3
A00	Toán	Vật lý	Hóa học
A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
B00	Toán	Hóa học	Sinh học

C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý
D01	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh
D72	Ngữ văn	Khoa học tự nhiên	Tiếng Anh
D78	Ngữ văn	Khoa học xã hội	Tiếng Anh
D90	Toán	Khoa học tự nhiên	Tiếng Anh
D96	Toán	Khoa học xã hội	Tiếng Anh
M00	Ngữ văn	Toán	Năng khiếu giáo dục mầm non (Đọc, kể diễn cảm và hát)

III. Phương thức, Đối tượng và Phạm vi tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển;

- **Đối với phương thức xét tuyển:** Chỉ áp dụng đối với bậc Đại học. Thực hiện tuyển sinh theo 4 phương án sau:

+ **Phương án 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi THPT năm 2022.

+ **Phương án 2:** Xét tuyển dựa vào học bạ THPT, gồm 2 lựa chọn, cụ thể:

• Dựa vào điểm tổng kết 3 môn học (theo tổ hợp môn xét tuyển) của lớp 12.

• Dựa vào điểm tổng kết 3 môn học (theo tổ hợp môn xét tuyển) của lớp 11 và học kỳ 1 của lớp 12

+ **Phương án 3:** Xét tuyển dựa theo kết quả đánh giá năng lực năm 2022 của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

+ **Phương án 4:** Xét tuyển thẳng theo Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học.

• Đối với ngành Sư phạm bậc đại học chỉ áp dụng hai phương thức xét tuyển, gồm: Phương án 1 & 2.

• Đối với phương thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển: Áp dụng đối với bậc Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, áp dụng theo 2 phương:

➢ Phương án 1: Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi THPT năm 2022 kết hợp điểm thi năng khiếu.

➢ Phương án 2: Xét tuyển dựa vào điểm tổng kết 2 môn học (theo tổ hợp môn xét tuyển) của lớp 12 kết hợp điểm thi năng khiếu.

Lưu ý: Thí sinh phải dự thi năng khiếu tại trường Đại học Phạm Văn Đồng hoặc sử dụng kết quả thi năng khiếu do các cơ sở Đào tạo Đại học, Cao đẳng khác tổ chức thi

2. Đối tượng tuyển sinh

- Tất cả thí sinh tính tới thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

- Không vi phạm pháp luật.

3. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

IV. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Bậc đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên:

+ Xét tuyển theo Phương án 1: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục – Đào tạo

+ Xét tuyển theo Phương án 2: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Bậc đại học không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên:

+ Xét tuyển theo Phương án 1: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm 3 môn (theo tổ hợp môn xét tuyển) của kết quả thi THPT năm 2022 cộng với điểm ưu tiên phải đạt từ 15 điểm trở lên.

+ Xét tuyển theo Phương án 2: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có điểm tổng kết 3 môn học (theo tổ hợp môn xét tuyển) của lớp 12 phải đạt từ 15 điểm trở lên. Hoặc thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có điểm tổng kết 3 môn học (theo tổ hợp môn xét tuyển) của [lớp 11 + học kỳ 1 của lớp 12]/2 phải đạt từ 15 điểm trở lên.

+ Xét tuyển theo phương án 3: Kết quả thi đánh giá năng lực năm 2022 của ĐHQG-HCM đạt từ 650 điểm trở lên

+ Xét tuyển theo Phương án 4: Theo quy định trong Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành.

- Bậc cao đẳng, khối ngành đào tạo giáo viên:

+ Xét tuyển theo Phương án 1: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển cộng với điểm ưu tiên phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục – Đào tạo.

+ Xét tuyển theo Phương án 2: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên. Riêng đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm và đã tốt nghiệp THPT nếu sử dụng kết quả học tập của trung cấp sư phạm để xét tuyển vào ngành CĐ Giáo dục Mầm non thì phải có điểm trung bình toàn khóa đạt từ 6,5 điểm trở lên.

2. Điều kiện để được nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển hệ chính quy:

- Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo từng ngành, nhóm ngành.

- Làm phiếu đăng ký xét tuyển và điền đầy đủ thông tin theo mẫu (Xét tuyển đợt 1 theo Phương thức 1, thí sinh thực hiện theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xét tuyển theo phương thức 2 và 3 và các đợt xét tuyển bổ sung theo phương thức 1, thực hiện theo mẫu của Trường Đại học Phạm Văn Đồng ban hành).

- Nộp lệ phí xét tuyển theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đối với ngành Cao đẳng Giáo dục Mầm non, thí sinh phải có giấy xác nhận điểm thi năng khiếu do Trường Đại học Phạm Văn Đồng hoặc các trường Cao đẳng, Đại học khác tổ chức thi và cấp

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Phạm Văn Đồng**

Địa chỉ: 509 Phan Đình Phùng, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: 02553713123 – 0839 509 509 - Website: www.pdu.edu.vn



TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUẢNG NGÃI QUANG NGAI COLLEGE

Mã trường: CDT3503

THÔNG TIN TRƯỜNG

- Tên trường:** Trường Cao đẳng Quảng Ngãi (Quang Ngai College)
- Năm thành lập:** 2007
- Loại hình:** Tự thực
- Cơ quan quản lý:** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Địa chỉ:**
 - Cơ sở 1: Km 1051+400 Quốc lộ 1A, P. Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi
 - Điện thoại: (0255)2217077 - Hotline: 0814 155 777 – 0945 7055 77 - Zalo: 0819 155 777
 - Cơ sở 3: 78 Ngô Sỹ Liên. P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi
 - Tư vấn trực tuyến:
 - + Website: <https://qnc.edu.vn/>
 - + Facebook: <https://www.facebook.com/caodangquangngai>
 - + Email: tuyensinh@qnc.edu.vn

THÔNG TIN TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHÍNH QUY NĂM 2022

- Thời gian tuyển sinh:** Chia thành 4 đợt
 - Đợt 1:** Từ ngày 01/01 – 31/03
 - Đợt 2:** Từ ngày 01/04 – 30/06
 - Đợt 3:** Từ ngày 01/07 – 30/09
 - Đợt 4:** Từ ngày 01/10 – 31/12
- Đối tượng tuyển sinh:**
 - Trung cấp: Tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên
 - Cao đẳng: Tốt nghiệp THPT; Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định
- Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển
- Ngành, nghề đào tạo - Quy mô tuyển sinh:**

STT	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành, nghề	Trình độ/Chỉ tiêu		Tổ hợp xét tuyển
			Cao đẳng	Trung cấp	
1	Dược	6720201	150		B00, A00, D07, C08
		5720201		30	
2	Điều dưỡng	6720301	120		B00, A00, D07, C08
		5720301		30	
3	Hộ sinh	6720303	60		B00, A00, D07, C08
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	35		A00, A01, D01, D07
5	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	30		A00, A01, C00, D01
		5810207		30	
6	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	6810205	30		A00, A01, C00, D01
7	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	30		A00, A01, C00, D01
8	Quản trị khách sạn	6810201	30		A00, A01, C00, D01
		5810201		30	
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	30		A00, A01, D01, D07
		5480202		30	
10	Kế toán	6340301	30		A00, A01, D01
11	Công tác xã hội	6760101	35		A00, A01, C00, D01
12	Hướng dẫn du lịch	5810103		30	C00, D01, D14
13	Thư viện - Thiết bị trường học	5320207		30	C00, D01, D14
14	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	5580202		30	A00, A01, D01, D07
15	Văn thư hành chính	5320301		30	C00, D01, D14
16	Điện công nghiệp	5520227		30	A00, A01, D01, D07

Đăng ký trực tuyến: <http://qnc.edu.vn/chuyen-muc/dang-ky-truc-tuyen>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Mã trường: DQN

1. Dự kiến tổng chỉ tiêu 5.500, các ngành sư phạm: 1.600 chỉ tiêu

2. Phạm vi tuyển sinh: toàn quốc

3. Các ngành tuyển sinh: 49 ngành (dự kiến 3 ngành mới) và 01 CTĐT chất lượng cao ngành Kế Toán

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Môn nhân hệ số 2
1	7140201	Giáo dục Mầm non	M00	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00 ; C00 ; D01	
3	7140205	Giáo dục Chính trị	C00 ; C19 ; D01	
4	7140206	Giáo dục Thể chất	T00 ; T02 ; T03 ; T05	Năng khiếu
5	7140209	Sư phạm Toán học	A00 ; A01	
6	7140210	Sư phạm Tin học	A00 ; D01 ; D07	
7	7140211	Sư phạm Vật lý	A00 ; A01 ; A02	
8	7140212	Sư phạm Hoá học	A00 ; B00 ; D07	
9	7140213	Sư phạm Sinh học	B00 ; B08 ; A02	
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00 ; D14 ; D15	
11	7140218	Sư phạm Lịch sử	C00 ; C19 ; D14	
12	7140219	Sư phạm Địa lý	A00 ; C00 ; D15	
13	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01	Tiếng anh
14	7140247	SP Khoa học tự nhiên	A00 ; A01 ; A02 ; B00	
15	7140249	Sư phạm Lịch sử Địa lý	C00 ; C19 ; C20	
16	7140114	Quản lý Giáo dục	A00 ; A01 ; C00 ; D01	
17	7340101	Quản trị kinh doanh	A00 ; A01 ; D01	
18	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00 ; A01 ; D01	
19	7340301	Kế toán	A00 ; A01 ; D01	
20	7340302	Kiểm toán	A00 ; A01 ; D01	
21	7380101	Luật	A00 ; C00 ; C19 ; D01	
22	7440122	Khoa học vật liệu	A00 ; A01 ; B00 ; D07	
23	7460112	Toán ứng dụng	A00 ; A01 ; D07 ; D90	Toán
24	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00 ; A01 ; K01	
25	7480201	Công nghệ thông tin	A00 ; A01 ; D01 ; K01	
26	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00 ; A01	
27	7510401	CN Kỹ thuật hóa học	A00 ; B00 ; C02 ; D07	
28	7520201	Kỹ thuật Điện	A00 ; A01 ; K01 ; D07	
29	7520207	KT Điện tử – viễn thông	A00 ; A01 ; K01 ; D07	
30	7520216	KT Điều khiển và TĐH	A00 ; A01 ; K01 ; D07	
31	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00 ; B00 ; C02 ; D07	
32	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00 ; A01 ; K01 ; D07	
33	7620109	Nông học	B00 ; B03 ; B04 ; C08	
34	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01 ; D01 ; D14 ; D15	Tiếng anh
35	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01 ; D01 ; D04 ; D15	
36	7229030	Văn học	C00 ; C19 ; D14 ; D15	
37	7310101	Kinh tế	A00 ; A01 ; D01	
38	7310205	Quản lý nhà nước	A00 ; C00 ; C19 ; D01	
39	7310403	Tâm lý học giáo dục	A00 ; C00 ; C19 ; D01	
40	7310608	Đồng phương học	C00 ; C19 ; D14 ; D15	
41	7310630	Việt Nam học	C00 ; C19 ; D01 ; D15	
42	7760101	Công tác xã hội	C00 ; D01 ; D14	
43	7810103	QTDV du lịch và lữ hành	A00 ; A01 ; D01 ; D14	
44	7810201	Quản trị khách sạn	A00 ; A01 ; D01	

45	7850101	QL tài nguyên và môi trường	A00 ; B00 ; C04 ; D01	
46	7850103	Quản lý đất đai	A00 ; B00 ; C04 ; D01	
47	7510605	Logistics và QL chuỗi cung ứng (dự kiến)	A00 ; A01 ; D01	
48	7480107	Trí tuệ nhân tạo (dự kiến)	A00 ; A01 ; D07 ; D90	
49	7460108	Khoa học dữ liệu (dự kiến)	A00 ; A01 ; D07 ; D90	
50	7340301	Kế toán (CTC, dự kiến)	A00 ; A01 ; D01	

* Ngành sư phạm: Các ngành số thứ tự từ 1 đến 15.

4. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022: 40% chỉ tiêu
- Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển theo kết quả học tập, học bạ THPT: 40% chỉ tiêu
- Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, tư duy của các Đại học Quốc gia và các trường đại học khác: 20% chỉ tiêu
- Phương thức 4 (PT4): Xét tuyển thẳng HSG quốc gia: tính trong chỉ tiêu PT1.

5. Tổ chức thi năng khiếu ngành GDMN, GDTC: lấy kết quả để tổng hợp xét tuyển theo các PT1, PT2

6. Tổ chức nhiều đợt xét tuyển trong năm. Số đợt xét tuyển tùy thuộc vào tình hình xét tuyển và chỉ tiêu còn lại sau mỗi đợt.

7. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào:

- PT1: Các ngành đào tạo giáo viên theo quy định của Bộ; các ngành còn lại được xác định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022
- PT2: Xét học bạ
 - a) Các ngành ngoài sư phạm tổng điểm trung bình 3 môn xét tuyển từ 18.0 trở lên.
 - b) Các ngành sư phạm:
 - + Học sinh giỏi lớp 12 hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 trở lên
 - + Tổng điểm trung bình 3 môn xét tuyển từ 24.0 trở lên, trừ các ngành Sư phạm Tin học, Sinh học, Giáo dục chính trị, Lịch sử, Địa lý, Sư phạm Khoa học tự nhiên từ 21.0 trở lên
 - + Riêng ngành GDTC:
 - Học sinh khá lớp 12 hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên
 - Tổng điểm trung bình 3 môn xét tuyển từ 18.0 trở lên
 - Các trường hợp khác thực hiện theo quy chế tuyển sinh
- PT3: Tùy thuộc kết quả của kỳ thi các trường.

8. Chi phí xét tuyển: Theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

9. Học phí:

- Các ngành ngoài sư phạm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: 6 – 7 triệu/ học kỳ (năm học 2022 – 2023)
- Các ngành sư phạm theo Nghị định 116/NĐ-CP của Chính phủ: miễn học phí, được nhận hỗ trợ sinh hoạt phí hằng tháng
- Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kế toán: sẽ có thông báo chi tiết sau

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Quy Nhơn**
 Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
 HOTLINE: 1800 55 88 49
 Email: tuvantuyensinh@qnu.edu.vn

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.qnu.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc-1455/phan-an-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2022>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG

Mã trường: DQT

I. Các ngành và chỉ tiêu xét tuyển đại học năm 2022

- Bảng 1: Các ngành xét tuyển đại học năm 2022

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
1	Kế toán	7340301	140	A00, A09, C14, D10
2	Quản trị Kinh doanh	7340101	100	A01, C14, D14, D15
3	Tài chính – Ngân hàng	7340201	80	A00, A09, C14, D10
4	Công nghệ Sinh học	7420201	80	B00, B08, C08, D13
5	Công nghệ Thông tin	7480201	200	A00, A01, C02, D01
6	Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	7510103	100	A00, A09, D10, C04
7	Kinh tế Nông nghiệp	7620115	60	A09, B08, C08, D01
8	Điều dưỡng	7720301	100	B00, B03, C08, D13
9	Y tế Công cộng	7720701	100	B00, B03, C08, D13
10	Ngôn ngữ Anh	7220201	100	D01, D14, D15, D66
11	Kinh tế	7310101	60	A00, A09, C14, D01
12	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	7810103	140	C00, D01, D14, D15
13	Quản trị Khách sạn – Nhà hàng	7810203	120	C00, D01, D14, D15

- Bảng 2: Các tổ hợp môn xét tuyển

TT	Mã tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3	TT	Mã tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	A00	Toán	Lý	Hóa	10	C08	Văn	Hóa	Sinh
2	A01	Toán	Lý	Anh	11	C14	Văn	Toán	GD&ĐT
3	A09	Toán	Địa	GD&ĐT	12	D01	Văn	Toán	Anh
4	B00	Toán	Hóa	Sinh	13	D10	Toán	Địa	Anh
5	B03	Toán	Sinh	Văn	14	D12	Văn	Hóa	Anh
6	B08	Toán	Sinh	Anh	15	D13	Văn	Sinh	Anh
7	C00	Văn	Sử	Địa	16	D14	Văn	Sử	Anh
8	C02	Văn	Toán	Hóa	17	D15	Văn	Địa	Anh
9	C04	Văn	Toán	Địa	18	D66	Văn	GD&ĐT	Anh

II. Các Phương thức tuyển sinh

Năm 2022, Trường Đại học Quang Trung (QTU) tuyển sinh dự kiến 1.380 chỉ tiêu trong cả nước với 13 ngành đào tạo trình độ Đại học chính quy theo 04 phương thức xét tuyển độc lập:

1. Phương thức 1: Xét tuyển học bạ theo 03 cách thức

- Học bạ các lớp 10, 11 và học kỳ I của lớp 12 theo tổ hợp 03 môn;
- Học bạ lớp 11 và học kỳ I của lớp 12 theo tổ hợp 03 môn;
- Học bạ của lớp 12 theo tổ hợp 03 môn.

1.1. Học bạ các lớp 10, 11 và học kỳ I của lớp 12: Điều kiện xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Điểm xét trúng tuyển = Tổng điểm trung bình của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có) > 18 điểm. Trong đó, điểm trung bình từng môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm trung bình môn đó của lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12.

1.2. Học bạ lớp 11 và học kỳ I của lớp 12: Điều kiện xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Điểm xét trúng tuyển = Tổng điểm trung bình của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có) > 18 điểm. Trong đó, điểm trung bình từng môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm trung bình môn đó của lớp 11 và học kỳ I lớp 12.

1.3. Học bạ của lớp 12

Điều kiện xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Điểm xét trúng tuyển = Tổng điểm trung bình của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển + điểm ưu tiên (nếu có) > 18 điểm. Trong đó, điểm trung bình từng môn trong tổ hợp xét tuyển là điểm trung bình môn đó của lớp 12.

2. Phương thức 2: Xét tuyển thẳng: Tuyển thẳng các thí sinh tốt nghiệp THPT và đạt một trong các điều kiện sau

- Đạt học sinh giỏi cấp Tỉnh trở lên; đạt giải các cuộc thi Khoa học và Kỹ thuật cấp Quốc gia; là học sinh các Trường Chuyên, là học sinh các Trường THPT kết nghĩa có học lực năm lớp 12 từ 7.5 trở lên.
- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ trong nước hoặc Quốc tế đạt chuẩn sau: Chứng chỉ từ bậc 3 trở lên theo Khung Tiếng Anh 06 bậc của Bộ GD&ĐT; chứng chỉ IELTS từ 4.5; chứng chỉ APTIS trình độ từ B1; Chứng chỉ tiếng Anh Cambridge trình độ từ cấp độ PET; Chứng chỉ Englishscore từ 400 trở lên.

3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm 03 bài thi/môn thi đối với từng tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy chế tuyển sinh 2022 và đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do QTU quy định.

4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực-ĐHQG-HCM năm 2022.

- Điều kiện xét tuyển:
- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Tham gia các kỳ thi đánh giá năng lực – ĐHQG-HCM năm 2022 và có tổng điểm từ 500 trở lên.

III. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển

- Đợt 1: Từ ngày 01/03/2022 đến ngày 30/06/2022 Đợt 3: Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/11/2022
- Đợt 2: Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022 Đợt 4: Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022
- Riêng đối với Phương thức xét tuyển 3: QTU thực hiện xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT về thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển.

IV. Hồ sơ xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của QTU);
- Bản photo công chứng học bạ THPT;
- Bản photo công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (tạm thời);
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

V. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển

- Thí sinh đăng ký bằng Phiếu đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và Xét tuyển đại học 2022 trên cổng Thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã trường DQT.
- Về phía Trường ĐHQG Quang Trung, thí sinh có thể đăng ký xét tuyển bằng 03 hình thức:
 - + Đăng ký trực tuyến tại website: <http://tuyensinh.qtu.edu.vn>
 - + Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trụ sở chính QTU;
 - + Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Truyền thông và Tuyển sinh, Trường Đại học Quang Trung, 327 Đào Tấn, phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Thông tin liên hệ: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG**

Email: phongttts@qtu.edu.vn

Điện thoại: (0256) 2241 037

Địa chỉ: Trụ sở chính: 327 Đào Tấn, Quy Nhơn, Bình Định

Cơ sở 2: 129 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định

Trích Nguồn: <https://qtu.edu.vn/truong-dai-hoc-quang-trung-cong-bo-phuong-thuc-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2022/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Mã trường: DPY

1. **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành).

2. **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

3. **Phương thức tuyển sinh:**

- Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT đối với các ngành đào tạo giáo viên. Thí sinh tốt nghiệp trước năm 2022 có thể sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT của năm đã dự thi để xét tuyển.
- Phương thức 2: Xét tuyển theo điểm học bạ (Điểm học kỳ I hoặc học kỳ II năm lớp 12) đối với tất cả các ngành.
- Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đối với các ngành không thuộc khối ngành đào tạo giáo viên.

4. **Các ngành tuyển sinh:**

I. Trình độ đại học		Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
1	Giáo dục Mầm non	7140201	120	M01, M09
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	150	A00, A01, C00, D01
3	Sư phạm Toán học	7140209	30	A00, A01, B00, D01
4	Sư Phạm Tin học	7140210	30	A00, A01, D01
5	Sư phạm Ngữ Văn	7140217	30	A00, B00, D07
6	Sư phạm Lịch sử (Sử - Địa)	7140218	30	B00, A02, D08
7	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	30	C00, D01, D14
8	Công nghệ thông tin	7480201	100	C00, D14, D15
9	Ngôn ngữ Anh	7220201	50	D01, A01, D10, D14
10	Việt Nam học (Du lịch)	7310630	50	A00, A01, D01
II. Trình độ cao đẳng		Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển
1	Giáo dục Mầm non	51140201	100	M01, M09

* M01: Ngữ văn, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát - Nhạc);

M09: Toán, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát - Nhạc).

5. **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:**

Trình độ/ Ngành, khối ngành	Phương thức 1 (xét KQ thi THPT)	Phương thức 2 (xét KQ học tập THPT)	Phương thức 3 (xét KQ thi đánh giá năng lực)
Đại học Khối ngành đào tạo giáo viên	Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT	- Trung bình cộng điểm học kỳ I (hoặc II) lớp 12 của các môn học có trong tổ hợp xét tuyển từ 8,0 trở lên. - Thí sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại Giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên	
Cao đẳng Giáo dục Mầm non		- Điểm học kỳ I (hoặc II) lớp 12 môn Toán hoặc môn Văn từ 6,5 trở lên. - Thí sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại Khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên	
Đại học Các ngành không thuộc khối ngành đào tạo giáo viên		Tổng điểm học kỳ I (hoặc II) năm lớp 12 của các môn học có trong tổ hợp xét tuyển từ 16,5 trở lên	Nhà trường sẽ thông báo khi có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh

6. **Thời gian, hình thức đăng ký xét tuyển:**

* **Dự kiến các đợt xét tuyển**

Đợt xét tuyển	Phương thức 1 (xét KQ thi THPT)	Phương thức 2 (xét KQ học tập THPT)	Phương thức 3 (xét KQ thi đánh giá năng lực)	Phương thức 4 (xét tuyển thẳng)
Đợt 1	Theo lịch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Đăng ký hồ sơ xét tuyển: từ 15/3 đến 30/5/2022 - Công bố kết quả xét tuyển: Tháng 6/2022	- Đăng ký hồ sơ xét tuyển: từ 15/3 đến 15/4/2022 - Công bố kết quả xét tuyển: Tháng 5/2022.	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Các đợt bổ sung tiếp theo	Tháng 9, Tháng 10, Tháng 11 năm 2022	Tháng 7, Tháng 8, Tháng 9 và Tháng 10 năm 2022	Tháng 6 năm 2022	Không xét bổ sung

Thí sinh theo dõi thông tin chi tiết về các đợt xét tuyển trên website: www.pyu.edu.vn

* **Hình thức đăng ký xét tuyển**

- Thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 để xét tuyển (phương thức 1) đợt 1 thì nộp hồ sơ cùng với hồ sơ dự thi tốt nghiệp tại các điểm thu nhận hồ sơ dự thi tốt nghiệp.

- Thí sinh sử dụng kết quả xét tuyển theo thi THPT quốc gia trước năm 2022 để xét tuyển (phương thức 1) đợt 1 thì nộp hồ sơ tại Trường Đại học Phú Yên.
 - Thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT (phương thức 2), kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (phương thức 3) và thí sinh xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT (phương thức 1) các đợt bổ sung có thể nộp hồ sơ xét tuyển theo các hình thức sau:
 - + Đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: <http://tuyensinh.pyu.edu.vn/thisinh/dangkytuyensinh>
 - + Đăng ký tại các trường THPT có phối hợp tuyển sinh với Trường Đại học Phú Yên.
 - + Gửi hồ sơ qua đường bưu điện về địa chỉ: Phòng Đào tạo Trường Đại học Phú Yên, Số 01 Nguyễn Văn Huyền, Phường 9, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
 - + Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Đào tạo Trường Đại học Phú Yên.
- 7. Thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non:**
- Thí sinh xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non phải dự thi hai môn năng khiếu do Trường Đại học Phú Yên tổ chức hoặc nộp chứng nhận kết quả thi hai môn năng khiếu từ các trường đại học khác.
 - + Năng khiếu 1: Kể chuyện – Đọc diễn cảm.
 - + Năng khiếu 2: Hát – Nhạc.
 - Thời gian đăng ký dự thi năng khiếu: từ ngày 01/5/2022 đến ngày 12/7/2022.
 - Ngày thi năng khiếu: dự kiến 15 – 16 tháng 7 năm 2022.
 - Hồ sơ thi năng khiếu bao gồm: Phiếu đăng ký dự thi năng khiếu (thí sinh tải Phiếu đăng ký thi năng khiếu tại địa chỉ: tuyensinh.pyu.edu.vn); 2 tấm hình 3x4 (mới chụp trong vòng 3 tháng); 1 bản photo giấy CMND; 2 phong bì ghi rõ địa chỉ người nhận (địa chỉ của thí sinh).
 - Thí sinh có thể đăng ký trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Phú Yên hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.
- 8. Chính sách ưu tiên:**
- Thực hiện chính sách ưu tiên theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh.
 - Ưu tiên trong chuyển ngành, học chương trình thứ 2, xét tặng học bổng cho Sinh viên; hợp tác với các doanh nghiệp trong đào tạo và ưu tiên tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.
 - Miễn học phí năm thứ nhất cho 3 Sinh Viên của 3 trường THPT tỉnh Phú Yên đăng ký xét tuyển và nhập học vào các ngành Công nghệ thông tin, Việt Nam học và Ngôn ngữ Anh.
- 9. Tư vấn và hỗ trợ đăng ký xét tuyển:**
- Địa chỉ liên lạc: Phòng Đào tạo Trường Đại học Phú Yên; Số 01 Nguyễn Văn Huyền, Phường 9, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
 - Điện thoại: (0257) 3843.119, 3824.446, 3843.118, 3843.139. - Đường dây nóng: 0935 231 183.
 - Website đăng ký xét tuyển: <http://tuyensinh.pyu.edu.vn>.
 - Email: tuyensinhdhpy@pyu.edu.vn.
 - Facebook: [Facebook.com/DHPY.PYU](https://www.facebook.com/DHPY.PYU); Zalo: 0963725060.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Mã trường: XDT

1. Vùng tuyển sinh và chế độ ưu tiên

- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
- Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Ngành nghề đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng	270
	7580201-1	Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Hệ 4,5 năm, tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư);	
	7580201-2	Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Hệ 3,5 năm, tốt nghiệp cấp bằng cử nhân);	
	7580201-3	Chuyên ngành Kỹ thuật nền móng công trình (Hệ 4,5 năm tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư).	
	7580201-4	Chuyên ngành Công nghệ thi công và an toàn lao động (Hệ 4,5 năm tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư)	
	7580201-5	Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật cơ điện công trình (Hệ 4,5 năm tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư)	
2	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	50
	7580205-1	Chuyên ngành Xây dựng cầu đường (Hệ 4,5 năm tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư);	
	7580205-2	Chuyên ngành Ứng dụng công nghệ thông tin trong cầu đường (Hệ 4,5 năm tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư)	
3	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước (Hệ 4,5 năm tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư)	60
4	7580101	Kiến trúc (Chuyên ngành Kiến trúc công trình, hệ 5 năm tốt nghiệp cấp bằng kiến trúc sư)	80
5	7580103	Kiến trúc nội thất (Hệ 4,5 năm tốt nghiệp cấp bằng kiến trúc sư)	40
6	7580106	Quản lý đô thị và công trình (Hệ 4,5 năm tốt nghiệp cấp bằng kỹ sư).	40
7	7580301	Kinh tế xây dựng	80
	7580301-1	Chuyên ngành Kinh tế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (Hệ 4 năm tốt nghiệp cấp bằng cử nhân)	

	7580301-2	Chuyên ngành Kinh tế xây dựng công trình giao thông (Hệ 4 năm tốt nghiệp cấp bằng cử nhân)	
8	7580302	Quản lý xây dựng (Chuyên ngành Quản lý dự án, hệ 4 năm tốt nghiệp cấp bằng cử nhân)	50
9	7340301	Kế toán (Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, hệ 4 năm tốt nghiệp cấp bằng cử nhân)	90
10	7340101	Quản trị kinh doanh	55
	7340101-1	Quản trị kinh doanh du lịch (Hệ 4 năm, tốt nghiệp cấp bằng cử nhân)	
	7340101-2	Quản trị kinh doanh nhà hàng, khách sạn (Hệ 4 năm, tốt nghiệp cấp bằng cử nhân)	
	7340101-3	Quản trị kinh doanh tổng hợp (Hệ 4 năm, tốt nghiệp cấp bằng cử nhân)	
11	7480201	Công nghệ thông tin (Hệ 4 năm, tốt nghiệp cấp bằng cử nhân)	55

3. Tổ hợp xét tuyển

TT	Tên tổ hợp	Mã tổ hợp	TT	Tên tổ hợp	Mã tổ hợp
	Khối ngành kỹ thuật, kinh tế			Ngành Kiến trúc, Kiến trúc nội thất	
1	Toán, Vật lý, Hóa học	A00	1	Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật	V00
2	Toán, Vật lý, Anh văn	A01	2	Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật	V01
3	Toán, Vật lý, Ngữ văn	C01	3	Toán, Vật lý, Anh văn	A01
4	Toán, Ngữ văn, Anh văn	D01	4	Toán, Ngữ văn, Anh văn	D01

Thông tin liên hệ: Trường Đại Học Xây Dựng Miền Trung
Địa chỉ: Số 195 đường Hà Huy Tập, xã Bình Kiến, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên;
Website: <http://tuyensinh.muce.edu.vn/> - Email: tuyensinh@muce.edu.vn - Facebook: <https://www.facebook.com/XDT.MUCE>;
Điện thoại Phòng Quản lý Đào tạo: (0257) 3827618, Fax: (0257) 3822628;
Nơi nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung - Khu B, đường Hà Huy Tập, Bình Kiến, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên hoặc tại Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Trường Đại học xây dựng Miền Trung - Khu A, 24 Nguyễn Du, Phường 7, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trích Nguồn: <http://tuyensinh.muce.edu.vn/DaiHoc/ChiTietDH?idnew=2334>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Mã tuyển sinh: TSN
Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.
Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc
1. Ngành đào tạo, chỉ tiêu xét tuyển năm 2022 (Dự kiến)

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển
I	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO			
1	7340101A	Quản trị kinh doanh (Chương trình song ngữ Anh-Việt)	30	A01; D01; D07; D96
2	7340301PH E	Kế toán (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	30	A01; D01; D07; D96
3	7480201PH E	Công nghệ thông tin (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	30	A01; D01; D07; D96
4	7810201PH E	Quản trị khách sạn (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	60	A01; D01; D07; D96
II	CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN			
5	7620304	Khai thác thủy sản (chuyên ngành: Khai thác hàng hải thủy sản)	50	A00; A01; B00; D07
6	7620305	Quản lý thủy sản	50	A00; A01; B00; D07
7	7620303	Khoa học thủy sản (dự kiến mở)	50	A00; A01; B00; D07
8	7620301	Nuôi trồng thủy sản (3 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản)	160	A01; B00; D01; D96
9	7420201	Công nghệ sinh học	60	A00; A01; B00; D07
10	7520320	Kỹ thuật môi trường (chuyên ngành: Quản lý môi trường và sức khỏe nghề nghiệp)	50	A00; A01; B00; D07
11	7520103	Kỹ thuật cơ khí (chuyên ngành: Thiết kế và chế tạo số)	80	A00; A01; C01; D07
12	7510202	Công nghệ chế tạo máy	50	A00; A01; C01; D07
13	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	80	A00; A01; C01; D07
14	7520115	Kỹ thuật nhiệt (3 chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh; Máy lạnh, điều hòa không khí và thông gió; Máy lạnh và thiết bị nhiệt thực phẩm)	80	A00; A01; C01; D07

15	7840106	Khoa học hàng hải (2 chuyên ngành: Khoa học hàng hải; Quản lý hàng hải và Logistics)	80	A00; A01; C01; D07
16	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	50	A00; A01; C01; D07
17	7520122	Kỹ thuật tàu thủy	80	A00; A01; C01; D07
18	7520130	Kỹ thuật ô tô	180	A00; A01; C01; D07
19	7520201	Kỹ thuật điện (chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	100	A00; A01; C01; D07
20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (dự kiến mở)	50	A00; A01; C01; D07
21	7580201	Kỹ thuật xây dựng (3 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Quản lý xây dựng)	180	A00; A01; C01; D07
22	7520301	Kỹ thuật hoá học	50	A00; A01; B00; D07
23	7540101	Công nghệ thực phẩm (2 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm)	180	A00; A01; B00; D07
24	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (2 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)	50	A00; A01; B00; D07
25	7480201	Công nghệ thông tin (3 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính; Tin học ứng dụng trong nông nghiệp và y dược)	220	A01; D01; D07; D96
26	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	50	A01; D01; D07; D96
27	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chương trình song ngữ Pháp-Việt)	30	D03; D97
28	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	140	A01; D01; D07; D96
29	7810201	Quản trị khách sạn	150	A01; D01; D07; D96
30	7340101	Quản trị kinh doanh	150	A01; D01; D07; D96
31	7340115	Marketing	110	A01; D01; D07; D96
32	7340121	Kinh doanh thương mại	110	A01; D01; D07; D96
33	7340201	Tài chính - ngân hàng (02 chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng; Công nghệ tài chính)	150	A01; D01; D07; D96
34	7340301	Kế toán (2 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)	150	A01; D01; D07; D96
35	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật Kinh tế)	120	C00; D01; D07; D96
36	7220201	Ngôn ngữ Anh (4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy Tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)	200	A01; D01; D14; D15
37	7310101	Kinh tế (02 chuyên ngành: Kinh tế thủy sản; Quản lý kinh tế)	100	A01; D01; D07; D96
38	7310105	Kinh tế phát triển	60	A01; D01; D07; D96
Tổng số 35 ngành (53 chuyên ngành/chương trình đào tạo)			3600	

2. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

- 2.1. Đối tượng 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ:** Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT vào tất cả các ngành.
- 2.2. Đối tượng 2: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định riêng của Trường**
- **Đối tượng 2.1: Học sinh trường THPT chuyên, năng khiếu, trường thuộc nhóm có điểm THPT cao nhất**
 - + Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào trường ở tất cả các ngành đối với các thí sinh sau:
 - Học sinh của 82 trường THPT chuyên, năng khiếu các trường đại học, tỉnh thành trên toàn quốc;
 - Học sinh của 50 trường THPT thuộc nhóm 100 trường có điểm trung bình kết quả THPT cao nhất cả nước trong 3 năm 2017, 2018, 2019.
 - + Điều kiện đăng ký:
 - Tốt nghiệp THPT;
 - Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12; hoặc là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; hoặc đạt giải nhất, nhì Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh;
 - Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.
 - **Đối tượng 2.2: Thí sinh tham gia Cuộc thi Môi trường xanh:** Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào 02 ngành: Công nghệ sinh học, Kỹ thuật môi trường đối với thí sinh tham gia Cuộc thi Môi trường xanh Khánh Hòa do Trường ĐHNH phối hợp với Sở GD&ĐT Khánh Hòa, Ninh Thuận và Phú Yên đồng tổ chức. Cụ thể:
 - + Xét tuyển thẳng đối với thí sinh có 1 trong các tiêu chuẩn sau:
 - Đạt giải nhất, nhì hoặc ba của Cuộc thi, có giấy chứng nhận tham gia cuộc thi;
 - Tốt nghiệp THPT từ loại Giỏi trở lên, có giấy chứng nhận tham gia cuộc thi.
 - + Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh đạt 1 trong các tiêu chuẩn sau:

- Vượt qua vòng loại đầu tiên của cuộc thi: ưu tiên cộng thêm 1,0 điểm (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;
 - Vào vòng bán kết của cuộc thi: ưu tiên cộng thêm 2,0 điểm (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;
 - Vào vòng chung kết (vòng cuối cùng) của cuộc thi: ưu tiên cộng thêm 3,0 (tính theo Phương thức điểm thi THPT 2021), quy đổi tương ứng với các phương thức khác.
- **Đối tượng 2.3: Thí sinh đạt các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:** Trường Đại học Nha Trang tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có các chứng chỉ quốc tế, cụ thể:
- + Xét tuyển thẳng đối với TS đạt đồng thời các tiêu chuẩn sau:
- Có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 5.5 điểm hoặc TOEIC quốc tế 550 điểm hoặc TOEFL (iBT) 65 điểm trở lên (còn hiệu lực);
 - Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 6.0 điểm hoặc TOEIC quốc tế 600 điểm hoặc TOEFL (iBT) 70 điểm trở lên (còn hiệu lực).
 - Tốt nghiệp THPT từ loại Khá trở lên.
- + Ưu tiên xét tuyển đối với TS đạt các tiêu chí như sau:
- Có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 3.5 – 4.0 điểm hoặc TOEIC quốc tế 400 – 449 điểm hoặc TOEFL (iBT) 30 – 40 điểm trở lên (còn hiệu lực): ưu tiên cộng thêm 1,0 điểm (thang điểm 30), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;
 - Có chứng chỉ IELTS quốc tế đạt 4.5 điểm hoặc TOEIC quốc tế từ 450 – 499 điểm hoặc TOEFL (iBT) 41 – 52 điểm trở lên (còn hiệu lực): ưu tiên cộng thêm 2,0 điểm (thang điểm 30), quy đổi tương ứng với các phương thức khác;
 - Có chứng chỉ IELTS quốc tế đạt 5.0 điểm hoặc TOEIC quốc tế từ 500 – 549 điểm hoặc TOEFL (iBT) từ 53 – 64 điểm (còn hiệu lực): ưu tiên cộng thêm 3,0 (thang điểm 30), quy đổi tương ứng với các phương thức khác. Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ IELTS quốc tế từ 5.0 – 5.5 điểm hoặc TOEIC quốc tế từ 500 - 599 điểm hoặc TOEFL (iBT) từ 53 – 69 điểm trở lên (còn hiệu lực).

Thông tin liên hệ: **Trường Đại học Nha Trang**

Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, Vĩnh Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: 02583 831 149 - 02583 831 147

Email: tuyensinh@ntu.edu.vn - tuyensinh.ntu.edu.vn

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.ntu.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Mã Trường: UKH

Trường Đại học Khánh Hòa thông báo tổng chỉ tiêu tuyển sinh các ngành đào tạo Đại học năm 2022 là 1.041, bao gồm các ngành đào tạo như sau:

Các Ngành Sư Phạm	Các Ngành Văn Hóa Và Du Lịch	Các Ngành Khác
Sư phạm Toán học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị kinh doanh (Quản lí Bán lẻ)
Sư phạm Văn học	Quản trị kinh doanh (Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống)	Quản trị kinh doanh (Marketing)
Sư phạm Vật lý (KHTN)	Quản trị khách sạn	Hóa học (Hóa dược - Sản phẩm thiên nhiên)
Giáo dục Tiểu học	Việt Nam học (Hướng dẫn Du lịch)	Sinh học ứng dụng (Dược liệu)
Sư phạm tiếng Anh	Việt Nam học (Văn hóa Du lịch)	Ngôn ngữ Anh
	Văn hóa học (Văn hóa – Truyền thông)	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh du lịch)
		Văn học (Văn học - Báo chí, truyền thông)
		Ngôn ngữ học (Tiếng Trung Quốc)

Các phương thức xét tuyển đại học năm 2022

TT	Các Phương Thức Xét Tuyển
1	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022
3	Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ)
4	Xét tuyển dựa vào điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2022
5	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022

Thông tin liên hệ: **Trường Đại học Khánh Hòa**

- Địa chỉ:

+ Số 01 Nguyễn Chánh, phường Lộc Thọ, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.

+ Số 52 Phạm Văn Đồng, phường Vĩnh Hải, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.

- Điện thoại: (0258) 3 523 420 số máy lẻ 100; Fax: 0258.3523420; Email: info@ukh.edu.vn.

Trích Nguồn: <http://tuyensinh.ukh.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Mã Trường: TBD

1. Đối Tượng Tuyển Sinh:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

2. Phạm Vi Tuyển Sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương Thức Tuyển Sinh: Sử dụng 5 phương thức tuyển sinh:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào học bạ THPT theo kết quả của 05 học kỳ (cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, và HK 1 lớp 12); Hoặc của cả 03 năm lớp 10, 11, 12; Hoặc của học kỳ 1 năm lớp 12 theo ngành và tổ hợp tương ứng của phương thức 2; Hoặc của cả năm lớp 12 theo ngành và tổ hợp môn tương ứng của phương thức 2.
- Phương thức 2: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022 do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, theo tổng điểm 03 môn tổ hợp xét tuyển.
- Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp học bạ THPT và điều kiện riêng của trường: tốt nghiệp trung cấp trở lên (người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định hiện hành), hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS 5.0, TOEFL iBT 55, TOEIC 550), hoặc đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi cấp tỉnh trở lên.
- Phương thức 4: Sử dụng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM.
- Phương thức 5: Sử dụng điểm xét tốt nghiệp THPT năm 2022 (trên Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời).

4. Trong Năm 2022, Trường Đại Học Thái Bình Dương Tuyển Sinh Bậc Đại Học Cho 8 Ngành

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu theo phương thức					Tổ hợp môn xét tuyển			
			1	2	3	4	5	1	2	3	4
1	7340301	Kế toán	40	30	10	10	10	A00	A01	A08	A09
2	7340201	Tài chính – Ngân hàng	40	30	10	10	10	A00	A01	A08	A09
3	7340101	Quản trị kinh doanh	70	50	10	10	10	A00	A01	A08	A09
4	7480201	Công nghệ thông tin	40	30	10	10	10	A00	D01 D03 D06	A01 D28 D29	D07 D23 D24
5	7220201	Ngôn ngữ Anh * Môn tiếng Anh nhân hệ số 2.	40	30	10	10	10	D01	D14	D66	D84
6	7810101	Du lịch	90	70	20	10	10	C00	D01 D03	D14	A07
7	7380101	Luật	70	50	10	10	10	C00	D01	C19	C20
8	7310608	Đông Phương học	40	30	10	10	10	C00	D01	C19	C20

5. Cách Xác Định Điểm Xét Tuyển: Cách xác định điểm xét tuyển theo phương thức 1 và 3 (xét tuyển dựa trên kết quả học tập hay học bạ):

- Xác định điểm:
 - + Phương thức 1. Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển theo các cách sau:
 - Điểm trung bình cộng của tất cả các môn trong 5 HK (cả năm lớp 10, lớp 11, và học kỳ 1 lớp 12);
 - Điểm trung bình cộng của tất cả các môn trong 3 năm học lớp 10, lớp 11, và lớp 12;
 - Điểm trung bình cộng của tổ hợp 3 môn xét tuyển học kỳ 1 năm lớp 12
 - Điểm trung bình cộng của tổ hợp 3 môn xét tuyển trong cả năm lớp 12.
 - + Phương thức 3. Điểm tính theo 1 trong 3 điều kiện của phương thức 1 đạt từ 6.0 trở lên và đạt 1 trong các yêu cầu của phương thức 3.
 - Cách tính điểm:
 - + Điểm được tính trung bình cộng với 3 cách thức như sau:
 - Điểm trung bình cộng 5 HK: ĐTB 5HK = (Cả năm lớp 10 + Cả năm lớp 11 + Học kỳ 1 lớp 12)/3
 - Điểm trung bình cộng 3 năm: ĐTB 3N = (Cả năm lớp 10 + Cả năm lớp 11 + Cả năm lớp 12)/3
 - Điểm trung bình cộng 3 môn tổ hợp học kỳ 1 năm lớp 12:
ĐTB TH = (Học kỳ 1 lớp 12 Môn 1 + Học kỳ 1 lớp 12 Môn 2 + Học kỳ 1 lớp 12 Môn 3)/3
 - Điểm trung bình cộng 3 môn tổ hợp cả năm lớp 12:
ĐTB TH = (Cả năm lớp 12 Môn 1 + Cả năm lớp 12 Môn 2 + Cả năm lớp 12 Môn 3)/3
 - Điểm xét tuyển: ĐXT = Điểm trung bình cộng + Điểm ưu tiên quy đổi (nếu có).
- Điểm làm tròn: đến 1 số thập phân.
- Ngưỡng tối thiểu để xét tuyển và trúng tuyển: Điểm trung bình xét tuyển (mục iii) ≥ 6.0

Cách xác định điểm xét tuyển theo phương thức 2 (xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022):

- Phương thức 2: Xét điểm tổ hợp các môn điều kiện theo ngành trong số các môn thi tốt nghiệp THPT của thí sinh: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường.
- + Thông tin chung:

- Ngành Ngôn ngữ Anh, môn tiếng Anh nhân hệ số 2.
- Trong trường hợp có nhiều thí sinh có ĐXT bằng nhau và cùng đợt tuyển sinh thì ưu tiên thí sinh có điểm trung bình tốt nghiệp THPT cao hơn.
- Mức điểm ưu tiên theo đối tượng và ưu tiên theo khu vực áp dụng theo quy định cập nhật hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cách xác định điểm xét tuyển theo phương thức 4 (xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM):

- Căn cứ phiếu điểm của Đại học Quốc gia TP HCM cấp cho thí sinh.

Cách xác định điểm xét tuyển theo phương thức 5 (xét điểm xét tốt nghiệp):

- Căn cứ điểm xét tốt nghiệp trên giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời của thí sinh.

6. Điểm Ưu Tiên: Mức điểm ưu tiên theo đối tượng và ưu tiên theo khu vực áp dụng theo quy định cập nhật hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Thời Gian Tuyển Sinh

- Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển:
 - + Phương thức 1: xét tuyển học bạ
Đợt 1: 01/03 – 15/04 - Đợt 2: 18/04 – 30/06 - Đợt 3: 01/07 – 15/07 - Đợt 4: 18/07 – 01/08
Đợt 5: 02/08 – 31/08 - Đợt 6: 01/09 – 15/09 - Đợt 7: 16/09 – 30/09 (nếu còn chỉ tiêu)
 - + Phương thức 2: dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia: thực hiện quy định theo khung thời gian của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - + Phương thức 3: xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT; có chứng chỉ tiếng Anh; các giải thưởng theo quy định: trùng với thời gian phương thức 1 (xét tuyển và nhập học liên tục trong năm cho đến khi đủ chỉ tiêu của trường).
 - + Phương thức 4: dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM: dự kiến tháng từ tháng 4/2022.
 - + Phương thức 5: dựa trên điểm xét tốt nghiệp: dự kiến từ tháng 8/2022.

8. Hình Thức Xét Tuyển

- **Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại website tuyển sinh của Trường:** <https://tbd.edu.vn/xet-tuyen-truc-tuyen/>
(Riêng xét tuyển đợt 1 phương thức 2 sử dụng kết quả thi tốt nghiệp năm 2022 thực hiện theo quy định của BGD, từ đợt 2 thực hiện trên web trường như hướng dẫn).
- **Gửi bưu điện:** thí sinh ghi rõ “Hồ sơ đăng ký xét tuyển”, Gửi về địa chỉ: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông, Đại học Thái Bình Dương, Số 79 Mai Thị Đồng, Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Khánh Hòa.
- **Đăng ký trực tiếp tại:** Phòng Tuyển sinh và Truyền thông Trường Đại học Thái Bình Dương, G08, Số 79 Mai Thị Đồng, Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Khánh Hòa

Zalo: 0886433379 - Điện thoại: 0258 3727 147 - Hotline tuyển sinh: 0258 656 5599; 0258 656 5577 - Email: tuyensinh@tbd.edu.vn

Trích Nguồn: <https://tbd.edu.vn/tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP PHÂN HIỆU TẠI TỈNH GIA LAI

Mã trường: LNA

1. Ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh

STT	Ngành tuyển sinh	Mã ngành	Chỉ tiêu	Phương thức xét tuyển
1	Lâm sinh	7620205	30	1. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (Học bạ). Tổng điểm trung bình 3 năm THPT hoặc tổng điểm 3 môn học kì 1 của lớp 12 của các tổ hợp: A00; B00; A01; C15 và D01. 2. Xét tuyển theo điểm đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức thi đánh giá. 3. Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia của các tổ hợp : A00; B00; A01; C15 và D01.
2	Quản lý đất đai	7850103	30	
3	Khoa học cây trồng	7620110	30	
4	Bảo vệ thực vật	7620112	30	
5	Kế toán	7340301	30	
6	Quản trị kinh doanh	7340101	30	

2. Đối tượng và khu vực tuyển sinh

- **Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) và tương đương
- **Khu vực tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

3. Thời gian nhận và xét tuyển hồ sơ

- Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022: Theo lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2022: Nhận hồ sơ xét tuyển từ tháng 03 đến tháng 12/2022.
- Kế hoạch xét tuyển xem chi tiết tại website: <http://vnuf3.edu.vn>

4. Lệ phí xét tuyển hồ sơ

- Lệ phí xét tuyển hồ sơ: 25.000đ/ thí sinh.
- Mẫu hồ sơ xét tuyển được đăng tải lên websites: <http://tuyensinh.vnuf3.edu.vn>

5. Địa điểm phát nhận hồ sơ

- Phòng Đào tạo, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai.
- Địa chỉ: Tổ 4, Phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

6. Thông tin liên hệ

Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Đào tạo, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Tổ 4, Phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 02693. 747. 706 – 0983 288 066 – 0975 998 287 - Website <http://tuyensinh.vnuf3.edu.vn>



TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIA LAI GIA LAI COLLEGE



Trường Cao đẳng Gia Lai là Trường Cao đẳng công lập duy nhất đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

Vững nghề nghiệp - Sáng tương lai

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO NĂM 2022

1. CAO ĐẲNG: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: Đào tạo 2,5 - 3 năm.

01 NHÓM NGÀNH CÔNG NGHỆ - KỸ THUẬT 1. Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử 2. Công nghệ kỹ thuật cơ khí 3. Công nghệ Ô tô 4. Công nghệ thông tin 5. Điện Công nghiệp 6. Hàn 7. Kỹ thuật Sửa chữa lắp ráp máy tính 8. Kỹ thuật xây dựng	02 NHÓM NGÀNH Y - DƯỢC 9. Dược sĩ 10. Điều dưỡng 04 NHÓM NGÀNH NGHIỆP VỤ - DU LỊCH 13. Công tác xã hội 14. Hướng dẫn du lịch 15. Quản trị khách sạn	03 NHÓM NGÀNH NÔNG - LÂM NGHIỆP 11. Bảo vệ thực vật 12. Công nghệ sinh học 16. Kế toán doanh nghiệp 17. Văn thư hành chính
--	---	---



0269.6296.999
fb.com/truongcaodanggiailai

2. TRUNG CẤP: Tốt nghiệp THPT/THCS hoặc tương đương: Đào tạo 2 - 2,5 năm.

01 NHÓM NGÀNH CÔNG NGHỆ - KỸ THUẬT 1. Cắt gọt kim loại (Gia công cơ khí) 2. Công nghệ Ô tô 3. Điện công nghiệp	02 NHÓM NGÀNH NÔNG - LÂM NGHIỆP 8. Bảo vệ thực vật 9. Chăn nuôi gia súc gia cầm 10. Thú y 11. Khuyến nông lâm
03 NHÓM NGÀNH NGHIỆP VỤ - DU LỊCH 12. Kỹ thuật chế biến món ăn 13. May thời trang 14. Quản trị khách sạn	04 NHÓM NGÀNH VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT 15. Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (Trưng) 16. Biểu diễn nhạc cụ phương tây (Guitar) 17. Nghệ thuật múa dân gian dân tộc 18. Thanh nhạc 19. Organ 20. Hội họa

Mã QR đăng ký



**THỜI GIAN
NHẬN HỒ SƠ**

Từ 01/5/2022 - 31/12/2022

SƠ CẤP

Thời gian: 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng (Sơ cấp bậc 1,2,3)
 Ngành nghề: Các nhóm ngành/ngành của nhà trường và theo nhu cầu của người học
 Đối tượng: Học sinh, thanh niên, phụ nữ, người lao động, quân nhân xuất ngũ... có nhu cầu học nghề.

BẬC ĐẠI HỌC

Nhà trường liên kết đào tạo với nhiều trường Đại học uy tín trên cả nước, mở lớp đào tạo Đại học liên tục trong năm cho tất cả các khối ngành theo nhu cầu của người học.
 Điện thoại: 0372145899 - 02693501047 (C. Ngoan - P. Đào tạo)

CÁC ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO:

- Trụ sở chính: Khu đô thị Diên Phú, Trần Nhật Duật, TP. Pleiku, Gia Lai, ĐT: 02693.825.001;
- Địa điểm đào tạo 2: Đường Cách mạng tháng tám, TP. Pleiku, Gia Lai, ĐT: 02693.756.088;
- Địa điểm đào tạo 3: 140 Nguyễn Chí Thanh, P. Chi Lăng, TP. Pleiku, ĐT: 02693.748.584;
- Địa điểm đào tạo An Khê: 279 Hoàng Hoa Thám, Thị xã An Khê, ĐT: 02693.532.219;
- Địa điểm đào tạo Ayun Pa: 69 Nguyễn Huệ, Thị xã Ayun Pa, ĐT: 02693.652.882.

LIÊN HỆ: Trung tâm tuyển sinh & Hỗ trợ HSSV, ĐT: 0269.6296.999.

Địa chỉ: Trụ sở chính Khu Đô thị Diên Phú - Trần Nhật Duật, Pleiku, Gia Lai.

Điện thoại: Giám đốc: Mr. Bùi Đức Dũng - Tel: 0935.651.681

Phó Giám đốc: Ms Nguyễn Thị Thảo - Tel: 0982.242.379

Tư vấn trực tuyến: <https://www.facebook.com/truongcaodanggiailai>

Website: www.cdngl.edu.vn - Email: trungtamtuysinhcdgl@gmail.com

Link đăng ký trực tuyến: <https://forms.gle/fHuYGqXCns6d9jTQA>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Mã trường: TTN

Loại hình trường: Công lập

Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh cả nước

1. Phương thức xét tuyển

- Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- Phương thức 2: Xét điểm học bạ THPT (không xét ngành Y khoa).
- Phương thức 3: Xét kết quả thi đánh giá năng lực năm 2022 của ĐHQG TP.HCM.
- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng.

2. Ngành, tổ hợp và chỉ tiêu xét tuyển

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Chỉ tiêu năm 2022 (Dự kiến)		
				Xét KQ Thi TN THPT	Xét điểm Học bạ	Xét điểm thi ĐGNL
1	7720101	Y khoa	B00	190	0	30
2	7720301	Điều dưỡng	B00	40	5	5
3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B00	40	5	5
4	7140201	Giáo dục Mầm non	M01, M09	35	10	5
5	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00, C00, C03	35	10	5
6	7140202JR	Giáo dục Tiểu học – Tiếng Jrai	A00, C00, D01	20	5	5
7	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00, C19, C20	40	20	5
8	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01, D14, D15, D66	70	25	5
9	7140205	Giáo dục Chính trị	C00, C19, D01, D66	110	90	20
10	7140206	Giáo dục Thể chất	T01, T20	110	100	10
11	7140209	Sư phạm Toán học	A00, A01, A02, B00	110	50	10
12	7140211	Sư phạm Vật lý	A00, A01, A02, C01	120	60	20
13	7140212	Sư phạm Hoá học	A00, B00, D07	100	50	10
14	7140213	Sư phạm Sinh học	A02, B00, B03, B08	100	50	10
15	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên*	A00, A02, B00, D90	45	15	5
16	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01, D14, D15, D66	100	40	10
17	7229001	Triết học	C00, C19, D01, D66	20	15	5
18	7229030	Văn học	C00, C19, C20	25	20	5
19	7310101	Kinh tế	A00, A01, D01, D07	50	40	10
20	7310105	Kinh tế phát triển	A00, A01, D01, D07	40	25	5
21	7620115	Kinh tế nông nghiệp	A00, A01, D01, D07	40	35	5
22	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07	40	25	5
23	7340101_1	Quản trị kinh doanh chất lượng cao*	A00, A01, D01, D07	40	25	5
24	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, D01, D07	30	20	5
25	7340121	Kinh doanh thương mại	A00, A01, D01, D07	30	25	5
26	7340301	Kế toán	A00, A01, D01, D07	70	60	10
27	7420101	Sinh học	A02, B00, B03, B08	20	25	5
28	7420201	Công nghệ sinh học	A00, A02, B00, B08	30	25	5
29	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01	50	40	5
30	7510406	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	A00, A02, B00, B08	20	25	5
31	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00, A02, B00, B08	30	20	5
32	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	A00, A02, B00, B08	25	20	5
33	7620110	Khoa học cây trồng	A00, A02, B00, B08	20	15	5
34	7620110_1	Nông nghiệp Công nghệ cao*	A00, A02, B00, B08	20	15	5
35	7620112	Bảo vệ thực vật	A00, A02, B00, B08	35	25	5
36	7620205	Lâm sinh	A00, A02, B00, B08	25	20	5
37	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	A00, A02, B00, B08	25	20	5
38	7850103	Quản lý đất đai	A00, A01, A02, B00	30	25	5
39	7640101	Thú y	A02, B00, B08, D13	80	100	20
40	7620105	Chăn nuôi	A02, B00, B08, D13	25	30	5

(*) các ngành dự kiến tuyển sinh

3. Bảng tổ hợp xét tuyển năm 2022

TT	Mã tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	TT	Mã tổ hợp	Các môn trong tổ hợp
1	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	13	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	14	D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh
3	A02	Toán, Vật lý, Sinh học	15	D14	Ngữ văn, lịch sử, Tiếng Anh

4	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	16	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
5	B03	Toán, Ngữ văn, Sinh học	17	D66	Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh
6	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	18	D90	Toán, Tiếng Anh, KHTN
7	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	19	M01	Văn, NK1 (Kể chuyện – Đọc diễn cảm), NK2 (Hát – Nhạc)
8	C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý	20	M09	Toán, NK1 (Kể chuyện – Đọc diễn cảm), NK2 (Hát – Nhạc)
9	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	21	T01	Toán, NK3 (chạy 100m), NK4 (bật xa tại chỗ)
10	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân	22	T20	Văn, NK3 (chạy 100m), NK4 (bật xa tại chỗ)
11	C20	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	23	T01	Toán, NK3 (Nắm ngựa gập bụng), NK4 (Nắm sấp chống đẩy)
12	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	24	T20	Văn, NK3 (Nắm ngựa gập bụng), NK4 (Nắm sấp chống đẩy)

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Hình thức xét tuyển	Nhóm ngành Sức khỏe; Nhóm ngành đào tạo giáo viên (sư phạm)	Các ngành khác	Ghi chú
Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT	Nhà trường sẽ thông báo sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT	Thí sinh dự tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất phải có điểm các môn thi năng khiếu đạt từ 5.0 trở lên tính theo thang điểm 10 mới đủ điều kiện xét tuyển.
Xét điểm học bạ	– Đối với các ngành đào tạo giáo viên: Thí sinh phải có học lực lớp 12 đạt loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên. – Đối với các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học: Thí sinh phải có học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt từ 6,5 trở lên. – Đối với ngành Giáo dục thể chất, thí sinh phải đạt một trong các điều kiện sau: Có học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt từ 6,5 trở lên. Là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế. Có điểm thi các môn năng khiếu đạt từ 9,0 trở lên.	Có học lực lớp 12 đạt loại trung bình trở lên.	
Xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2022 của ĐHQG TP. HCM	– Đối với ngành Y khoa, các ngành đào tạo giáo viên (trừ ngành Giáo dục Thể chất): Thí sinh phải có học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp đạt từ 6,5 trở lên. – Đối với các ngành còn lại: Có học lực lớp 12 đạt loại trung bình trở lên.		Thí sinh dự tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Thể chất phải có điểm các môn thi năng khiếu đạt từ 5.0 trở lên tính theo thang điểm 10 mới đủ điều kiện xét tuyển

5. Ưu tiên trong tuyển sinh

- Đối với phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét học bạ: Theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành. Nếu thí sinh thuộc một trong các đối tượng và khu vực dưới đây, điểm cộng của thí sinh sẽ được tính như sau:
 - + Nhóm ưu tiên 1: được cộng 2 điểm
 - + Nhóm ưu tiên 2: được cộng 1 điểm
 - + Khu vực 1: được cộng 0,75 điểm
 - + Khu vực 2 – NT: được cộng 0,5 điểm
 - + Khu vực 2: được cộng 0,25 điểm
- Đối với phương thức xét kết quả thi đánh giá năng lực: Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 1200, mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 40 (bốn mươi điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 10 (mười điểm).

6. Điều kiện phụ và chênh lệch điểm trong xét tuyển

- Điều kiện phụ trong xét tuyển:
 - + Đối với ngành Y khoa: Các thí sinh có điểm bằng nhau ở cuối danh sách xét tuyển (theo phương thức xét điểm tốt nghiệp THPT), Nhà trường sẽ ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có điểm môn Sinh học cao hơn;
 - + Đối với ngành Ngôn ngữ Anh: Nếu thí sinh sử dụng phương thức xét tuyển bằng kết quả điểm thi Tốt nghiệp THPT thì điểm thi môn Tiếng Anh đạt 6,0 (sáu) trở lên; Nếu xét bằng điểm Học bạ THPT phải có điểm môn Tiếng Anh (theo công thức tính điểm xét tuyển của Trường) đạt từ 6,0 (sáu) trở lên mới đủ điều kiện xét tuyển.
- Chênh lệch điểm: Điểm trúng tuyển bằng nhau trong cùng một ngành và cùng một phương thức xét tuyển.

7. Lệ phí xét tuyển

- Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT đợt 1: Theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo
- Xét tuyển các đợt bổ sung và các phương thức khác: đang cập nhật.

8. Cách thức nộp hồ sơ

- Phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022:
 - + Đợt 1: Học sinh nộp hồ sơ tại trường THPT
 - + Các đợt bổ sung: Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp đến trường Đại học Tây Nguyên
- Phương thức Xét điểm học bạ THPT (không xét ngành Y khoa): Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp đến trường Đại học Tây Nguyên.
- Phương thức Xét kết quả thi đánh giá năng lực năm 2022 của ĐHQG TP.HCM: Thí sinh đăng ký dự thi và xét tuyển trực tiếp trên website của ĐHQG TP.HCM.

9. Thời gian thu hồ sơ (dự kiến):

Phương thức xét tuyển	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Theo Quy định của Bộ GDĐT	08/8 – 24/8	29/8 – 14/9	15/9 – 29/9
Xét học bạ	23/5 – 15/7	18/7 – 01/8	08/8 – 24/8	29/8 – 14/9
Xét kết quả thi ĐGNL của Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Theo Quy định của Đại học Quốc gia Tp. HCM	Theo Quy định của Đại học Quốc gia Tp. HCM	—	—
Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển	Theo quy định của Bộ GDĐT	—	—	—

Tùy tình hình thực tế, Nhà trường có thể thay đổi số đợt tuyển sinh, thời gian nhận hồ sơ các đợt.

10. Thi năng khiếu

Dành cho thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Giáo dục mầm non và ngành Giáo dục Thể chất

Đợt tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ	Ngày thi
Đợt 1	01/5/2022 đến 24/6/2022	08/7/2022
Đợt 2	11/7/2022 đến 22/7/2022	29/7/2022

11. Địa điểm và hình thức nhận hồ sơ xét tuyển

- Đối với phương thức xét bằng điểm thi tốt nghiệp THPT, thí sinh đăng ký tại điểm trường THPT đang theo học.
- Đối với phương thức xét bằng điểm thi ĐGNL của ĐHQG TP.HCM: đăng ký dự thi và xét tuyển trên hệ thống của ĐHQG TP.HCM tại link web: <https://thinangluc.vnuhcm.edu.vn/>

12. Các kênh tư vấn

- Điện thoại/Zalo: 0965.164.445; Fanpage/Messenger: www.facebook.com/tvtsttn/
- Email: tuyensinh@ttn.edu.vn; Website: <http://tuyensinh.ttn.edu.vn>;

Thông tin liên hệ: Trường Đại học Tây Nguyên.

Địa chỉ: 567 Lê Duẩn TP. Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk.

Điện thoại: (0262) 3825185 - Fax: (0262) 3825184 - Email: dhtn@ttn.edu.vn

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.ttn.edu.vn/2022/02/21/chinhquy2022/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT

Mã trường: DYD

Các ngành tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
1	QUẢN TRỊ KINH DOANH Gồm các chuyên ngành: 1. Quản trị kinh doanh 2. Kế toán 3. Tài chính - Ngân hàng 4. Digital Marketing	7340101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
2	KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG Gồm các chuyên ngành: 1. Công nghệ môi trường 2. Quản lý môi trường 3. Tư vấn môi trường	7440301	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
3	CÔNG NGHỆ SINH HỌC Gồm các chuyên ngành: 1. Công nghệ sinh học thực vật 2. Công nghệ vi sinh vật	7420201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
4	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Gồm các chuyên ngành: 1. Công nghệ phần mềm	7480201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)

	2. Khoa học máy tính		K01 (Toán, Tiếng Anh, Tin học)
5	KIẾN TRÚC	7580101	A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ)
6	THIẾT KẾ NỘI THẤT	7580108	A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) H01 (Toán, Văn, Vẽ) V00 (Toán, Lý, Vẽ)
7	ĐIỀU DƯỠNG	7720301	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D08 (Toán, Sinh, Tiếng Anh)
8	DƯỢC HỌC	7720201	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) D07 (Toán, Hóa, Tiếng Anh)
9	NGÔN NGỮ ANH Gồm các chuyên ngành: 1. Ngôn ngữ Anh 2. Tiếng Anh Du lịch 3. Tiếng Anh thương mại	7220201	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)
10	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH Gồm các chuyên ngành: 1. Quản trị Nhà hàng - Khách sạn 2. Quản trị lữ hành	7810103	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh)
11	ĐỒNG PHƯƠNG HỌC Gồm các chuyên ngành: 1. Hàn Quốc 2. Nhật Bản	7310608	A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) D15 (Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh)
12	QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	7320108	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
13	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	7540101	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) C08 (Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học) D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh)
14	LUẬT KINH TẾ	7380107	A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý) C20 (Ngữ Văn, Địa lý, GDCD) D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
15	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	7510205	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý)

* Quy định về môn ngoại ngữ thay thế

Đối với thí sinh thi môn ngoại ngữ được chọn xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ thay thế theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo:

STT	Mức điểm chứng chỉ Tiếng Anh				Điểm quy đổi tuyển sinh
	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	CEFR	
1	450 - 474	42 - 52	4.0	B1	7.0
2	475 - 499	53 - 60	4.5	B1	8.0
3	500 - 529	61 - 71	5.0	B1	9.0
4	>= 530	>=72	>=5.5	B2	10.0

(Lưu ý, việc quy đổi điểm chỉ thực hiện đối với các chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP, TOEFL iBT do tổ chức Educational Testing Service cấp và chứng chỉ IELTS do tổ chức British Council hoặc International Development Program cấp còn hiệu lực đến thời điểm nộp hồ sơ).

Mọi thông tin vui lòng liên hệ: **Trường Đại Học Yersin Đà Lạt**

Địa chỉ: 27 Tôn Thất Tùng, Phường 8, TP. Đà Lạt

Hotline: 1900 633 970 - 0911 66 20 22 - Website: <http://www.yersin.edu.vn> - Email: tuyensinh@yersin.edu.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/YersinUniversity> - <https://tuyensinh.yersin.edu.vn/>

Trích Nguồn: <https://yersin.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-2022.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP PHÂN HIỆU TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Mã trường: LNS

Các ngành tuyển sinh

Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
Thú y	7640101	A00, A01, B00, D01	150
Khoa học cây trồng	7620110	A00, A01, B00, D01	50
Bảo vệ thực vật	7620112	A00, A01, B00, D01	50
Lâm sinh	7620205	A00, A01, B00, D01	50
Quản lý tài nguyên rừng	7620211	A00, A01, B00, D01	80
Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	A00, A01, B00, D01	50
Thiết kế nội thất	7580108	A00, A01, B00, D01	60
Quản lý đất đai	7850103	A00, A01, B00, D01	80
Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	A00, A01, B00, D01	60
Công nghệ sinh học	7420201	A00, A01, B00, D01	50
Kế toán	7340301	A00, A01, C15, D01	80
Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, C15, D01	80
Du lịch sinh thái	7850104	A00, A01, C15, D01	60
Logistics (Dự kiến)	7510605	A00, A01, C15, D01	50
Tài chính - Ngân hàng (Dự kiến)	7340201	A00, A01, C15, D01	50

Phương thức xét tuyển:

- **Xét tuyển bằng kết quả thi THPT năm 2022 theo tổ hợp môn xét tuyển:** Dự kiến xét tuyển khoảng 40% tổng chỉ tiêu
 - + Tốt nghiệp THPT;
 - + Có điểm thi THPT các trong tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của nhà trường.
- **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (Học bạ):** Tổng điểm trung bình 3 năm THPT hoặc tổng điểm trung bình 3 môn của học kỳ I năm lớp 12/ cả năm lớp 12 có tổ hợp môn xét tuyển: Dự kiến xét tuyển khoảng 40% tổng chỉ tiêu
 - + Tốt nghiệp THPT;
 - + Đạt ít nhất 1 trong 3 tiêu chí sau:
 - Điểm trung bình chung của tổ hợp các môn học dùng để xét tuyển học kỳ I năm lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);
 - Điểm trung bình chung của tổ hợp các môn học dùng để xét tuyển cả năm lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);
 - Trung bình chung của tổng điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10).
- **Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của trường ĐHQG TP. Hồ chí Minh:** Dự kiến xét tuyển khoảng 10% tổng chỉ tiêu.
 - + Tốt nghiệp THPT;
 - + Có điểm kỳ thi đánh giá năng lực của trường ĐHQG TP. Hồ Chí Minh đạt từ 600 điểm trở lên.
- **Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT:** Dự kiến xét tuyển khoảng 10% tổng chỉ tiêu được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ: **Văn Phòng tuyển sinh, Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp**

Địa chỉ: Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

Website: www.vnu2.edu.vn - Fanpage: [Facebook.com/VNUF2](https://www.facebook.com/VNUF2) - Điện thoại: 0251 6508 777 / 0251 6578 999

Trích nguồn: <https://vnu2.edu.vn/vi/tuyen-sinh/tuyen-sinh-dai-hoc.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Mã Trường: DCD

I. Các ngành đào tạo bậc đại học chính quy

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn
1	Công nghệ thông tin + Công nghệ phần mềm + Mạng máy tính	7480201	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh A04: Toán, Lý, Địa (*) A10: Toán, Lý, GDCD (*)
2	Công nghệ kỹ thuật điện tử + Công nghệ kỹ thuật điện + Công nghệ kỹ thuật điện tử	7510301	
3	Công nghệ chế tạo máy	7510202	
4	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	
5	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00: Toán, Lý, Hóa A06: Toán, Hóa, Địa (*)

			B00: Toán, Hóa, Sinh B04: Toán, Sinh, GDCC (*)
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	A06: Toán, Hóa, Địa (*) B00: Toán, Hóa, Sinh B04: Toán, Sinh, GDCC (*) C08: Văn, Hóa, Sinh
7	Điều dưỡng	7720301	
8	Kế toán	7340301	
9	Tài chính– Ngân hàng + Tài chính ngân hàng + Tài chính doanh nghiệp	7340201	A00: Toán, Lý, Hóa A07: Toán, Sử, Địa A09: Toán, Địa, GDCC D84: Toán, GDCC, Anh
10	Quản trị kinh doanh	7340101	
11	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A07: Toán, Sử, Địa A09: Toán, Địa, GDCC C00: Văn, Sử, Địa C20: Văn, Địa, GDCC
12	Quản trị khách sạn	7810201	
13	Đồng phương học + Nhật Bản học + Hàn Quốc học + Trung Quốc học	7310608	A07: Toán, Sử, Địa C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Anh D15: Văn, Địa, Anh
14	Ngôn ngữ Anh + Tiếng Anh thương mại + Tiếng Anh biên – phiên dịch + Phương pháp giảng dạy	7220201	D01: Toán, Văn, Anh D14: Văn, Sử, Anh D15: Văn, Địa, Anh D84: Toán, GDCC, Anh
15	Ngôn ngữ Trung Quốc + Tiếng Trung thương mại + Tiếng Trung biên – phiên dịch + Phương pháp giảng dạy	7220204	C00: Văn, Sử, Địa C20: Văn, Địa, GDCC D14: Văn, Sử, Anh D15: Văn, Địa, Anh

(*) Các tổ hợp không dùng trong xét điểm thi THPT, nhưng vẫn có thể dùng xét điểm học bạ THPT. Các tổ hợp còn lại dùng cho cả 3 phương thức.

II. Phương thức xét tuyển

- Xét kết quả thi THPT;
- Xét kết quả Học bạ lớp 12;
- Xét kết quả Học bạ lớp 11 và HK I lớp 12.

III. Thời gian xét tuyển: Nhận hồ sơ từ ngày 01/3/2022

IV. Hình thức đăng ký

- Xét kết quả thi THPT: Đăng ký tại trường THPT cùng hồ sơ thi THPT hoặc tại các điểm tiếp nhận do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định.
- Xét kết quả học bạ THPT (Học bạ lớp 12 hoặc Học bạ lớp 11 và HK1 lớp 12):
+ Đăng ký trực tuyến tại: <https://xetonline.dntu.edu.vn>
+ Đăng ký trực tiếp tại Bộ phận Tuyển sinh Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
 - Địa chỉ: Đường Nguyễn Khuyến, KP5, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
 - Điện thoại: (0251) 261.2241 - Hotline: 0986.39.7733 - 0904.39.7733

Trích Nguồn: <https://dntu.edu.vn/thong-tin-huong-nghiep-tuyen-sinh/thong-tin-tuyen-sinh-nam-2022-du-kien>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Mã trường: TDM

Loại hình trường: Công lập (đa ngành)

1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2. Tổng chi tiêu: 5.500

3. Phương thức tuyển sinh (4 phương thức tuyển sinh)

Phương thức	Tên phương thức	Chỉ tiêu	Thời gian bắt đầu nhận hồ sơ ĐKXT
1	Xét học bạ (có 02 hình thức): * Hình thức 1: Xét điểm trung bình chung 3 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) theo tổ hợp môn; * Hình thức 2: Xét điểm trung bình các môn (điểm tổng kết cả năm) năm lớp 12 theo tổ hợp môn.	60% của tổng chỉ tiêu	Từ ngày 1 – 4 - 2022

2	Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo tổ hợp môn.	20% của tổng chỉ tiêu	Theo quy định của Bộ GD-ĐT
3	Xét tuyển thẳng (có 2 hình thức): * Hình thức 1: Thí sinh đạt học sinh giỏi 1 trong 3 năm (lớp 10, 11, 12) được tuyển thẳng; * Hình thức 2: Tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.	12% của tổng chỉ tiêu	*Hình thức 1 Từ ngày 1 – 4 - 2022 *Hình thức 2 Theo quy định của Bộ GD-ĐT
4	Xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM năm 2022.	8% của tổng chỉ tiêu	Theo quy định của ĐHQG-TP.HCM

4. Các ngành đào tạo bằng tiếng Việt

STT	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Đạt chuẩn kiểm định
1	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, A16	AUN-QA, UPM
2	Marketing	7340115	A00, A01, D01, A16	
3	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, A16	
4	Kiểm toán	7340302	A00, A01, D01, A16	
5	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01, D07	
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, A16	
7	Quản lý Công nghiệp	7510601	A00, A01, C01, A16	
8	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D90	
9	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, C01, D90	
10	Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu	7480205	A00, A01, C01, D90	
11	Kỹ thuật Phần mềm	7480103	A00, A01, C01, D90	AUN-QA
12	Kỹ thuật Điện	7520201	A00, A01, C01, D90	AUN-QA
13	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01, D01, D90	
14	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	A00, A01, C01, D90	
15	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	7520207	A00, A01, C01, D90	
16	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01, D90	
17	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	A00, A01, C01, D90	MOET, UPM
18	Quản lý Xây dựng	7580302	A00, A01, C01, D01	
19	Kiến trúc	7580101	V00, V01, A00, A16	MOET
20	Đồ thị học	7580112	V00, D01, A00, A16	
21	Kỹ nghệ gỗ (Công nghệ chế biến lâm sản)	7549001	A00, A01, B00, D01	
22	Âm nhạc	7210405	N03, M03, M06, M10	
23	Mỹ thuật (Mỹ thuật ứng dụng)	7210407	D01, V00, V01, V05	
24	Quản lý văn hóa	7229042	C14, C00, D01, C15	
25	Thiết kế Đồ họa	7210403	V00, V01, A00, D01	
26	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, D01, D09, V01	
27	Du lịch	7810101	D01, D14, D15, D78	
28	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, A01, D15, D78	MOET
29	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01, D04, A01, D78	
30	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	D01, A01, D15, D78	
31	Luật	7380101	C14, C00, D01, A16	MOET
32	Quản lý Nhà nước	7310205	C14, C00, D01, A16	
33	Quản lý công	7340403	A01, D01, C00, C15	
34	Quan hệ quốc tế	7310206	A00, C00, D01, D78	
35	Quản lý Đất đai	7850103	A00, D01, B00, B08	
36	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	A00, D01, B00, B08	MOET, UPM
37	Kỹ thuật Môi trường	7520320	A00, D01, B00, B08	
38	Hóa học	7440112	A00, B00, D07, A16	AUN-QA
39	Công nghệ Sinh học	7420201	A00, D01, B00, B08	

40	Công nghệ Thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, B08	
41	Kỹ thuật y sinh	7520212	B00, B08, D01, D13	
42	Công tác Xã hội	7760101	C00, D01, C19, C15	MOET
43	Tâm lý học	7310401	C00, D01, C14, B08	
44	Giáo dục học	7140101	C00, D01, C14, C15	MOET
45	Toán học	7460101	A00, A01, D07, A16	
46	Giáo dục Tiểu học	7140202	A00, C00, D01, A16	MOET
47	Giáo dục Mầm non	7140201	M00, M05, M07, M11	MOET
48	Sư phạm Ngữ Văn	7140217	C00, D01, D14, C15	MOET
49	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00, D01, C14, C15	MOET

5. Các ngành đào tạo bằng tiếng Anh

STT	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	7340101E	A00, A01, D01, A16
2	Công nghệ Thông tin	7480201E	A00, A01, C01, D90
3	Hóa học	7440112E	A00, B00, D07, A16
4	Kỹ thuật Điện	7520201E	A00, A01, C01, D90
5	Giáo dục Mầm non	7140201E	M00, M05, M07, M11
6	Giáo dục Tiểu học	7140202E	A00, C00, D01, A16
- Đối với các ngành đào tạo bằng tiếng Anh, thí sinh phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương - Sau khi trúng tuyển, thí sinh nộp bổ sung giấy chứng nhận đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ hoặc tham gia kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ do trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức			

6. Bảng mã tổ hợp:

Mã	Tên môn tổ hợp	Mã	Tên môn tổ hợp
A00	Toán, Vật lý, Hóa học	D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh
A01	Toán , Vật lý, Tiếng Anh	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
A02	Toán, Vật lý, Sinh học	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
A07	Toán, Lịch sử, Địa lý	D78	Ngữ văn, Tiếng Anh, Khoa học xã hội
A16	Toán, Ngữ văn, Khoa học Tự nhiên	D90	Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	M00	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	M03	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Năng khiếu
C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	M05	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu
C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý	M06	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
C14	Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân	M07	Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu
C15	Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội	M10	Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu
C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân	M11	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	N03	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu
D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	V00	Toán, Vật lý, Năng khiếu
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	V01	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu
D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	V05	Ngữ văn, Vật lý, Năng khiếu

Đối với các tổ hợp môn năng khiếu

- Môn năng khiếu Trường đại học Thủ Dầu Một tổ chức thi hoặc thí sinh sử dụng kết quả thi năng khiếu của các trường đại học khác.

STT	Ngành	Môn thi năng khiếu
1	Giáo dục Mầm non	Hát, Đọc kể chuyện diễn cảm
2	Kiến trúc, Mỹ thuật, Thiết kế đồ họa, Đồ thị học, Truyền thông đa phương tiện	Vẽ tĩnh vật (vẽ bằng viết chì)
3	Âm nhạc	Hát, Thẩm âm

Thông tin liên hệ: **Trung Tâm Tuyển Sinh - Trường Đại Học Thủ Dầu Một.**
Địa chỉ: Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
Website: <http://tuyensinh.tdmu.edu.vn> - Email: trungtamtuylensinh@tdmu.edu.vn
Điện thoại: 0274.3835.677 - 0274.3844.340 - 0274.3844341 - Hotline: 0911.022.322

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.tdmu.edu.vn/News/Detail/3068>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ MIỀN ĐÔNG

Mã trường: EIU

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022: thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả học bạ THPT: thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy.
- Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG TPHCM năm 2022: thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tham gia kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG TPHCM năm 2022.

2. Phạm vi tuyển sinh: Trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh: Năm 2022, Trường Đại học Quốc tế Miền Đông không tổ chức thi tuyển mà chỉ xét tuyển vào trình độ Đại học chính quy cho tất cả các ngành đào tạo.

- Trường thực hiện 3 phương thức xét tuyển như sau:
 - + Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022: 35% chỉ tiêu tuyển sinh.
 - + Xét tuyển theo kết quả học tập trong học bạ bậc THPT: 50% chỉ tiêu tuyển sinh.
 - Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 trong học bạ bậc THPT
 - Xét tuyển theo kết quả học tập 5 Học kỳ (Học kỳ 1&2 lớp 10, Học kỳ 1&2 lớp 11, Học kỳ 1 lớp 12) trong học bạ bậc THPT
 - + Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG TPHCM năm 2022: 15% chỉ tiêu tuyển sinh.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/nhóm ngành/khối tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

STT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)				Tổ hợp môn xét tuyển
			Theo KQ thi THPT 2022	Theo KQ học bạ THPT		Theo KQ thi ĐGNL ĐHQG TP.HCM	
				KQ HB lớp 12	KQ HB 5 Học kỳ		
1	7340101	Quản trị kinh doanh	140	200		60	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) B00 (Toán, Hóa, Sinh) D01 (Toán, Văn, Anh)
2	7520201	Kỹ thuật điện	28	40		12	
3	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	28	40		12	
4	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	28	40		12	
5	7480103	Kỹ thuật phần mềm	28	40		12	
6	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	28	40		12	
7	7720301	Điều dưỡng	70	100		30	

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:

a) Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022:

- Ngành Điều dưỡng: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Các ngành còn lại: Trường sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của Trường đúng theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả học tập trong học bạ bậc THPT:

- Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 trong học bạ bậc THPT:
 - + Ngành Điều dưỡng: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Các ngành còn lại: Thí sinh cần phải đạt đủ 3 (ba) điều kiện sau:
 - Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của 3 môn học trong tổ hợp dùng để xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên;
 - Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 đạt từ 6,0 trở lên;
 - Thí sinh có hạnh kiểm lớp 12 loại khá trở lên.
- Xét tuyển theo kết quả học tập 5 Học kỳ (Học kỳ 1&2 lớp 10, Học kỳ 1&2 lớp 11, Học kỳ 1 lớp 12) trong học bạ bậc THPT:
 - + Ngành Điều dưỡng: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - + Các ngành còn lại: Thí sinh cần phải đạt đủ 3 (ba) điều kiện sau:
 - Tổng điểm trung bình 5 Học kỳ của các môn học thuộc tổ hợp dùng để xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên (*);
 - Điểm trung bình chung 5 Học kỳ đạt từ 6,0 trở lên;
 - Thí sinh có hạnh kiểm cả năm lớp 11 loại khá trở lên.

(*) Ví dụ cách tính điểm trung bình 5 Học kỳ của môn Toán:

- Điểm trung bình 5 Học kỳ của môn Toán = (điểm trung bình môn toán HK1 lớp 10 + điểm trung bình môn toán HK2 lớp 10 + điểm trung bình môn toán HK1 lớp 11 + điểm trung bình môn toán HK2 lớp 11 + điểm trung bình môn toán HK1 lớp 12)/5
- Tương tự cách tính cho các môn còn lại.

c) Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG TPHCM năm 2022: Trường sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của Trường.

Thông tin liên hệ: **Trường Đại học Quốc tế Miền Đông**

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84 274 629 3036 – Mail: admissions@eiu.edu.vn

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.eiu.edu.vn/vi/detailn-thong-tin-tuyen-sinh-2022-533.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT ĐỨC

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT);
- Thí sinh đang học các trường THPT Việt Nam hoặc quốc tế sẽ tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh.
- Đáp ứng các yêu cầu về tuyển sinh bậc đại học của VGU và Bộ Giáo dục và Đào tạo (MoET).

2. Các ngành đào tạo bậc đại học:

STT	Mã ngành	Ngành học	Học phí / 1 học kỳ	Chỉ tiêu
1	7340101	Quản trị kinh doanh (BBA)	41.800.000	80
2	7340202	Tài chính và kế toán (BFA)	41.800.000	60
3	7480101	Khoa học máy tính (CSE)	39.200.000	120
4	7520103	Kỹ thuật cơ khí (MEN)	39.200.000	80
5	7520208	Kỹ thuật điện và máy tính (ECE)	39.200.000	90
6	7580101	Kiến trúc (ARC)	39.200.000	50
7	7580201	Kỹ thuật xây dựng (BCE)	39.200.000	20
8	7520320	Kỹ thuật môi trường (EPE)	39.200.000	20

3. Phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Việt Đức tuyển sinh kết hợp thi tuyển và xét tuyển theo các phương thức:

- **Phương thức 1 - TestAS:** trường tổ chức thi tuyển đầu vào bằng bài thi TestAS. (Thí sinh có thể nộp chứng chỉ TestAS phù hợp với ngành đào tạo để thay thế cho bài thi đầu vào của Trường.)
- **Phương thức 2 – Xét học bạ THPT:** xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT đối với các thí sinh sẽ tốt nghiệp các trường THPT của Việt Nam trong năm tuyển sinh.
- **Phương thức 3 - Xét tuyển thẳng:** đối với thí sinh có thành tích học tập xuất sắc, bao gồm các thí sinh đạt giải các cuộc thi học sinh giỏi bậc THPT cấp tỉnh/thành phố, cấp quốc gia hoặc thành viên đội tuyển trong các cuộc thi học sinh giỏi quốc tế.
- **Phương thức 4 - Chứng chỉ THPT quốc tế:** xét tuyển đối với các thí sinh có bằng/chứng chỉ tốt nghiệp THPT quốc tế (IBD, AS/A-Level, IGCSE, WACE...) hoặc chứng chỉ của các bài thi năng lực quốc tế (SAT, TestAS...).
- **Phương thức 5 – Kết quả thi tốt nghiệp THPT:** xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

Thí sinh được phép tham gia nhiều phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân theo các mốc thời gian tuyển sinh và nhập học được quy định cho mỗi đợt tuyển sinh, kết quả trúng tuyển và học bổng cho từng phương thức được xác định độc lập với nhau. Thí sinh đã nhập học sẽ không được tiếp tục xét tuyển theo phương thức khác.

4. Yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào: Đối với tất cả các phương thức tuyển sinh, thí sinh phải thỏa mãn một trong các yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào sau đây:

- Có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế ít nhất tương đương IELTS học thuật 5.0 (hoặc TOEFL iBT 42) còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ; hoặc
- Đạt ít nhất 71 điểm trong bài thi onSET; hoặc điểm trung bình môn tiếng Anh trong 3 năm THPT (lớp 10, 11 và học kỳ 1 của lớp 12) đạt ít nhất 7,5 (thang điểm 10). Điều kiện này chỉ áp dụng cho Phương thức 2 - Xét học bạ THPT; hoặc
- Đạt ít nhất 7,5 điểm (thang điểm 10) môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh (chỉ áp dụng cho Phương thức 5 - Kết quả thi tốt nghiệp THPT)
- Miễn yêu cầu tiếng Anh đầu vào đối với thí sinh quốc tế đến từ các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức (theo danh mục do VGU quy định) hoặc thí sinh tốt nghiệp các chương trình THPT quốc tế giảng dạy và thi bằng tiếng Anh.

5. Tổ chức tuyển sinh và điều kiện xét tuyển:

Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển/thi tuyển: thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ <https://apply.vgu.edu.vn>

Phương thức 1: Thi tuyển bằng bài thi đánh giá năng lực TestAS

- Thời gian đăng ký dự thi: đến ngày 02/05/2022; Lịch thi: 14 và 15/05/2022
- **Các môn thi:**
 - a) Bài thi TestAS bao gồm 02 bài thi thành phần: bài thi kiến thức cơ bản (Core Test) và bài thi kiến thức khối chuyên ngành (Subject - Specific Test). Bài thi kiến thức cơ bản áp dụng cho tất cả các ngành. Bài thi kiến thức chuyên ngành phân biệt theo ngành như sau:
 - + Đối với ngành Khoa học máy tính (CSE): bài thi về Toán học, Khoa học máy tính và Khoa học tự nhiên;
 - + Đối với các ngành Kỹ thuật điện và máy tính (ECE), Kỹ thuật cơ khí (MEN), Kiến trúc (ARC), Kỹ thuật xây dựng (BCE), Kỹ thuật môi trường (EPE): bài thi về Kỹ thuật;
 - + Đối với các ngành Tài chính - Kế toán (BFA) và Quản trị kinh doanh (BBA): bài thi về Kinh tế.
 - + Bài thi kiến thức khối chuyên ngành chỉ có giá trị xét tuyển vào các ngành đào tạo tương ứng.
 - b) Bài thi tiếng Anh "onSet" (40 phút): áp dụng đối với thí sinh chưa thỏa mãn các yêu cầu khác về tiếng Anh đầu vào.
- Điều kiện được xét trúng tuyển:
 - + Thí sinh được xét trúng tuyển khi đáp ứng toàn bộ các điều kiện sau:
 - + Thỏa mãn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào của VGU (quy định tại mục Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào);
 - + Cả hai bài thi thành phần đạt từ 90 điểm trở lên;
 - + Có kết quả tổng hợp lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển. Kết quả tổng hợp được tính toán theo tỉ lệ: bài thi kiến thức cơ bản chiếm 40%; bài thi kiến thức khối chuyên ngành chiếm 60%.
 - + Điểm trúng tuyển do Hội đồng tuyển sinh quyết định căn cứ trên số lượng thí sinh đáp ứng các yêu cầu và chỉ tiêu mỗi ngành. Điểm trúng tuyển không thấp hơn ngưỡng điểm sàn 90 điểm.

Phương thức 2: Xét tuyển học bạ/bảng điểm bậc THPT (lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)

- Thời gian đăng ký xét tuyển: đến ngày 31/05/2022
- Điều kiện xét trúng tuyển: Thí sinh được xét trúng tuyển khi đáp ứng được các điều kiện sau:
 - + Tốt nghiệp các trường THPT Việt Nam trong năm tuyển sinh;
 - + Thỏa mãn yêu cầu về năng lực tiếng Anh đầu vào của VGU (xem mục 4);
 - + Điểm trung bình các môn (điểm tổng kết) của năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đều phải đạt ít nhất 7,0;
 - + Tổng điểm trung bình theo trọng số của 6 môn học Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Ngoại ngữ (theo học bạ lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) đạt ít nhất 7,5;
 - + Thí sinh được xếp hạng từ cao đến thấp theo tổng điểm trung bình của 6 môn học nêu trên. Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định điểm trúng tuyển theo tổng điểm trung bình và theo chỉ tiêu mỗi ngành đào tạo. Nếu số lượng thí sinh có đủ điều kiện trúng tuyển nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh và các thí sinh xếp hạng sau cùng trong danh sách trúng tuyển có kết quả tổng hợp bằng nhau, những thí sinh có điểm tiếng Anh cao hơn sẽ được gọi trúng tuyển.

- Tổng điểm trung bình được tính từ điểm trung bình 6 môn Toán (M), Vật lý (P), Hóa học (C), Sinh học (B), Ngữ văn (L) và Ngoại ngữ (E) trong 3 năm THPT (lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)

Điểm cộng: Thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh/quốc gia (Giải Nhất, Nhì, Ba) các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp) và Tin học được cộng thêm 0,5 điểm vào tổng điểm trung bình.

Phương thức 3: Xét tuyển thẳng đối với thí sinh có thành tích học tập đặc biệt

- Thời gian đăng ký xét tuyển: đến ngày 15/09/2022
- Thí sinh được xét tuyển thẳng nếu đáp ứng điều kiện tiếng Anh đầu vào và một trong các điều kiện sau:
 - a) Thành viên đội tuyển Olympic Việt Nam tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế các môn: Toán học, Vật lý, Hóa học, Tin học hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi Olympic Châu Á Thái Bình Dương môn Toán học, Vật lý, Tin học.
 - b) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba hoặc Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh/ thành phố các môn phù hợp với ngành đào tạo:
 - + Đối với ngành CSE, ECE, MEN, BCE, EPE và ARC: chấp nhận các môn Toán học, Vật lý, Hóa học, Tin học.
 - + Đối với ngành BFA và BBA: chấp nhận các môn Toán học, Vật lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh, Tiếng Pháp và Ngữ văn.
 - c) Thành viên đội tuyển quốc gia tham dự Hội thi khoa học, kỹ thuật quốc tế (ISEF) hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia. Kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đạt giải phải phù hợp với các ngành đào tạo của trường.

Thời gian có hiệu lực của chứng nhận giải thưởng ngành tham gia các cuộc thi nêu trên được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT của thí sinh.

Phương thức 4: Xét tuyển đối với thí sinh có văn bằng/chứng chỉ tốt nghiệp THPT quốc tế hoặc bài thi năng lực quốc tế

- Thời gian đăng ký xét tuyển: đến ngày 15/09/2022
- Thí sinh được xét tuyển thẳng nếu đáp ứng điều kiện tiếng Anh đầu vào và có các văn bằng/chứng chỉ tốt nghiệp THPT quốc tế được công nhận (danh mục do VGU quy định) hoặc bài thi năng lực quốc tế.
- Điểm trúng tuyển và yêu cầu về môn chuyên ngành đối với từng chứng chỉ được quy định như sau:

STT	Chứng chỉ/ Tổ chức cấp	Điểm trúng tuyển	Yêu cầu môn chuyên ngành	Ghi chú
1	SAT (Scholastic Assessment Test)/ College Board	1150		Điểm trúng tuyển được tính dựa vào tổng điểm
2	IBD (International Baccalaureate Diploma)/ IB Organization	28		Điểm trúng tuyển được tính dựa vào điểm tổng 6 môn.
3	AS/A-Level (International Advanced Levels)/ Cambridge; Pearson Edexcel	3 môn A-Level với điểm trung bình từ 70% (2 môn AS-Level tương đương 1 môn A-Level)	Các ngành khối kỹ thuật (CSE, ECE, MEN, EPE, BCE, ARC): Toán học và ít nhất 01 môn khoa học. Các ngành khối kinh tế (BBA, BFA): Toán học và ít nhất 01 môn khoa học hoặc khoa học xã hội.	Thang điểm: A*: 90-100 A: 80-89 B: 70-79 C: 60-69 D: 50-59 E: 40-49
4	IGCSE (International General Certificate of Secondary Education) và A-Level/Cambridge; Pearson Edexcel	3 môn IGCSE và 2 môn A-Level với điểm trung bình từ 70%		
5	WACE (Western Australian Certificate of Education)/Western Australia School Curriculum and Standards Authority	ATAR với 3 môn có điểm trung bình kết hợp từ 70%		ATAR: Chuẩn xét tuyển đại học Úc
6	TestAS (Test for Academic Studies)/ TestDaF Institute	Kết quả tổng hợp từ 90 điểm trở lên, không có bài thi thành phần nào dưới 90 điểm.		
7	Bằng tốt nghiệp THPT quốc tế được công nhận	Điểm trung bình (GPA) bằng tốt nghiệp THPT từ 70%		

Thí sinh có điểm trung bình tốt nghiệp (GPA) dưới 70% nhưng có thứ hạng tốt nghiệp cao trong lớp có thể được xem xét trúng tuyển bởi Hội đồng tuyển sinh theo từng trường hợp cụ thể.

Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022

- Thời gian đăng ký xét tuyển: cập nhật sau theo quy định của Bộ GDĐT
- Tổ hợp môn xét tuyển áp dụng cho các ngành học cụ thể như sau:

Ngành đào tạo	Các tổ hợp xét tuyển	Ngành đào tạo	Các tổ hợp xét tuyển
Quản trị kinh doanh (BBA) Tài chính - Kế toán (BFA)	D01 (Toán, Văn, Anh) D03 (Toán, Văn, Pháp) D05 (Toán, Văn, Đức) A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh)	Kiến trúc (ARC)	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) V00 (Toán, Lý, Vẽ Mỹ thuật) V02 (Toán, Anh, Vẽ Mỹ thuật)
Khoa học máy tính (CSE) Kỹ thuật cơ khí (MEN) Kỹ thuật điện và máy tính (ECE) Kỹ thuật xây dựng (BCE)	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D07 (Toán, Hóa, Anh)	Kỹ thuật môi trường (EPE)	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D07 (Toán, Hóa, Anh) B00 (Toán, Hóa, Sinh)

Thí sinh có thể sử dụng kết quả thi môn Vẽ mỹ thuật do các trường đại học khác tổ chức để xét tuyển theo các tổ hợp môn quy định (V00/V02)

Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ Phòng Tiếp thị và Tuyển sinh:

Hotline: 0988 54 52 54 - 0988 629 704 (Đại học) - 0988 629 705 (Thạc sĩ) - Email: study@vgu.edu.vn - Website: <https://vgu.edu.vn>

- Facebook: Vietnamese.German.University

Cơ sở Bình Dương: Phòng A207, Trường Đại học Việt Đức, Đường Lê Lai, Phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Cơ sở Tp. Hồ Chí Minh: Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Halo, số 10 Hoàng Diệu, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM

Điện thoại: (028) 3825 6340

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA, ĐHQG-HCM

Mã Trường: QSB

Phương Thức Tuyển Sinh:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh) (1~5% tổng chỉ tiêu).
- **Phương thức 2:** Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định ĐHQG-HCM (10~15% tổng chỉ tiêu). Tuy nhiên danh sách dự kiến trúng tuyển sẽ xét chung lọc ảo với Bộ 1 lần. Không công bố trung tuyển như những năm trước.
- **Phương thức 3:** Xét tuyển thí sinh nước ngoài hoặc thí sinh có chứng chỉ tuyển sinh quốc tế (Chương trình CLC, Tiên tiến) (1-5% tổng chỉ tiêu).
- **Phương thức 4:** Xét tuyển thí sinh dự tính du học nước ngoài vào chương trình chuyển tiếp quốc tế (1-5% tổng chỉ tiêu)
- **Phương thức 5:** phương thức tổng hợp (ĐGNL, kết quả thi THPT, điểm học THPT, năng lực khác, hoạt động văn thể mỹ,...), thí sinh đăng kí ĐỒNG THỜI trên cổng thông tin của Bộ và cổng tuyển sinh của Trường (đăng kí số lượng nguyện vọng và thứ tự giống nhau trên 02 cổng) (60-90% tổng chỉ tiêu).

Các Ngành Đào Tạo:

MÃ NGÀNH	NHÓM NGÀNH/ NGÀNH	Tổ hợp xét tuyển	ĐIỂM CHUẨN 2022		
			THPT Quốc gia	Đánh giá năng lực	ƯTXXT ĐHQG- HCM
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRẢ (GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG VIỆT)					
106	Khoa học Máy tính 240 SV	A00, A01	28,00	974	86,50
107	Kỹ thuật Máy tính 100 SV	A00, A01	27,35	940	85,30
108	Kỹ thuật Điện; Kỹ thuật Điện tử - viễn thông; Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa (nhóm ngành) 670 SV	A00, A01	25,60	837	82,50
109	Kỹ thuật Cơ khí 300 SV	A00, A01	24,50	805	78,60
110	Kỹ thuật Cơ Điện tử 105 SV	A00, A01	26,75	919	84,70
112	Kỹ thuật Dệt; Công nghệ May (nhóm ngành) 90 SV	A00, A01	22,00	706	72,50
114	Kỹ thuật Hóa học; Công nghệ Thực phẩm; Công nghệ Sinh học (nhóm ngành) 280 SV	A00, B00, D07	26,30	907	85,60
115	Kỹ thuật Xây dựng (nhóm ngành) 645 SV	A00, A01	22,40	700	72,90
117	Kiến trúc 45 SV	A01, C01	25,25	888	81,70
120	Kỹ thuật Địa chất; Kỹ thuật Dầu khí (nhóm ngành) 130 SV	A00, A01	22,00	708	76,30
123	Quản lý Công nghiệp 120 SV	A00, A01, D01, D07	25,25	884	84,10
125	Quản lý Tài nguyên & Môi trường; Kỹ thuật Môi trường (nhóm ngành) 120 SV	A00, A01, B00, D07	24,00	797	81,40
128	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (nhóm ngành) 90 SV	A00, A01	26,80	945	85,80
129	Kỹ thuật Vật liệu 180 SV	A00, A01, D07	22,60	707	72,50
137	Vật lý Kỹ thuật 50 SV	A00, A01	25,30	831	81,80
138	Cơ Kỹ thuật 50 SV	A00, A01	24,30	752	73,90
140	Kỹ thuật Nhiệt (Nhiệt lạnh) 90 SV	A00, A01	23,00	748	72,20
141	Bảo dưỡng Công nghiệp 165 SV	A00, A01	22,00	700	72,10
142	Kỹ thuật Ô tô 90 SV	A00, A01	26,50	893	83,90
145	Kỹ thuật hàng không-Kỹ thuật Tàu thủy (Song ngành) 50 SV	A00, A01	25,00	868	83,30
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, TIỀN TIẾN (GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH)					
206	Khoa học Máy tính 100 SV	A00, A01	28,00	972	86,70
207	Kỹ thuật Máy tính 55 SV	A00, A01	27,35	937	85,40
208	Kỹ thuật Điện – Điện tử 150 SV	A00, A01	24,75	797	81,40
209	Kỹ thuật Cơ khí 50 SV	A00, A01	24,50	822	78,20
210	Kỹ thuật Cơ – Điện tử 50 SV	A00, A01	26,60	891	83,80

211	Kỹ thuật Cơ – Điện tử - chuyên ngành Kỹ thuật Robot 50 SV	A00, A01	26,00	865	82,40
214	Kỹ thuật Hóa học 200 SV	A00, B00, D07	25,40	839	84,00
215	Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông (nhóm ngành) 80 SV	A00, A01	22,30	700	72,50
217	Kiến trúc – Chuyên ngành Kiến trúc Cảnh quan 45 SV	A1, C01	22,00	799	73,80
218	Công nghệ Sinh học 40 SV (Ngành mới)	A00, B00, D07, B08	-	-	-
219	Công nghệ Thực phẩm 40 SV	A00, B00, D07	25,70	880	84,90
220	Kỹ thuật Dầu khí 50 SV	A00, A01	22,00	721	75,70
223	Quản lý Công nghiệp 90 SV	A00, A01, D01, D07	24,50	802	80,20
225	Quản lý Tài nguyên & Môi trường; Kỹ thuật Môi trường (nhóm ngành) 60 SV	A00, A01, B00, D07	22,50	700	73,50
228	Logistics & Quản lý Chuỗi Cung ứng 40 SV	A00, A01	26,25	953	85,60
229	Kỹ thuật Vật liệu 40 SV (Ngành mới)	A00, A01, D07	-	-	-
237	Vật lý Kỹ thuật – chuyên ngành Kỹ thuật Y sinh 45 SV	A00, A01	24,50	826	81,20
242	Kỹ thuật Ô tô 50 SV	A00, A01	26,00	871	81,50
245	Kỹ thuật hàng không 40 SV	A00, A01	25,50	876	82,80
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO TĂNG CƯỜNG TIẾNG NHẬT					
266	Khoa học Máy tính 40 SV	A00, A01	26,75	907	84,60
268	Cơ Kỹ thuật 45 SV	A00, A01	22,80	752	72,20

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Bách Khoa, ĐHQG – HCM**
Địa chỉ: 101 Nhà A1, 268 Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
107 Nhà H1, Đại học Bách Khoa - Cơ sở Dĩ An (khu ĐH Quốc gia, Thủ Đức, TP.HCM)
Email: pdt@hcmut.edu.vn - Điện thoại: (02) 838 654 087

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐHQG-HCM

Mã trường: QSC

Chỉ tiêu: 1.700 (dự kiến)

CHI TIẾT CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN (DỰ KIẾN)

1. Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (25%)

1.1. Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT

- Đối tượng: Các thí sinh đủ điều kiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo thông báo xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của trường Đại học Công nghệ Thông tin (Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đạt giải Học sinh giỏi quốc gia, giải Khoa học kỹ thuật quốc gia,...).
- + Xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành:

- Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật; thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).
- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tiếng Nhật trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia đã tốt nghiệp THPT.
- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba các nghề Cơ điện tử, Tự động hóa công nghiệp, Robot di động, Điện tử, Thiết kế và phát triển trang Web, Giải pháp phần mềm Công nghệ thông tin, Lắp ráp mạng thông tin, Thiết kế đồ họa, Quản trị hệ thống mạng CNTT trong kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật.

- + Ưu tiên xét tuyển vào tất cả các ngành: Thí sinh đạt giải các môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia đã tốt nghiệp THPT, có kết quả kỳ thi THPT quốc gia đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường quy định.

1.2. Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2022 (theo quy định ĐHQG-HCM)

- Mục tiêu:
 - + Tuyển được học sinh giỏi trường THPT vào những ngành/nhóm ngành phù hợp.
 - + Tăng thêm cơ hội, nguyện vọng cho học sinh giỏi vào học tại ĐHQG-HCM.
 - + Thực hiện chủ trương công bằng xã hội trong chính sách tuyển sinh của ĐHQG-HCM.
- Đối tượng: Áp dụng cho tất cả các trường THPT trên cả nước (bao gồm trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm Trung tâm Giáo dục thường xuyên).

- Điều kiện: Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu giới thiệu 01 thí sinh giỏi nhất trường THPT theo các tiêu chí sau:
 - + Đảm bảo 02 tiêu chí chính:
 - Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT
 - Và có điểm trung bình cộng 3 năm THPT thuộc nhóm 3 học sinh cao nhất
 - + Các tiêu chí kết hợp:
 - Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).
 - Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.
 - Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

1.3. Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM

- Đối tượng: học sinh của 83 trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc; học sinh của 66 trường THPT đạt các tiêu chí sau:
 - + Trường THPT có số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học nhiều vào ĐHQG-HCM.
 - + Trường THPT có số lượng cựu học sinh đạt kết quả học tập cao khi học đại học tại ĐHQG-HCM.
 - + Phân bổ số lượng trường theo hướng ưu tiên khu vực tuyển sinh hoặc tỉnh/thành có số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển nhiều vào ĐHQG-HCM giai đoạn 2018 – 2020.
 - Điều kiện:
 - + Tốt nghiệp THPT năm 2022.
 - + Có hạnh kiểm tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 và đáp ứng một trong các điều kiện sau:
 - Học sinh của 83 trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc đạt tối thiểu 2 năm học sinh giỏi trong các năm học ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).
 - Học sinh của 66 trường trung học phổ thông theo danh sách do ĐHQG-HCM công bố đạt 3 năm học sinh giỏi ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).
 - Là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật.
 - Điểm xét tuyển:
 - + Điểm học tập dùng để xét tuyển là tổng điểm trung bình 3 năm THPT của 3 môn học trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký theo thang điểm 10 được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
 - + Điểm xét tuyển = (Điểm học tập/3) + Điểm ưu tiên (nếu có).
 - + Điểm ưu tiên: điểm UIT Code Contest
- Lưu ý: Điểm UIT Code Contest là điểm quy đổi theo quy định của Trường dành cho thí sinh có tham gia cuộc thi UIT Code Contest do Trường ĐH CNTT tổ chức và được cấp giấy chứng nhận (thời hạn được tính không quá 2 năm tính đến ngày xét tuyển vào Trường).*

1.4. Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐHCNTT

- Đối tượng:
 - + Thí sinh đạt giải đặc biệt, giải 1, 2, 3 kỳ thi Olympic Tin học sinh viên Việt Nam/ Olympic phần mềm mã nguồn mở (Procon) năm 2020, 2021.
 - + Thí sinh đạt giải đặc biệt, giải 1, 2, 3 Kỳ thi "Lập trình Châu Á - ICPC Asia" (cấp quốc gia) năm 2020, 2021.
 - + Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba từ kỳ thi tháng trở lên trong cuộc thi "Đường lên đỉnh Olympia" năm 2020, 2021.
 - + Thí sinh đạt huy chương vàng/bạc/đồng ở các giải thể thao quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thể giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á (thời hạn được tính để hưởng ưu tiên không quá 4 năm tính đến ngày xét tuyển vào Trường). Điểm trung bình kết quả học tập THPT các môn trong tổ hợp xét tuyển lớn hơn hoặc bằng 7.0.

2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên điểm thi (60%)

2.1. Kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2022.

- Đối tượng: Thí sinh có kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2022 và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: 600 điểm (cho tất cả các ngành).
- Phương thức, điều kiện xét tuyển: theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của ĐHQG-HCM.

2.2. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022

- Đối tượng: Thí sinh có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: 22 điểm (cho tất cả các ngành và tổ hợp xét tuyển).
- Phương thức, điều kiện xét tuyển: theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Tổ hợp môn xét tuyển: A00, A01, D01, D06, D07 (tùy theo ngành).
- Quy đổi điểm ngoại ngữ:
 - + Thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Nhật) theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT: Điểm quy đổi xét tuyển là 10.
 - + Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Nhật JLPT từ cấp độ N3 trở lên: Điểm quy đổi xét tuyển là 10.
 - + Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh tương ứng được quy đổi theo bảng sau:

Chứng chỉ IELTS	Chứng chỉ TOEFL iBT	Chứng chỉ TOEFL ITP	Điểm quy đổi
≥ 6.0	≥ 71	≥ 560	10
5.5	60 - 70	530 - 559	9.5
5.0	50 - 59	500 - 529	9
4.5	X	X	8

3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên các chứng chỉ quốc tế uy tín (15%)

3.1. Chứng chỉ quốc tế đánh giá kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội

- Đối tượng:
 - + Nhóm đối tượng 1 (xét tuyển vào tất cả các ngành): Thí sinh người Việt Nam tốt nghiệp THPT Việt Nam hoặc nước ngoài.
 - + Nhóm đối tượng 2 (chỉ xét tuyển vào chương trình tiên tiến ngành Hệ thống Thông tin - học bằng tiếng Anh): Thí sinh người nước ngoài tốt nghiệp THPT nước ngoài.
- Điều kiện:
 - + Có hạnh kiểm tốt và tối thiểu đạt danh hiệu học sinh khá (hoặc tương đương) trong các năm học THPT.
 - + Có chứng chỉ quốc tế thỏa một trong những điều kiện sau:
 - Chứng chỉ SAT có điểm từ 510 trở lên cho mỗi phần thi.
 - Chứng chỉ ACT có điểm trung bình từ 21 trở lên.
 - AS/A level có điểm từ C-A cho mỗi môn thi.
 - Tú tài quốc tế (IB) có tổng điểm từ 21 trở lên.
 - Các văn bằng, chứng chỉ quốc tế uy tín khác được Hội đồng tuyển sinh chấp thuận.

3.2. Chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh, Tiếng Nhật

- Đối tượng: Thí sinh người Việt Nam tốt nghiệp THPT Việt Nam hoặc nước ngoài (xét tuyển vào tất cả các ngành).
- Điều kiện:
 - + Có hạnh kiểm tốt và tối thiểu đạt danh hiệu học sinh khá (hoặc tương đương) trong các năm học THPT.
 - + Tổng điểm trung bình 3 năm THPT của 3 môn học trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký lớn hơn hoặc bằng 24.
 - + Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thỏa bằng sau:

Chứng chỉ tiếng Anh IELTS	Chứng chỉ TOEFL iBT	Chứng chỉ tiếng Nhật JLPT
≥ 5.5	≥60	≥N3

- Nguyên tắc xét tuyển:
 - + Thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng, việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.
 - + Thí sinh thực hiện video và bài luận theo chủ đề cho trước.
 - + Điểm học tập dùng để xét tuyển là tổng điểm trung bình 3 năm THPT của 3 môn học trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký theo thang điểm 10 được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
 - + Điểm xét tuyển = (Điểm học tập/3 * 0.8 + Điểm đánh giá video/bài luận*0.2 + Điểm ưu tiên (nếu có).
 - + Điểm ưu tiên: điểm UIT Code Contest
- Lưu ý: Điểm UIT Code Contest là điểm quy đổi theo quy định của Trường dành cho thí sinh có tham gia cuộc thi UIT Code Contest do Trường ĐH CNTT tổ chức và được cấp giấy chứng nhận (thời hạn được tính không quá 2 năm tính đến ngày xét tuyển vào Trường).*
- Thí sinh có thể được mời phỏng vấn.

4. Phương thức 4: Xét tuyển theo tiêu chí riêng của chương trình liên kết với Đại học Birmingham City – Anh Quốc, do ĐH Birmingham City cấp bằng (không tính vào tổng chỉ tiêu)

- Ngành Khoa học máy tính: 60 chỉ tiêu.
- Ngành Mạng máy tính và an toàn thông tin: 60 chỉ tiêu.
- Điều kiện xét tuyển:
 - + Thí sinh tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và đạt chứng chỉ IELTS từ 5.5 (hoặc chứng chỉ khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận là tương đương).
 - + Hoặc thí sinh đã học và tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) tại cơ sở giáo dục nước ngoài mà ngôn ngữ học bằng Tiếng Anh.

Lưu ý: Đối với những thí sinh chưa có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế thì phải tham gia kỳ thi tiếng Anh đầu vào do Trường Đại học Công nghệ Thông tin tổ chức. Căn cứ vào kết quả đánh giá tiếng Anh này, những thí sinh chưa đạt chuẩn tiếng Anh đầu vào sẽ phải theo học những lớp bồi dưỡng tiếng Anh do Trường Đại học Công nghệ Thông tin tổ chức.

CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO:

Mã ngành	Ngành xét tuyển	Chỉ tiêu năm 2022	Tổ hợp xét tuyển
7480101	Khoa học máy tính	245	A00, A01, D01, D07
7480117	Trí tuệ nhân tạo (dự kiến)	40	A00, A01, D01, D07
7480102	Mạng máy tính và Truyền thông Dữ liệu	195	A00, A01, D01, D07
7480103	Kỹ thuật phần mềm	225	A00, A01, D01, D07
7480104	Hệ thống thông tin	165	A00, A01, D01, D07
7480104_TT	Hệ thống Thông tin (tiên tiến)	70	A01, D01, D07
7340122	Thương mại điện tử	115	A00, A01, D01, D07
7480201	Công nghệ thông tin	105	A00, A01, D01, D07
7480201_N	Công nghệ thông tin Việt – Nhật	120	A00, A01, D01, D06, D07
7480109	Khoa học dữ liệu	60	A00, A01, D01, D07
7480202	An toàn thông tin	160	A00, A01, D01, D07
7480106	Kỹ thuật máy tính	160	A00, A01, D01, D07
7480106_IOT	Kỹ thuật máy tính (chuyên ngành hệ thống nhúng và IOT)	40	A00, A01, D01, D07
7480101_LK	Khoa học Máy tính (Chương trình liên kết và Đại học Birmingham City cấp bằng)	60	Xét tuyển riêng
7480102_LK	Mạng máy tính và An toàn thông tin (chương trình liên kết và Đại học Birmingham City cấp bằng)	60	Xét tuyển riêng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT, ĐHQG-HCM

Mã trường: QSK

1. Đối tượng tuyển sinh

- Điều kiện chung: thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).
- Theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi toàn quốc.

3. Tổ hợp môn xét tuyển: (Áp dụng cho tất cả các chương trình đào tạo tại UEL)

A00 (Toán – Lý – Hóa) - **A01** (Toán – Lý – Anh) - **D01** (Toán – Văn – Anh) - **D07** (Toán – Hóa Anh)

4. Phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng. Chỉ tiêu: tối đa 5% tổng chỉ tiêu.

a) PT1.1: theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ GD&ĐT 2022

- Đối tượng và hồ sơ đăng ký xét tuyển: theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
- Tổ hợp xét tuyển: A00 (Toán-Lý-Hóa), A01 (Toán-Lý-Anh), D01 (Toán-Văn-Anh), D07 (Toán-Hóa-Anh), trong đó có môn thi đạt giải học sinh giỏi quốc gia nhất, nhì, ba.
- Ngưỡng xét tuyển: kết quả học THPT (trung bình học bạ) đạt từ 8,0 trở lên.
- Điều kiện, thời gian xét tuyển: thực hiện theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về công tác tuyển sinh năm 2022.

b) PT1.2: ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2022 (theo quy định ĐHQG-HCM)

- Áp dụng cho các trường trung học phổ thông (bao gồm trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm các trung tâm giáo dục thường xuyên).
- Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu giới thiệu 01 thí sinh giỏi nhất trường THPT theo các tiêu chí sau:
- Đăng ký xét tuyển: thí sinh đăng ký xét tuyển tối đa 03 nguyện vọng ngành/nhóm ngành vào 01 Trường đại học thành viên, khoa và phân hiệu trực thuộc ĐHQG-HCM (chỉ giới hạn 01 đơn vị).
- Thời gian ĐKXT: sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau.
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu). Hiệu trưởng/ Ban Giám hiệu trường THPT giới thiệu 01 thí sinh thuộc nhóm 03 học sinh giỏi nhất trường THPT.
 - + Học bạ THPT (bản sao hoặc xác nhận trường THPT).
 - + Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố (bản sao hoặc xác nhận trường THPT).
 - + Bài luận viết tay của thí sinh về nguyện vọng xét tuyển vào ngành/nhóm ngành.
 - + Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.
 - + Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (nếu có).
 - + Các giấy tờ khác minh chứng cho các tiêu chí kết hợp do các đơn vị xây dựng và triển khai
- Thí sinh gửi hồ sơ xét tuyển trực tiếp về Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Luật.
- Dự kiến thời gian xét tuyển và công bố kết quả: sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau.
- Xác nhận nhập học: sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau.

* Đảm bảo 02 tiêu chí chính:

- Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT
- Và điểm trung bình cộng học lực 3 năm THPT thuộc nhóm 3 học sinh cao nhất.

* Các tiêu chí kết hợp:

- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).
- Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.
- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển (UTXT) theo quy định của ĐHQG-HCM.

- Chỉ tiêu: tối đa 20% tổng chỉ tiêu.
- Đối tượng: dự kiến thí sinh từ 149 trường THPT (theo danh sách ĐHQG, sẽ được cập nhật và thông báo cụ thể sau)
 - + Các trường THPT chuyên, năng khiếu trong cả nước cập nhật năm 2022 (83 trường).
 - + 66 Trường THPT bổ sung thêm theo các tiêu chí kết hợp, cụ thể như sau: Phân bổ số lượng trường theo hướng ưu tiên khu vực tuyển sinh hoặc tỉnh/thành có số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển nhiều vào ĐHQG-HCM giai đoạn 2019 – 2021; Trường THPT có số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học nhiều vào ĐHQG-HCM; Trường THPT có số lượng cựu học sinh đạt kết quả học tập cao khi học đại học tại ĐHQG-HCM.
- Điều kiện đăng ký:
 - + Tốt nghiệp THPT năm 2022.
 - + Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 hoặc là thành viên đội tuyển của trường/tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia hay cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia.
 - + Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.
 - + Chỉ áp dụng một lần đúng năm học sinh tốt nghiệp THPT.
 - + Thí sinh chỉ đủ điều kiện trúng tuyển khi điểm thi tốt nghiệp THPT của 3 môn tổ hợp xét tuyển A00 hoặc A01, D01 hoặc D07 phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (lấy điểm thi THPT 2022 theo các môn có trong tổ hợp xét tuyển)
- Số lượng nguyện vọng đăng ký UTXT:
 - + Thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng vào 01 đơn vị của ĐHQG-HCM, không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng).

- + Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.
- Phương thức đăng ký và nộp hồ sơ UTXT:
Thời gian ĐKXT: sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau. Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến <http://tuyensinh.vnuhcm.edu.vn>
- Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau (khi các thí sinh cùng điểm):
+ Điểm trung bình 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12) của tổ hợp môn xét tuyển do thí sinh đăng ký. Học sinh thuộc 83 trường THPT chuyên, năng khiếu được nhân hệ số 1,05 tổng điểm tổ hợp 3 môn xét tuyển.
- + Bài luận viết tay.
- + Thư giới thiệu của giáo viên.
- Thời gian xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau.
- Thí sinh xác nhận nhập học bằng cách nộp bản chính phiếu báo kết quả thi THPT QG năm 2022: sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau.

Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022

- Chỉ tiêu: trong khoảng 30% đến 60% tổng chỉ tiêu.
- Phương thức, điều kiện xét tuyển: thực hiện theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT ban hành trong năm 2022.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: dự kiến tổ hợp các môn xét tuyển phải đạt tổng từ 18 điểm trở lên (mức điểm dành cho thí sinh khu vực 3 và không nhân hệ số).

Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2022

- Chỉ tiêu: trong khoảng 40% - 60% tổng chỉ tiêu.
- Đăng ký dự thi:
Đăng ký dự thi, thời gian thi và các thông tin khác về kỳ thi ĐGNL xem chi tiết tại: www.thinangluc.vnuhcm.edu.vn (theo lịch của ĐHQG TP. HCM).
- Đăng ký xét tuyển:
+ Thời gian đăng ký xét tuyển: theo kế hoạch của ĐHQG (sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau)
+ Xem chi tiết tại: <http://thinangluc.vnuhcm.edu.vn>
- + Phương thức đăng ký: Thí sinh phải dự thi và có kết quả thi kỳ kiểm tra năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2022 (không sử dụng kết quả các năm trước); Số nguyện vọng ĐKXT: tối đa 03 nguyện vọng vào 01 đơn vị (Trường/Khoa trực thuộc ĐHQG-HCM), không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất); Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký; Thí sinh **đăng ký xét tuyển trực tuyến** qua cổng thông tin thinangluc.vnuhcm.edu.vn, việc đăng ký thực hiện theo hướng dẫn trên trang thông tin điện tử tuyển sinh ĐHQG-HCM.
- + Phương thức xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh xét tuyển dựa trên điểm thi đánh giá năng lực của thí sinh đăng ký vào các ngành/chương trình.
- Thí sinh xác nhận nhập học bằng cách nộp bản chính phiếu báo kết quả thi đánh giá năng lực năm 2022 của ĐHQG-HCM và bản chính phiếu kết quả thi tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh thi TN THPT năm 2022)

Thí sinh làm thủ tục nhập học theo thông báo của Trường.

Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả chứng chỉ quốc tế (IELTS, SAT, ACT, ...) kết hợp với kết quả học THPT đối với học sinh Việt Nam và học sinh có quốc tịch nước ngoài (học chương trình THPT quốc tế bằng Tiếng Anh hoặc chương trình THPT trong nước). Xét tuyển vào các chương trình Chất lượng cao, Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp, Chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh.

- Xét và công bố kết quả xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo các tiêu chí sau: kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2022.
- Xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: theo kế hoạch của ĐHQG.
- Chỉ tiêu: tối đa 10% tổng chỉ tiêu, trong đó không quá 20% tổng chỉ tiêu của các chương trình Chất lượng cao; không quá 50% tổng chỉ tiêu của các chương trình Chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh, chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp.
- Điều kiện đăng ký xét tuyển: thí sinh có điểm trung bình học tập trung học phổ thông từ 7,0 (thang điểm 10); hoặc 2,5 (thang điểm 4); hoặc từ 8 (thang điểm 12); và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế từ tương đương IELTS 5.0 trở lên, hoặc có chỉ quốc tế ACT từ 25 điểm hoặc SAT từ 1100 điểm trở lên; hoặc có chứng chỉ tiếng Pháp từ tương đương DELF B1 trở lên hoặc tham gia thi **học sinh giỏi quốc gia môn tiếng Pháp** (xét tuyển đối với chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp).
- Phương thức đăng ký và nộp hồ: thí sinh đăng ký online và nộp hồ sơ trực tiếp về Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Luật (sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau).
- **Bộ hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm:**
+ Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu (tải từ <https://pdt.uel.edu.vn> hoặc <https://tuyensinh.uel.edu.vn>)
+ Một bài luận được thí sinh viết tay trên giấy A4 (thí sinh quốc tế và thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình chất lượng cao bằng tiếng Anh viết bằng tiếng Anh), trình bày động cơ học tập và sự phù hợp của năng lực bản thân với ngành học, trường học.
+ Bản sao học bạ 3 năm trung học phổ thông (có xác nhận của trường THPT).
- Thời gian đăng ký xét tuyển: theo kế hoạch của trường (sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau)
- Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:
+ Điểm/kết quả thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, chứng chỉ SAT, ACT.
+ Kết quả học THPT.
+ Bài luận viết tay: phải đạt yêu cầu về hình thức và thể hiện được động cơ học tập và sự phù hợp của năng lực bản thân với ngành học và UEL.
- Xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: theo kế hoạch của trường (sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau)

- Thí sinh xác nhận nhập học (bằng cách nộp bản chính phiếu báo kết quả thi THPT năm 2022 đối với học sinh học chương trình THPT trong nước, hoặc bản chính học bạ và các chứng chỉ tiếng Anh để đối chiếu và xác nhận đối với học sinh học chương trình THPT nước ngoài) theo kế hoạch của trường (sẽ cập nhật và thông báo cụ thể sau).
- Thí sinh làm thủ tục nhập học theo thông báo của Trường.

Ngoài ra, UEL tiếp tục sử dụng **phương thức xét tuyển kết quả học THPT vào các chương trình liên kết quốc tế** với các trường đại học Anh quốc như Đại học Gloucestershire, Đại học Birmingham City. Thí sinh chỉ cần tốt nghiệp THPT và có **điểm học bạ 03 năm đạt trên 6.5** cùng trình độ **tiếng Anh tương đương IELTS từ 5.5** trở lên là đủ điều kiện để xét tuyển vào các chương trình liên kết này: *Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh và Kế toán – Tài chính*. Đây là chương trình học đạt chuẩn quốc tế với mức học phí ưu đãi chỉ từ 275 triệu đồng trong 3.5 năm học tại Việt Nam.

Tính đến thời điểm này, Trường Đại học Kinh tế - Luật có **45 chương trình đào tạo**, trong đó có 18 chương trình chất lượng cao, 09 chương trình chất lượng cao bằng tiếng Anh và 01 chương trình chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp. Trong năm học mới, nhà trường dự kiến sẽ mở thêm một số ngành mới về lĩnh vực Luật (Luật Hiến pháp, Luật Hành chính) và thêm chương trình Luật Thương mại Quốc tế chất lượng cao bằng tiếng Anh, thông tin chi tiết sẽ được cập nhật sau. Năm học 2020 - 2021, mức học phí đối với các chương trình chất lượng cao bằng tiếng Anh của Trường là trung bình **46,3 triệu đồng/năm học**, mức học phí của chương trình chất lượng cao và chương trình chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp là trung bình **29,8 triệu đồng/năm học**.

Hiện tại, Trường Đại học Kinh tế - Luật đa dạng các nguồn học bổng chính sách, học bổng từ các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Nhà trường còn có các nguồn vay vốn sinh viên tại Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ Phát triển Đại học Quốc gia TP.HCM với chương trình cho sinh viên vay ưu đãi học tập và Quỹ Đồng hành & Phát triển UEL. Bước vào tự chủ đại học từ năm 2021, bên cạnh việc nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Luật thực hiện mục tiêu không để sinh viên nào phải bỏ học vì không đủ điều kiện tài chính đến trường.

Thông tin chi tiết về phương thức tuyển sinh, các chương trình đào tạo, học phí,... phụ huynh và thí sinh theo dõi tại trang thông tin điện tử: <https://tuyensinh.uel.edu.vn> hoặc email: tuvantuyensinh@uel.edu.vn hoặc fanpage: <https://fb.com/tuyensinh.uel.edu.vn> hoặc liên hệ hotline: **028.37233550** và **0846.0611.64**

STT	Mã ngành tuyển sinh	Chương trình đào tạo	
1	7310101_401	Kinh tế (<i>Kinh tế học</i>)	Tổ hợp môn xét tuyển: (Áp dụng cho tất cả các chương trình đào tạo tại UEL) · A00 (Toán – Lý – Hóa) · A01 (Toán – Lý – Anh) · D01 (Toán – Văn – Anh) · D07 (Toán – Hóa Anh)
2	7310101_401C	Kinh tế (<i>Kinh tế học</i>) (<i>Chất lượng cao</i>)	
3	7310101_403	Kinh tế (<i>Kinh tế và Quản lý Công</i>)	
4	7310101_403C	Kinh tế (<i>Kinh tế và Quản lý Công</i>) (<i>Chất lượng cao</i>)	
5	7310106_402	Kinh tế quốc tế (<i>Kinh tế đối ngoại</i>)	
6	7310106_402C	Kinh tế quốc tế (<i>Kinh tế đối ngoại</i>) (<i>Chất lượng cao</i>)	
7	7310106_402CA	Kinh tế quốc tế (<i>Kinh tế đối ngoại</i>) (<i>Chất lượng cao bằng tiếng Anh</i>)	Học phí năm học 2020 – 2021: · Chương trình chất lượng cao bằng tiếng Anh (CA): 46,3 triệu đồng/năm học · Chương trình chất lượng cao (C), chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp (CP): 29,8 triệu đồng/năm học · Chương trình đại trà: 18,5 triệu đồng – 20,5 triệu đồng/năm học · Chương trình liên kết quốc tế: 268 triệu đồng – 275 triệu đồng/3,5 năm học tại Việt Nam
8	7310108_413	Toán kinh tế (<i>Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính</i>)	
9	7310108_413C	Toán kinh tế (<i>Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính</i>) (<i>Chất lượng cao</i>)	
10	7310108_413CA	Toán kinh tế (<i>Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính</i>) (<i>Chất lượng cao bằng tiếng Anh</i>)	
11	7340101_407	Quản trị kinh doanh	
12	7340101_407C	Quản trị kinh doanh (<i>Chất lượng cao</i>)	
13	7340101_407CA	Quản trị kinh doanh (<i>Chất lượng cao bằng tiếng Anh</i>)	
14	7340101_415	Quản trị kinh doanh (<i>Quản trị du lịch và lữ hành</i>)	
15	7340115_410	Marketing	
16	7340115_410C	Marketing (<i>Chất lượng cao</i>)	
17	7340115_410CA	Marketing (<i>Chất lượng cao bằng tiếng Anh</i>)	
18	7340120_408	Kinh doanh quốc tế	
19	7340120_408C	Kinh doanh quốc tế (<i>Chất lượng cao</i>)	
20	7340120_408CA	Kinh doanh quốc tế (<i>Chất lượng cao bằng tiếng Anh</i>)	
21	7340122_411	Thương mại điện tử	
22	7340122_411C	Thương mại điện tử (<i>Chất lượng cao</i>)	
23	7340122_411CA	Thương mại điện tử (<i>Chất lượng cao bằng tiếng Anh</i>)	
24	7340201_404	Tài chính - Ngân hàng	
25	7340201_404C	Tài chính - Ngân hàng (<i>Chất lượng cao</i>)	
26	7340201_404CA	Tài chính - Ngân hàng (<i>Chất lượng cao bằng tiếng Anh</i>)	
27	7340201_414C	Tài chính - Ngân hàng (<i>Công nghệ tài chính</i>) (<i>Chất lượng cao</i>)	
28	7340301_405	Kế toán	
29	7340301_405C	Kế toán (<i>Chất lượng cao</i>)	
30	7340301_405CA	Kế toán (<i>Chất lượng cao bằng tiếng Anh</i>) tích hợp với chứng chỉ quốc tế CFAB của Hiệp hội ICAEW	
31	7340302_409	Kiểm toán	
32	7340302_409C	Kiểm toán (<i>Chất lượng cao</i>)	
33	7340405_406	Hệ thống thông tin quản lý	

34	7340405_406C	Hệ thống thông tin quản lý (Chất lượng cao)	
35	7340405_416C	Hệ thống thông tin quản lý (Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo) (Chất lượng cao)	
36	7380101_503	Luật (Luật dân sự)	
37	7380101_503C	Luật (Luật dân sự) (Chất lượng cao)	
38	7380101_503CA	Luật (Luật dân sự) (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)	
39	7380101_504	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng)	
40	7380101_504C	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) (Chất lượng cao)	
41	7380101_504CP	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) (Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp)	
42	7380107_501	Luật kinh tế (Luật kinh doanh)	
43	7380107_501C	Luật kinh tế (Luật kinh doanh) (Chất lượng cao)	
44	7380107_502	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế)	
45	7380107_502C	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) (Chất lượng cao)	
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ - Xét kết quả học bạ 03 năm THPT			
· Học phí: 268 triệu đồng – 275 triệu đồng/3,5 năm học tại Việt Nam			
Trường Đại học Gloucestershire (Anh quốc)	- Quản trị kinh doanh - Kinh doanh quốc tế - Kế toán tài chính (tùy số lượng sinh viên đăng ký)		http://ueli.edu.vn Hotline: 0968.521.385 (cô Thủy Dung)
Trường Đại học Birmingham City (Anh quốc)	- Quản trị kinh doanh - Kinh doanh quốc tế - Kế toán tài chính		https://daihoc.edu.vn Hotline: 0987.420.020 (cô Lê Thuận)

Thông tin liên hệ: **Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM.**
 Số 669 Quốc lộ 1, Khu phố 3, Phường Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
 Website: <https://www.uel.edu.vn/> và <https://tuyensinh.uel.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ, ĐHQG-HCM

Mã trường: QSQ

1. Phương thức xét tuyển:

- Phương thức tuyển sinh 1: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2022
 - + Chỉ tiêu: 50% – 80% tổng chỉ tiêu tuyển sinh 2022
 - + Tiêu chí: xét tổng điểm của 03 môn thi trong kỳ thi THPT Quốc gia theo tổ hợp đăng ký xét tuyển
- Phương thức tuyển sinh 2: Ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi các trường THPT theo quy định của ĐHQG
 - + Chỉ tiêu: 5-15% tổng chỉ tiêu 2022
- Phương thức tuyển sinh 3: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng
 - + Chỉ tiêu: 1% tổng chỉ tiêu 2022
 - + Phương thức 3.1: xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng và hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2022 của Bộ GD-ĐT
 - + Phương thức 3.2: ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2022.
- Phương thức tuyển sinh 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM năm 2022 (dự kiến)
 - + Chỉ tiêu: 10% – 40% tổng chỉ tiêu tuyển sinh 2022
- Phương thức tuyển sinh 5: Xét tuyển đối với thí sinh có chứng chỉ tú tài quốc tế hoặc tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông nước ngoài
 - + Chỉ tiêu: 5% – 10% tổng chỉ tiêu tuyển sinh 2022
- Phương thức tuyển sinh 6 (dành cho các chương trình liên kết): Xét tuyển bằng điểm học bạ 3 năm THPT
 - + Chỉ tiêu: 10% – 20% tổng chỉ tiêu tuyển sinh 2022
 - + Tiêu chí: xét tổng điểm trung bình của 3 môn của 03 năm học THPT theo khối đăng ký xét tuyển. Thời gian xét tuyển (dự kiến): 02 đợt/năm.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh 2022

- Năm 2022, Trường ĐH Quốc tế (ĐH Quốc gia TP.HCM) tuyển 21 ngành đào tạo đại học chính quy (học 4 năm tại Việt Nam do Trường ĐH Quốc tế cấp bằng) và 24 chương trình đào tạo liên kết do trường đại học đối tác nước ngoài (Hoa Kỳ, Anh, Úc, New Zealand) cấp bằng.
- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến năm 2022 của trường là 3.260 sinh viên, trong đó các ngành do nhà trường cấp bằng với 2.120 chỉ tiêu và chương trình liên kết với 1.140 chỉ tiêu. Chỉ tiêu tuyển sinh và tổ hợp môn xét tuyển (dự kiến) theo từng ngành như Bảng dưới đây.
- Quy ước tổ hợp các môn xét tuyển:

• A00: Toán – Vật lý – Hóa học • A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh • A02: Toán – Vật lý – Sinh học • B00: Toán – Hóa học – Sinh học	• B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh • D01: Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh • D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh • D09: Toán – Lịch sử – Tiếng Anh	• D14: Ngữ văn – Lịch sử – Tiếng Anh • D15: Ngữ văn – Địa lý – Tiếng Anh • D90: Toán – Tiếng Anh – Khoa học tự nhiên
---	---	--

- Các ngành đào tạo do Đại học Quốc tế cấp bằng:

STT	Mã ngành	Ngành học	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu (Dự kiến)
2	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00; A01; D01; D07	190
3	7340301	Kế toán	A00; A01; D01; D07	60
4	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01; D09; D14; D15	75
5	7480201	Công nghệ Thông tin	A00; A01	60
6	7480109	Khoa học Dữ liệu	A00; A01	40
7	7480101	Khoa học Máy tính	A00; A01	110
8	7420201	Công nghệ Sinh học	A00; B00; B08; D07	250
9	7540101	Công nghệ Thực phẩm	A00; A01; B00; D07	125
10	7440112	Hóa học (Hóa sinh)	A00; B00; B08; D07	70
11	7520301	Kỹ thuật Hóa học	A00; A01; B00; D07	45
12	7520118	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp	A00; A01; D01	105
13	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00; A01; D01	195
14	7520207	Kỹ thuật Điện tử – Viễn thông	A00; A01; B00; D01	75
15	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	A00; A01; B00; D01	75
16	7520212	Kỹ thuật Y Sinh	A00; B00; B08; D07	120
17	7580201	Kỹ thuật Xây dựng	A00; A01; D07	50
18	7580302	Quản lý Xây dựng	A00; A01; D01; D07	50
19	7460112	Toán ứng dụng (Kỹ thuật Tài chính và Quản trị rủi ro)	A00; A01	50
20	7520121	Kỹ thuật Không gian	A00; A01; A02; D90	30
21	7520320	Kỹ thuật Môi trường	A00; A02; B00; D07	30

- Các ngành đào tạo liên kết với Đại học nước ngoài:

STT	Mã ngành	Ngành học	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu (Dự kiến)
1	Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Nottingham (UK) – 100 chỉ tiêu			
1.1	7480201_UN	Công nghệ Thông tin (2+2)	A00; A01	20
1.2	7340101_UN	Quản trị Kinh doanh (2+2)	A00; A01; D01; D07	30
1.3	7420201_UN	Công nghệ Sinh học (2+2)	A00; B00; B08; D07	20
1.4	7520207_UN	Kỹ thuật Điện tử – Viễn thông (2+2)	A00; A01; B00; D01	10
1.5	7540101_UN	Công nghệ Thực phẩm (2+2)	A00; A01; B00; D07	20
2	Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH West of England (UK) – 245 chỉ tiêu			
2.1	7480201_WE2	Công nghệ Thông tin (2+2)	A00; A01	20
2.2	7340101_WE	Quản trị Kinh doanh (2+2)	A00; A01; D01; D07	150
2.3	7520207_WE	Kỹ thuật Điện tử – Viễn thông (2+2)	A00; A01; B00; D01	10
2.4	7420201_WE2	Công nghệ Sinh học (2+2)	A00; B00; B08; D07	25
2.5	7220201_WE2	Ngôn ngữ Anh (2+2)	D01, D09, D14, D15	40
3	Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Auckland University of Technology (New Zealand) – 30 chỉ tiêu			
3.1	7340101_AU	Quản trị Kinh doanh (2+2)	A00; A01; D01; D07	30
4	Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH New South Wales (Australia) – 30 chỉ tiêu			
4.1	7340101_NS	Quản trị kinh doanh (2+2)	A00; A01; D01; D07	30
5	Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH SUNY Binghamton (USA) – 45 chỉ tiêu			
5.1	7480106_SB	Kỹ thuật Máy tính (2+2)	A00; A01	20
5.2	7520118_SB	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp (2+2)	A00; A01; D01	15
5.3	7520207_SB	Kỹ thuật Điện tử (2+2)	A00; A01; B00; D01	10
6	Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Houston (USA) – 150 chỉ tiêu			
6.1	7340101_UH	Quản trị Kinh doanh (2+2)	A00; A01; D01; D07	150
7	Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH West of England (UK) (4+0) – 450 chỉ tiêu			
7.1	7340101_WE4	Quản trị kinh doanh (4+0)	A00; A01; D01; D07	300
7.2	7220201_WE4	Ngôn ngữ Anh (4+0)	D01, D09, D14, D15	50
7.3	7420201_WE4	Công nghệ Sinh học định hướng Y sinh (4+0)	A00; B00; B08; D07	50
7.4	7480201_WE4	Công nghệ Thông tin (4+0)	A00; A01	50
8	Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH West of England (UK) (3+1) – 50 chỉ tiêu			
8.1	7220201_WE3	Ngôn ngữ Anh (3+1)	D01, D09, D14, D15	50

9	Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Deakin (Úc) – 40 chỉ tiêu			
9.1	7480201_DK2	Công nghệ Thông tin (2+2)	A00; A01	20
9.2	7480201_DK3	Công nghệ Thông tin (3+1)	A00; A01	10
9.3	7480201_DK25	Công nghệ Thông tin (2.5+1.5)	A00; A01	10

- Các ngành đào tạo chương trình chuyển đổi tín chỉ: Hoàn thành 2 năm đầu tại Đại học quốc tế
- Đạt các yêu cầu về điểm trung bình tích lũy và điểm tiếng Anh của trường Đại học đối tác.
- Danh sách ngành và trường tương ứng mà sinh viên có thể du học theo diện chuyển đổi tín chỉ:
- Thời điểm chuyển đổi: Khi hoàn tất chương trình đào tạo 2 năm đầu tại trường ĐHQT

STT	Tên trường	Quốc gia	Các ngành được xem xét công nhận tín chỉ	Điều kiện chuyển tiếp	Học bổng đối tác	Thời điểm chuyển tiếp
1	Đại học Rutgers	New Jersey, Hoa Kỳ	- Kỹ thuật Điện tử truyền thông - Kỹ thuật Hệ thống công nghiệp - Kỹ thuật Máy tính	IELTS>=6.5 GPA>=75		Tháng 9
2	Đại học Oregon	Oregon, Hoa Kỳ	- Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp - Kỹ thuật Xây dựng	IELTS>=6.0 GPA>=63		Tháng 1, 9
3	Đại học George Mason	Washington D.C, Hoa Kỳ	- Quản trị Kinh doanh - Quản trị Sự kiện và Du lịch	IELTS>=6.5 GPA>=65		Tháng 1, 9
4	Đại học California State University – Bakerfields	California, Hoa Kỳ	- Quản trị Kinh doanh - Khoa học Máy tính	IELTS>=6.0 GPA>=65		Tháng 1, 9
5	Đại học Alabama	Birmingham, Hoa Kỳ	- Khoa học Y sinh - Khoa học Máy tính	IELTS>=6.5 GPA>=65		Tháng 1, 9
6	Đại học Sydney	Sydney, Úc	- Quản trị kinh doanh	IELTS>=6.5 GPA>=70	Học bổng dành cho SV có thành tích học tập xuất sắc lên đến 20.000\$ Úc	Tháng 2, 7
7	Đại học Macquarie	Sydney, Úc	- Kế toán - Thương mại - Kinh doanh Quốc tế - Quản trị Doanh nghiệp - Marketing - Luật thương mại và Ngoại thương - Công nghệ Sáng tạo - Truyền thông - Quan hệ Quốc tế - Quản lý Hệ thống thông tin - Bảo mật - Mạng máy tính	IELTS>=6.5 GPA>=70	Học bổng 10.000\$ Úc ở giai đoạn 2	Tháng 2, 7
8	Đại học Western Sydney	Sydney, Úc	- Quản trị Kinh doanh - Quản trị Nhà hàng khách sạn	IELTS>=6.5 GPA>=60		Tháng 2, 7
9	Đại học Monash	Melbourne, Úc	- Quản trị kinh doanh - Khoa học máy tính	IELTS>=6.5 GPA>=70	Học bổng dành cho SV có thành tích học tập xuất sắc lên đến 10.000\$ Úc	Tháng 2, 7
10	Đại học Griffith	Queensland, Úc	- Quản trị kinh doanh - Quản trị nhà hàng khách sạn	IELTS>=6.5 GPA>=50	- Học bổng đối tác 20% học phí giai đoạn 2 - Học bổng cho SV có thành tích học tập xuất sắc lên đến 100% học phí giai đoạn 2	Tháng 3, 7, 11
11	Đại học Brock	Ontario, Canada	- Khoa học Máy tính - Quản trị Kinh doanh - Công nghệ Sinh học	IELTS>=6.5 GPA>=60		Tháng 1, 9
12	PIHMS	New Zealand	- Quản trị nhà hàng khách sạn	IELTS>=6.0 GPA>=50	Học bổng dành cho SV lên đến 10.000\$ New Zealand	Tháng 2, 4, 7, 10

Thông tin liên hệ: **Trường Đại học Quốc Tế – Đại học Quốc gia TP.HCM**

Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM

Hotline (12/7): 0839 464 270, 0825 844 270, 0835 484 270 - Website: hcmiu.edu.vn

Email: dhqt.tvts@hcmiu.edu.vn - tuvan.hnts@hcmiu.edu.vn - Fanpage: fb.me/tuivantuyensinh.dhqt.dhqqtpchcm - fb.me/dhqt.tvhnts

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.hcmiu.edu.vn/tin-tuyen-sinh/thong-tin-chung-tuyen-sinh-nam-2022/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP.HCM

Mã trường: DTM

Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

Phương thức xét tuyển:

- Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2022 thỏa tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố và có đăng ký xét tuyển theo quy định.
- Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển dựa theo kết quả học tập ở bậc THPT (05 học kỳ gồm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)
 - + Thí sinh tốt nghiệp THPT từ 2017 đến 2022, có hạnh kiểm xếp loại khá trở lên
 - + Tổng điểm trung bình môn trong 05 học kỳ thuộc tổ hợp xét tuyển phải đạt từ 18,00 điểm.
- Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP.HCM

Các ngành tuyển sinh

TT	NGÀNH XÉT TUYỂN	MÃ NGÀNH	ĐIỂM TRÚNG TUYỂN 2021		TỔ HỢP XÉT TUYỂN	CHỈ TIÊU 2022		
			PT1	PT2		PT1	PT2	PT3
1	Quản trị kinh doanh CN Quản trị kinh doanh bất động sản CN Quản trị kinh doanh tổng hợp	7340101	24.00	21.00	A00, A01, B00, D01	60	50	9
2	Địa chất học CN Địa chất môi trường CN Địa chất công trình – Địa chất thủy văn	7440201	21.50	20.50	A00, A01, A02, B00	20	27	2
3	Khí tượng và khí hậu học CN Khí tượng khí hậu CN Công nghệ Kỹ thuật Khí tượng Thủy văn	7440221	19.50	20.50	A00, A01, B00, D01	20	27	2
4	Thủy văn học CN Kỹ thuật Thủy văn CN Quản lý và Giảm nhẹ Thiên tai	7440224	19.00	20.50	A00, A01, B00, D01	20	27	2
5	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững CN Biến đổi khí hậu CN Kỹ thuật năng lượng	7440298	19.50	20.50	A00, A01, B00, D01	20	27	2
6	Hệ Thống thông tin CN Thương mại điện tử CN Hệ thống thông tin TN&MT	7480104	19.50	20.50	A00, A01, B00, D01	20	26	3
7	Công nghệ thông tin CN Công nghệ phần mềm CN Tin học Tài nguyên và Môi trường	7480201	24.00	21.00	A00, A01, B00, D01	100	71	8
8	Công nghệ kỹ thuật môi trường CN Kỹ thuật môi trường CN Quá trình thiết bị và điều khiển công nghệ môi trường	7510406	19.00	20.50	A00, A01, A02, B00	95	95	9
9	Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ CN Trắc địa công trình CN Kỹ thuật địa chính CN Công nghệ thông tin địa lý	7520503	20.00	20.50	A00, A01, A02, B00	40	55	4
10	Kỹ thuật tài nguyên nước	7580212	15.00	20.50	A00, A01, A02, B00	20	27	2
11	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	15.00	20.50	A00, A01, A02, B00	40	55	4
12	Quản lý tài nguyên và môi trường CN Quản lý tài nguyên và môi trường CN Môi trường, sức khỏe và an toàn CN Quản lý tài nguyên và khoáng sản CN Quản lý và Công nghệ môi trường đô thị	7850101	18.50	20.50	A00, A01, A02, B00	120	120	9
13	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	19.00	20.50	A00, A01, B00, D01	48	45	6
14	Quản lý đất đai CN Địa chính CN Quy hoạch đất đai CN Hệ thống thông tin quản lý đất đai CN Kinh tế và Phát triển đất đai CN Giám sát và Bảo vệ tài nguyên đất đai	7850103	22.00	21.00	A00, A01, B00, D01	130	110	9
15	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	7850195	19.25	20.50	A00, A01, B00, D01	20	26	3
16	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo	7850197	18.25	20.50	A00, A01, B00, D01	20	26	3
NGÀNH DỰ KIẾN XÉT TUYỂN NĂM 2022								
17	Bất động sản CN Định giá và Quản trị bất động sản CN Bất động sản sinh thái và Du lịch	7340116			A00, A01, B00, D01	24	23	2
18	Quản lý đô thị và công trình	7580106			A00, A01, A02, B00	24	23	2

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Tài Nguyên Và Môi Trường TP.HCM**

Địa chỉ: 236B Lê Văn Sỹ, P. 1, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 08.38443006 - Fax: 08.38449474

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.hcmunre.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2022.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

Mã trường: KTS

1. Đối tượng tuyển sinh:

- Tất cả các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông;
- Các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông, tham gia kỳ thi Đánh giá năng lực đợt 1 năm 2022 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông, tham gia thi các môn trong tổ hợp xét tuyển của Trường trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh năm 2022: Trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy năm 2022, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng nhiều phương thức xét tuyển như sau:

- Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 1% chỉ tiêu ngành.
- Phương thức 2 - Xét tuyển đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên): 9% chỉ tiêu ngành.
- Phương thức 3 - Xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông tại các trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trong cả nước (Xem danh sách các Trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu tại Phụ lục 1): 15% chỉ tiêu ngành.
- Phương thức 4 - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2022 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: 25% chỉ tiêu ngành.
- Phương thức 5 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022: 50% chỉ tiêu ngành.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Ngành	Mã ngành đăng ký xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển vào các ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu năm 2022
I	Tại Thành phố Hồ Chí Minh				1335
1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	360
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
			Kết quả ĐGNL		
2	Kỹ thuật xây dựng (Chất lượng cao)	7580201CLC	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	35
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
			Kết quả ĐGNL		
3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành: Cấp thoát nước – Năng lượng thông tin – Giao thông sản nền)	7580210	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	100
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
			Kết quả ĐGNL		
4	Quản lý xây dựng	7580302	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	75
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
			Kết quả ĐGNL		
5	Kiến trúc	7580101	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	210
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
6	Kiến trúc (Chất lượng cao)	7580101CLC	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	40
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
7	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	70
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
8	Quy hoạch vùng và đô thị (Chất lượng cao)	7580105CLC	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	30
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
9	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	75
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
10	Thiết kế nội thất	7580108	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	75
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật		
11	Mỹ thuật đô thị	7210110	Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	50

			Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00		
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02		
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật			
12	Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán – Văn – Vẽ TT Màu	H01	50	
			Toán –Tiếng Anh – Vẽ TT Màu	H02		
			Kết quả ĐGNL – Vẽ TT Màu			
13	Thiết kế đồ họa	7210403	Toán – Văn – Vẽ TT Màu	H01	100	
			Văn – Tiếng Anh – Vẽ TT Màu	H06		
			Kết quả ĐGNL – Vẽ TT Màu			
14	Thiết kế thời trang	7210404	Toán – Văn – Vẽ TT Màu	H01	40	
			Văn – Tiếng Anh – Vẽ TT Màu	H06		
			Kết quả ĐGNL – Vẽ TT Màu			
15	Thiết kế đồ thị (Chương trình tiên tiến)	7580199	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	25	
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01		
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02		
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật			
			Theo 02 phương thức tuyển sinh chung và tuyển sinh riêng (xem thông báo)			
II	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ (Thí sinh phải có hộ khẩu tại 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long)				140	
16	Kỹ thuật xây dựng	7580201CT	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	50	
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01		
			Kết quả ĐGNL			
17	Kiến trúc	7580101CT	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	50	
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01		
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02		
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật			
18	Thiết kế nội thất	7580108CT	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	40	
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01		
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02		
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật			
II	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt (Thí sinh phải có hộ khẩu tại 5 tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh, thành Nam Trung bộ)				80	
19	Kỹ thuật xây dựng	7580201DL	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	30	
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01		
			Kết quả ĐGNL			
20	Kiến trúc	7580101DL	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	50	
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01		
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02		
			Kết quả ĐGNL – Vẽ Mỹ thuật			
Tổng cộng					1555	

Lưu ý: Chỉ tiêu của từng phương thức xét tuyển có thể được điều chỉnh theo tình hình tuyển sinh thực tế.

5. Thời gian đăng ký dự thi các môn năng khiếu

- Năm 2022, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ tổ chức duy nhất 01 đợt thi các môn năng khiếu:
- + Đăng ký trực tuyến: Dự kiến từ ngày 14/02/2022 đến hết ngày 31/3/2022.
- + Ngày thi: Dự kiến ngày 23 - 24/4/2022.
- + Địa điểm thi: Tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Lưu ý: Thời gian có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế.

- Thời gian đăng ký xét tuyển trực tuyến: Dự kiến từ ngày 26/4/2022 đến hết ngày 29/5/2022 (thời gian có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế).
- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển bản giấy: Dự kiến từ ngày 30/5/2022 đến 16h30 ngày 10/6/2022 (thời gian có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế).
- Thời gian đăng ký xét tuyển ngành Thiết kế đồ thị (Chương trình tiên tiến) theo Phương thức tuyển sinh riêng (sẽ có Thông báo tuyển sinh riêng):
- + Thời gian nộp Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu): Từ ngày thông báo đến hết ngày 30/9/2022.
- + Thời gian kiểm tra tiếng Anh đầu vào: 14h00 - 15h30 thứ Sáu hàng tuần từ ngày ra thông báo đến hết ngày 30/9/2022.
- Phương thức 5 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022: Thí sinh đăng ký xét tuyển và nộp lệ phí xét tuyển đồng thời với đăng ký thi tốt nghiệp Trung học phổ thông tại trường Trung học phổ thông, Sở Giáo dục và Đào tạo và các điểm thu hồ sơ theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin liên hệ: **Trường Đại học Kiến trúc**

Địa chỉ: 196 Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 222 748 (số nội bộ 134, 135) hoặc (028) 22003275 hoặc 0326180575

Email: tuyensinh@uah.edu.vn - Website: www.uah.edu.vn - Fanpage: Tuyển sinh Kiến trúc UAH



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn

THÔNG TIN TUYỂN SINH



<http://tuyensinh.hcmue.edu.vn>



tuyensinh@hcmue.edu.vn



(028) 38352020 - 141

Hotline (8g-17g): (028) 38355077



Mã trường: **SPS**



Đối tượng tuyển sinh



Thí sinh tốt nghiệp THPT



Phạm vi tuyển sinh



Trên phạm vi cả nước

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH NĂM 2022

1

Tuyển thẳng theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Xét tuyển thẳng theo các tiêu chí riêng của Trường

2

3

Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực chuyên biệt năm 2022

Xét tuyển sử dụng kết quả học tập Trung học phổ thông

4

5

Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022

Các ngành đang đào tạo tại Trường

NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

- Sư phạm Toán học
- Sư phạm Tin học
- Sư phạm Vật lý
- Sư phạm Hoá học
- Sư phạm Sinh học
- Sư phạm Ngữ văn
- Sư phạm Lịch sử
- Sư phạm Địa lý
- Giáo dục Chính trị
- Giáo dục Mầm non
- Giáo dục Thể chất
- Giáo dục Tiểu học
- Giáo dục Đặc biệt
- Sư phạm Tiếng Anh
- Sư phạm Tiếng Nga
- Sư phạm Tiếng Pháp
- Sư phạm Tiếng Trung Quốc
- Giáo dục Quốc phòng - An ninh
- Sư phạm Lịch sử - Địa lý
- Sư phạm Khoa học Tự nhiên
- Sư phạm Công nghệ
- Giáo dục Công dân



NGÀNH ĐÀO TẠO KHÁC

- Quản lý giáo dục
- Giáo dục học
- Ngôn ngữ Nhật
- Ngôn ngữ Anh
- Ngôn ngữ Nga
- Ngôn ngữ Pháp
- Ngôn ngữ Trung Quốc
- Ngôn ngữ Hàn Quốc
- Văn học
- Việt Nam học
- Địa lý học
- Tâm lý học
- Tâm lý học giáo dục
- Công tác xã hội
- Quốc tế học
- Vật lý học
- Hoá học
- Công nghệ thông tin
- Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam



Tuyển sinh
HCMUE

2022

www.facebook.com/HCMUE.VN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM

Mã trường: SPK

1. Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng học sinh tốt nghiệp THPT năm 2022

Diện Xét tuyển		Nội dung xét	Tiêu chuẩn	Chỉ tiêu ngành
1	Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia	Học sinh giỏi (Toán; Lý; Hóa; Văn; Anh; Sinh; Tin) hoặc Cuộc thi Khoa học kỹ thuật; Điểm trung bình học bạ (ĐTBHB) 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn), mỗi môn từ 6,0 trở lên	Giải 1, 2, 3	Theo quy chế
2	Ưu tiên xét tuyển thí sinh giải 1, 2, 3 cấp tỉnh; giải khuyến khích HSG cấp quốc gia hoặc giải 4 cuộc thi KHKT cấp quốc gia	Học sinh giỏi (Toán; Lý; Hóa; Văn; Anh; Sinh; Tin) hoặc Cuộc thi Khoa học kỹ thuật; giải khuyến khích học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc thí sinh đạt giải 4 cuộc thi KHKT cấp quốc gia; ĐTBHB 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn) từ 7,0 trở lên	Giải 1, 2, 3 cấp tỉnh, giải khuyến khích, giải tư KHKT quốc gia	5-10%
3	Ưu tiên xét tuyển Học sinh giỏi trường Chuyên, Tốp 200	Học sinh giỏi trường chuyên, trường tốp 200 có ĐTBHB 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn) từ 6,5 trở lên	Có ít nhất từ 3 học kỳ là học sinh giỏi	10-20%
4	Xét điểm IELTS quốc tế (có bảng quy đổi đính kèm)	Các ngành của hệ đại trà hoặc chất lượng cao (CLC); ĐTBHB 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn) từ 6,0 trở lên	Điểm IELTS ≥ 5.0	5-10% ngành
		Sự phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh; ĐTBHB 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn) từ 6,0 trở lên	Điểm IELTS ≥ 6.0	15-30% ngành
5	Điểm SAT quốc tế	Các ngành của hệ đại trà hoặc CLC; (ĐTBHB) 5 học kỳ của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn) từ 6,0 trở lên	Điểm SAT ≥ 800	1-2%
6	Trường THPT liên kết (ký kết hợp tác) (Ban Giám hiệu giới thiệu; Chỉ tiêu phân bổ theo từng trường - thông báo, hướng dẫn riêng)	Điều kiện xét tuyển (ĐTBHB 5 học kỳ từng môn)		
		Ngành CN thông tin; Sự phạm Anh; Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	CNKT Cơ điện tử; CNKT điều khiển và tự động hoá; CN Kỹ thuật ô tô.	Các ngành còn lại.
	THPT chuyên, Tốp 200	8,0	7,5	7,0
	Trường THPT còn lại	8,5	8,0	7,5

2. Xét tuyển bằng học ba THPT:

- Xét tuyển dựa vào điểm trung bình học bạ (ĐTBHB) 5 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) của từng môn theo tổ hợp (có 3 môn) vào học hệ chất lượng cao hoặc đại trà.
- Đối tượng: Học sinh của tất cả các trường Trung học phổ thông (THPT) trên cả nước (tốt nghiệp THPT năm 2022).
- Điểm xét tuyển (ĐXT) riêng theo 3 nhóm: Trường THPT chuyên; Trường THPT top 200; Trường THPT còn lại. ĐXT là tổng điểm của 3 môn theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên (không nhân hệ số). Xét tuyển từ cao đến thấp.
 - + $\text{ĐXT1} = \sum \text{ĐTBHB 5 học kỳ của 3 môn} + \text{Điểm ưu tiên}$.
 - + $\text{ĐXT2} = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm học bạ tiếng Anh hoặc Điểm Vẽ} \times 2) \times \frac{3}{4} + \text{Điểm ưu tiên}$.

Nhóm	Điều kiện
Trường THPT chuyên	ĐTBHB 5 học kỳ từng môn (có 3 môn) từ 6,0 trở lên
Trường THPT top 200	ĐTBHB 5 học kỳ từng môn (có 3 môn) từ 6,5 trở lên
Trường THPT còn lại	ĐTBHB 5 học kỳ từng môn (có 3 môn) từ 7,0 trở lên

- Nhà trường tổ chức thi riêng, thí sinh đăng ký dự thi môn năng khiếu (Vẽ Trang trí Màu nước, Vẽ Đầu tượng) tại <http://xettuyen.hcmute.edu.vn/#/home>. Thí sinh có thể chọn thi cả 2 môn. Hạn cuối nhận hồ sơ trực tuyến và phí dự thi 300.000đ/môn: 24/5/2022. Thí sinh xem phòng thi, số báo danh và in thẻ dự thi ngày 28/5/2022 trên website: <http://xettuyen.hcmute.edu.vn/#/home>. Thời gian thi vào ngày 04-05/6/2022. Điểm thi môn năng khiếu sẽ được tự động cập nhật khi có kết quả trên hệ thống.
- Công nhận điểm thi môn Năng khiếu (thi năm 2022) của các trường: ĐH Kiến trúc TP. HCM, ĐH Mỹ thuật TP. HCM. Thí sinh bắt buộc phải nộp phiếu điểm thi các môn Năng khiếu trước ngày 15/6/2022 (hình thức nộp: trực tuyến trên trang xettuyen.hcmute.edu.vn).
- Điểm ưu tiên theo đối tượng: thí sinh khai trên hệ thống; Điểm ưu tiên khu vực: nhà trường sử dụng bảng mã khu vực do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

3. Xét bằng Điểm thi Đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

- Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2022 của ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh trên cổng thông tin của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Thí sinh đăng ký vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (mã trường SPK) cùng lúc làm hồ sơ dự thi đánh giá năng lực.

4. Xét bằng Điểm thi THPT 2022: Phương thức Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Trung học phổ thông năm 2022 vẫn tiến hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (mã trường SPK) cũng là một học sinh dự thi tốt nghiệp THPT tại các Trường THPT.

5. Chính sách khuyến khích tài năng

- Năm 2022, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh cấp học bổng toàn phần (miễn 100% học phí) trong 4 năm học (sẽ xét lại từng năm theo kết quả tập) cho học Đào tạo nhân tài với 6 lớp, 130 chỉ tiêu, phân bổ như sau: Ngành Robot và Trí tuệ nhân tạo: 25 - Ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo): 25 - Ngành CNTT ở tư: 20 - Ngành CNTT Cơ điện tử: 20 - Ngành KT điều khiển và tự động hóa: 20 - Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng: 20. Dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh. Đối tượng đăng ký: HS THPT có điểm sàn xét tuyển (theo điểm thi THPT 2022): 26 điểm (ưu tiên trường chuyên) hoặc học sinh giỏi nhất, nhì, ba cấp Quốc gia môn Toán, Lý, Hóa, Tin, Anh.

- Cấp học bổng khuyến tài cho thí sinh có tổng điểm thi THPT 2022 (không tính điểm ưu tiên, điểm thường) của 3 môn xét tuyển từ 26 điểm trở lên, cứ mỗi điểm 1.000.000đ (Mỗi ngành tối đa 1 thí sinh).
- Cấp học bổng học kỳ 1 năm học đầu tiên: bằng 50% học phí cho thí sinh thuộc trường chuyên, năng khiếu; 50% nữ học 11 ngành kỹ thuật (*); 25% nữ học 7 ngành kỹ thuật (**). Các học kỳ tiếp theo căn cứ vào kết quả học tập để xét giảm học phí.
- Năm 2022 Trường dành 36 tỷ đồng để cấp học bổng cho sinh viên.
- Gia đình có con thứ hai đã hoặc đang học tại trường sẽ giảm 20% học phí trong toàn khóa học.

Các ngành đào tạo:

TT	Tên ngành đào tạo Cấp học bổng học kỳ 1 năm học đầu tiên: bằng 50% học phí cho nữ học 11 ngành kỹ thuật (*); 25% nữ học 6 ngành kỹ thuật (**)	Hệ Nhân tài	Hệ đại trà	Hệ chất lượng cao dạy bằng tiếng Việt	Hệ chất lượng cao dạy bằng tiếng Anh	Tổ hợp môn xét tuyển (in đậm là môn chính nhân hệ số 2)
		Mã ngành	Mã ngành	Mã ngành	Mã ngành	
1	CNKT điện, điện tử **		7510301D	7510301C	7510301A	
2	CNKT điện tử - viễn thông		7510302D	7510302C	7510302A	
3	CNKT điện tử - viễn thông (Chất lượng cao Việt – Nhật)			7510302N		
4	CNKT máy tính		7480108D	7480108C	7480108A	
5	CNKT điều khiển và tự động hóa **	7510303NT	7510303D	7510303C	7510303A	
6	Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh) **		7520212D			
7	Hệ thống nhúng và IoT**		7480118D			
8	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209NT				
9	CN chế tạo máy *		7510202D	7510202C	7510202A	
10	CN chế tạo máy * (CLC Việt – Nhật)			7510202N		
11	CNKT cơ điện tử *	7510203NT	7510203D	7510203C	7510203A	
12	CNKT cơ khí *		7510201D	7510201C	7510201A	
13	Kỹ thuật công nghiệp *		7520117D			
14	Kỹ nghệ gỗ và nội thất **		7549002D			
15	CNKT công trình xây dựng*		7510102D	7510102C	7510102A	
16	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông *		7580205D			
17	Quản lý xây dựng **		7580302D			
18	Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng *		7510106D			
19	Quản lý và vận hành hạ tầng **		7840110D			
20	CNKT ô tô *	7510205NT	7510205D	7510205C	7510205A	
21	CNKT nhiệt *		7510206D	7510206C	7510206A	
22	Năng lượng tái tạo **		7510208D			
23	CNKT ô tô điện *		7510210D			
24	CN thông tin	7480201NT	7480201D	7480201C	7480201A	
25	An toàn thông tin		7480202D			
26	Kỹ thuật dữ liệu		7480203D			
27	Quản lý công nghiệp		7510601D	7510601C	7510601A	
28	Kế toán		7340301D	7340301C		
29	Thương mại điện tử		7340122D	7340122C		
30	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605NT	7510605D			
31	Kinh doanh Quốc tế		7340120D			
32	Công nghệ may		7540209D	7540209C		
33	CN Kỹ thuật in		7510801D	7510801C		
34	Sư phạm công nghệ		7140246D			
35	Luật		7380101D	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Văn, Sử, Địa; Văn, Toán, Anh.		
36	Thiết kế đồ họa		7210403D	Văn, Vẽ ĐT, Vẽ TT; Toán, Văn, Vẽ TT; Toán, Anh, Vẽ TT; Văn, Anh, Vẽ TT.		
37	Kiến trúc		7580101D	Toán, Văn, Vẽ ĐT; Toán, Lý, Vẽ ĐT; Toán, Anh, Vẽ ĐT; Văn, Anh, Vẽ ĐT.		
38	Kiến trúc nội thất		7580103D			
39	Công nghệ vật liệu		7510402D	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Hóa, Anh; Toán, Anh, KHTN.		
40	CNKT môi trường		7510406D	7510406C	Toán, Lý, Hóa. Toán, Hóa, Sinh. Toán, Hóa, Anh. Toán, Anh, KHTN.	
41	CN thực phẩm		7540101D	7540101C		
42	CNKT hóa học		7510401D	7510401C		
43	Quản trị NH và DV ăn uống		7810202D	Toán, Lý, Hóa; Toán, Văn, Anh; Toán, Lý, Anh; Toán, Hóa, Anh.		
44	Thiết kế thời trang		7210404D	7210404C	Toán, Anh, Vẽ TT; Toán, Văn, Vẽ TT; Toán, Vẽ ĐT, Vẽ TT; Văn, Vẽ ĐT, Vẽ TT	
45	Sư phạm tiếng Anh		7140231D		Toán, Văn, Anh. Toán, Anh,KHXH	
46	Ngôn ngữ Anh		7220201D			

Bảng môn thi của các tổ hợp

Khối	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Khối	Môn 1	Môn 2	Môn 3
A00	Toán	Vật lý	Hóa học	D96	Toán	Tiếng Anh	Khoa học xã hội

A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh	V01	Toán	Ngữ văn	Vẽ trang trí
B00	Toán	Hóa học	Sinh học	V02	Toán	Tiếng Anh	Vẽ trang trí
C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	V03	Toán	Ngữ văn	Vẽ đầu tượng
D01	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	V04	Toán	Vật lý	Vẽ đầu tượng
D07	Toán	Hóa học	Tiếng Anh	V05	Toán	Tiếng Anh	Vẽ đầu tượng
D14	Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh	V06	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vẽ đầu tượng
D15	Ngữ văn	Địa lý	Tiếng Anh	V07	Ngữ văn	Vẽ đầu tượng	Vẽ trang trí
D90	Toán	Tiếng Anh	Khoa học tự nhiên	V08	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vẽ trang trí

Liên hệ và tiếp nhận thông tin tuyển sinh: **Phòng Tuyển sinh và công tác sinh viên - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM**
Địa chỉ: Số 01 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.3722.5724; 028.3722.2764; **Facebook:** Tuyển sinh ĐH SPKT TPHCM
Email: tuyensinh@hcmute.edu.vn; **Website:** tuyensinh.hcmute.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM

Mã trường: DCT

- Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP.HCM sử dụng 4 phương thức xét tuyển trong năm 2022 với 3.500 chỉ tiêu.
- Nhà trường tuyển sinh trên cả nước, đối tượng học sinh tốt nghiệp THPT. Trường tuyển sinh theo 4 phương thức: 1. Xét tuyển kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo các tổ hợp môn. 2. Xét tuyển học bạ lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 hoặc học bạ cả năm lớp 12. 3. Xét tuyển kết quả điểm thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP.HCM năm 2022. 4. Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT và học sinh giỏi lớp 10, 11 và lớp 12.

Các phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học (tối đa 50% chỉ tiêu), theo quy định của Bộ GD-ĐT. Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển từ cao trở xuống đến đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ sau: thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển, riêng 2 ngành ngôn ngữ Anh và ngôn ngữ Trung Quốc là môn Tiếng Anh.

Phương thức 2: xét tuyển học bạ THPT các năm (tối đa 40% chỉ tiêu). Điều kiện xét tuyển: (1) Tốt nghiệp THPT; (2) Trung bình cộng của tổ hợp môn xét tuyển, ứng với từng ngành xét tuyển của 3 năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 18 điểm trở lên hoặc tổng điểm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển, ứng với từng ngành xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên. Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển từ cao trở xuống đến đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ: thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển, riêng 2 ngành ngôn ngữ Anh và ngôn ngữ Trung Quốc là môn Tiếng Anh.

Phương thức 3: Xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm bài thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP.HCM năm 2022 (tối đa 5% chỉ tiêu).

Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD-ĐT tạo và xét học bạ lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 (tối đa 5% chỉ tiêu). Điều kiện xét tuyển: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD-ĐT và học sinh xếp loại giỏi các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12.

Chi tiêu tuyển sinh

Trường có tổng 3.500 chỉ tiêu, phân bổ đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A01, D07, B00
2	Đảm bảo chất lượng & ATTP	7540110	
3	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	
4	Khoa học thủy sản (Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến và khai thác thủy sản)	7620303	
5	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D10
6	Tài chính ngân hàng	7340201	
7	Marketing	7340115	
8	Quản trị kinh doanh thực phẩm	7340129	
9	Quản trị kinh doanh	7340101	
10	Kinh doanh quốc tế	7340120	
11	Luật kinh tế	7380107	
12	Công nghệ dệt, may	7540204	A00, A01, D01, D07
13	Kỹ thuật Nhiệt (Điện lạnh)	7520115	
14	Kinh doanh thời trang và Dệt may	7340123	A00, A01, D01, D10
15	Quản lý năng lượng	7510602	A00, A01, D01, D07
16	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	A00, A01, D07, B00
17	Kỹ thuật hóa phân tích	7520311	

18	Công nghệ vật liệu (Thương mại - sản xuất nhựa, bao bì, cao su, sơn, gạch men)	7510402	
19	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	
20	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	
21	Công nghệ sinh học (CNSH Công nghiệp, CNSH Nông nghiệp, CNSH Y Dược)	7420201	
22	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D07
23	An toàn thông tin	7480202	
24	Công nghệ chế tạo máy	7510202	
25	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	7510301	
26	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	
27	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	
28	Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực	7720499	A00, A01, D07, B00
29	Khoa học chế biến món ăn	7720498	
30	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	A00, A01, D01, D10
31	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	
32	Quản trị khách sạn	7810201	
33	Ngôn ngữ Anh	7220201	A01, D01, D09, D10
34	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	

Thông tin liên hệ: Trường Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 140 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM

Điện thoại: 096 205 1080 - Website: <https://hufi.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP.HCM

Mã trường: DNT

I. Các ngành đào tạo:

STT	MA NGÀNH	NGÀNH HỌC VÀ CHUYÊN NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ THI THPT HOẶC THEO HỌC BẠ
1	7480201	Công nghệ thông tin Hệ thống thông tin; Khoa học dữ liệu; An ninh mạng; Công nghệ phần mềm	A00, A01, D01, D07
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc Tiếng Trung thương mại; Nghiệp vụ văn phòng; Song ngữ Trung - Anh	A01, D01, D04, D14
3	7340101	Quản trị kinh doanh Marketing; Quản trị nguồn nhân lực	A01, D01, D07, D11
4	7340120	Kinh doanh quốc tế	A01, D01, D07, D11
5	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A01, D01, D07, D11
6	7340301	Kế toán	A01, D01, D07, D11
7	7220201	Ngôn ngữ Anh Biên - Phiên dịch; Nghiệp vụ văn phòng; Sư phạm; Tiếng Anh thương mại, Song ngữ Anh – Trung; Tiếng Anh Logistics	A01, D01, D14, D15
8	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A01, D01, D14, D15
9	7810201	Quản trị khách sạn	A01, D01, D14, D15
10	7310206	Quan hệ quốc tế Quan hệ công chúng; Ngoại giao đa phương; Truyền thông quốc tế	A01, D01, D14, D15
11	7380107	Luật kinh tế Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế; Luật tài chính - ngân hàng	A01, D01, D15, D66
12	7310608	Đông Phương học Nhật Bản học; Hàn Quốc học	D01, D06, D14, D15
13	7380101	Luật (Dự kiến)	A01, C00, D01, D66
14	7220209	Ngôn ngữ Nhật (Dự kiến)	D01, D06, D14, D15
15	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc (Dự kiến)	D01, D10, D14, D15

II. Các phương thức xét tuyển

1. Phương thức 1: Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022

Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phương thức 2: Xét tuyển bằng kết quả học bạ

2.1. Thời gian xét tuyển:

- Đợt 1: Từ ngày 01/03/2022 đến 30/04/2022.	- Đợt 4: Từ ngày 25/07/2022 đến 12/08/2022.
- Đợt 2: Từ ngày 04/05/2022 đến 30/06/2022.	- Đợt 5: Từ ngày 15/08/2022 đến 01/09/2022.
- Đợt 3: Từ ngày 04/07/2022 đến 22/07/2022.	- Đợt 6: Từ ngày 05/09/2022 đến 20/09/2022.

2.2. Điều kiện xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Có điểm học bạ THPT của 3 môn xét tuyển từ 18.0 trở lên.

3. Phương thức 3: Xét tuyển bằng kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG TP.HCM năm 2022:

3.1. Thời gian xét tuyển: Trường sẽ có thông báo chính thức khi có kết quả thi đánh giá năng lực năm 2022 của ĐHQG TP.HCM (theo đợt).

3.2. Điều kiện xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2022 do ĐHQG TP.HCM tổ chức và có kết quả đạt từ ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu do Trường ĐH Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM quy định.

4. Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

4.1. Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia sẽ được tuyển thẳng vào các ngành như sau:

STT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Địa lý	Đông phương học	7310608
2	Tin học	Công nghệ thông tin (*)	7480201
3	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh (*)	7220201
		Đông phương học	7310608
4	Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	7220204
		Đông phương học	7310608

Ghi chú: Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng; Các ngành còn lại là ngành gần.

4.2. Thời gian xét tuyển: Theo kế hoạch xét tuyển và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022.

Thông tin liên hệ: Phòng Tuyển Sinh - Trường Đại Học Ngoại Ngữ - Tin Học TP.HCM

Địa chỉ: 828 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Hotline: 1900 2800 - Zalo: 0965876700 - Email: tuyensinh@huflit.edu.vn

Trích Nguồn: <https://huflit.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã trường đăng ký xét tuyển tại TP.HCM: KSA

Mã trường đăng ký xét tuyển tại Vĩnh Long: KSV

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

1. KSA: Dự kiến 6.550 chỉ tiêu. (trong đó ISB: 550)

STT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển			Thông tin tuyển sinh năm 2022		
		2019	2020	2021	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu 2022
1	Kinh tế				7310101	A00, A01, D01, D07	110
	- Kinh tế học ứng dụng	23.30	26.20	26.30			
	- Kinh tế chính trị						
2	Kinh tế đầu tư				7310104	A00, A01, D01, D07	220
	- Kinh tế đầu tư ^(V)	23.30	26.20	25.40			
	- Thẩm định giá và Quản trị tài sản ^(V)						
3	Bất động sản	23.30	26.20	24.20	7340116	A00, A01, D01, D07	110
4	Quản trị nhân lực	23.30	26.20	26.60	7340404	A00, A01, D01, D07	110
5	Kinh doanh nông nghiệp ^(S)	23.30	26.20	22.00	7620114	A00, A01, D01, D07	50
6	Quản trị kinh doanh	24.15	26.40	26.20	7340101	A00, A01, D01, D07	720
	- Quản trị ^{(V)(A)}						
	- Quản trị chất lượng						
	- Quản trị khởi nghiệp						
7	Kinh doanh quốc tế	25.10	27.50	27.00	7340120	A00, A01, D01, D07	500
	- Kinh doanh quốc tế ^{(V)(A)}						
	- Ngoại thương ^(A)						
8	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	—	27.60	27.40	7510605	A00, A01, D01, D07	110
9	Kinh doanh thương mại ^(V)	24.40	27.10	27.00	7340121	A00, A01, D01, D07	220

10	Marketing ^(V)	24.90	27.50	27.50	7340115	A00, A01, D01, D07	220
11	Tài chính – Ngân hàng	23.10	25.80	25.90	7340201	A00, A01, D01, D07	1050
	– Tài chính ^{(V)(A)}						
	– Ngân hàng ^{(V)(A)}						
	– Tài chính công						
	– Quản lý thuế						
	– Thị trường chứng khoán						
	– Đầu tư tài chính						
	– Ngân hàng đầu tư						
	– Ngân hàng quốc tế						
	– Thuế trong kinh doanh						
	– Quản trị hải quan – Ngoại thương						
	– Quản trị tín dụng						
12	Bảo hiểm ^(S)	—	22.00	25.00	7340204	A00, A01, D01, D07	50
13	Tài chính quốc tế				7340206	A00, A01, D01, D07	110
	– Tài chính quốc tế	—	26.70	26.80			
	– Quản trị rủi ro tài chính						
14	Kế toán				7340301	A00, A01, D01, D07	680
	– Kế toán công	22.90	25.80	25.40			
	– Kế toán doanh nghiệp ^{(V)(A)}						
15	Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế ICAEW CFAB plus (***)	—	—	—	7340301_01	A00, A01, D01, D07	40
16	Kiểm toán ^(V)	22.90	25.80	26.10	7340302	A00, A01, D01, D07	165
17	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				7810103	A00, A01, D01, D07	165
	– Quản trị lữ hành	23.90	25.40	24.00			
	– Quản trị du thuyền						
18	Quản trị khách sạn				7810201	A00, A01, D01, D07	165
	– Quản trị khách sạn	24.40	25.80	25.30			
	– Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí						
19	Toán kinh tế (*)				7310108	A00, A01, D01, D07	110
	– Toán tài chính	21.83	25.20	25.20			
	– Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm						
20	Thông kê kinh doanh (*)	21.81	25.20	25.90	7310107	A00, A01, D01, D07	50
21	Hệ thống thông tin quản lý (*)				7340405	A00, A01, D01, D07	110
	– Hệ thống thông tin kinh doanh	23.25	26.30	26.20			
	– Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp						
22	Thương mại điện tử ^(V) (*)	23.25	26.30	26.90	7340122	A00, A01, D01, D07	110
23	Khoa học dữ liệu (*)	—	24.80	26.00	7480109	A00, A01, D01, D07	50
24	Kỹ thuật phần mềm (*)	22.51	25.80	26.20	7480103	A00, A01, D01, D07	50
25	Tiếng Anh thương mại (**)	24.55	25.80	27.00	7220201	D01, D96	160
26	Luật kinh doanh ^(V)	23.00	24.90	25.80	7380107	A00, A01, D01, D96	165
27	Luật kinh doanh quốc tế	23.00	24.90	25.80	7380101	A00, A01, D01, D96	50
28	Quản lý công ^(S)	21.60	24.30	25.00	7340403	A00, A01, D01, D07	50
29	Kiến trúc và Thiết kế đô thị thông minh	—	—	22.80	7580104	A00, A01, D01, V00	100
30	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	—	—	26.20	7489001	A00, A01, D01, D07	50
31	Truyền thông số và Thiết kế đa phương tiện	—	—	—	7320106	A00, A01, D01, V00	50
32	Quản trị bệnh viện	21.80	24.20	24.20	7340129_td	A00, A01, D01, D07	100
33	Chương trình Cử nhân tài năng	—	26.00		7340101_ISB	A00, A01, D01, D07	550
	– Quản trị kinh doanh			27.00			
	– Kinh doanh quốc tế			27.50			
	– Marketing			27.40			
	– Tài chính ứng dụng			25.30			
	– Kế toán			22.00			
Tổng cộng							6550

^(V): Có chương trình đào tạo chất lượng cao tiếng Việt

^(A): Có chương trình đào tạo chất lượng cao tiếng Anh

^(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp

^(*): Toán nhân hệ số 2, quy về thang điểm 30

(**): Tiếng Anh hệ số 2, quy về thang điểm 30
(***): Yêu cầu có chứng chỉ tiếng Anh Academic IELTS từ 6.0 (hoặc TOEFL iBT từ 80 hoặc TOEIC 4 kỹ năng từ 650)
2. KSV: Chỉ tiêu 600

TT	Chương trình đào tạo	Điểm trúng tuyển		Thông tin tuyển sinh năm 2022		
		2020	2021	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu 2022
1	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	—	—	7510605	A00, A01, D01, D07	50
2	Thương mại điện tử	16.00	17.00	7340122	A00, A01, D01, D07 (Môn Toán hệ số 2)	40
3	Luật kinh doanh	—	16.00	7380107	A00, A01, D01, D96	35
4	Kinh doanh nông nghiệp ^(S)	16.00	16.00	7620114	A00, A01, D01, D07	35
5	Quản trị lưu hành	—	16.00	7810103	A00, A01, D01, D07	40
6	Tiếng Anh thương mại	—	17.00	7220201	D01, D96 (Tiếng Anh hệ số 2)	35
Phạm vi tuyển sinh khu vực ĐBSCL						
7	Quản trị	16.00	17.00	7340101	A00, A01, D01, D07	85
8	Kinh doanh quốc tế	16.00	17.00	7340120	A00, A01, D01, D07	60
9	Marketing	—	17.00	7340115	A00, A01, D01, D07	70
10	Tài chính – Ngân hàng (gồm chuyên ngành Tài chính; Ngân hàng)	16.00	17.00	7340201	A00, A01, D01, D07	80
11	Kế toán doanh nghiệp	16.00	17.00	7340301	A00, A01, D01, D07	70
Tổng cộng						600

^(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp với: Chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Chương trình Kinh doanh quốc tế.

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

I. KSA: gồm 06 phương thức

1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)

– UEH sẽ thực hiện kế hoạch xét tuyển theo các mốc thời gian quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo.

	Chương trình Chuẩn, chương trình Cử nhân Chất lượng cao	Chương trình Cử nhân tài năng (Giảng dạy bằng tiếng Anh)
Chỉ tiêu	1% chỉ tiêu theo ngành	1% chỉ tiêu theo ngành

2. Phương thức 2: Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế.

– UEH dự kiến cho thí sinh đăng ký xét tuyển **từ 08g00 ngày 15/3/2022 đến 16g00 ngày 29/4/2022.**

	Chương trình Chuẩn, chương trình Cử nhân Chất lượng cao	Chương trình Cử nhân tài năng (Giảng dạy bằng tiếng Anh)
Chỉ tiêu	1% chỉ tiêu theo ngành	1% chỉ tiêu theo ngành
Điều kiện đăng ký xét tuyển	A) Đối với thí sinh có quốc tịch Việt Nam, thuộc một trong các đối tượng: 1. Thí sinh có một trong các bằng tú tài/chứng chỉ quốc tế sau: – Bằng tú tài quốc tế IB (International Baccalaureate) đạt từ 26 điểm trở lên; – Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level) đạt từ C đến A . – Chứng chỉ BTEC (Business&Technical Education Council, Hội đồng Giáo dục Thương mại và Kỹ thuật Anh) Level 3 Extended Diploma đạt từ C đến A. 2. Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có một trong các chứng chỉ sau: – Chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên. – Chứng chỉ TOEFL iBT từ 73 điểm trở lên. – Chứng chỉ SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) mỗi phần từ 500 điểm trở lên. – Chứng chỉ ACT (American College Testing) từ 20 điểm (thang điểm 36) trở lên. B) Đối với thí sinh có quốc tịch khác quốc tịch Việt Nam và tốt nghiệp THPT nước ngoài: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh thực hiện xét tuyển theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 về Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam Lưu ý: Thời hạn các chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.	

3. Phương thức 3: Xét tuyển học sinh Giỏi: UEH dự kiến mở hệ thống cho thí sinh đăng ký xét tuyển **từ 08g00 ngày 15/3/2022 đến 16g00 ngày 29/4/2022.**

	Chương trình Chuẩn, chương trình Cử nhân Chất lượng cao	Chương trình Cử nhân tài năng (Giảng dạy bằng tiếng Anh)
Chỉ tiêu	40% đến 50% chỉ tiêu theo ngành	40% đến 50% chỉ tiêu theo ngành
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2022.	

4. Phương thức 4: Xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn: UEH dự kiến mở hệ thống cho thí sinh đăng ký xét tuyển **từ 08g00 ngày 15/3/2022 đến 16g00 ngày 29/4/2022.**

	Chương trình Chuẩn, chương trình Cử nhân chất lượng cao	Chương trình Cử nhân tài năng (Giảng dạy bằng tiếng Anh)
Chỉ tiêu	30% đến 40% chỉ tiêu theo ngành	40% đến 50% chỉ tiêu theo ngành

Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn (A00, A01, D01 hoặc D07) đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT. <i>Ví dụ: Học sinh chọn tổ hợp xét tuyển A00: Toán, Vật lý, Hóa học để đăng ký xét tuyển phải thỏa điều kiện:</i> + ĐTB tổ hợp A00 lớp 10 = [(Toán 10 + Vật lý 10 + Hóa học 10)/3] >=6.50 + ĐTB tổ hợp A00 lớp 11 = [(Toán 11 + Vật lý 11 + Hóa học 11)/3] >=6.50 + ĐTB tổ hợp A00 HK1_lớp 12 = [(Toán 12+ Vật lý 12 + Hóa học 12)/3] >=6.50
-----------------------------	---

5. Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực: Thí sinh đăng ký dự thi đánh giá năng lực, đợt 1, năm 2022 từ ngày 28/01/2022 đến ngày 28/02/2022 tại website <https://thinangluc.vnuhcm.edu.vn>: **đăng ký**
– UEH dự kiến mở hệ thống cho thí sinh đăng ký xét tuyển từ **08g00 ngày 15/3/2022 đến 16g00 ngày 29/4/2022.**

	Chương trình Chuẩn, chương trình Cử nhân Chất lượng cao
Chỉ tiêu	10% chỉ tiêu theo ngành
Điều kiện	Học sinh tham gia kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 năm 2022 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT

6. Phương thức 6: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 - UEH sẽ thực hiện kế hoạch xét tuyển theo các mốc thời gian quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo.

	Chương trình Chuẩn, chương trình Cử nhân Chất lượng cao	Chương trình Cử nhân tài năng (Giảng dạy bằng tiếng Anh)
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu còn lại	Chỉ tiêu còn lại
Điều kiện	Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT, tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH.	

- II. KSV: gồm 06 phương thức tương tự KSA, khác về chỉ tiêu.**
- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT (chỉ tiêu 1% theo ngành).
 - **Phương thức 2:** Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế (chỉ tiêu 1% theo ngành).
 - **Phương thức 3:** Xét tuyển học sinh Giỏi (xét học bạ) (20% theo ngành).
 - **Phương thức 4:** Xét tuyển quá trình học tập (xét học bạ) theo tổ hợp môn (40% theo ngành)
 - **Phương thức 5:** Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực (10% theo ngành).
 - **Phương thức 6:** Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (chỉ tiêu còn lại).
- Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Kinh Tế**
Tại TP.HCM: 59C Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
Điện thoại: +84 28 3823 0082 - Ext: 121, 122 - Website: ueh.edu.vn
Tại Phân hiệu Vĩnh Long (PHVL): 1B Nguyễn Trung Trực, P8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại: (0270) 3823359 – 3823443

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

- Mã trường: NTT**
Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.
Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
I. Các ngành tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh thêm 2 ngành mới, nâng tổng số ngành đào tạo bậc đại học chính quy lên 50 ngành đào tạo. Nhà Trường dự kiến dành tối thiểu 40% chỉ tiêu cho phương thức 1, 40% chỉ tiêu cho phương thức 2 và 20% chỉ tiêu cho phương thức 3 và 4.
Dự kiến chỉ tiêu năm 2022 là 7.680

STT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP
1	Y khoa	7720101	B00
2	Y học dự phòng	7720110	B00
3	Dược học 1. Quản lý và cung ứng thuốc 2. Sản xuất và phát triển thuốc 3. Dược lâm sàng	7720201	A00, A01, B00, D07
4	Điều dưỡng	7720301	A00, A01, B00, D07
5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	A00, B00, D07, D08
6	Thanh nhạc	7210205	N01
7	Piano	7210208	N00
8	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình	7210234	N05
9	Đạo diễn điện ảnh - Truyền hình	7210235	N05
10	Quay phim	7210236	N05
11	Thiết kế đồ họa	7210403	V00, V01, H00, H01
12	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	7220101	C00, D01, D14, D15

13	Ngôn ngữ Anh 1. Anh văn thương mại 2. Biên phiên dịch 3. Phương pháp giảng dạy	7220201	C00, D01, D14, D15
14	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	C00, D01, D14, D15
15	Quan hệ quốc tế	7310206	A01, D01, D14, D15
16	Tâm lý học 1. Tham vấn - Trị liệu 2. Tham vấn – Quản trị nhân sự	7310401	B00, C00, D01, D14
17	Đồng phương học 1. Tiếng Hàn 2. Tiếng Nhật	7310608	C00, D01, D14, D15
18	Việt Nam học	7310630	C00, D01, D14, D15
19	Truyền thông đa phương tiện	7320104	C00, D01, D14, D15
20	Quan hệ công chúng	7320108	A01, C00, D01, D14
21	Quản trị kinh doanh 1. Quản trị kinh doanh tổng hợp 2. Quản trị kinh doanh quốc tế 3. Bán hàng 4. Quản trị marketing	7340101	A00, A01, D01, D07
22	Marketing	7340115	A00, A01, D01, D07
23	Kinh doanh quốc tế	7340120	A00, A01, D01, D07
24	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01, D07
25	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D07
26	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D07
27	Quản trị nhân lực	7340404	A00, A01, D01, D07
28	Luật kinh tế	7380107	A00, A01, D01, D07
29	Công nghệ sinh học 1. CNSH Thực phẩm – Nông nghiệp CNC 2. CNSH Động vật – Y dược 3. Quản trị CNSH	7420201	A00, B00, D07, D08
30	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu 1. Công nghệ kỹ thuật mạng 2. Quản trị hệ thống mạng 3. An ninh không gian mạng	7480102	A00, A01, D01, D07
31	Kỹ thuật phần mềm 1. Công nghệ kỹ thuật phần mềm 2. Quản trị dự án phần mềm 3. Thực tế ảo và lập trình games	7480103	A00, A01, D01, D07
32	Công nghệ thông tin 1. Trí tuệ nhân tạo 2. Khoa học dữ liệu 3. Kỹ thuật công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D07
33	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử 1. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử 2. Robot và trí tuệ nhân tạo	7510203	A00, A01, D01, D07
34	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, D01, D07
35	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử 1. Kỹ thuật điện 2. Tự động hóa	7510301	A00, A01, D01, D07
36	Công nghệ kỹ thuật hóa học 1. Hóa hữu cơ 2. Mỹ phẩm	7510401	A00, A01, B00, D07
37	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	A00, A01, D01, D07
38	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp 1. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp 2. Logistics và kết nối vận vật	7520118	A00, A01, D01, D07
39	Kỹ thuật y sinh	7520212	A00, A01, A02, B00
40	Vật lý y khoa	7520403	A00, A01, A02, B00
41	Công nghệ thực phẩm 1. Dinh dưỡng và chế biến thực phẩm	7540101	A00, A01, B00, D07

	2. Đảm bảo chất lượng, an toàn và truy xuất nguồn gốc thực phẩm		
42	Kiến trúc	7580101	V00, V01, H00, H01
43	Thiết kế nội thất	7580108	V00, V01, H00, H01
44	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00, A01, D01, D07
45	Du lịch	7810101	C00, D01, D14, D15
46	Quản trị khách sạn	7810201	A00, A01, C00, D01
47	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	A00, A01, C00, D01
48	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	A00, A01, B00, D07
49	Giáo dục mầm non	7140201	M00, M07, M01, M09
50	Quản lý bệnh viện	7720802	B03, B00

II. Các phương thức xét tuyển:

1. Phương thức 1: Xét tuyển kết quả thi THPT năm 2022 theo tổ hợp môn.

2. Phương thức 2: Xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí (riêng các ngành sức khỏe và ngành Giáo dục mầm non áp dụng theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của BGD&ĐT):

- Thời gian xét tuyển: Dự kiến chia làm 10 đợt:

ĐỢT XÉT	THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ	ĐỢT XÉT	THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ
1	Ngày thông báo – 02/5/2022	6	12/7 – 18/7/2022
2	03/5 – 30/5/2022	7	19/7 – 25/7/2022
3	01/6 – 27/6/2022	8	26/7 – 01/8/2022
4	28/6 – 04/7/2022	9	02/8- 15/8/2022
5	05/7 – 11/7/2022	10	16/8 – 29/8/2022

- Hồ sơ gồm:
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển;
 - + Bảng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy CNTN tạm thời (bản sao);
 - + Học bạ THPT (bản sao);
 - + Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- Tiêu chí và điều kiện xét: xét tuyển kết quả học bạ đạt 1 trong các tiêu chí:
 - + Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)
 - + Tổng điểm trung bình 5 HK: ĐTB_HK1 lớp 10 + ĐTB_HK2 lớp 10 + ĐTB_HK1 lớp 11 + ĐTB_HK2 lớp 11 + ĐTB_HK1 lớp 12 đạt từ 30 trở lên.
 - + Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.
 - + Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.
 - * Riêng các ngành sức khỏe và ngành Giáo dục mầm non cần thêm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của BGD&ĐT:
 - + Ngành Y khoa, Dược học, Giáo dục mầm non: học lực lớp 12 xếp loại từ Giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.
 - + Ngành Y học dự phòng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học: học lực lớp 12 xếp loại từ Khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.
 - + Đối với các ngành năng khiếu, Trường sẽ kết hợp xét kết quả học bạ THPT và tổ chức thi kiểm tra các môn năng khiếu hoặc xét kết quả thi môn năng khiếu từ Trường Đại học khác có tổ chức thi năng khiếu để xét tuyển.

3. Phương thức 3: xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP HCM & Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Thời gian xét tuyển: Dự kiến 03 đợt (Dự kiến)
- Hồ sơ gồm:
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển;
 - + Bản chính phiếu kết quả thi đánh giá năng lực năm 2022;
 - + Bảng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy CNTN tạm thời (bản sao);
 - + Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- Tiêu chí và điều kiện xét:
 - + Điểm bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM đạt từ 550 điểm /ĐHQG-HN đạt từ 70 điểm trở lên và đạt mức điểm chuẩn đầu vào theo từng ngành do trường ĐH Nguyễn Tất Thành xác định sau khi có kết quả.
 - + Riêng các ngành sức khỏe cần thêm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của BGD&ĐT:
 - Ngành Y khoa, Dược học, Giáo dục mầm non: học lực lớp 12 xếp loại từ Khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.
 - Ngành Y học dự phòng, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học: học lực lớp 12 xếp loại từ Trung bình hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,5 trở lên.

4. Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, cử tuyển:

- Điều kiện được xét tuyển thẳng:
 - + Theo quy định tuyển sinh của BGD&ĐT.
 - + Tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký đạt 21 điểm trở lên đã cộng điểm ưu tiên.
 - + Tổng điểm trung bình cuối năm của 3 môn học bạ lớp 12 ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký đạt 21 điểm trở lên đã cộng điểm ưu tiên.
 - + Ngành Ngôn ngữ Anh: có chứng chỉ TOEFL iBT từ 80/120 hoặc IELTS từ 6.0/9.0.

+ Đã tốt nghiệp đại học.

* Lưu ý: Các ngành thuộc khối khoa học sức khỏe áp dụng theo mục 2.5.

- Điều kiện được xét ưu tiên: Thí sinh có chứng chỉ TOEFL iBT từ 60/120 hoặc IELTS từ 4.5/9.0 được ưu tiên xét tuyển vào các ngành có môn Tiếng Anh với mức điểm tương đương điểm 7 theo thang điểm 10.
- Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

Thông tin chi tiết liên hệ: **Trung Tâm Tư Vấn Tuyển Sinh – Trường Đại Học Nguyễn Tất Thành**

Địa chỉ: Số 300A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 1900 2039 (nhánh 305 hoặc 306) - Hotline: 0902 298 300 – 0906 298 300 – 0912 298 300 – 0914 298 300

Email: tuyensinh@ntt.edu.vn - Website: tuyensinh.ntt.edu.vn - Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinh.ntt.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã trường: LPS

1. Ngành, mã ngành, tổ hợp các môn xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022

Stt	Ngành	Mã ngành	Các tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
1.	Ngôn ngữ Anh (<i>Chuyên ngành Anh văn pháp lý</i>)	7220201	D1, D14, D66, D84	100
2.	Quản trị kinh doanh	7340101	A, A1, D1,3,6, D84,87,88	150
3.	Quản trị - Luật	7340102	A, A1, D1,3,6, D84,87,88	300
4.	Luật	7380101	A, A1, C, D1,3,6	1.430
5.	Luật Thương mại quốc tế	7380109	A1, D1,3,6, D66,69,70, D84,87,88	120
			Tổng:	2.100

* Ghi chú: Tổ hợp các môn xét tuyển, gồm:

- Khối A: Toán, Lý, Hóa;
- Khối A1: Toán, Lý, tiếng Anh;
- Khối C: Văn, Sử, Địa;
- Khối D: Văn, Toán, Ngoại ngữ (D1: tiếng Anh, D3: tiếng Pháp; D6: tiếng Nhật).
- D14: Văn, Sử, tiếng Anh;
- D66,69,70: Văn, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D66: tiếng Anh, D69: tiếng Nhật; D70: tiếng Pháp);
- D84,87,88: Toán, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D84: tiếng Anh, D87: tiếng Pháp; D88: tiếng Nhật).

2. Dự kiến phương thức tuyển sinh: có 2 phương thức

2.1. Phương thức 1 (xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng): tối đa 35%/ tổng chỉ tiêu, cho 3 đối tượng:

a) Đối tượng 1 (xét tuyển thẳng):

- Thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đã tốt nghiệp năm 2022. Cụ thể như sau:
 - + Môn Văn, Toán và tiếng Anh: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật, ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh;
 - + Môn tiếng Nhật và tiếng Pháp: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế;
 - + Môn Lý: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế
 - + Môn Hóa: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật
 - + Môn Sử: đối với ngành Luật và ngành Ngôn ngữ Anh;
 - + Môn Địa: đối với ngành Luật.

b) Đối tượng 2 (ưu tiên xét tuyển thẳng):

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: tiếng Anh/ hoặc tiếng Pháp/ hoặc tiếng Nhật
- Thí sinh có kết quả thi SAT của Mỹ (Scholastic Assessment Test).

Những chứng chỉ này nếu có quy định về thời hạn thì phải còn giá trị đến ngày 30/6/2022.

- Điều kiện:

- + Thứ nhất, đã tốt nghiệp THPT;
- + Thứ hai, trình độ ngoại ngữ quốc tế/ hoặc có kết quả thi SAT phải đạt như sau:
 - Đối với tiếng Anh: IELTS đạt điểm từ 5,0 trở lên (do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp); hoặc TOEFL iBT đạt điểm từ 65 trở lên (do Educational Testing Service (ETS) cấp);
 - Đối với tiếng Pháp: chứng chỉ DELF đạt từ trình độ B1 trở lên (do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pédagogiques - CIEP) cấp); hoặc chứng chỉ TCF đạt điểm từ 300 trở lên/ kỹ năng (do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pédagogiques - CIEP) cấp);
 - Đối với tiếng Nhật: chứng chỉ JLPT đạt từ trình độ N3 trở lên (do Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation - JF) cấp, trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật);
 - Đối với bài thi SAT của Mỹ: đạt điểm từ 1.100/1.600 trở lên.

- + Thứ ba, phải có điểm trung bình của 5 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12) của 03 môn thuộc Tổ hợp đăng ký xét tuyển đạt tổng điểm từ 21,0 trở lên (Điểm trung bình của 5 học kỳ THPT được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân);
- + Thứ tư (tiêu chí phụ), khi có thí sinh đạt đủ các điều kiện nêu trên nhiều hơn so với chỉ tiêu xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng, Nhà trường sẽ xét tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên:
 - Điểm của Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc điểm thi SAT;
 - Điểm trung bình của 5 học kỳ THPT của 03 môn thuộc Tổ hợp xét tuyển (Được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân);
 - Điểm trung bình của 5 học kỳ THPT của môn chính thuộc Tổ hợp xét tuyển; riêng Tổ hợp D00 thì môn chính là Ngữ văn.

c) Đối tượng 3 (ưu tiên xét tuyển thẳng):

- Thí sinh học tại các trường THPT chuyên, năng khiếu;
- Thí sinh học tại các trường THPT thuộc nhóm trường có điểm trung bình thi THPT quốc gia cao nhất theo Danh sách “Các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển thẳng năm 2022 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh”.
- Điều kiện:
 - + Thứ nhất, đã tốt nghiệp THPT;
 - + Thứ hai, thí sinh phải có kết quả học tập của từng năm Lớp 10, 11 và 12 đạt từ loại giỏi trở lên;
 - + Thứ ba, phải có điểm trung bình của 5 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12) của 03 môn thuộc Tổ hợp đăng ký xét tuyển đạt tổng điểm từ 24,0 trở lên (Điểm trung bình của 5 học kỳ THPT được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân).
 - + Thứ tư (tiêu chí phụ), khi có thí sinh đạt đủ các điều kiện nêu trên nhiều hơn so với chỉ tiêu xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng, Nhà trường sẽ xét tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên:
 - Điểm trung bình cộng của 3 năm Lớp 10, 11 và 12 (Được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân)
 - Điểm trung bình của 5 học kỳ THPT của môn chính thuộc Tổ hợp xét tuyển; riêng Tổ hợp D00 thì môn chính là Ngữ văn.

2.2. Phương thức 2 (xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022):

- Chỉ tiêu xét tuyển: tối thiểu là 65%/tổng chỉ tiêu;
- Đối tượng: dành cho thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 phù hợp với tổ hợp môn đăng ký xét tuyển;
- Phương thức này được thực hiện theo quy định và kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Luật TP.HCM**

Địa chỉ : 02 Nguyễn Tất Thành, P13, Q4, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 1900.555514 hoặc 028.3940.0989 - Ext 220, 221
Website : www.ts.hcmulaw.edu.vn - Email: tuyentuyensinh@hcmulaw.edu.vn
Facebook : https://www.facebook.com/tuyensinhdlhuatphcm

Trích Nguồn: <http://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/>, <https://www.hcmulaw.edu.vn/>

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG CƠ SỞ TP.HCM

Mã trường: BVS

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT);
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phạm vi tuyển sinh

- Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tuyển sinh trên phạm vi cả nước (thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào thì sẽ theo học tại Cơ sở đó) và quốc tế.

3. Phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh: Năm 2022, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông áp dụng 04 phương thức tuyển sinh (xét tuyển), mở rộng thêm 01 phương thức xét tuyển so với năm 2021. Cụ thể:

TT	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu (Dự kiến)
1.	Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và theo Đề án tuyển sinh của Học viện	Không giới hạn
2.	Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022	Dự kiến 65%
3.	Xét tuyển kết hợp theo Đề án tuyển sinh của Học viện	Dự kiến 25%
4.	Xét tuyển dựa vào kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực	Dự kiến 10%
TỔNG CHỈ TIÊU (cho cả 02 Cơ sở đào tạo phía Bắc và phía Nam)		3.820 chỉ tiêu

4. Ngành tuyển sinh và đào tạo

- Năm 2022, Học viện tuyển sinh đào tạo 13 mã ngành đào tạo (tăng 01 mã ngành so với năm 2021);
- Ngành đào tạo mới: Năm 2022, Học viện triển khai tuyển sinh đào tạo 01 mã ngành đào tạo trình độ đại học mới, cụ thể:

- + Ngành Công nghệ Internet vạn vật (IoT), mã ngành dự kiến 7520208, với chỉ tiêu dự kiến là 75 chỉ tiêu (chỉ tuyển sinh đào tạo tại Cơ sở đào tạo phía Nam).
- + Học viện cũng đang dự kiến tuyển sinh và đào tạo ngành Khoa học máy tính theo định hướng khoa học dữ liệu bắt đầu từ năm 2022.
- Chương trình Chất lượng cao: Năm 2022, Học viện tiếp tục triển khai tuyển sinh đào tạo Chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin có nội dung chương trình với nhiều ưu việt và lợi thế đối với người học; dự kiến chỉ tiêu là 300 chỉ tiêu.
- Ngoài ra, năm 2022, Học viện dự kiến sẽ bắt đầu tuyển sinh và đào tạo Chương trình chất lượng cao ngành Marketing theo định hướng Marketing số (Digital Marketing).

5. Nguyên tắc xét tuyển chung:

- Thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Học viện;
- Xét tuyển theo ngành và theo tổ hợp bài thi/môn thi;
- Điểm trúng tuyển của các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành là bằng nhau;
- Xét tuyển các nguyện vọng bình đẳng như nhau (không có điểm chênh lệch giữa các nguyện vọng trong cùng một ngành);
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu và đảm bảo chất lượng tuyển sinh;
- Học viện không áp dụng thêm tiêu chí phụ riêng trong xét tuyển, ngoài quy định của Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT;
- Điểm trúng tuyển được tính theo thang điểm 10, tổng điểm tối đa của 3 bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển là 30 điểm;
- Nếu xét tuyển theo từng phương thức không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo các phương thức khác.

6. Xét tuyển kết hợp

6.1. Đối tượng xét tuyển: Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 1 thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT, trong thời hạn 02 năm (tính đến ngày xét tuyển) từ 1130/1600 trở lên hoặc ATC từ 25/36 trở lên; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;
- Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;
- Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.
- Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ chuyên thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia; Và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

6.2. Nguyên tắc xét tuyển: Ngoài các nguyên tắc xét tuyển chung tại mục 6, nguyên tắc xét tuyển áp dụng cho phương thức xét tuyển kết hợp quy định cụ thể như sau:

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một (01) nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;
- Xét tuyển theo ngành và theo kết quả học tập của năm học lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 năm học lớp 12) của các môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đăng ký xét tuyển;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;
- Điểm trúng tuyển của các tổ hợp trong cùng một ngành là bằng nhau;
- Điểm trúng tuyển được tính bằng tổng cộng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi đã đăng ký xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có);
- Nếu xét tuyển kết hợp không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức khác;
- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian quy định của Học viện. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem từ chối nhập học.

6.3. Hình thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển kết hợp: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến trên hệ thống xét tuyển trực tuyến của Học viện tại địa chỉ: <https://xettuyen.ptit.edu.vn>

6.4. Các thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sẽ được Học viện ưu tiên xét tuyển thẳng vào Chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin (nếu có nguyện vọng).

6.5. Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến tháng 6/2022

7. Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy

7.1. Đối tượng xét tuyển: Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 1 thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 từ 80 điểm trở lên;
- Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 từ 700 điểm trở lên;
- Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 từ 25 điểm trở lên.

7.2. Nguyên tắc xét tuyển: Ngoài các nguyên tắc xét tuyển chung tại mục 6, nguyên tắc xét tuyển áp dụng cho phương thức xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy quy định cụ thể như sau:

- Thí sinh được đăng ký xét tuyển 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một (01) nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;
- Xét tuyển theo ngành và theo điểm xét tuyển đã quy đổi về thang điểm 30;
- Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;

- Điểm xét tuyển (ĐXT) được quy đổi về theo thang điểm 30 như sau:
 - + ĐXT theo kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội: ĐXT = điểm ĐGNL *30/150 + điểm ưu tiên (nếu có)
 - + ĐXT theo kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh: ĐXT = điểm ĐGNL *30/1200 + điểm ưu tiên (nếu có)
 - + ĐXT theo kỳ thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội: ĐXT = điểm ĐGTD *30/40 + điểm ưu tiên (nếu có)
- Nếu xét tuyển kết hợp không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức khác;
- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian quy định của Học viện. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem từ chối nhập học.

7.3. Hình thức đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến trên hệ thống xét tuyển trực tuyến của Học viện tại địa chỉ: <https://xettuyen.ptit.edu.vn>.

7.4. Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến tháng 6/2022

Các thông tin chi tiết và hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2022 thí sinh có thể xem trên các cổng thông tin điện tử và trang Fanpage tuyển sinh của Học viện tại các địa chỉ:

<https://ptit.edu.vn> - <https://ptithcm.edu.vn/> - <https://tuyensinh.ptit.edu.vn> - <https://facebook.com/ptittuyensinh>

Thông tin liên hệ: **Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông Cơ Sờ Tại TP. Hồ Chí Minh**

Cơ sở Quận 1: 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở Thủ Đức: Đường Man Thiện, Phường Hiệp Phú, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38.295.258 - Mail: hvbcvthcm@ptithcm.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Mã trường: DSG

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định.

Chỉ tiêu dự kiến: 2.260 chỉ tiêu

I. Phương thức xét tuyển:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ (điểm TB HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12).

- **Phương thức 2:** Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 05 học kỳ (điểm TB cả năm lớp 10, lớp 11 và HK1 lớp 12).

- **Phương thức 3:** Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 môn năm lớp 12.

- **Phương thức 4:** Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

- **Phương thức 5:** Xét tuyển kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia TP.HCM năm 2022 tổ chức.

Đối với các phương thức xét tuyển học bạ (PT1,2,3 chiếm 70% tổng chỉ tiêu xét tuyển), thí sinh cần có điểm xét tuyển đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do STU quy định. Cụ thể:

- Với phương thức xét tuyển học bạ 03 học kỳ, thí sinh cần có tổng điểm trung bình 03 học kỳ xét tuyển (gồm điểm TB HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) đạt từ 18đ trở lên;

- Với phương thức xét tuyển học bạ 05 học kỳ, thí sinh cần có tổng điểm trung bình 05 học kỳ xét tuyển (gồm điểm TB cả năm lớp 10, lớp 11 và HK1 lớp 12) đạt từ 18đ trở lên;

- Với phương thức xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn, thí sinh cần có tổng điểm trung bình năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18đ trở lên.

Đối với phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (chiếm 25% tổng chỉ tiêu xét tuyển), STU thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT về thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển, cách thức đăng ký. Thí sinh cần tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022 và có điểm thi đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do STU quy định.

Đối với phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐH Quốc gia TP.HCM năm 2022 (chiếm 5% tổng chỉ tiêu xét tuyển), thí sinh cần tham dự kỳ thi và có điểm thi đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do STU quy định. Thời gian xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức sẽ nhận hồ sơ từ ngày 04/4/2022 cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Công thức xét tuyển: $M_{XT} = (M_1 + M_2 + M_3) + M_{KV} + M_{ĐT}$

Phương thức và Điểm sàn xét tuyển	Điểm môn 01 M_1	Điểm môn 02 M_2	Điểm môn 03 M_3	Tổng điểm xét tuyển (chưa cộng điểm ưu tiên & điểm ưu tiên)
Phương thức 01 Điểm sàn ≥ 18 điểm	Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 11 THPT	Điểm trung bình học kỳ 2 lớp 11 THPT	Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 12 THPT	Tổng điểm xét 30 điểm KV 0,25 điểm ĐT 1,00 điểm
Phương thức 02 Điểm sàn ≥ 18 điểm	Điểm trung bình cả năm lớp 10 THPT	Điểm trung bình cả năm lớp 11 THPT	Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 12 THPT	Tổng điểm xét 30 điểm KV 0,25 điểm ĐT 1,00 điểm
Phương thức 03 Điểm sàn ≥ 18 điểm	Điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT của môn 01	Điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT của môn 02	Điểm trung bình cả năm lớp 12 THPT của môn 03	Tổng điểm xét 30 điểm KV 0,25 điểm ĐT 1,00 điểm

Phương thức 04 <i>Điểm sàn chưa xác định</i>	Điểm thi THPT năm 2022 của bài thi/ môn thi 01	Điểm thi THPT năm 2022 của bài thi/ môn thi 02	Điểm thi THPT năm 2022 của bài thi/ môn thi 03	Tổng điểm xét 30 điểm KV 0,25 điểm ĐT 1,00 điểm
Phương thức 05 <i>Điểm sàn chưa xác định</i>	Điểm thi ĐGNL năm 2022 của ĐHQG TP.HCM			Tổng điểm xét 1200 điểm KV 10,0 điểm ĐT 40,0 điểm

II. Các hình thức đăng ký xét tuyển:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;
Địa chỉ nhận hồ sơ: VĂN PHÒNG TƯ VẤN TUYỂN SINH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (028) 38505520 - 106 hoặc 107
- Đăng ký trực tuyến tại <http://daotao2.stu.edu.vn/>

III. Thời gian nhận hồ sơ

- Đối với phương thức 01, 02, 03, 05, thí sinh xét tuyển theo thời gian cụ thể như sau:

Đợt 1: 14/3- 24/6/2022	Đợt 5: 18-22/7/2022	Đợt 9: 15-19/8/2022	Đợt 13: 12-16/9/2022
Đợt 2: 27/6-1/7/2022	Đợt 6: 25-29/7/2022	Đợt 10: 22-26/8/2022	Đợt 14: 19-23/9/2022
Đợt 3: 04-08/7/2022	Đợt 7: 01-05/8/2022	Đợt 11: 29/8-2/9/2022	Đợt 15: 26-30/9/2022
Đợt 4: 11-15/7/2022	Đợt 8: 08-12/8/2022	Đợt 12: 05-09/9/2022	Đợt 16: 03-07/10/2022

Những thí sinh đang là học sinh lớp 12 chưa có kết quả xét tốt nghiệp THPT năm 2022 vẫn có thể đăng ký xét tuyển học bạ ngay trong đợt đầu tiên để được ưu tiên xét tuyển, bằng cách nộp trước Phiếu đăng ký xét tuyển và Bản photo công chứng học bạ THPT.

- Đối với phương thức 04, thí sinh xét tuyển theo hướng dẫn và lịch trình chung của Bộ GD&ĐT.

IV. Danh mục các ngành, chuyên ngành và các tổ hợp xét tuyển tương ứng cho từng ngành đào:

Mã ngành	Ngành, chuyên ngành	Tổ hợp xét tuyển với phương thức 3	Tổ hợp xét tuyển với phương thức 4
7510203	Công nghệ Kỹ thuật Cơ Điện tử - Công nghệ Cơ Điện tử. - Công nghệ Robot và trí tuệ nhân tạo	Toán – Văn – Ngoại ngữ Toán – Lý – Ngoại ngữ Văn – Hóa – Ngoại ngữ Toán – Lý – Hóa (A00)	Toán – Văn – Ngoại ngữ Toán – Lý – Ngoại ngữ Toán – TN – Ngoại ngữ Toán – Lý – Hóa (A00)
7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử - Điều khiển và tự động hóa. - Điện Công nghiệp và cung cấp điện.		
7510302	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử Viễn thông - Điện tử viễn thông. - Mạng máy tính.		
7580201	Kỹ thuật Xây dựng		
7480201	Công nghệ Thông tin	Toán – Văn – Ngoại ngữ Toán – Lý – Ngoại ngữ Toán – Văn – Lý (C01) Toán – Lý – Hóa (A00)	Toán – Văn – Ngoại ngữ Toán – Lý – Ngoại ngữ Toán – Văn – Lý (C01) Toán – Lý – Hóa (A00)
7540101	Công nghệ Thực phẩm - Công nghệ Thực phẩm - Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	Toán – Hóa – Ngoại ngữ Toán – Sinh – Ngoại ngữ Toán – Hóa – Sinh (B00) Toán – Lý – Hóa (A00)	Toán – Hóa – Ngoại ngữ Toán – Sinh – Ngoại ngữ Toán – Hóa – Sinh (B00) Toán – Lý – Hóa (A00)
7340101	Quản trị Kinh doanh - Quản trị Tổng hợp. - Quản trị Tài chính. - Quản trị Marketing.	Toán – Văn – Ngoại ngữ Toán – Lý – Ngoại ngữ Văn – Sử – Ngoại ngữ Toán – Lý – Hóa (A00)	Toán – Văn – Ngoại ngữ Toán – Lý – Ngoại ngữ Văn – XH – Ngoại ngữ Toán – Lý – Hóa (A00)
7210402	Thiết kế Công nghiệp - Thiết kế Sản phẩm. - Thiết kế Thời trang. - Thiết kế Đồ họa. - Thiết kế Nội thất	Toán – Văn – Ngoại ngữ Toán – Lý – Ngoại ngữ Toán – Lý – Hóa (A00) Văn – Lý – Ngoại ngữ	Toán – Văn – Ngoại ngữ Toán – Lý – Ngoại ngữ Văn – XH – Ngoại ngữ Văn – TN – Ngoại ngữ

*Ngoại ngữ bao gồm tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Trung.

Đối với PT4 – Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022, thí sinh có thể sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - chứng chỉ IELTS để xét quy đổi thành điểm xét tuyển của môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển: Chứng chỉ IELTS phải là IELTS Academic (học thuật); phải còn trong thời hạn 02 năm tính đến ngày xét tuyển và điểm quy đổi được xét tương ứng như sau:

Điểm IELTS Academic (Thang điểm 9,0)	Điểm ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển (Thang điểm 10,0)
5,0	8,0
5,5	9,0
6,0 – 9,0	10,0

V. Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của STU.

- Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân (bản sao có công chứng).
- Chứng nhận ưu tiên khu vực và đối tượng tuyển sinh (nếu có).
- Bằng tốt nghiệp THPT nếu tốt nghiệp trước năm 2022 hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT 2022 hoặc tương đương (bản sao có công chứng).
- Tùy theo từng phương thức xét tuyển, thí sinh phải nộp giấy tờ minh chứng cho kết quả học tập/kì thi mà thí sinh dùng để xét tuyển:
 - + Học bạ THPT (bản sao có công chứng) (PT1,2,3).
 - + Giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2022 (PT4).
 - + Phiếu báo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức năm 2022 (PT5).
- Bìa thư có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của người nhận là thí sinh hoặc người nhận thay thí sinh.

VI. Lệ phí tuyển sinh: Dự kiến 25.000 đồng/ nguyện vọng xét tuyển.

VII. Học phí đối với sinh viên hệ Đại học chính quy: Học phí dự kiến 15.500.000 đồng/học kỳ đến 19.490.000 đồng/học kỳ (1 năm học có 2 học kỳ) tùy theo ngành.

Quý phụ huynh và các bạn học sinh có thể liên hệ với STU qua các kênh thông tin sau để được tư vấn, hỗ trợ và giải đáp:

VĂN PHÒNG TƯ VẤN TUYỂN SINH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38.505.520 - 115 hoặc 116 - Hotline: 0902.992.306

Website: www.stu.edu.vn - Fanpage: www.facebook.com/DHCNSG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin chung về Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh:

Năm 2022, trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục tuyển sinh tại Cơ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, Phân hiệu tại Gia Lai và Ninh Thuận.

2. Các thông tin của năm tuyển sinh 2022

- Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông có đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.
- Phương thức tuyển sinh:** Dự kiến xét tuyển theo bốn phương thức như sau:
 - Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:** Được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc Trung học phổ thông (xét học bạ):** Dự kiến xét tuyển khoảng 30 - 40% tổng chỉ tiêu.
 - Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022:** Dự kiến xét tuyển khoảng 50 - 60% tổng chỉ tiêu. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022.
 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022:** Dự kiến xét tuyển khoảng 10 - 15% tổng chỉ tiêu. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được công bố sau khi có kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2022.
- Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022:** Dự kiến trong năm 2022, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục tuyển sinh các ngành như năm 2021. Chỉ tiêu cụ thể từng ngành và từng cơ sở sẽ được công bố trong Đề án tuyển sinh trình độ Đại học, trình độ Cao đẳng ngành giáo dục mầm non năm 2022 của Trường.

TT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
Tuyển sinh tại cơ sở chính ở TP. Hồ Chí Minh – Mã trường NLS			
1	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
2	Ngôn ngữ Anh	7220201	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 2: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
3	Kinh tế	7310101	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
4	Quản trị kinh doanh	7340101	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
5	Bất động sản	7340116	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Vật lý, Địa lý
			Tổ hợp 4: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

6	Kế toán	7340301	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
7	Công nghệ sinh học	7420201	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
8	Khoa học môi trường	7440301	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh
9	Hệ thống thông tin	7480104	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
10	Công nghệ thông tin	7480201	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
11	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
12	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
14	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
15	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh
16	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh
17	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh
18	Kỹ thuật môi trường	7520302	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh
19	Công nghệ thực phẩm	7540101	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
20	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
21	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
22	Chăn nuôi	7620105	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
23	Nông học	7620109	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Sinh, Tiếng Anh
24	Bảo vệ thực vật	7620112	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa

			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Sinh, Tiếng Anh
25	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
26	Phát triển nông thôn	7620116	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
27	Lâm học	7620201	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
28	Lâm nghiệp đô thị	7620202	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
29	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
30	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
31	Thú y	7640101	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
32	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh
33	Quản lý đất đai	7850103	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Vật lý, Địa lý
			Tổ hợp 4: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
34	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Sinh, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
35	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Sinh, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh
Chương trình tiên tiến			
37	Công nghệ thực phẩm	7540101T (CTTT)	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
38	Thú y	7640101T (CTTT)	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
Chương trình chất lượng cao			
39	Quản trị kinh doanh	7340101C (CLC)	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
40	Công nghệ sinh học	7420201C (CLC)	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Sinh, Tiếng Anh
41	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201C (CLC)	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh

42	Kỹ thuật môi trường	7520320C (CLC)	Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
43	Công nghệ thực phẩm	7540101C (CLC)	Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
			Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM PHÂN HIỆU GIA LAI - Mã trường NLG			
ĐC: Đ.Trần Nhật Duật, Thôn 1, Xã Diên Phú, TP.Gia Lai			
Website: www.phgl.hcmuaf.edu.vn – email: plgl@hcmuaf.edu.vn – ĐT: 0269.3877.665			
1	Quản trị kinh doanh	7340101G	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
2	Kế toán	7340301G	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
3	Công nghệ thông tin	7480201G	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
4	Công nghệ thực phẩm	7540101G	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
5	Nông học	7620109G	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Sinh, Tiếng Anh
6	Lâm học	7620201G	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
7	Thú y	7640101G	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
8	Quản lý đất đai	7850103G	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Vật lý, Địa lý
			Tổ hợp 4: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM tại Ninh Thuận – Mã trường NLN			
Địa chỉ: TT. Khánh Hải, H. Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận			
Website: www.phnt.hcmuaf.edu.vn; email: phnt@hcmuaf.edu.vn – ĐT: 0259.2472.252			
1	Giáo dục mầm non (Hệ cao đẳng tại Phân hiệu Ninh Thuận)	51140201	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu mầm non (*)
2	Quản trị kinh doanh	7340101N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
3	Kế toán	7340301N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
4	Nông học	7620109N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Sinh, Tiếng Anh
5	Nuôi trồng thủy sản	7620301N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh
6	Thú y	7640101N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
			Tổ hợp 4: Toán, Sinh, Tiếng Anh

7	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh
8	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Hóa, Sinh
			Tổ hợp 3: Toán, Sinh, Tiếng Anh
9	Quản lý đất đai	7850103N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Vật lý, Địa lý
10	Ngôn ngữ Anh	7220201N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
11	Công nghệ thông tin	7480201N	Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa
			Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh
			Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh

Thông tin liên hệ:

- * **Cơ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh**
Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38 966 780 – 028.38 963 350 – 028. 38 974 716
Website: www.hcmuaf.edu.vn – www.ts.hcmuaf.edu.vn - Email: pdaotao@hcmuaf.edu.vn
- * **Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại Gia Lai**
ĐC: Đường Trần Nhật Duật, Thôn 1, Xã Diên Phú, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
ĐT: 0269.3877 665 - Website: www.phgl.hcmuaf.edu.vn - Email: phgl@hcmuaf.edu.vn
- * **Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại Ninh Thuận**
Địa chỉ: Thị trấn Khánh Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận.
Điện thoại: 0259.2472 252 - Website: www.phnt.hcmuaf.edu.vn - Email: phnt@hcmuaf.edu.vn

Trích Nguồn: <https://ts.hcmuaf.edu.vn/> - <https://hcmuaf.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã trường: UMT

Phạm vi tuyển sinh: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ (UMT) tổ chức tuyển sinh trong phạm vi cả nước, không giới hạn độ tuổi và năm tốt nghiệp của thí sinh tham gia xét tuyển vào Trường.

Đối tượng tuyển sinh:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);
- Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp (người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1. Phương thức xét tuyển linh hoạt

Năm 2022, Trường Đại học Quản lý và Công nghệ TP.HCM (UMT) dự kiến tuyển sinh khóa đầu tiên 600 sinh viên cho 6 ngành đào tạo, với đồng thời 5 phương thức xét tuyển linh hoạt tất cả các ngành bậc đại học hệ chính quy như sau:

- Phương thức 1: Xét tuyển trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) 2022.
- Phương thức 2: Xét tuyển căn cứ vào Kết quả học tập THPT (học bạ).
 - + Xét tuyển dựa trên kết quả học tập 5 học kỳ (cả năm lớp 10, lớp 11, và học kỳ 1 lớp 12).
 - + Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập 3 năm THPT (cả năm lớp 10, lớp 11, và lớp 12)
 - + Xét tuyển dựa trên Kết quả học tập lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển.
- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định của Trường UMT.
 - + Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng một trong các điều kiện theo yêu cầu đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành và của Trường đều có thể nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Một trong các điều kiện chi tiết như sau:
 - Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS từ 5,0 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 61 điểm trở lên hoặc TOEIC từ 600 điểm trở lên.
 - Có chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến lĩnh vực, ngành đăng ký xét tuyển của các đơn vị như Bộ Khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, ARENA, APTECH.
 - Đạt giải Khuyến khích trở lên trong các cuộc thi Học sinh giỏi cấp tỉnh/TP, Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh/TP, Olympic truyền thống 30-4.
 - Có chứng nhận Vận động viên (VĐV) cấp I quốc gia hoặc đẳng cấp dự bị kiện tướng quốc gia, quốc tế; hoặc đạt huy chương tại Đại hội TDTT toàn quốc, Hội khỏe Phù đồng khu vực/toàn quốc, các giải thể thao học sinh toàn quốc, các giải trẻ quốc gia

và quốc tế; Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia được Tổng cục TDTT xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ các giải thi đấu trong và ngoài nước.

- Có bằng Cao đẳng (hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT) của cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.
- Học lực 3 năm THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12) được xếp loại Giỏi.
- Phương thức 4: Xét tuyển căn cứ vào Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM 2022.
- Phương thức 5: Xét tuyển thẳng, theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT.

2. Các ngành tuyển sinh năm 2022

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển (dành cho PT1 và PT2c)
1	Công nghệ Thông tin	7480201	• A00: Toán, Vật lý, Hóa học • A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh • D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp • D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học
2	Quản trị kinh doanh	7340101	• A00: Toán, Vật lý, Hóa học • A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh • D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp • C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
3	Marketing	7340115	
4	Bất động sản	7340116	
5	Kinh doanh quốc tế	7340120	
6	Quản lý thể dục thể thao	7810301	• A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh • D01/D03: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh/Tiếng Pháp • T00: Toán, Sinh học, Năng khiếu (*) • T01: Toán, Ngữ Văn, Năng khiếu (*) (*) Môn năng khiếu hệ số 2

3. Thời gian tuyển sinh

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển sẽ được công bố trong thông báo tuyển sinh của Trường. Tùy tình hình tuyển sinh các đợt, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định các ngành, chỉ tiêu cho các đợt tiếp theo nếu còn chỉ tiêu. Trường dự kiến thời gian cho các đợt nhận hồ sơ như sau:
- + Đối với phương thức 1, 5: Theo thời gian quy định chung của Bộ GD&ĐT.
- + Đối với phương thức 2, 3, 4:

Đợt 1: 01/3/2022 - 29/4/2022.	Đợt 4: 01/7/2022 - 16/7/2022	Đợt 7: 15/8/2022 - 27/8/2022	Đợt 10: 26/9/2022 - 8/10/2022
Đợt 2: 02/5/2022 - 31/5/2022	Đợt 5: 18/7/2022 - 30/7/2022	Đợt 8: 29/8/2022 - 10/9/2022	
Đợt 3: 01/6/2022 - 30/6/2022	Đợt 6: 01/8/2022 - 13/8/2022	Đợt 9: 12/9/2022 - 24/9/2022	

Đối với môn Năng khiếu, ngành Quản lý thể dục thể thao, Trường tổ chức thi theo lịch sau:

Đợt 1: Nhận hồ sơ đăng ký dự thi từ ngày 1/3/2022 đến 30/6/2022, lịch thi dự kiến ngày 6 - 8/7/2022.

Đợt 2: Nhận hồ sơ đăng ký dự thi từ ngày 1/7/2022 đến 12/8/2022, lịch thi dự kiến ngày 18 - 19/8/2022.

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Quản Lý Và Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Trụ sở chính: Đường 60 CL, Khu đô thị Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP.HCM

Cơ sở 2: 11 đường 35CL, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP.HCM

Cơ sở 3: 311-319 Gia Phú, Phường 1, Quận 6, TP.HCM

Cơ sở 4: 259 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: +84 28 3535 9119 – Mail: tuyensinh@umt.edu.vn

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.umd.edu.vn/vi/tuyen-sinh/sinh-vien/de-an-tuyen-sinh-nam-2022>

HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Mã trường: HHK

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)

Khu vực tuyển sinh: Cả nước

1. Ngành đào tạo, mã ngành và chỉ tiêu dự kiến Đại học chính quy 2022

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Điểm trúng tuyển					
				2019	2020		2021		
				THPT	THPT	ĐGNL	HB	ĐGNL	THPT
1	Quản trị kinh doanh 1. QTKD Vận tải hàng không 2. QTKD Cảng hàng không 3. QTKD Tổng hợp 4. QT Logistics	7340101	440	20,6	23,1	635	26,0	800	23,4
2	Ngôn ngữ Anh	7220201	100	Không có			26,0	800	24,6
3	Công nghệ thông tin	7480201	100	Không có			24,0	700	21,6
4	CNKT Điện tử, viễn thông	7510302	120	18,0	18,8	650	21,0	700	18,0

5	CNKT Điều khiển & TĐH	7510303	100	Không có			21,0	700	18,0
6	Kỹ thuật hàng không	7520120	50	22,35	24,2	Không xét			25,0
7	Quản lý hoạt động bay	7840102	50	24,2	26,2	Không xét			26,3
8	Quản trị nhân lực*	7340404	100	Dự kiến mở					
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*	7810103	100	Dự kiến mở					
10	Kinh tế vận tải*	7840104	100	Dự kiến mở					
11	CNKT công trình xây dựng*	7510102	100	Dự kiến mở					

Những ngành có dấu * dự kiến mở năm 2022

Tổ hợp xét tuyển dự kiến và chỉ tiêu theo phương thức

TT	Ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo phương thức				Mã THXT phương thức THPT	Mã THXT phương thức HB
			UTXT 25%	HB 25%	ĐGNL 10%	THPT 40%		
1	Quản trị kinh doanh	440	110	110	20	180	A01, D01,	A00, D01, D07, D14, D15
2	Kinh tế vận tải*	100	25	25	10	40		
3	Quản trị nhân lực*	100	25	25	10	40		
4	Quản trị DVDL và lữ hành*	100	25	25	10	40		
6	Ngôn ngữ Anh	100	25	25	10	40		
5	Quản lý hoạt động bay	50	KHÔNG XÉT					KHÔNG XÉT
7	CNKT Điện tử, viễn thông	120	30	30	12	48	A00, A01, D07, D90	A00, A01, D07
8	CNKT Điều khiển & TĐH	100	25	25	10	40		
9	Công nghệ thông tin	100	25	25	10	40		
10	CNKT công trình xây dựng*	100	25	25	10	40		
11	Kỹ thuật hàng không	50	KHÔNG XÉT					KHÔNG XÉT

Những ngành có dấu * là ngành dự kiến mở năm nay

* Lưu ý: Chỉ tiêu xét tuyển theo từng phương thức có thể thay đổi theo tình hình thực tế và được Hội đồng tuyển sinh quyết định

2. Phương thức tuyển sinh (dự kiến): phân chia ra làm 05 phương thức xét tuyển chính

- Phương thức 1: xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (TT)
- Phương thức 2: ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Học viện Hàng không Việt Nam (UTXT)
- Phương thức 3: xét tuyển theo kết quả học tập Trung học phổ thông (HB)
- Phương thức 4: xét tuyển theo kết quả kì thi Đánh giá năng lực Đại học quốc gia (ĐGNL)
- Phương thức 5: xét tuyển theo kết quả kì thi Trung học phổ thông Quốc gia (THPT)

Phương thức 1, 5: đăng ký nguyện vọng tại trường cấp 3, không nộp bất kì giấy tờ gì về Học viện cho đến khi trúng tuyển.	Phương thức 2, 3, 4: đăng ký tại hệ thống đăng ký xét tuyển của Học viện, bao gồm 02 bước là đăng ký online và nộp hồ sơ giấy. Dự kiến tháng 4 có thông báo và hướng dẫn cụ thể.	Hồ sơ cần chuẩn bị để xét tuyển: Học bạ THPT (bản sao/photo công chứng) hoặc bảng điểm có mộc đỏ của trường THPT; bảng điểm đánh giá năng lực (nếu xét phương thức 4), giấy khen, quyết định khen thưởng photo công chứng (nếu xét phương thức 2), các giấy tờ chứng minh được cộng điểm ưu tiên (dân tộc thiểu số, con thương binh liệt sĩ, nếu có),...
--	--	--

- a) Quy tắc xét tuyển:
- Thí sinh được quyền đăng ký nhiều phương thức một lúc, mỗi phương thức được quyền đăng ký nhiều nguyện vọng.
 - Trường xét trúng tuyển theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp và xét bình đẳng giữa các nguyện vọng đăng ký trong cùng ngành. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.
 - Điểm trúng tuyển vào ngành là điểm chuẩn chung cho tất cả các tổ hợp xét tuyển của ngành.
- b) Phương thức 2: ưu tiên xét tuyển theo Đề án tuyển sinh: lấy 25% tổng chỉ tiêu
- Đối tượng áp dụng: học sinh tốt nghiệp THPT trong các năm từ 2017 đến 2022; không áp dụng cho hệ GDTX; áp dụng tất cả các ngành trừ KTHK và QLHDB.
 - Thí sinh UTXT nếu đạt điều kiện yêu cầu và đầy đủ hồ sơ hợp lệ thì sẽ được xét tuyển thẳng:
 - + Trường hợp 1: Thí sinh có hạnh kiểm tốt, học lực từ khá trở lên cả năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 (nếu tốt nghiệp năm 2022) hoặc cả ba năm THPT (nếu tốt nghiệp từ năm 2021 trở về trước) và đạt một trong các giải thưởng/danh hiệu sau:
 - Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia;
 - Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trung ương;
 Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng trong Cuộc thi Olympic truyền thống 30 tháng 04;
 - Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các cuộc thi học thuật, khoa học kỹ thuật từ cấp Tỉnh/Thành phố trung ương trở lên sẽ được ưu tiên xét tuyển vào các ngành Kỹ thuật của trường.

Trong trường hợp số lượng hồ sơ vượt quá chỉ tiêu cho phép thì sẽ lọc theo thứ hạng, thành tích cuộc thi. Những trường hợp đặc biệt khác HĐTS sẽ xem xét và quyết định.

- + Trường hợp 2: Thí sinh có hạnh kiểm tốt, học lực giỏi cả năm lớp 10, lớp 11 và Học kỳ I lớp 12 (nếu tốt nghiệp năm 2022) hoặc đạt danh hiệu học sinh giỏi cả ba năm THPT (nếu tốt nghiệp từ năm 2021 trở về trước) được ưu tiên xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành có xét học bạ.
- + Trường hợp 03: Thí sinh có hạnh kiểm tốt, học lực từ khá trở lên cả năm lớp 10, lớp 11 và Học kỳ I lớp 12 (nếu tốt nghiệp năm 2022) hoặc đạt danh hiệu từ học sinh tiên tiến trở lên cả ba năm THPT (nếu tốt nghiệp từ năm 2021 trở về trước) và có IELTS từ 6,0 trở lên (hoặc tương đương) thì được ưu tiên xét tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Anh. Chứng chỉ phải còn hiệu lực tại thời điểm xét tuyển.

Trong trường hợp số lượng hồ sơ vượt quá chỉ tiêu cho phép thì sẽ lấy điểm trung bình tất cả các môn năm lớp 12 hoặc điểm chứng chỉ Tiếng Anh từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu có từ hai người trở lên bằng điểm nhau ở chỉ tiêu cuối thì Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định.

* Lưu ý: Nhà trường sẽ xét tuyển trường hợp 01 trước rồi mới xét đến trường hợp 02 và trường hợp 03.

c) Phương thức 3: xét tuyển kết quả học tập THPT (Học Bạ):

- Đối tượng áp dụng: tất cả học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Áp dụng cho tất cả các ngành trừ KTHK và QLHDB.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: từng môn trong tổ hợp xét tuyển của thí sinh từ 6,0 trở lên.
- Công thức tính: ĐIỂM MÔN A + ĐIỂM MÔN B + ĐIỂM MÔN C + ĐIỂM ƯU TIÊN

+ Trong đó:

- A, B, C: là 03 môn trong tổ hợp xét tuyển, không sử dụng các tổ hợp D78, D90, D96
- Cách tính điểm xét tuyển của một môn:
 - o Nếu thí sinh tốt nghiệp năm 2022: Điểm xét tuyển một môn = (điểm cả năm lớp 10 + điểm cả năm lớp 11 + điểm học kỳ 1 lớp 12)/3
 - o Nếu thí sinh đã tốt nghiệp năm 2021 trở về trước: Điểm xét tuyển một môn = (điểm cả năm lớp 10 + điểm cả năm lớp 11 + điểm cả năm lớp 12)/3
- Điểm ưu tiên: chỉ cộng điểm đối tượng ưu tiên, không cộng điểm khu vực.

d) Phương thức 4: xét tuyển bằng điểm Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia (ĐGNL): lấy 10% tổng chỉ tiêu

- Đối tượng áp dụng: tất cả học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, không thuộc trường hợp được UTXT. Áp dụng cho tất cả các ngành trừ KTHK và QLHDB.
- Thí sinh sau khi có kết quả thi thì nộp hồ sơ xét tuyển tại Học viện, không cần đăng ký nguyện vọng tại ĐHQG.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: thí sinh có kết quả kì thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia năm 2022 từ 600 trở lên.
- Công thức tính: Điểm xét tuyển = điểm kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG + điểm ưu tiên

+ Trong đó:

- Điểm kỳ thi Đánh giá năng lực ĐHQG: điểm của thí sinh dự thi năm 2022, không sử dụng kết quả các năm trước.
- Điểm ưu tiên = điểm khu vực + điểm đối tượng ưu tiên.
- Cách tính khu vực và đối tượng ưu tiên dựa theo Quy chế tuyển sinh hiện hành

e) Phương thức 5: xét tuyển bằng kết quả kì thi THPTQG (THPT): lấy 40% tổng chỉ tiêu

- Điều kiện xét tuyển: thí sinh có kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2022 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường và không có bài thi/môn thi nào trong tổ hợp xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.
- Điểm xét tuyển = tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển + điểm ưu tiên

+ Trong đó:

- Tổng điểm theo tổ hợp xét tuyển: là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển. Điểm bài thi KHXH, KHTN là điểm trung bình cộng của các môn thi thành phần.
- Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
- Điểm ưu tiên: là điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định hiện hành.

* Lưu ý: Trường không sử dụng kết quả miễn thi môn tiếng Anh trong kỳ thi THPT Quốc gia và điểm thi bảo lưu để xét tuyển.

Thông tin liên hệ: Học Viện Hàng Không Việt Nam

TRỤ SỞ CHÍNH: 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM, Việt Nam.

CƠ SỞ 2: 18A/1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM, Việt Nam.

CƠ SỞ 3: 243 Nguyễn Tất Thành, TP. Cam Ranh (Sân bay Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa).

Điện thoại: 0911 959 505 - (028) 38422199 - Email: info@vaa.edu.vn – website: vaa.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Mã trường: SGD

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

1. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Xét tuyển từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2022 chiếm tỉ lệ tối đa 15% chỉ tiêu ngành (tuyển sinh các ngành đào tạo giáo viên và Thanh nhạc không áp dụng phương thức này).
- Phương thức 2: Xét tuyển từ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM năm 2022 chiếm tỉ lệ tối thiểu 85% chỉ tiêu theo ngành:
 - + Xét tuyển từ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 đối với các ngành không có môn năng khiếu trong Tổ hợp xét tuyển (không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT và xét công nhận tốt nghiệp THPT để xét tuyển).
 - + Xét tuyển sử dụng một phần kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 kết hợp với kết quả kỳ thi tuyển sinh các môn năng khiếu đối với các ngành Thanh nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Sư phạm Âm nhạc, Giáo dục Mầm non do trường tổ chức. Riêng ngành Sư phạm Mỹ thuật, ngoài việc sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh các môn năng khiếu trên đây, trường còn sử dụng kết quả thi môn Hình họa (hoặc Hình họa mỹ thuật) và môn Trang trí (hoặc Trang trí màu, Bức cục trang trí màu, Bức cục, Bức cục màu, Bức cục tranh màu, Vẽ màu) từ kỳ thi môn năng khiếu của trường Đại học Mỹ thuật TP.HCM, Đại học Mỹ thuật Việt Nam, Đại học Kiến trúc Hà Nội, Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.
- Các thông tin khác:

+ Điểm trúng tuyển theo ngành

+ Các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên không tuyển sinh thí sinh dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

2. Chi tiêu tuyển sinh.

Nhóm ngành ngoài sư phạm

Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chi tiêu
Quản lý giáo dục	7140114	D01; C04	45
Thanh nhạc	7210205	N02 (Văn, Kiến thức âm nhạc, Thanh nhạc)	10
Ngôn ngữ Anh (CN Thương mại và Du lịch)	7220201	D01	320
Tâm lý học	7310401	D01	100
Quốc tế học	7310601	D01	140
Việt Nam học (CN Văn hóa - Du lịch)	7310630	C00	170
Thông tin - thư viện	7320201	C04, D01	60
Quản trị kinh doanh	7340101	A01; D01	440
Kinh doanh quốc tế	7340120	A01; D01	90
Tài chính - Ngân hàng	7340201	C01; D01	460
Kế toán	7340301	C01; D01	440
Quản trị văn phòng	7340406	C04; D01	90
Luật	7380101	C03; D01	200
Khoa học môi trường	7440301	A00; B00	60
Toán ứng dụng	7460112	A00; A01	80
Kỹ thuật phần mềm	7480103	A00, A01	90
Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01	520
Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	7480201CLC	A00, A01	180
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00; A01	50
Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	A00; A01	50
Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	A00; B00	40
Kỹ thuật điện	7520201	A00; A01	40
Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	A00; A01	40
Du lịch	7810101	D01; C00	100

Nhóm ngành sư phạm

Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chi tiêu
Giáo dục Mầm non	7140201	M01 (Văn, Kể chuyện - Đọc diễn cảm, Hát - Nhạc) M02 (Toán, Kể chuyện - Đọc diễn cảm, Hát - Nhạc)	180
Giáo dục Tiểu học	7140202	D01	180
Giáo dục Chính trị	7140205	C00, C19	30
Sư phạm Toán học	7140209	A00; A01	60
Sư phạm Vật lý	7140211	A00	30
Sư phạm Hoá học	7140212	A00	30
Sư phạm Sinh học	7140213	B00	30
Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00	45
Sư phạm Lịch sử	7140218	C00	30
Sư phạm Địa lý	7140219	C00, C04	30
Sư phạm Âm nhạc	7140221	N01 (Văn, Hát - Xướng âm, Thẩm âm - Tiết tấu)	30
Sư phạm Mỹ thuật	7140222	H00	30
Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01	150
Sư phạm Khoa học tự nhiên (đào tạo giáo viên THCS)	7140247	A00, B00	30
Sư phạm Lịch sử - Địa lý (đào tạo giáo viên THCS)	7140249	C00	30

3. Học phí

- Các ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên thực hiện chính sách hỗ trợ tiền học phí, chi phí sinh hoạt theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng chính phủ (Ngành Quản lý giáo dục không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên)
- Học phí dự kiến của ngành Công nghệ thông tin chương trình đào tạo chất lượng cao: 32.670.000 đồng/năm học.
- Học phí các ngành khác theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tin liên hệ: Trường Đại Học Sài Gòn.

Cơ sở chính: 273 An Dương Vương, Quận 5 - Cơ sở 1: 105 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3

Cơ sở 2: 04 Tôn Đức Thắng, Quận 1 - Cơ sở 3: 20 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3

Trường THPT Sài Gòn: 220 Trần Bình Trọng, Quận 5

Điện thoại: (84-8) 38.354409 - 38.352309 - Fax: (84-8) 38.305568

Email: vanphong@sgu.edu.vn - tuyensinh@sgu.edu.vn

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.sgu.edu.vn/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-nam-2022-du-kien.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT.

1. Phương thức xét tuyển:

- TẠI CƠ SỞ TP. HỒ CHÍ MINH

Sử dụng 04 phương thức xét tuyển:

- + Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển thẳng đối với học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, học sinh đạt giải kỳ thi Olympic (môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển); Học sinh trường chuyên, lớp chuyên; Học sinh có Chứng chỉ IELTS từ 5.0 trở lên hoặc các Chứng chỉ quốc tế khác tương đương trong thời gian còn hiệu lực tính đến ngày 29/08/2022.
- + Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12 (các môn có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển tương ứng), ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng 21.00 điểm. Riêng ngành Dược học, ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng 24.00 điểm
- + Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- + Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức năm 2022.

- TẠI PHÂN HIỆU QUẢNG NGÃI

- + Sử dụng 04 phương thức xét tuyển như Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên phương thức sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12, ngưỡng nhận hồ sơ là tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển tối thiểu bằng 19.00 điểm.

2. Thủ tục xét tuyển:

- Phương thức 1: Diện xét tuyển thẳng hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ gồm có:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu trên website của Trường)
- + 01 Bản photocopy Học bạ THPT (có công chứng)
- + Giấy tờ minh chứng cho diện xét tuyển thẳng (bản photocopy có công chứng)
- + 01 Bản photocopy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;
- + 01 Bản sao Giấy khai sinh;
- + Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/nguyên vọng;

- Phương thức 2: Sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12. Hồ sơ gồm có:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển: việc điền thông tin vào phiếu đăng ký xét tuyển có thể được thực hiện một trong hai cách sau:
- + Khai báo trên trang tuyển sinh theo địa chỉ: www.tuyensinh.iuh.edu.vn, sau đó thực hiện theo hướng dẫn để in phiếu đăng ký xét tuyển;
- + Tải phiếu đăng ký xét tuyển, in phiếu và điền thông tin theo hướng dẫn;
- + 01 Bản photocopy Học bạ THPT (có công chứng);
- + 01 Bản photocopy Bằng tốt nghiệp THPT (có công chứng) đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2022; thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 sẽ bổ sung Giấy chứng nhận Tốt nghiệp tạm thời khi làm thủ tục nhập học;
- + 01 Bản photocopy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân
- + 01 Bản sao Giấy khai sinh;
- + Các giấy tờ minh chứng (bản photocopy có công chứng) thí sinh được hưởng cộng điểm ưu tiên diện chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có);
- + Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/nguyên vọng;

- Phương thức 3: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022: Hồ sơ, lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với mã tuyển sinh của Trường là IUH.

- Phương thức 4: Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM năm 2022

Hồ sơ gồm có:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu quy định của Nhà trường; Tải phiếu đăng ký xét tuyển,
- + 01 Bản photocopy Học bạ THPT (có công chứng);
- + 01 Bản photocopy Bằng tốt nghiệp THPT (có công chứng) đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2022; thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 sẽ bổ sung Giấy chứng nhận Tốt nghiệp tạm thời khi làm thủ tục nhập học;
- + 01 Phiếu điểm thi đánh giá năng lực năm 2022 (có công chứng)
- + 01 Bản photocopy Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;
- + 01 Bản sao Giấy khai sinh;
- + Các giấy tờ minh chứng (bản photocopy có công chứng) thí sinh được hưởng cộng điểm ưu tiên diện chính sách, điểm ưu tiên khu vực (nếu có);
- + Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/nguyên vọng;

3. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ xét tuyển:

- Đối với phương thức xét tuyển thẳng: Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với diện Ưu tiên xét tuyển thẳng: Thời gian dự kiến nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ 15/04/2022 đến hết 16g00 ngày 15/07/2022.

- Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT năm lớp 12: Thời gian dự kiến nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ 15/04/2022 đến hết 16g00 ngày 15/07/2022.

- Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022: Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2022 do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức: Theo tiến độ chung của các kỳ thi; thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ 15/04/2022 đến hết ngày 30/07/2022.

- Thí sinh xét tuyển học tại Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh:

- + Nộp trực tiếp tại Trường theo địa chỉ: Bộ phận tuyển sinh - Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

- + Nộp qua đường bưu điện (mốc thời gian gửi hồ sơ sẽ tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ trên. Để an toàn và thuận lợi cho việc chuyển lệ phí xét tuyển, các thí sinh gửi hồ sơ xét tuyển tại các bưu cục của Vietnam Post (Bưu chính Việt Nam), đơn vị đã ký kết hợp tác với Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác hỗ trợ các thí sinh đăng ký xét tuyển đại học năm 2022.
- **Thí sinh xét tuyển học tại Phân hiệu Quảng Ngãi – Tỉnh Quảng Ngãi:**
 - + Nộp trực tiếp tại Phân hiệu theo địa chỉ: Phòng Giáo vụ và Công tác sinh viên, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh – Phân hiệu tại Quảng Ngãi, số 938 đường Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
 - + Nộp qua đường bưu điện (mốc thời gian gửi hồ sơ sẽ tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ trên. Hồ sơ nộp giống như tại Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nhóm ngành/Ngành xét tuyển

- Nhóm ngành/Ngành tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp xét tuyển
		Đại trà	Hệ CLC	
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Năng lượng tái tạo	7510301	7510301C	A00, A01, C01, D90
2	Nhóm ngành tự động hóa gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Robot và hệ thống điều khiển thông minh.	7510303	7510303C	A00, A01, C01, D90
3	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông gồm 02 chuyên ngành: Điện tử công nghiệp; Kỹ thuật viễn thông.	7510302	7510302C	A00, A01, C01, D90
4	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	7480108C	A00, A01, C01, D90
5	IOT và Trí tuệ nhân tạo ứng dụng	7510304		A00, A01, C01, D90
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	7510201C	A00, A01, C01, D90
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	7510203C	A00, A01, C01, D90
8	Công nghệ chế tạo máy	7510202	7510202C	A00, A01, C01, D90
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	7510205C	A00, A01, C01, D90
10	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	7510206C	A00, A01, C01, D90
11	Kỹ thuật xây dựng	7580201		A00, A01, C01, D90
12	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205		A00, A01, C01, D90
13	Công nghệ dệt, may	7540204		A00, C01, D01, D90
14	Thiết kế thời trang	7210404		A00, C01, D01, D90
15	Nhóm ngành Công nghệ thông tin gồm 05 ngành và 01 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Khoa học dữ liệu và chuyên ngành Quản lý đô thị thông minh và bền vững	7480201		A00, A01, D01, D90
16	Nhóm ngành Công nghệ thông tin Chất lượng cao gồm 04 ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin;		7480201C	A00, A01, D01, D90
17	Nhóm ngành Công nghệ hóa học gồm 02 ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa phân tích.	7510401	7510401C	A00, B00, D07, C02
18	Dược học	7720201		A00, B00, D07, C08
19	Công nghệ thực phẩm	7540101	7540101C	A00, B00, D07, D90
20	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	7720497		A00, B00, D07, D90
21	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106		A00, B00, D07, D90
22	Nhóm ngành Công nghệ sinh học gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ sinh học y dược; Công nghệ sinh học nông nghiệp; Công nghệ sinh học lâm nghiệp.	7420201	7420201C	A00, B00, D07, D90
23	Nhóm ngành Quản lý đất đai và Kinh tế tài nguyên gồm 02 ngành: Quản lý đất đai; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850103		A01, C01, D01, D96
24	Nhóm ngành Quản lý tài nguyên môi trường gồm 02 ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường.	7850101		B00, C02, D90, D96
25	Kế toán gồm 02 chuyên ngành: Kế toán; Thuế và kế toán	7340301	7340301C	A00, A01, D01, D90
26	Kiểm toán	7340302	7340302C	A00, A01, D01, D90
27	Phân tích Tài chính - Kinh doanh	7340303		A00, A01, D01, D90
28	Tài chính ngân hàng gồm 02 chuyên ngành: Tài chính ngân hàng; Tài chính doanh nghiệp	7340201	7340201C	A00, A01, D01, D90
29	Quản trị kinh doanh gồm 03 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị nguồn nhân lực; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.	7340101	7340101C	A01, C01, D01, D96
30	Marketing	7340115	7340115C	A01, C01, D01, D96
31	Nhóm ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành gồm 03 ngành: - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810103		A01, C01, D01, D96
32	Kinh doanh quốc tế	7340120	7340120C	A01, C01, D01, D96

33	Thương mại điện tử	7340122		A01, C01, D01, D90
34	Ngôn ngữ anh	7220201		D01, D14, D15, D96
35	Luật kinh tế	7380107	7380107C	A00, C00, D01, D96
36	Luật quốc tế	7380108	7380108C	A00, C00, D01, D96
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ 2 + 2 VỚI ĐẠI HỌC ANGELO STATE UNIVERSITY (ASU) của HOA KỲ				
37	Quản trị kinh doanh		7340101K	A01, C01, D01, D96
38	Marketing		7340115K	A01, C01, D01, D96
39	Kế toán		7340301K	A00, A01, D01, D90
40	Tài chính ngân hàng		7340201K	A00, A01, D01, D90
41	Quản lý tài nguyên và môi trường		7850101K	B00, C02, D90, D96
42	Ngôn ngữ anh		7220201K	D01, D14, D15, D96
43	Khoa học máy tính		7480101K	A00, A01, D01, D90
44	Kinh doanh quốc tế		7340120K	A01, C01, D01, D96
CHƯƠNG TRÌNH QUỐC TẾ CHẤT LƯỢNG CAO				
45	Kế toán chất lượng cao tích hợp chứng chỉ quốc tế Advanced Diploma in Accounting & Business của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA)		7340301Q	A00, A01, D01, D90
46	Kiểm toán chất lượng cao tích hợp chứng chỉ quốc tế CFAB của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW)		7340302Q	A00, A01, D01, D90

Ghi chú: CLC là ký hiệu chất lượng cao
- **Ngành xét tuyển Tại Phân Hiệu Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi**

Stt	Tên ngành	Mã Ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	A00, A01, C01, D90
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00, A01, C01, D90
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	A00, A01, C01, D90
4	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D90
5	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D90
6	Quản trị kinh doanh	7340101	A01, C01, D01, D96

- **Các tổ hợp 3 môn xét tuyển:**

+ Khối A00: Toán, Vật lý, Hóa học + Khối A01: Toán, Tiếng Anh, Vật Lý + Khối B00: Toán, Hóa học, Sinh học + Khối D01: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh + Khối D07: Toán, Tiếng Anh, Hóa học + Khối C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	+ Khối C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý + Khối C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học + Khối C08: Ngữ văn, Hóa học, Sinh học + Khối D14: Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử + Khối D15: Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lý + Khối D90: Toán, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên + Khối D96: Toán, Tiếng Anh, Khoa học xã hội
---	--

Thông tin liên hệ
Cơ sở thành phố Hồ Chí Minh: Số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: (028) 3895 5858; (028) 3985 1932; (028) 3985 1917; Email: tuyensinh@iuh.edu.vn; Website: www.tuyensinh.iuh.edu.vn
Phân hiệu Quảng Ngãi: Số 938 Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, điện thoại: (0255) 625 0075; (0255) 222 2135;

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Mã trường: NHS
1. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: 3285 (Tổng chỉ tiêu dự kiến, chưa bao gồm chỉ tiêu ĐHCQ Quốc tế do đối tác cấp bằng)
2. Các ngành, chương trình đào tạo và phân bổ chỉ tiêu theo phương thức tuyển sinh:

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
Chương trình đại học chính quy chất lượng cao: - Tài chính - ngân hàng - Kế toán - Quản trị kinh doanh	7340001	A01; A01; D01; D07	1400
Chương trình đại học chính quy quốc tế song bằng: - Quản trị kinh doanh (ĐH Bolton - Anh Quốc và ĐH Ngân hàng TP HCM mỗi bên cấp một bằng cử nhân) - Bảo hiểm - Tài chính - Ngân hàng (ĐH Toulon - Anh Quốc và ĐH Ngân hàng TP HCM mỗi bên cấp một bằng cử nhân)	7340002	A01; A01; D01; D07	120
Chương trình đại học chính quy chuẩn			
Tài chính - ngân hàng + Chuyên ngành Tài chính + Chuyên ngành Ngân hàng + Chuyên ngành Công nghệ tài chính	7340201	A00; A01; D01; D07	505

Quản trị kinh doanh + Chuyên ngành Quản trị kinh doanh + Chuyên ngành Digital Marketing + Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	7340101	A00; A01; D01; D07	190
Kế toán (Chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán)	7340301	A00; A01; D01; D07	150
Kinh tế quốc tế	7310106	A00; A01; D01; D07	270
Luật kinh tế	7380107	A00; A01; C00; D01	180
Hệ thống thông tin quản lý + Chuyên ngành Hệ thống thông tin doanh nghiệp và chuyển đổi số + Chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử + Chuyên ngành Khoa học dữ liệu trong kinh doanh	7340405	A00; A01; D01; D07	230
Ngôn ngữ Anh (Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại)	7220201	A01; D01; D14; D15	240
Chương trình liên kết đào tạo quốc tế do đại học đối tác cấp bằng			
Quản trị kinh doanh (Do Đại học Bolton Anh Quốc cấp bằng) Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản lý chuỗi cung ứng (Do Đại học Bolton Anh Quốc cấp bằng)		Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn	280
Bảo hiểm - Tài chính - Ngân hàng (Do Đại học Toulon - Pháp cấp bằng)			

Ghi chú

A00: Toán, Vật lý, Hoá học	D07: Toán, Hoá học, Tiếng Anh
A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh	D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	

3. Các phương thức xét tuyển

3.1. Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Điều kiện kết tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại khoản 2, 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 và Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển tại Đề án tuyển sinh đại học năm 2022 của Trường.

3.2. Phương thức 2: Phương thức xét tuyển tổng hợp (Học bạ và thành tích học tập THPT)

- Phương thức xét tuyển tổng hợp của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM (Phương thức 2) là phương thức xét tuyển kết quả học tập và thành tích bậc THPT của thí sinh. Được quy định cụ thể như sau:

a) Điều kiện đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT vào các năm 2022, 2021, 2020 và thỏa các điều kiện sau:

- + Học sinh có điểm trung bình học tập học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên;
- + Điểm quy đổi xét tuyển theo trung bình tổ hợp môn đăng ký HK1-Lớp 11, HK2-lớp 11 và HK1-lớp 12 đạt từ 72 trở lên (Không bao gồm bao gồm điểm ưu tiên đối tượng và khu vực, điểm quy đổi theo tiêu chí khác).

b) Cách thức tính điểm xét tuyển:

- Điểm xét tuyển = Điểm quy đổi theo tổ hợp môn + Điểm quy đổi theo tiêu chí khác (nếu có) + tổng điểm ưu tiên quy đổi (nếu có).
- Điểm quy đổi theo tổ hợp môn = Điểm quy đổi (Điểm TB theo tổ hợp HK1 lớp 11) + Điểm quy đổi (Điểm TB theo tổ hợp HK2 lớp 11) + Điểm quy đổi (Điểm TB theo tổ hợp HK1 lớp 12 + điểm ưu tiên (nếu có)).

3.3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Điều kiện đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh có điểm trung bình học tập HK1, HK2 năm lớp 11 và HK1 năm lớp 12 đạt từ 6.5 trở lên;
- Tham gia kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức đợt 1 năm 2022, có tổng điểm từ 700 trở lên (Dự kiến). Trường sẽ thông báo điều chỉnh ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (nếu có) khi có phổ điểm kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức đợt 1, năm 2022.

3.4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT

Đối tượng:

- Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- Tổng điểm xét tuyển dự kiến áp dụng đối với tất cả các ngành/nhóm ngành/Chương trình đào tạo phải đạt từ 18 điểm trở lên bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (Nếu có). Trường sẽ thông báo thay đổi ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển (nếu có) sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo lịch chung của Bộ GD&ĐT

3.5. Phương thức 5: Phương thức xét tuyển học bạ THPT và phỏng vấn (Áp dụng cho chương trình ĐHCQ quốc tế do đối tác cấp bằng)

Đối tượng: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

4. Các chương trình đào tạo

- 4.1. Chương trình đại học chính quy chất lượng cao:** Chương trình đào tạo chất lượng cao là chương trình ĐHCQ với các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn Chương trình ĐHCQ chuẩn. Giúp sinh viên chuẩn bị các kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Chương trình ĐHCQ chất lượng cao có các ưu điểm nổi bật bao gồm:
- Chương trình đào tạo tiên tiến, tiếp cận chương trình của các trường đại học quốc tế; nhiều học phần chuyên ngành được giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh. Nhiều học phần định hướng ứng dụng công nghệ số: Ngành TCNH định hướng Fintech, Ngành QTKD định hướng E – Business, Ngành Kế toán định hướng Digital – Accounting.

- Sinh viên có cơ hội chuyển tiếp học tập theo mô hình 1+3, 2+2, 3+1; tham gia các chương trình giao lưu văn hóa, trao đổi sinh viên tại các trường đại học nước ngoài uy tín là của đối tác của trường.
- Chương trình được giảng dạy bởi đội ngũ giảng viên xuất sắc, được tuyển chọn của HUB, giảng viên thỉnh giảng nước ngoài và chuyên gia từ các tổ chức tài chính, doanh nghiệp.
- Chương trình đào tạo tiếng Anh theo chuẩn IELTS với 300 tiết miễn phí, giúp sinh viên đủ khả năng học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh và đạt tối thiểu IELTS 5.5 khi ra trường
- Sĩ số lớp giới hạn khoảng 40 người, phương pháp giảng dạy hiện đại mang tính tương tác cao; hoạt động nghiên cứu khoa học được chú trọng.
- Chương trình đào tạo kỹ năng mềm miễn phí; Chương trình tham quan, thực hành, kiến tập và thực tập tại các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính

Xem thông tin chi tiết về chương trình chất lượng cao tại: www.clc.buh.edu.vn

4.2. Chương trình đào tạo đại học chính quy quốc tế cấp song bằng:

- Chương trình đào tạo gồm 02 ngành:

+ Ngành Quản trị kinh doanh (Bao gồm các Chương trình: Quản trị kinh doanh, Quản trị chuỗi cung ứng, Marketing)

Sinh viên tốt nghiệp được nhận (i) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và (ii) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh của Đại học Bolton (Anh quốc).

+ Ngành Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng được nhận (i) bằng Cử nhân Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và (ii) bằng Cử nhân Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng của ĐH Toulon (Pháp).

- Thông tin chi tiết xem tại: <http://saigonisb.buh.edu.vn/cunhan/>

4.3. Chương trình đại học chính quy chuẩn:

- Chương trình đại học chính quy chuẩn được xét tuyển riêng theo từng ngành, một số ngành học sau 01 học kỳ sinh viên sẽ đăng ký lựa chọn chuyên ngành theo ngành học đã trúng tuyển, căn cứ vào nguyện vọng, chỉ tiêu, kết quả học tập.
- Các ngành và chuyên ngành chương trình đại học chính quy chuẩn (Xem chi tiết tại website: <http://tuyensinh.buh.edu.vn/>).

4.4. Chương trình đại học chính quy quốc tế do đối tác cấp bằng:

Chương trình đào tạo gồm 2 ngành: (Căn cứ theo Quyết định cho phép đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Số 2528/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020 và Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020)

- Quản trị kinh doanh bao gồm các chương trình Quản trị kinh doanh, Quản lý chuỗi cung ứng, Marketing: Sinh viên tốt nghiệp được nhận bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh của Đại học Bolton (Anh quốc).
- Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng: Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng được nhận bằng Cử nhân Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm của ĐH Toulon (Pháp).

5. Thời gian xét tuyển:

- Phương thức 1: Thực hiện theo kế hoạch và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức 2: Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển tại link: xettuyen.buh.edu.vn, (Link đăng ký mở từ 01/3/2022), sau khi đăng ký xét tuyển thí sinh in phiếu đăng ký và nộp hồ sơ về Trường.
- + Đợt 1: Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển từ ngày 01/3/2022 đến ngày 15/4/2022.
- + Đợt 2: Theo thông báo của Trường (nếu có).
- Phương thức 3: Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển tại link: xettuyen.buh.edu.vn, sau khi đăng ký xét tuyển thí sinh in phiếu đăng ký từ trang đăng ký và nộp hồ sơ về Trường.
- + Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển dự kiến từ ngày 05/4/2022 đến 17h00 ngày 6/5/2022.
- Phương thức 4: Thực hiện theo kế hoạch và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phương thức 5:
- + Đợt 1: 1/3 đến 31/5 - Đợt 2: 1/6 đến 30/6 - Đợt 3: 1/7 đến 10/7 - Đợt 4: 11/7 đến 20/7 -Đợt 5: 21/7 đến 31/7 -Đợt 6: 1/8 đến 10/8 -Đợt 7: 16/8 đến 31/8 - Đợt 8: 01/9 đến 15/9

Thông tin liên hệ:

Chương trình đại học chính quy (Bao gồm ĐHCQ chuẩn, ĐHCQ chất lượng cao, ĐHCQ Quốc tế song bằng)

Phòng Tư vấn Tuyển sinh & Phát triển Thương hiệu

Địa chỉ:

- Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Nhà Hiệu bộ - 56 Hoàng Diệu 2 – Phường Linh Chiểu – TP. Thủ Đức – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 38211704 - 028. 38212430 - (028) 38.971.638028 – (028)38971652

Hotline chương trình ĐHCQ chuẩn: 0888 35 34 88

Hotline chương trình ĐHCQ chất lượng cao: 0909 69 12 69

Hotline chương trình ĐHCQ Quốc tế song bằng: 0865 118 128

Website: <http://tuyensinh.buh.edu.vn/> - <http://clc.buh.edu.vn> (Chương trình chất lượng cao)

<http://saigonisb.buh.edu.vn/cunhan> (Chương trình quốc tế song bằng)

Email: tuvan TUYENSINH@buh.edu.vn - Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinhdaihocnganhang/> - Youtube: HUB Channel

Chương trình ĐHCQ Quốc tế do đối tác cấp bằng - Viện Đào tạo Quốc tế

Địa chỉ: 39 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028. 38214660 (Ext 102,107) - Hotline: 0865 118 128

Website: <http://saigonisb.buh.edu.vn/cunhan>

Email: saigonisb.ba@buh.edu.vn - Facebook: [saigonisb.buh](https://www.facebook.com/saigonisb.buh)

Trích Nguồn: <https://buh.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

Mã Trường: FPT

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh đã tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương tính đến thời điểm nhập học

Chỉ tiêu tuyển sinh: 16.880

1. Ngành học – mã ngành

Khối ngành	Ngành	Mã ngành	Chuyên Ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu
III	Quản trị kinh doanh	7340101	Digital Marketing; Kinh doanh quốc tế; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành; Quản trị truyền thông đa phương tiện; Tài chính.	D01 A00 A01 C00	6050
V	Công nghệ thông tin	7480201	Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Trí tuệ nhân tạo; An toàn thông tin; Thiết kế Mỹ thuật số.	D01 A00 A01 D90	9630
VII	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	1200
	Ngôn ngữ Nhật	7220209	Ngôn ngữ Nhật	A00	
	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	A01	
				C00	

2. Phương thức tuyển sinh

TT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện trúng tuyển
1	Xét tuyển thẳng	Thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng trong Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ đại học chính quy của Bộ GD&ĐT năm 2022.
2	Theo điểm thi THPT	Đạt xếp hạng Top40 theo điểm thi THPT năm 2022 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn theo số liệu Đại học FPT tổng hợp và công bố sau kỳ thi THPT 2022) và Điểm theo khối đăng ký đạt từ trung bình trở lên (15*/30 điểm).
3	Theo học bạ THPT	Đạt xếp hạng Top40 theo học bạ THPT năm 2022 (chứng nhận thực hiện trên trang http://SchoolRank.fpt.edu.vn).
4	Phương thức khác	4.1. Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 80 hoặc IELTS (Học thuật) từ 6.0 hoặc quy đổi tương đương (áp dụng đối với ngành Ngôn ngữ Anh); có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT từ N3 trở lên (áp dụng đối với ngành Ngôn ngữ Nhật); có chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK cấp độ 4 trong kỳ thi TOPIK II (áp dụng đối với ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc)
		4.2. Tốt nghiệp một trong các chương trình sau: Chương trình APTECH HDSE/ADSE (đối với ngành Công nghệ thông tin); Chương trình ARENA ADIM (đối với chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật số); Chương trình BTEC HND; FUNiX Software Engineering;
		4.3. Tốt nghiệp THPT ở nước ngoài
		4.4. Tốt nghiệp Đại học
		4.5. Sinh viên chuyển trường từ các trường đại học thuộc Top 1000 trong 3 bảng xếp hạng gần nhất: QS, ARWU và THE hoặc các trường đạt chứng nhận QS Star 5 sao về chất lượng đào tạo
		4.6. Đạt 90/150 điểm trở lên trong kỳ thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 và 750/1200 điểm trở lên trong kỳ thi Đánh giá năng lực Đại học Quốc gia TP HCM năm 2022

- Trình độ tiếng Anh theo yêu cầu. Thí sinh cần đạt một trong các chứng chỉ tiếng Anh ở các mức điểm chi tiết như sau:

Điểm chứng chỉ							
VSTEP	TOEFL PBT	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS Academic	TOEIC	PTE Academic	Cambridge English exam (KET, PET, FCE, CAE, CPE)
Từ Bậc 4/6	575+	B2+ ~ 542+	60+	6.0+	800+	46+	B2 ~ FCE, C1 ~ CAE, C2 ~ CPE

- Lưu ý: Thí sinh chưa đạt trình độ tiếng Anh theo yêu cầu được đăng ký học chương trình tiếng Anh dự bị của trường cho tới khi đủ điều kiện vào học chương trình đào tạo hệ đại học chính quy; Chứng chỉ để tính quy đổi phải hợp lệ và còn thời hạn sử dụng.

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học FPT**

Địa điểm văn phòng tư vấn tuyển sinh và thông tin liên hệ hướng dẫn cách thức đăng ký và nộp phí

Văn phòng tuyển sinh	Địa chỉ	Điện thoại
Hà Nội	Khu Giáo dục và Đào tạo – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 Đại lộ Thăng Long, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	(024)73001866 (024)73005588
TP. Hồ Chí Minh	Lô E2a-7, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TP.HCM	(028)73001866 (028)73005588
TP. Đà Nẵng	Khu Đô thị Công nghệ FPT, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	(0236)7301866 (0236)7300999
TP. Cần Thơ	Số 600 đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, Khu vực 6, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	(0292)7301866 (0292)7303636
TP. Quy Nhơn	Khu đô thị mới An Phú Thịnh, Phường Nhơn Bình & Phường Đồng Đa, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	(0256)7300999 (0256)7301866

Trích Nguồn: <https://daihoc.fpt.edu.vn/tuyen-sinh/quy-che-tuyen-sinh-2022/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP.HCM

Mã trường: DKC

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

Phương thức xét tuyển tại HUTECH năm 2022 gồm:

1. Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022: Đối với phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022 (chiếm 75% tổng chỉ tiêu xét tuyển), HUTECH thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT về thời gian xét tuyển, lệ phí xét tuyển, cách thức đăng ký. Thí sinh cần tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022 và có điểm thi đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do HUTECH quy định.

2. Xét tuyển kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) 2022 của ĐH Quốc gia TP.HCM: Đối với phương thức xét tuyển kết quả kỳ thi ĐGNL 2022 của ĐH Quốc gia TP.HCM (chiếm 5% tổng chỉ tiêu xét tuyển), thí sinh cần tham dự kỳ thi và có điểm thi đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do HUTECH quy định. Thời gian xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức sẽ được thông báo tại website www.hutech.edu.vn. Thí sinh theo dõi thông tin và đăng ký xét tuyển bằng Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của HUTECH.

3. Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 môn năm lớp 12

4. Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ (lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)

Đối với các phương thức xét tuyển học bạ (phương thức 3 và 4, chiếm 20% tổng chỉ tiêu xét tuyển), thí sinh cần có điểm xét tuyển đạt từ ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do HUTECH quy định. Cụ thể, với phương thức xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn, thí sinh cần có tổng điểm trung bình năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên; với phương thức xét tuyển học bạ 03 học kỳ, thí sinh cần có tổng điểm trung bình 03 học kỳ xét tuyển (gồm 2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 18 điểm trở lên. Riêng với nhóm ngành Khoa học sức khỏe, điều kiện xét tuyển học bạ áp dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

5. Thời gian xét tuyển

- Đợt 1: 15/2 - 31/3/2022	- Đợt 3: 16/5 - 30/6/2022	- Đợt 5: 16/7 - 31/7/2022	- Đợt 7: 16/8 - 31/8/2022
- Đợt 2: 01/4 - 15/5/2022	- Đợt 4: 01/7 - 15/7/2022	- Đợt 6: 01/8 - 15/8/2022	- Đợt 8: 01/9 - 15/9/2022

6. Danh mục các ngành, chuyên ngành xét tuyển và các tổ hợp xét tuyển tương ứng cho từng ngành đào tạo tại HUTECH năm 2022 cụ thể như sau:

STT	Ngành, chuyên ngành	Mã ngành	Thời gian học (năm)	Tổ hợp xét tuyển
1	Công nghệ thông tin: - Mạng máy tính và truyền thông - Công nghệ phần mềm - Hệ thống thông tin	7480201	4	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý) D01 (Toán, Văn, Anh)
2	An toàn thông tin	7480202	4	
3	Khoa học dữ liệu (Data Science)	7480109	4	
4	Hệ thống thông tin quản lý: - Hệ thống thông tin kinh doanh - Phân tích dữ liệu - Hệ thương mại điện tử - Hệ thống Blockchain/Crypto	7340405	3.5	
5	Robot và trí tuệ nhân tạo	7510209	4	
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô: - Ô tô điện - Động cơ ô tô - Khung gầm ô tô	7510205	4	
7	Kỹ thuật cơ khí: - Công nghệ chế tạo máy - Kỹ thuật khuôn mẫu	7520103	4	
8	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	4	
9	Kỹ thuật điện: - Năng lượng tái tạo và quản lý năng lượng - Điện công nghiệp - Hệ thống điện thông minh	7520201	4	
10	Kỹ thuật điện tử - viễn thông: - Công nghệ IoT và mạng truyền thông - Công nghệ mạch tích hợp - Điện tử công nghiệp	7520207	4	
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	4	
12	Kỹ thuật y sinh: - Điện tử y sinh - Quản trị trang thiết bị y tế	7520212	4	

13	Kỹ thuật xây dựng: - <i>Xây dựng dân dụng và công nghiệp</i> - <i>Xây dựng công trình giao thông</i> - <i>Chuyển đổi số trong xây dựng</i>	7580201	4	
14	Quản lý xây dựng: - <i>Quản lý dự án</i> - <i>Kinh tế xây dựng</i>	7580302	4	
15	Công nghệ dệt, may: - <i>Công nghệ dệt, may</i> - <i>Quản lý đơn hàng</i>	7540204	4	
16	Tài chính - Ngân hàng: - <i>Tài chính doanh nghiệp</i> - <i>Tài chính ngân hàng</i> - <i>Đầu tư tài chính</i> - <i>Thẩm định giá</i> - <i>Công nghệ tài chính</i>	7340201	3.5	
17	Tài chính quốc tế: - <i>Công nghệ tài chính quốc tế</i> - <i>Quản trị tài chính quốc tế</i> - <i>Đầu tư tài chính quốc tế</i>	7340206	3.5	
18	Kế toán: - <i>Kế toán Kiểm toán</i> - <i>Kế toán ngân hàng</i> - <i>Kế toán - Tài chính</i> - <i>Kế toán quốc tế</i> - <i>Kế toán công</i> - <i>Kế toán số</i>	7340301	3.5	
19	Quản trị kinh doanh: - <i>Quản trị doanh nghiệp</i> - <i>Quản trị ngoại thương</i> - <i>Quản trị văn phòng</i> - <i>Quản trị logistics</i> - <i>Quản trị hàng không</i>	7340101	3.5	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh)
20	Digital Marketing (Marketing số)	7340114	3.5	
21	Marketing: - <i>Marketing tổng hợp</i> - <i>Marketing truyền thông</i> - <i>Quản trị Marketing</i>	7340115	3.5	
22	Kinh doanh thương mại: - <i>Thương mại quốc tế</i> - <i>Quản lý chuỗi cung ứng</i> - <i>Điều phối dự án</i>	7340121	3.5	
23	Kinh doanh quốc tế: - <i>Thương mại quốc tế</i> - <i>Kinh doanh số</i>	7340120	3.5	
24	Kinh tế quốc tế: - <i>Đầu tư quốc tế</i> - <i>Kinh tế đối ngoại</i>	7310106	3.5	
25	Thương mại điện tử: - <i>Marketing trực tuyến</i> - <i>Kinh doanh trực tuyến</i> - <i>Giải pháp thương mại điện tử</i>	7340122	3.5	
26	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	3.5	
27	Tâm lý học: - <i>Tham vấn tâm lý</i> - <i>Trị liệu tâm lý</i> - <i>Tổ chức nhân sự</i>	7310401	3.5	
28	Quan hệ công chúng: - <i>Tổ chức sự kiện</i> - <i>Quản lý truyền thông</i> - <i>Truyền thông báo chí</i>	7320108	3.5	
29	Quan hệ quốc tế	7310206	3.5	

30	Quản trị nhân lực	7340404	3.5	
31	Quản trị khách sạn	7810201	3.5	
32	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	3.5	
33	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	3.5	
34	Quản trị sự kiện	7340412	3.5	
35	Luật kinh tế: - Luật Tài chính - ngân hàng - Luật Thương mại - Luật Kinh doanh	7380107	3.5	
36	Luật: - Luật Dân sự - Luật Hình sự - Luật Hành chính	7380101	3.5	A00 (Toán, Lý, Hóa) D01 (Toán, Văn, Anh) V00 (Toán, Lý, Vẽ) H01 (Toán, Văn, Vẽ)
37	Kiến trúc: - Kiến trúc công trình - Kiến trúc xanh	7580101	4.5	
38	Thiết kế nội thất: - Thiết kế không gian nội thất - Thiết kế sản phẩm nội thất	7580108	3.5	
39	Thiết kế thời trang: - Thiết kế thời trang và thương hiệu - Kinh doanh thời trang (Fashion Marketing) - Thiết kế phong cách thời trang (Stylist)	7210404	3.5	
40	Thiết kế đồ họa: - Thiết kế đồ họa truyền thông - Thiết kế đồ họa kỹ thuật số	7210403	3.5	
41	Nghệ thuật số (Digital Art)	7210408	3.5	
42	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	7210302	3.5	
43	Thanh nhạc	7210205	3.5	N00 (Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2)
44	Truyền thông đa phương tiện: - Sản xuất truyền hình - Sản xuất phim và quảng cáo - Tổ chức sự kiện	7320104	3.5	A01 (Toán, Lý, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D01 (Toán, Văn, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
45	Đồng phương học: - Nhật Bản học - Hàn Quốc học	7310608	3.5	
46	Ngôn ngữ Hàn Quốc: - Biên - phiên dịch tiếng Hàn - Giáo dục tiếng Hàn	7220210	3.5	
47	Ngôn ngữ Trung Quốc: - Tiếng Trung thương mại - Biên - phiên dịch tiếng Trung - Trung Quốc học	7220204	3.5	
48	Ngôn ngữ Anh: - Tiếng Anh thương mại - Tiếng Anh biên - phiên dịch - Tiếng Anh du lịch và khách sạn - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	7220201	3.5	A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)
49	Ngôn ngữ Nhật: - Tiếng Nhật biên - phiên dịch - Giảng dạy tiếng Nhật - Tiếng Nhật thương mại	7220209	3.5	
50	Dược học: - Sản xuất và phát triển thuốc - Dược lâm sàng, Quản lý và cung ứng thuốc	7720201	5	A00 (Toán, Lý, Hóa) B00 (Toán, Hóa, Sinh) C08 (Văn, Hóa, Sinh) D07 (Toán, Hóa, Anh)
51	Điều dưỡng	7720301	4	
52	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	4	
53	Thú y	7640101	4.5	

54	Chăn nuôi	7620105	4	
55	Công nghệ thực phẩm: - <i>Quản lý sản xuất và cung ứng thực phẩm</i> - <i>Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm</i>	7540101	4	
56	Dinh dưỡng và khoa học thực phẩm	7720497	4	
57	Kỹ thuật môi trường: - <i>Công nghệ kiểm soát môi trường bền vững</i> - <i>Thẩm định và quản lý dự án môi trường</i>	7520320	4	
58	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	3.5	
59	Công nghệ sinh học: - <i>CNSH y dược</i> - <i>CNSH bảo quản và chế biến thực phẩm</i> - <i>CNSH mỹ phẩm</i> - <i>CNSH phát triển nông nghiệp hữu cơ</i>	7420201	4	

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh**

Trụ sở: 475A Điện Biên Phủ, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Cơ sở 475B: 475B Điện Biên Phủ, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Cơ sở 276: 276-282 Điện Biên Phủ, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Cơ sở Ung Văn Khiêm: 31/36 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 5445 7777 - Fax: (028) 5445 4444 - Email: hutech@hutech.edu.vn – Website: <https://www.hutech.edu.vn/>

Trích Nguồn: <https://www.hutech.edu.vn/tuyensinh/dai-hoc/de-an-tuyen-sinh>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã Trường: UEF

Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

1. Phương thức xét tuyển theo kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông 2022

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Nhà trường công bố khi có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- + Tổ hợp môn xét tuyển áp dụng cho từng ngành được liệt kê trong bảng sau:

Khi thí sinh đảm bảo các điều kiện để được xét tuyển thì: Điểm xét tuyển là Tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp môn xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non hiện hành) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh - Quản trị kinh doanh tổng hợp - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị Khởi nghiệp - Quản trị hàng không	7340101	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa)
2	Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh quốc tế - Ngoại thương	7340120	
3	Kinh doanh thương mại - Kinh doanh thương mại - Kinh doanh bán lẻ	7340121	
4	Marketing - Quản trị Marketing - Quản trị thương hiệu	7340115	
5	Quảng cáo - Quảng cáo số - Quản trị Quảng cáo	7320110	
6	Luật kinh tế - Luật thương mại - Luật kinh doanh - Luật tài chính ngân hàng	7380107	
7	Luật quốc tế	7380108	

	- Luật kinh doanh quốc tế - Luật thương mại quốc tế		
8	Luật - Luật dân sự - Luật hành chính - Luật hình sự	7380101	
9	Quản trị nhân lực - Đào tạo và phát triển - Tuyển dụng	7340404	
10	Quản trị văn phòng (*)	7340406	
11	Quản trị khách sạn	7810201	
12	Kinh tế quốc tế (*)	7310106	
13	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	
14	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Quản trị nhà hàng - Bar - Quản trị ẩm thực	7810202	
15	Bất động sản	7340116	
16	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
17	Quan hệ công chúng - Truyền thông báo chí - Tổ chức sự kiện	7320108	
18	Quản trị sự kiện (*) - Sự kiện giải trí - Sự kiện doanh nghiệp	7340412	
19	Công nghệ truyền thông - Sản xuất sản phẩm truyền thông - Kinh doanh sản phẩm truyền thông	7320106	
20	Truyền thông đa phương tiện (*)	7320104	
21	Thiết kế đồ họa - Thiết kế marketing – quảng cáo - Thiết kế nhận diện thương hiệu - Thiết kế giao diện tương tác - Thiết kế đồ họa chuyển động	7210403	
22	Thương mại điện tử - Kinh doanh trực tuyến - Marketing trực tuyến - Giải pháp thương mại điện tử	7340122	
23	Tài chính - ngân hàng - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Bảo hiểm	7340201	
24	Tài chính quốc tế	7340206	
25	Công nghệ tài chính (*)	7340208	
26	Kiểm toán (*)	7340302	
27	Kế toán - Kiểm toán - Kế toán doanh nghiệp	7340301	
28	Công nghệ thông tin - An toàn thông tin - Mạng máy tính - Công nghệ phần mềm - Hệ thống thông tin - Trí tuệ nhân tạo	7480201	
29	Khoa học dữ liệu - Phân tích dữ liệu trong kinh tế - kinh doanh - Phân tích dữ liệu trong tài chính - Phân tích dữ liệu trong marketing - Phân tích dữ liệu lớn	7480109	
30	Ngôn ngữ Anh - Kinh tế - Quản trị - Thương mại - Tiếng Anh truyền thông - Ngôn ngữ - Văn hóa - Biên dịch - Giảng dạy tiếng Anh	7220201	A00 (Toán, Lý, Hóa) A01 (Toán, Lý, Anh) D01 (Toán, Văn, Anh) C01 (Toán, Văn, Lý)

31	Quan hệ quốc tế - Nghiệp vụ đối ngoại - Nghiệp vụ Báo chí quốc tế - Chính trị quốc tế - Phát triển bền vững	7310206	
32	Ngôn ngữ Nhật (**) - Biên phiên dịch tiếng Nhật - Văn hóa du lịch Nhật Bản - Kinh tế - Thương mại - Giảng dạy tiếng Nhật	7220209	
33	Ngôn ngữ Hàn Quốc - Biên phiên dịch tiếng Hàn - Văn hóa du lịch Hàn Quốc - Kinh tế - Thương mại - Giảng dạy tiếng Hàn	7220210	
34	Ngôn ngữ Trung Quốc - Biên phiên dịch Tiếng Trung - Văn hóa du lịch Trung Quốc - Kinh tế - Thương mại	7220204	
35	Tâm lý học - Tham vấn tâm lý - Tâm lý học nhân sự và truyền thông	7310401	D01 (Toán, Văn, Anh) C00 (Văn, Sử, Địa) D14 (Văn, Sử, Anh) D15 (Văn, Địa, Anh)

(*) Các ngành dự kiến mở trong năm 2022

(**) Với ngành Ngôn ngữ Nhật, thí sinh có thể sử dụng tiếng Nhật thay cho tiếng Anh để xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12.

2. Phương thức xét tuyển theo Kết quả đánh giá năng lực 2022 của Đại học Quốc gia TP.HCM:

- Lịch tuyển sinh: Theo quy định của trường (căn cứ vào đợt tuyển sinh do ĐHQG-HCM tổ chức)
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Nhà trường công bố khi có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM năm 2022, đạt mức điểm UEF quy định.

Điểm xét tuyển là Tổng điểm bài thi đánh giá năng lực năm 2022 của Đại học Quốc gia TP.HCM (theo thang điểm 1.200) và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

Thí sinh có thể xem các thông tin liên quan đến kỳ thi đánh giá năng lực, điểm xét tuyển, kết quả xét tuyển, tại địa chỉ

website: www.uef.edu.vn/thi-nang-luc

3. Phương thức xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp 3 môn:

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm trung bình năm lớp 12 các môn dùng trong tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên.
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Khi thí sinh đảm bảo các điều kiện để được xét tuyển thì: Điểm xét tuyển là Tổng điểm trung bình năm lớp 12 các môn trong tổ hợp môn xét tuyển (theo thang điểm 10) và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực của Quy chế tuyển sinh hiện hành và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.
- Lịch tuyển sinh:

Đợt 1: 15/2 đến 31/3 Đợt 2: 1/4 đến 30/4	Đợt 3: 1/5 đến 15/6 Đợt 4: 16/6 đến 30/6	Đợt 5: 1/7 đến 15/7 Đợt 6: 16/7 đến 31/7	Đợt 7: 1/8 đến 15/8 Đợt 8: 16/8 đến 31/8
---	---	---	---

4. Phương thức xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 3 học kỳ:

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm trung bình 03 học kỳ (HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12) đạt từ 18.0 điểm trở lên.
- Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:
 - + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
 - + Khi thí sinh đảm bảo các điều kiện để được xét tuyển thì: Điểm xét tuyển là Tổng điểm trung bình 03 học kỳ (theo thang điểm 10) và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực của Quy chế tuyển sinh hiện hành. Điểm xét tuyển = (Điểm TB HK1 lớp 11 + Điểm TB HK2 lớp 11 + Điểm TB HK1 lớp 12) + Điểm ưu tiên.
- Lịch tuyển sinh:

Đợt 1: 15/2 đến 31/3 Đợt 2: 1/4 đến 30/4	Đợt 3: 1/5 đến 15/6 Đợt 4: 16/6 đến 30/6	Đợt 5: 1/7 đến 15/7 Đợt 6: 16/7 đến 31/7	Đợt 7: 1/8 đến 15/8 Đợt 8: 16/8 đến 31/8
---	---	---	---

Thông tin liên hệ: **Trường Đại học Kinh Tế - Tài Chính Thành Phố Hồ Chí Minh (UEF)**

Địa chỉ: 141 - 145 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 5422 5555 - Hotline: 094 998 1717; 091 648 1080

Website: www.uef.edu.vn - Email: tuyensinh@uef.edu.vn

Trích Nguồn: <https://www.uef.edu.vn/>



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

ISO 9001:2015

Đạo đức • Tri thức • Kỹ năng



0962 108 879

tuyensinh.tdc.edu.vn

Trường CÔNG LẬP trực thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh

TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHÍNH QUY 2022

Đăng ký tuyển sinh từ: 01/03/2022

Khai giảng (dự kiến): 19/09/2022

HÌNH THỨC ĐĂNG KÝ:

» Bước 1: Đăng ký tuyển sinh trực tuyến tại



<http://tuyensinh.tdc.edu.vn>



» Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký nhập học



Trực tiếp tại TDC



HỒ SƠ NHẬP HỌC

- 1 BẢN SẴO ... Bảng tốt nghiệp/
GCN tốt nghiệp tạm thời năm 2022
- 1 BẢN SẴO ... Học bạ
- 1 BẢN SẴO ... CMND/CCCD
- 1 GIẤY ... Khám sức khỏe
- 2 TẤM ... Hình 3x4
- 1 GIẤY ... Báo nhập học

CAO ĐẲNG 2,5 năm [5 học kỳ]

Điều kiện: Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)

☒ Truyền thông và mạng máy tính	☒ Công nghệ kỹ thuật ô tô
☒ Công nghệ thông tin [PSC]	☒ Tiếng Anh
☒ Thiết kế đồ họa	☒ Tiếng Nhật
☒ Công nghệ kỹ thuật cơ khí	☒ Tiếng Hàn Quốc
☒ Chế tạo thiết bị cơ khí	☒ Kế toán [KSH]
☒ Điện công nghiệp	☒ Tài chính – Ngân hàng
☒ Điện tử công nghiệp	☒ Logistics
☒ Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	☒ Kinh doanh thương mại
☒ Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	☒ Quản lý siêu thị
☒ Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí [PSC]	☒ Quản trị kinh doanh
☒ Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp [PSC]	☒ Quản trị nhà hàng
☒ Tự động hóa công nghiệp [PSC]	☒ Quản trị khách sạn
☒ Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	☒ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
☒ Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
[PSC] Ngành mới	[PSC] Ngành học có 2 chương trình
[KSH] Ngành có đào tạo cao đẳng liên thông từ trung cấp	- Chương trình thông thường
	- Chương trình gắn kết với doanh nghiệp và trường cao đẳng Nhật Bản

TRUNG CẤP 2 năm [4 học kỳ]

Điều kiện: Tốt nghiệp THCS trở lên

☒ Bảo trì và sửa chữa ô tô [PSC]	☒ Kế toán doanh nghiệp [PSC]
☒ Điện công nghiệp và dân dụng [PSC]	☒ Quản lý và bán hàng siêu thị
☒ Công nghệ kỹ thuật cơ khí	☒ Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống

Chỉ đào tạo buổi tối

[PSC] Đào tạo theo Dự án Học giống hệt vọng của Viện Hợp tác và Phát triển châu Âu (IECD)

* Hoàn trả 100% học phí GDNN cho thí sinh tốt nghiệp THCS

* Tổ chức giảng dạy các học phần văn hóa cho học sinh trung cấp tốt nghiệp THCS có nhu cầu học liên thông lên trình độ cao đẳng

Công nghệ thông tin (TDC – Freesia – TMCIT)



Chỉ tiêu: 30



Thời gian học: 3 năm [6 học kỳ]

[Đào tạo theo mô hình gắn kết với doanh nghiệp và trường cao đẳng Nhật Bản]

Điều kiện xét tuyển: »

Vàng 1: Xét điểm môn Toán trong kỳ thi THPT

» Vàng 2: Phòng văn



Thí sinh không trúng tuyển chương trình này vẫn được theo học chương trình thông thường



53 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

028 6676 9623 - 028 3897 0023 - 028 3897 2339

0962 108 879

tuyensinh@tdc.edu.vn

tuyensinh.tdc.edu.vn

TIẾP SỨC MƠ ƯỚC
VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Mã trường: TTU

Phạm vi tuyển sinh: TTU tuyển sinh trong cả nước và quốc tế

1. Đối tượng tuyển sinh: Trường Đại học Tân Tạo (TTU) tuyển sinh các đối tượng sau đây theo từng phương thức:

- Đối tượng 1 (ĐT1): Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD & ĐT)
- Đối tượng 2 (ĐT2): Thí sinh đã tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc tương đương (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên)
- Đối tượng 3 (ĐT3): Thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của TTU, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD & ĐT.
- Đối tượng 4 (ĐT4): Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức đợt năm 2022, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD & ĐT
- Đối tượng 5 (ĐT5): Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài
- Đối tượng 6 (ĐT6): Thí sinh tốt nghiệp chương trình Đại học Việt Nam hoặc chương trình Đại học nước ngoài (Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào nhóm ngành Sức khỏe, thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD & ĐT)

2. Phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Tân Tạo (Mã trường TTU) có 6 phương thức tuyển sinh cho các tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học chính quy năm 2022, gồm:

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD & ĐT.
- Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT:
 - + Hình thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022
 - + Hình thức 2: Xét tuyển kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
- Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2022 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
- Phương thức 4: Xét tuyển bằng điểm học bạ THPT:
 - + Hình thức 1: Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 05 học kỳ (HK1, HK2 Lớp 10, HK1, HK2 Lớp 11 và HK1 Lớp 12) (ngoại trừ ngành Y Khoa, Điều dưỡng và Kỹ thuật Xét nghiệm Y học);
 - + Hình thức 2: Xét tuyển học bạ lớp 12 theo các tổ hợp 3 môn theo quy định tổ hợp môn của TTU (Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào nhóm ngành Sức khỏe, thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD & ĐT);
 - + Hình thức 3: Xét tuyển học bạ trung bình 3 năm THPT Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12 (Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào nhóm ngành Sức khỏe, thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD & ĐT).
- Phương thức 5: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế (Trừ ngành Y Khoa, Điều dưỡng, Kỹ thuật Xét nghiệm Y học)
- Phương thức 6: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình Đại học Việt Nam hoặc chương trình Đại học nước ngoài (Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào nhóm ngành Sức khỏe, thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD & ĐT)

3. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy 2022 (TTU chỉ tuyển sinh đại học chính quy):

Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

STT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1	Tổ hợp môn xét tuyển 2	Tổ hợp môn xét tuyển 3	Tổ hợp môn xét tuyển 4
			Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác				
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	20	20	A01	D01	D07	D08
2	7340101	Quản trị kinh doanh	20	20	A00	A01	D01	D07
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	20	20	A00	A01	D01	D07
4	7340201	Tài chính – Ngân hàng	10	10	A00	A01	D01	D07
5	7340301	Kế toán	10	10	A00	A01	D01	D07
6	7420201	Công nghệ sinh học	20	20	A02	B00	B03	B08
7	7480101	Khoa học máy tính	20	20	A00	A01	D01	D07
8	7720101	Y khoa	100	100	A00	B00	B08	D07
9	7720301	Điều dưỡng	15	15	A00	B00	B08	D07
10	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	15	15	A00	B00	B08	D07

Thông tin liên hệ: Trường Đại học Tân Tạo

Địa chỉ: Đại lộ Đại học Tân Tạo, E.City Tân Đức, Đức Hoà, Long An

Điện thoại: (+84) 272 376 9216, (0272) 376 9208

Email: tuyensinh@ttu.edu.vn – Web: <https://ttu.edu.vn/>

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/ttts/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN

Mã trường: DLA

Tổng chỉ tiêu của 5 phương thức là 1.490 chỉ tiêu.

- **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT. (Tỷ trọng 20,2% tổng chỉ tiêu, với 303 chỉ tiêu)
- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét tuyển theo học bạ THPT, tỷ trọng 53,33% tổng chỉ tiêu, với 800 chỉ tiêu).
- **Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM (Tỷ trọng 2,2% tổng chỉ tiêu, với 33 chỉ tiêu)
- **Phương thức 4:** Xét tuyển thẳng (chiếm tỷ trọng 2,93% tổng chỉ tiêu, với 44 chỉ tiêu)
- **Phương thức 5:** Xét tuyển theo đặt hàng (chiếm tỷ trọng chỉ tiêu, chiếm 21,33% chỉ tiêu, với 320 chỉ tiêu)

Ngành học/Trình độ đào tạo (đại học)	Mã Ngành	Tổ hợp môn xét tuyển theo kết quả thi THPT	Tổ hợp môn xét tuyển theo học bạ	Chỉ tiêu
(1)	(3)	(4)	(5)	(PT1 - PT2 - PT3 - PT4)
Quản trị công nghệ truyền thông	7340401	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	15 - 25 - 5 - 5
Marketing	7340115	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	15 - 25 - 5 - 5
Kế toán	7340301	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Địa lý, Giáo dục công dân Ngữ văn, Toán, Hóa học Toán, Địa lý, Tiếng Anh	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Địa lý, Giáo dục công dân Ngữ văn, Toán, Hóa học Toán, Địa lý, Tiếng Anh	40 - 80 - 10 - 5
Quản trị Kinh doanh	7340101	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Ngữ văn Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân	50 - 80 - 10 - 5
Tài chính - Ngân hàng	7340201	Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Giáo dục công dân Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Giáo dục công dân Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	40 - 60 - 10 - 5
Luật Kinh tế	7380107	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Địa lý Ngữ văn, Vật lý, Hóa học	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Địa lý Ngữ văn, Vật lý, Hóa học	70 - 80 - 10 - 3
Công nghệ thông tin	7480201	Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân Toán, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Vật lý	Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân Toán, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Vật lý	40 - 70 - 5 - 3
Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	7510103	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Sinh học Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Giáo dục công dân	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Sinh học Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Toán, Vật lý, Giáo dục công dân	40 - 60 - 10 - 3
Kiến Trúc	7580101	Toán, Vật lý, Vẽ Mỹ thuật Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật Toán, Anh Văn, Vẽ mỹ thuật Toán, Hóa Học, Vẽ mỹ thuật	Toán, Vật lý, Hóa Toán, Vật lý, Tin học Toán, Vật lý, Công nghệ Toán, Công nghệ, Tin học	16 - 50 - 5 - 3
Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	45 - 80 - 10 - 3
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	40 - 40 - 6 - 3

Thông tin liên hệ: Trường Đại Học Kinh Tế Công Nghiệp Long An

Địa chỉ: 938 QL.1A, P.Khánh Hậu, TP.Tân An, Long An

Điện thoại: 0917 241 544

Email: tuyensinh@daihoclongan.edu.vn

Web: <https://daihoclongan.edu.vn/>

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.daihoclongan.edu.vn/dh-chinh-quy/#tuyensinh>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Mã Trường: VLU

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 2615

1. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

3. Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/03/2022.

- Dự kiến các đợt xét tuyển: 30/3/2022; 02/5/2022; 02/6/2022 và các đợt bổ sung (nếu có)
- Thí sinh tra cứu kết quả xét trúng tuyển tại địa chỉ <http://vlute.edu.vn/vn/ketqua>

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

4.1. Phương thức 1: Chỉ tiêu xét tuyển cho phương thức này từ 25% đến 30%

- Xét tuyển từ kết quả kỳ thi THPT năm 2022;
- Xét tuyển từ kết quả thi THPT các năm trước;

4.2. Phương thức 2: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (theo học bạ). Chỉ tiêu cho phương thức này từ 55% đến 60%

4.3. Phương thức 3: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng. Chỉ tiêu cho phương thức này từ 15% đến 20%

- Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường Đại học SPKT Vinh Long cho các đối tượng sau:
 - **Đối tượng thứ 1:** Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2022; Học lực đạt loại giỏi cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 bậc THPT và hạnh kiểm cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 đạt loại khá trở lên; Riêng học sinh trường THPT chuyên học lực và hạnh kiểm đạt loại khá trở lên cả năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.
 - **Đối tượng thứ 2:** Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 và đạt giải nhất, nhì, ba học sinh giỏi cấp tỉnh một trong các môn Toán, Văn, Lý, Hoá, Sinh, Tiếng Anh hoặc đạt giải nhất, nhì, ba cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh.
 - Đối với phương thức tuyển thẳng thí sinh được chọn tất cả các ngành, được ưu tiên xét miễn học phí.

4.4. Phương thức 4: Xét tuyển của Kỳ thi đánh giá năng lực: Chỉ tiêu cho phương thức này từ 5% đến 10%

Học sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2022 trở về trước, tham gia thi đánh giá năng lực năm 2022 đạt 50% tổng điểm đánh giá năng lực của các Đại học Quốc gia trong cả nước; xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực tự duy do Trường Đại học SPKT Vinh Long tổ chức (DK).

5. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình đại trà

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/ Mã tổ hợp
1	Kinh tế	7310101	200	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Kế toán			
	- Quản trị kinh doanh			
	- Tài chính - Ngân hàng			
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	40	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
3	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303	60	
4	Công nghệ chế tạo máy	7510202	40	
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	100	
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	90	
	- Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông			
	- Kỹ thuật điện			
7	Công nghệ thông tin	7480201	210	
	- Mạng máy tính và Truyền thông			
	- Internet of Things - IoT			
	- An toàn thông tin			
	- Điện toán đám mây			
8	Khoa học máy tính	7480101	50	
	- Trí tuệ nhân tạo			
	- Khoa học dữ liệu			
9	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (DK)	7510605	40	
10	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	300	
11	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	120	
12	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh)	7510206	80	
13	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	30	
14	Công nghệ kỹ thuật giao thông (chuyên sâu kỹ thuật xây dựng cầu đường)	7510104	20	
15	Công nghệ thực phẩm	7540101	100	
16	Thú y	7640101	150	
17	Công nghệ sinh học	7420201	20	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp công nghệ cao			
	- Công nghệ sinh học trong thực phẩm			
	- Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh			
18	Kỹ thuật hóa học	7520301	20	
	- Kỹ thuật hóa môi trường			
	- Kỹ thuật hóa dược			
19	Công nghệ sau thu hoạch	7540104	20	
20	Giáo dục học	7140101	25	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Văn, Sử, Địa (C00) (4) Văn, Sử, GD&ĐT (C19)
21	Quản lý giáo dục	7140114	25	
22	Công tác xã hội	7760101	50	
23	Du lịch	7810101	90	

24	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	50	
25	Luật	7380101	50	
26	Sư phạm công nghệ	7140246	20	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Toán, Văn, Địa (C04) (4) Toán, Văn, GD CD (C14)
Tổng cộng			2000	

6. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình đào tạo kỹ sư làm việc Nhật Bản

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/ Mã tổ hợp
1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
2	Công nghệ kỹ thuật giao thông (chuyên sâu kỹ thuật xây dựng cầu đường)	7510104_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
3	Công nghệ sinh học	7420201_NB	25	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp công nghệ cao			
	- Công nghệ sinh học trong thực phẩm			
	- Kỹ thuật xét nghiệm Y - Sinh			
4	Công nghệ thực phẩm	7540101_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116_NB	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303_NB	25	
7	Công nghệ chế tạo máy	7510202_NB	25	
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301_NB	45	
9	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201_NB	25	
10	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205_NB	70	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Văn, Sử, Địa (C00) (4) Văn, Sử, GD CD (C19)
11	Công tác xã hội	7760101_NB	25	
Tổng cộng			340	

7. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển chương trình chất lượng cao (liên kết quốc tế 2+2 với trường đại học TONGMYONG-Hàn Quốc)

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển/ Mã tổ hợp
1	Kinh tế	7310101_CLC	25	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
	- Kế toán			
	- Quản trị kinh doanh			
	- Tài chính - Ngân hàng			
2	Khoa học máy tính	7480101_CLC	25	
	- Trí tuệ nhân tạo			
	- Khoa học dữ liệu			
3	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và TĐH	7510303_CLC	25	
4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203_CLC	25	
5	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116_CLC	25	
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201_CLC	25	
7	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301_CLC	25	
8	Công nghệ thông tin	7480201_CLC	25	
	- Mạng máy tính và Truyền thông			
	- Internet of Things – IoT			
	- An toàn thông tin			
	- Điện toán đám mây			
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205_CLC	25	
10	Công nghệ thực phẩm	7540101_CLC	25	1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)
11	Du lịch	7810101_CLC	25	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Văn, Sử, Địa (C00) (4) Văn, Sử, GD&ĐT (C19)
Tổng cộng			275	

➤ Thí sinh đăng ký xét tuyển theo một trong các phương thức sau:

1. Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh.
2. Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm tư vấn tuyển sinh của trường.
3. Đăng ký xét tuyển online theo địa chỉ <http://www.vlute.edu.vn>

➤ Địa chỉ liên hệ:

Trung tâm Tư vấn tuyển sinh Trường Đại học SPKT Vĩnh Long
Số 73 Nguyễn Huệ, phường 2, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại liên lạc: **0270 386 2456, 0270 382 0203**
Email: tuyensinh@vlute.edu.vn; Website: <http://vlute.edu.vn>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

1. Mã trường: MTU

2. Phương thức xét tuyển (05 phương thức)

- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT;
- Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT (*học bạ*);
- Thi tuyển kết hợp với xét tuyển (*áp dụng đối với các ngành có thi môn Vẽ mỹ thuật*);
- Xét tuyển thẳng;
- Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM.

3. Đối tượng và phạm vi tuyển sinh

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Tuyển sinh trong cả nước.

4. Học phí:

- Ngành Kế toán: ~ **6.300.000** đồng/học kỳ.
- Các ngành còn lại: ~ **7.500.000** đồng/học kỳ.

5. Ngành, chỉ tiêu tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển

STT	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
1.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	A00, A01, B00, D01	400
	1 - Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (<i>Kỹ sư</i>)	7580201-1		
	2 - Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (<i>Cử nhân</i>)	7580201-2		
	3 - Công nghệ thi công và An toàn lao động (<i>Kỹ sư</i>)	7580201-3		
2.	Kiến trúc	7580101	V00, V01, V02, V03	150
	4 - Kiến trúc công trình (<i>Kiến trúc sư</i>)	7580101-1		
	5 - Kiến trúc Đồ họa (<i>Kiến trúc sư</i>)	7580101-2		
	6 - Kiến trúc Nội thất (<i>Kiến trúc sư</i>)	7580101-3		
	7 - Kiến trúc Cảnh quan (<i>Kiến trúc sư</i>)	7580101-4		
3.	8 Quản lý đô thị và công trình (<i>Kỹ sư</i>)	7580106	V00, V01, A00, A01	25
4.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	A00, A01, B00, D01	75
	9 - Xây dựng Cầu - Đường (<i>Kỹ sư</i>)	7580205-1		
	10 - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (<i>Kỹ sư</i>)	7580205-2		
5.	11 Kỹ thuật môi trường (<i>Kỹ sư</i>)	7520320	A00, A01, B00, D01	25
6.	12 Kỹ thuật cấp thoát nước (<i>Kỹ sư</i>)	7580213	A00, A01, B00, D01	25
7.	Kế toán	7340301	A00, A01, D14, D15	100
	13 - Kế toán Xây dựng (<i>Cử nhân</i>)	7340301-1		
	14 - Kế toán doanh nghiệp (<i>Cử nhân</i>)	7340301-2		
	15 - Kế toán & Hành chính công (<i>Cử nhân</i>)	7340301-3		
8.	Công nghệ thông tin	7480103	A00, A01, D01, D07	100
	16 - Kỹ thuật phần mềm (<i>Kỹ sư</i>)	7480103-1		
	17 - Hệ thống thông tin quản lý (<i>Kỹ sư</i>)	7480103-2		

❖ Mã tổ hợp xét tuyển	
A00: Toán - Lý - Hóa	D15: Văn - Địa - Tiếng Anh
A01: Toán - Lý - Tiếng Anh	V00: Toán - Lý - Vẽ mỹ thuật
B00: Toán - Hóa - Sinh	V01: Toán - Văn - Vẽ mỹ thuật
D01: Văn - Toán - Tiếng Anh	V02: Toán - Tiếng Anh - Vẽ mỹ thuật
D07: Toán - Hóa - Tiếng Anh	V03: Toán - Hóa - Vẽ mỹ thuật
D14: Văn - Sử - Tiếng Anh	

6. Mô tả phương thức xét tuyển

6.1. Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT

- Áp dụng đối với thí sinh dự thi THPT năm 2022 và các năm trước.
- Điểm xét tuyển: Phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do MTU quy định.
 - + Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên (*nếu có*)
 - + Điều kiện: Điểm của từng môn trong tổ hợp xét tuyển phải > 1,0 điểm.

6.2. Xét tuyển dựa theo kết quả học tập THPT (học bạ)

- Áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
- Điểm xét tuyển: ≥ 18 điểm, xét một trong các điều kiện sau:
 - + Tổng điểm trung bình năm học lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có). Điều kiện, điểm mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển phải $\geq 5,0$ điểm.
 - + Tổng điểm trung bình năm học lớp 10, 11 và HK1 lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có). Điều kiện, điểm trung bình mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển phải $\geq 5,0$ điểm.

6.3. Thi tuyển kết hợp với xét tuyển (áp dụng đối với các ngành có thi môn Vẽ mỹ thuật)

- Áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
- Điểm xét tuyển: Tổng điểm 3 môn (2 môn thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm môn Vẽ mỹ thuật) xét một trong các điều kiện sau:
 - + Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT: Phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do MTU quy định. Điểm của từng môn trong tổ hợp xét tuyển phải $> 1,0$ điểm.
 - + Đối với thí sinh sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ): Phải $\geq 18,0$ điểm (tổng điểm 3 môn). Điểm của từng môn phải $\geq 5,0$ điểm.
 - + Đối với thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp.HCM tổ chức năm 2022, có điểm bài thi cao hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng.

* Lưu ý:

- Điểm môn Vẽ mỹ thuật phải $\geq 5,0$ điểm (điểm thi môn Vẽ mỹ thuật: Lấy từ kết quả thi tuyển tại MTU hoặc điểm thi của các trường đại học khác).
- Đăng ký dự thi môn Vẽ mỹ thuật:
 - + Nhận hồ sơ từ ngày có thông báo đến ngày **30/6/2022**, dự kiến thi tuyển ngày **14, 15/7/2022**.
 - + Địa điểm thi tuyển: Tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây - Số 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
 - + Môn thi Vẽ mỹ thuật: Thi vẽ Đầu tượng hoặc vẽ Tĩnh vật.

6.4. Xét tuyển thẳng: Áp dụng đối với các trường hợp sau:

- Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế.
- Thí sinh đạt giải (Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích) tại các Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) tại các cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (các năm 2020, 2021, 2022).

6.5. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp.HCM

- Áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) năm 2022 và các năm trước.
- Điểm xét tuyển: Có điểm bài thi cao hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng (công bố sau khi có kết quả thi đánh giá năng lực năm 2022).

7. Chế độ ưu tiên và quyền lợi của sinh viên học tại MTU:

7.1. Chế độ ưu tiên: Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy định hiện hành.

7.2. Quyền lợi:

- Cấp học bổng **600 triệu** đồng cho 10 sinh viên thủ khoa (05 SV xét tuyển điểm thi THPT và 05 SV xét tuyển học bạ);
- Cấp học bổng **60 triệu** đồng/SV (cấp cho sinh viên xét tuyển thẳng);
- Cấp học bổng **6 triệu** đồng/SV cho tất cả sinh viên để đào tạo tiếng Anh B1 (theo Khung CEFR) và đào tạo Công nghệ thông tin cơ bản;
- Hàng năm Nhà trường dành gần **2 tỷ** đồng từ quỹ học bổng cấp cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn học giỏi, vượt khó và sinh viên có thành tích cao trong học tập, rèn luyện;
- Nhà trường **miễn phí Ký túc xá** và miễn phí sử dụng cơ sở vật chất: Internet, thư viện điện tử, khu phức hợp thể dục thể thao, phòng tập thể hình (phòng Gym),...;
- Cam kết giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp;
- Sinh viên ngành Kỹ thuật Xây dựng được ưu tiên tài trợ học bổng và xét tuyển làm việc tại Nhật Bản với mức lương từ 45 - 55 triệu đồng/tháng;
- Được đào tạo kiến thức và các kỹ năng chuyên môn đáp ứng nhu cầu xã hội;
- Được cấp học bổng du học ngắn ngày tại: Thái Lan, Đài Loan, Lào,...

Thông tin liên hệ: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY**

Địa chỉ: Số 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (0270) 3 825 903; (Zalo) 0914 79 23 80

Email: tuyensinh@mtu.edu.vn - **Website:** www.mtu.edu.vn

Facebook: www.facebook.com/mtu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

Mã trường: DCL

Các ngành tuyển sinh

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
Chương trình chung			
1	Điều dưỡng: - Điều dưỡng đa khoa - Điều dưỡng Gây mê hồi sức - Điều dưỡng Hộ sinh - Điều dưỡng Nha khoa - Điều dưỡng Thẩm mỹ - Điều dưỡng Phục hồi chức năng - Điều dưỡng Dinh dưỡng học - Điều dưỡng Y học cổ truyền - Điều dưỡng Kỹ thuật hình ảnh y học	7720301	A02, B00, B03, D08
2	Kỹ thuật xét nghiệm y học - Kỹ thuật xét nghiệm y học - Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	7720601	A00, B00, B03, D07
3	Dược học	7720201	A00, B00, C08, D07
4	Thiết kế đồ họa - Thiết kế thời trang - Thiết kế nội thất	7210403	A00, A01, C04, D01
5	Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh thương mại - Tiếng Anh biên – Phiên dịch	7220201	A01, D01, D14, D15
6	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam - Ngữ văn học - Truyền thông báo chí đa phương tiện - Quản lý văn hóa - Quản trị văn phòng	7220101	C00, D01, D14, D15
7	Đông phương học - Đông Nam Á học - Trung Quốc học - Hàn Quốc học - Nhật Bản học	7310608	A01, C00, D01, D14
8	Công tác xã hội - Công tác xã hội - Xã hội học	7760101	A00, C00, C01, D01
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn & resort - Quản trị nhà hàng - Hướng dẫn viên du lịch	7810103	A00, A01, C00, D01
10	Luật	7380101	
11	Luật kinh tế	7380107	
12	Quản trị kinh doanh - Quản trị kinh doanh - Quản trị kinh doanh vận tải hàng không - Quản lý kinh tế	7340101	A00, A01, C04, D01
13	Kinh doanh thương mại - Kinh doanh thương mại - Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu - Kinh doanh xuất nhập khẩu - Kinh doanh bất động sản - Thương mại quốc tế	7340121	A00, A01, C04, D01
14	Kế toán - Kế toán doanh nghiệp - Kiểm toán Kiểm toán	7340301	
15	Tài chính – Ngân hàng - Tài chính – Ngân hàng - Công nghệ tài chính	7340201	
16	Công nghệ thông tin - Công nghệ thông tin - Thương mại điện tử - An toàn thông tin - Kỹ thuật phần mềm - Mạng máy tính - Phát triển ứng dụng di động - Công nghệ đa phương tiện - Trí tuệ nhân tạo	7480201	A00, A01, D01, D07
17	Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Công nghệ kỹ thuật cơ khí - Công nghệ kỹ thuật ô tô - Công nghệ chế tạo máy - Cơ điện tử	7510201	A00, A01, C01, D01
18	Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng - Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng - Thiết kế kiến trúc xây dựng	7510102	
19	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	
20	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - Công nghệ Kỹ thuật điện lạnh - Công nghệ Kỹ thuật y sinh	7510301	
21	Công nghệ thực phẩm - Công nghệ thực phẩm - Công nghệ bảo quản và chế biến nông sản - Công nghệ bảo quản và chế biến thủy sản	7540101	A00, A01, B00, C01
22	Công nghệ sinh học	7420201	A00, A01, B00, B03
23	Nuôi trồng thủy sản	7620301	
24	Nông học: Sản xuất giống nông nghiệp - Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao	7620109	
25	Bảo vệ thực vật - Bảo vệ thực vật - Kinh doanh vật tư nông nghiệp	7620112	
Chương trình chất lượng cao			
1	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, D01, D07
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00, A01, D01, C01

Phương thức xét tuyển:

- Phương thức 1: Xét kết quả học tập bậc THPT (Xét Học bạ THPT)
- Phương thức 2: Xét kết quả tốt nghiệp THPT 2022, thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Phương thức 3: Tổ chức kỳ thi tuyển sinh riêng đối với ngành Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học

Thời gian xét tuyển:

Đợt 1: Từ 02/02 – 30/4/2022 - Đợt 2: Từ 01/5 – 30/6/2022 - Đợt 3: Từ 01/7 – 30/8/2022 - Và các đợt bổ sung sau (nếu còn chỉ tiêu)

Thông tin liên hệ: **Trung Tâm Tuyển Sinh – Truyền Thông, Trường Đại Học Cửu Long**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long - Điện thoại: 02703 832538. Hotline/Zalo: 0944707787

Website: <https://tuyensinh.mku.edu.vn/> - Email: phongtuyensinh@mku.edu.vn - Facebook: www.facebook.com/mku.edu.vn

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.mku.edu.vn/> - <https://mku.edu.vn/phuong-an-tuyen-sinh-he-dh-chinh-quy-nam-2022-202112243581.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

Mã trường: TTG

1. Các ngành tuyển sinh

TT	NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	MÔN XÉT TUYỂN	MÃ TỔ HỢP
1	ĐH Kế toán	7340301	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
2	ĐH Quản trị Kinh doanh	7340101	Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01
3	ĐH Tài chính ngân hàng	7340201	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;	D01
4	ĐH Kinh tế	7310101	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh.	D90
5	ĐH Luật	7380101	Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý; Ngữ Văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh.	A01 D01 C00 D66
6	ĐH Công nghệ Thông tin	7480201	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Hóa học, Tiếng Anh (D07); Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh.	A00 A01 D07 D90
7	ĐH Công nghệ Thực phẩm	7540101	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
8	ĐH Nuôi trồng Thủy sản	7620301	Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01
9	ĐH Chăn nuôi	7620105	Toán, Sinh học, Hóa học;	B00
10	ĐH Công nghệ Sinh học	7420201	Toán, Tiếng Anh, Sinh học.	B08
11	ĐH Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	7510103	Toán, Vật lý, Hóa học;	A00
12	ĐH Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	7510201	Toán, Vật lý, Tiếng Anh;	A01
13	ĐH Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Toán, Hóa học, Tiếng Anh;	D07
14	ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh.	D90
15	ĐH Văn hóa học	7229040	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh;	C00 D01
16	ĐH Du lịch	7810101	Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử; Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh.	D14 D78
17	ĐH Bảo vệ thực vật	7620112	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Sinh học, Hóa học; Toán, Tiếng Anh, Sinh học.	A00 A01 B00 B08
CÁC NGÀNH SƯ PHẠM (Dự kiến)				
1	CĐ Giáo dục mầm non	51140201	Toán, Đọc & Kể chuyện, Hát; Ngữ văn, Đọc & Kể chuyện, Hát.	M00 M01
2	ĐH Giáo dục tiểu học	7140202	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.	A00 A01 D01 C00
3	ĐH Sư phạm Toán	7140209	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, KH tự nhiên, Tiếng Anh.	A00 A01 D01 D90
4	ĐH Sư phạm Ngữ văn	7140217	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh; Ngữ văn, KH xã hội, Tiếng Anh.	C00 D01 D14 D78

2. Phương thức xét tuyển:

- Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả điểm thi của Kỳ thi THPT.
Tổng điểm 3 môn xét tuyển cộng điểm ưu tiên đạt ngưỡng theo quy định hiện hành
- Phương thức 2: Xét điểm học bạ THPT
Điểm trung bình 3 môn xét tuyển của 3 học kỳ (HKI, HKII lớp 11 và HKI hoặc HKII lớp 12) đạt ngưỡng từ 18 điểm đối với trình độ Đại học ngoài sư phạm. Các ngành sư phạm xét tuyển theo quy định hiện hành
- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh đại học hiện hành
- Phương thức 4: Xét điểm kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM

3. Hồ sơ xét tuyển

- Hồ sơ xét tuyển bằng điểm thi:
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển
 - + Bản công chứng giấy chứng nhận kết quả tốt nghiệp THPT 2022
 - + Bản công chứng giấy CMND/CCCD
- Hồ sơ xét tuyển bằng học bạ:
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển
 - + Bản công chứng học bạ THPT
 - + Bản công chứng bằng tốt nghiệp THPT
 - + Bản công chứng giấy CMND/CCCD

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Tiền Giang**

Địa chỉ liên hệ: 119 Ấp Bắc - Phường 05 - Thành phố Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0273 3 872 624 - 0273 6 250 200 - Fax: 0273 3 884 022 - Email: daihocgt@tgu.edu.vn

Trích Nguồn: <http://tgu.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Mã trường: SPD

Chỉ tiêu tuyển sinh: 2.383 chỉ tiêu với 33 ngành đào tạo trình độ Đại học chính quy, 01 ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non theo 04 phương thức xét tuyển độc lập:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022
- Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ)
- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
- Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2022 của ĐHQG-TP.HCM

Tất cả thí sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước đều có thể tham gia xét tuyển vào Trường Đại học Đồng Tháp theo 04 phương thức tuyển sinh này.

Các ngành xét tuyển Đại học; xét tuyển Cao đẳng Giáo dục Mầm non

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn năng khiếu	Phương thức xét tuyển
CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC							
1	Giáo dục Mầm non	7140201	336	M00 M05 M07 M11	Văn, Toán, NK GDMN Văn, Sử, NK GDMN Văn, Địa, NK GDMN Văn, Tiếng Anh, NK GDMN	NK GDMN	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 4
2	Giáo dục Tiểu học*	7140202	149	C01 C03 C04 D01	Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Sử Văn, Toán, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
3	Giáo dục Chính trị*	7140205	24	C00 C19 D01 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCC Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
4	Giáo dục Thể chất*	7140206	41	T00 T05 T06 T07	Toán, Sinh, NKDTT Văn, GDCC, NKDTT Toán, Địa, NKDTT Văn, Địa, NKDTT	NK DTT	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
5	Sư phạm Toán học*	7140209	52	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
6	Sư phạm Tin học	7140210	24	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
7	Sư phạm Vật lý	7140211	24	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
8	Sư phạm Hóa học*	7140212	24	A00 B00 D07 A06 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Hóa, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
9	Sư phạm Sinh học	7140213	24	A02 B00 D08 B02 D90	Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Tiếng Anh Toán, Sinh, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
10	Sư phạm Ngữ văn*	7140217	43	C00 C19	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCC		Phương thức 1 Phương thức 2

				D14 D15	Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		Phương thức 3 Phương thức 4
11	Sư phạm Lịch sử	7140218	24	C00 C19 D14 D09	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GD&CD Văn, Sử, Tiếng Anh Toán, Sử, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
12	Sư phạm Địa lý	7140219	24	C00 C04 D10 A07	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Địa Toán, Địa, Tiếng Anh Toán, Sử, Địa		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
13	Sư phạm Âm nhạc	7140221	36	N00 N01	Văn, Hát, Thẩm âm -Tiết tấu Toán, Hát, Thẩm âm -Tiết tấu	Hát; Thẩm Âm - Tiết tấu	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
14	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	24	H00 H07	Văn, Trang trí, Hình họa Toán, Trang trí, Hình họa	Trang trí; Hình họa	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
15	Sư phạm Tiếng Anh*	7140231	83	D01 D14 D15 D13	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
16	Sư phạm Công nghệ	7140246	24	A00 A01 A02 A04	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
17	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	30	A00 A02 B00 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
18	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	7140249	30	C00 D14 D15 A07	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh Toán, Sử, Địa		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
19	Việt Nam học - Hướng dẫn viên du lịch - Quản lý Nhà hàng & Khách sạn	7310630	110	C00 C19 C20 D01	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GD&CD Văn, Địa, GD&CD Văn, Toán, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
20	Ngôn ngữ Anh* Biên-phiên dịch Tiếng Anh kinh doanh - Tiếng Anh du lịch	7220201	120	D01 D14 D15 D13	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
21	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	120	C00 D01 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
22	Quản lý văn hóa	7229042	40	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GD&CD Văn, Địa, GD&CD Văn, Sử, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
23	Quản trị kinh doanh*	7340101	110	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
24	Tài chính - Ngân hàng	7340201	60	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
25	Kế toán	7340301	130	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4

26	Luật (dự kiến)	7380101	60	A00 D01 C00 C14	Toán, Lý, Hóa Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Địa Văn, Toán, GDCD		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
27	Công nghệ sinh học (dự kiến)	7420201	60	A00 A02 B00 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
28	Khoa học môi trường*	7440301	50	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
29	Khoa học Máy tính (Công nghệ thông tin)	7480101	80	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
30	Nông học	7620109	40	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
31	Nuôi trồng thủy sản	7620301	95	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
32	Công tác xã hội	7760101	85	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
33	Quản lý đất đai	7850103	40	A00 A01 B00 D07	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh		Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4
CÁC NGÀNH CAO ĐẲNG							
1	Giáo dục Mầm non	51140201	167	M00 M05 M07 M11	Văn, Toán, NK GDMN Văn, Sử, NK GDMN Văn, Địa, NK GDMN Văn, Tiếng Anh, NK GDMN	NK GDMN	Phương thức 1 Phương thức 2 Phương thức 3 Phương thức 4

* Ghi chú: Môn năng khiếu do Trường ĐHTĐ tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác; Tổ hợp môn thi A04, A06, B02 không xét tuyển theo Phương thức 1; Tổ hợp môn thi D90 không xét tuyển theo Phương thức 2. Những ngành có "*" đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng.

Thông tin liên hệ: **Trường Đại Học Đồng Tháp**

Địa chỉ: 783, Phạm Hữu Lầu, P.6, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp

Điện thoại: 0277 388 1518 – Mail: dhdtd@dtu.edu.vn – Website: <https://www.dthu.edu.vn/>

Trích Nguồn: <https://www.dthu.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Mã trường: TCT

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: 7.560

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

- Phương thức 1: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (Xem chi tiết)
- Phương thức 2: Xét tuyển điểm Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (Xem chi tiết)
- Phương thức 3: Xét tuyển điểm học bạ THPT (Xem chi tiết)
- Phương thức 4: Xét tuyển vào ngành Sư phạm bằng điểm học bạ THPT (Xem chi tiết)
- Phương thức 5: Tuyển chọn vào chương trình tiên tiến và chất lượng cao (Xem chi tiết)
- Phương thức 6: Xét tuyển thẳng vào học Bồi dưỡng kiến thức (Xem chi tiết)

DANH MỤC NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2022

1. Chương trình tiên tiến (CTTT), chương trình chất lượng cao (CLC)

TT	Mã ngành	Tên ngành, học phí	PHƯƠNG THỨC 1, 2, 3		PHƯƠNG THỨC 5		Điểm trúng tuyển năm 2021	
			Chỉ tiêu	Tổ hợp	Chỉ tiêu	Tổ hợp	Học bạ	Điểm thi
1	7420201T	Công nghệ sinh học (CTTT) 33 triệu đồng/năm	40	A01, B08, D07	40	A00, A01, B00, B08, D07	21,00	19,50
2	7620301T	Nuôi trồng thủy sản (CTTT) 33 triệu đồng/năm	40		40		19,50	15,00
3	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CLC) 33 triệu đồng/năm	40		40		19,50	16,75
4	7540101C	Công nghệ thực phẩm (CLC) 33 triệu đồng/năm	40		40		24,25	20,75
5	7580201C	Kỹ thuật xây dựng (CLC) 33 triệu đồng/năm	40	A01, D01, D07	40	A00, A01, D01, D07	22,00	20,75
6	7520201C	Kỹ thuật điện (CLC) 30 triệu đồng/năm	40		40		19,50	19,50
7	7480201C	Công nghệ thông tin (CLC) 33 triệu đồng/năm	40		40		25,75	24,00
8	7480103C	Kỹ thuật phần mềm (CLC) 33 triệu đồng/năm	40		40			
9	7340101C	Quản trị kinh doanh (CLC) 33 triệu đồng/năm	80		40			
10	7810103C	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (CLC) 33 triệu đồng/năm	40		40			
11	7340201C	Tài chính-Ngân hàng (CLC) 33 triệu đồng/năm	80		40		26,25	24,50
12	7340120C	Kinh doanh quốc tế (CLC) 33 triệu đồng/năm	80		40		27,00	25,00
13	7220201C	Ngôn ngữ Anh (CLC) 33 triệu đồng/năm	80	D01, D14, D15	40	D01, D14, D15, D66	26,25	25,00

2. Chương trình đào tạo đại trà

TT	Mã ngành	Tên ngành (chuyên ngành - nếu có)	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển	Điểm trúng tuyển năm 2021 (Học bạ)	Điểm trúng tuyển năm 2021 (Điểm thi)
Các ngành đào tạo giáo viên (chỉ xét tuyển theo phương thức 1, 2 và 4)						
1	7140202	Giáo dục Tiểu học	80	A00, C01, D01, D03	27,75	24,50
2	7140204	Giáo dục Công dân	60	C00, C19, D14, D15	25,25	25,00
3	7140206	Giáo dục Thể chất	60	T00, T01, T06	25,75	24,25
4	7140209	Sư phạm Toán học	80	A00, A01, B08, D07	29,25	25,50
5	7140210	Sư phạm Tin học	60	A00, A01, D01, D07	24,00	23,00
6	7140211	Sư phạm Vật lý	60	A00, A01, A02, D29	27,75	24,50
7	7140212	Sư phạm Hóa học	60	A00, B00, D07, D24	29,00	25,75
8	7140213	Sư phạm Sinh học	60	B00, B08	25,00	23,75
9	7140217	Sư phạm Ngữ văn	80	C00, D14, D15	27,75	26,00
10	7140218	Sư phạm Lịch sử	60	C00, D14, D64	26,00	25,00
11	7140219	Sư phạm Địa lý	60	C00, C04, D15, D44	26,00	24,75
12	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	80	D01, D14, D15	28,00	26,50
13	7140233	Sư phạm Tiếng Pháp	60	D01, D03, D14, D64	24,25	21,75
Kỹ thuật và công nghệ (xét tuyển theo phương thức 1, 2, 3 và 6)						
14	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	100	A00, A01, B00, D07	26,00	24,00
15	7520309	Kỹ thuật vật liệu	40	A00, A01, B00, D07	20,75	21,75
16	7510601	Quản lý công nghiệp	80	A00, A01, D01	26,75	24,75
17	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	80	A00, A01, D01		
18	7520103	Kỹ thuật cơ khí, có 2 chuyên ngành: - Cơ khí chế tạo máy - Cơ khí Ô tô.	120	A00, A01	26,75	24,50
19	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	70	A00, A01	25,50	24,25

20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	70	A00, A01	26,00	24,25
21	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	70	A00, A01	23,50	23,00
22	7520201	Kỹ thuật điện	70	A00, A01, D07	25,25	23,75
23	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	60	A00, A01, B08, D07		
24	7580201	Kỹ thuật xây dựng	140	A00, A01	25,25	23,50
25	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	60	A00, A01	19,50	18,00
26	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	60	A00, A01	21,25	22,25
Máy tính và công nghệ thông tin (xét tuyển theo phương thức 1, 2, 3 và 6)						
27	7480202	An toàn thông tin	40	A00, A01		
28	7320104	Truyền thông đa phương tiện	100	A00, A01, D01		
29	7480101	Khoa học máy tính	60	A00, A01	27,00	25,00
30	7480106	Kỹ thuật máy tính	60	A00, A01	24,50	23,75
31	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	60	A00, A01	25,25	24,00
32	7480103	Kỹ thuật phần mềm	60	A00, A01	27,50	25,25
33	7480104	Hệ thống thông tin	60	A00, A01	25,75	24,25
34	7480201	Công nghệ thông tin	60	A00, A01	28,50	25,75
35	7480201H	Công nghệ thông tin - học tại khu Hòa An	40	A00, A01	24,25	23,50
Kinh tế, kinh doanh và quản lý - pháp luật (xét tuyển theo phương thức 1, 2, 3 và 6)						
36	7340301	Kế toán	60	A00, A01, C02, D01	28,50	25,50
37	7340302	Kiểm toán	60	A00, A01, C02, D01	27,50	25,25
38	7340201	Tài chính-Ngân hàng	60	A00, A01, C02, D01	28,75	25,75
39	7340101	Quản trị kinh doanh	80	A00, A01, C02, D01	28,75	25,75
40	7340101H	Quản trị kinh doanh - học tại khu Hòa An	40	A00, A01, C02, D01	26,25	26,75
41	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	80	A00, A01, C02, D01	28,00	24,50
42	7340115	Marketing	60	A00, A01, C02, D01	29,00	25,00
43	7340121	Kinh doanh thương mại	80	A00, A01, C02, D01	28,25	25,75
44	7340120	Kinh doanh quốc tế	80	A00, A01, C02, D01	29,00	26,50
45	7620114H	Kinh doanh nông nghiệp - học tại khu Hòa An	120	A00, A01, C02, D01	19,50	18,25
46	7310101	Kinh tế	80	A00, A01, C02, D01	28,25	25,50
47	7620115	Kinh tế nông nghiệp	140	A00, A01, C02, D01	26,00	24,50
48	7620115H	Kinh tế nông nghiệp - học tại khu Hòa An	70	A00, A01, C02, D01	22,00	22,25
49	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	80	A00, A01, C02, D01	24,50	24,00
50	7380101	Luật, có 3 chuyên ngành: - Luật Hành chính - Luật Tư pháp - Luật Thương mại	200	A00, C00, 4D01, D03	27,25	25,50
51	7380101H	Luật (chuyên ngành Luật Hành chính) - học tại khu Hòa An	40	A00, C00, D01, D03	27,75	24,50
Nông lâm nghiệp, Thủy sản, Chế biến, Chăn nuôi, Thú y, Môi trường và tài nguyên (xét tuyển theo phương thức 1, 2, 3 và 6)						
52	7540101	Công nghệ thực phẩm	170	A00, A01, B00, D07	28,00	25,00
53	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	140	A00, A01, B00, D07	24,25	23,50
54	7540104	Công nghệ sau thu hoạch	40	A00, A01, B00, D07	19,50	22,00
55	7620105	Chăn nuôi	140	A00, A02, B00, B08	20,00	21,00
56	7640101	Thú y	120	B00, A02, D07, B08	27,75	24,50
57	7620110	Khoa học cây trồng, có 2 chuyên ngành: - Khoa học cây trồng. - Nông nghiệp công nghệ cao.	140	A02, B00, B08, D07	19,50	19,25
58	7620109	Nông học	100	B00, B08, D07	21,75	19,50

59	7620112	Bảo vệ thực vật	160	B00, B08, D07	23,00	21,75
60	7440301	Khoa học môi trường	80	A00, A02, B00, D07	19,50	19,25
61	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	120	A00, A01, B00, D07	23,00	23,00
62	7520320	Kỹ thuật môi trường	60	A00, A01, B00, D07	19,50	19,00
63	7850103	Quản lý đất đai	120	A00, A01, B00, D07	25,25	23,00
64	7620113	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	80	A00, B00, B08, D07	19,50	15,00
65	7620103	Khoa học đất (chuyên ngành Quản lý đất và công nghệ phân bón)	60	A00, B00, B08, D07	19,50	15,50
66	7620301	Nuôi trồng thủy sản	220	A00, B00, B08, D07	22,50	22,25
67	7620302	Bệnh học thủy sản	100	A00, B00, B08, D07	19,50	20,25
68	7620305	Quản lý thủy sản	100	A00, B00, B08, D07	19,50	21,50
Khoa học sự sống - Khoa học tự nhiên - Hóa dược (xét tuyển theo phương thức 1, 2, 3 và 6)						
69	7460201	Thông kê	100	A00, A01, A02, B00		
70	7460112	Toán ứng dụng	80	A00, A01, A02, B00	22,00	22,75
71	7520401	Vật lý kỹ thuật	40	A00, A01, A02, C01	19,50	18,25
72	7440112	Hóa học	80	A00, B00, C02, D07	21,50	23,25
73	7720203	Hóa dược	80	A00, B00, C02, D07	28,00	25,25
74	7420101	Sinh học	40	A02, B00, B03, B08	19,50	19,00
75	7420203	Sinh học ứng dụng	40	A00, A01, B00, B08	19,50	19,00
76	7420201	Công nghệ sinh học	120	A00, B00, B08, D07	25,75	24,50
Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài - Xã hội nhân văn (xét tuyển theo phương thức 1, 2, 3 và 6)						
77	7229030	Văn học	80	C00, D01, D14, D15	25,75	24,75
78	7310630	Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch)	80	C00, D01, D14, D15	27,25	25,50
79	7310630H	Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch) - học tại khu Hòa An	40	C00, D01, D14, D15	24,75	24,25
80	7220201	Ngôn ngữ Anh, có 2 chuyên ngành: - Ngôn ngữ Anh. - Phiên dịch-Biên dịch tiếng Anh.	100	D01, D14, D15	27,75	26,50
81	7220201H	Ngôn ngữ Anh - học tại Khu Hòa An	40	D01, D14, D15	26,00	25,25
82	7220203	Ngôn ngữ pháp	40	D01, D03, D14, D64	24,00	23,50
83	7320201	Thông tin - thư viện	60	A01, D01, D03, D29	21,50	22,75
84	7229001	Triết học	40	C00, C19, D14, D15	24,00	24,25
85	7310201	Chính trị học	40	C00, C19, D14, D15	26,00	25,50
86	7310301	Xã hội học	80	A01, C00, C19, D01	26,25	25,75

Ghi chú:

- Mã tổ hợp: **A00:** Toán-Lý-Hóa; **A01:** Toán-Lý-Tiếng Anh; **A02:** Toán-Lý-Sinh; **B00:** Toán-Hóa-Sinh; **B03:** Toán-Văn-Sinh; **B08:** Toán-Sinh-Tiếng Anh; **C00:** Văn-Sử-Địa; **C01:** Toán-Văn-Lý; **C02:** Toán-Văn-Hóa; **C04:** Toán-Văn-Địa; **C19:** Văn-Sử-GDCD; **D01:** Toán-Văn-Tiếng Anh; **D03:** Toán-Văn-Tiếng Pháp; **D07:** Toán-Hóa-Tiếng Anh; **D14:** Văn-Sử-Tiếng Anh; **D15:** Văn-Địa-Tiếng Anh; **D24:** Toán-Hóa-Tiếng Pháp; **D29:** Toán-Lý-Tiếng Pháp; **D44:** Văn-Địa-Tiếng Pháp; **D64:** Văn-Sử-Tiếng Pháp; **D66:** Văn-GDCD-Tiếng Anh; **T00:** Toán-Sinh-Năng khiếu; **T01:** Toán-Văn-Năng khiếu; **T06:** Toán-Hóa-Năng khiếu.
- Đối với các mã ngành tuyển sinh học tại khu Hòa An:
 - + Khu Hòa An là một cơ sở đào tạo của Trường ĐHTC, tọa lạc tại số 554, Quốc lộ 61, ấp Hòa Đức, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (cách TP. Cần Thơ 45 km)
 - + Sinh viên học tại Khu Hòa An là sinh viên đại học chính quy của Trường ĐHTC (do Khoa Phát triển Nông thôn quản lý). Chương trình đào tạo, giảng viên, điều kiện học tập, học phí, chế độ chính sách và bằng cấp hoàn toàn giống như sinh viên học tại Cần Thơ. Khi trúng tuyển, những sinh viên này sẽ học năm thứ nhất và năm thứ tư tại Cần Thơ, các năm còn lại học tại Khu Hòa An.
 - + Ký túc xá tại khu Hòa An: 450 chỗ.
- Đối với các ngành có từ 2 chuyên ngành trở lên: thí sinh đăng ký tuyển sinh theo ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học, thí sinh được đăng ký chọn 01 chuyên ngành theo học.

Thông tin liên hệ: Phòng Đào tạo - Trường Đại học Cần Thơ

- Địa chỉ: Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

- Điện thoại: 0292. 3872 728 - Email: tuyensinh@ctu.edu.vn

- Mobile/Zalo/Viber: 0886889922 - Kênh tư vấn: <https://www.facebook.com/ctu.tvts>

Trích Nguồn: <https://www.ctu.edu.vn/>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Mã trường: DTD

1. Chính sách miễn giảm học phí: Chính sách miễn giảm học phí từ 20% đến 50% cho sinh viên gia đình chính sách, khó khăn. Giảm 20% cho anh, chị em/vợ, chồng cùng học tại trường.

2. Đối tượng và vùng tuyển sinh

- Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trong năm 2022 và những năm trước.
- Tuyển sinh trong cả nước

3. Danh mục các chuyên ngành xét tuyển và thi tuyển

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển học bạ và kết quả thi THPT	Tổ chức thi riêng
1	7720201	Dược học	Toán – Vật lý – Hóa học (A00) Toán – Hóa học – Sinh học (B00) Toán – Hóa học – Tiếng Anh (D07) Toán – Hóa học – Ngữ văn (C02)	- Sơ tuyển. - Thi các tổ hợp môn: + Toán – Vật lý – Hóa học (A00) + Toán – Hóa học – Sinh học (B00) + Toán – Hóa học – Tiếng Anh (D07) + Toán – Hóa học – Ngữ văn (C02)
2	7720301	Điều dưỡng	Toán – Vật lý – Sinh học (A02) Toán – Hóa học – Sinh học (B00) Toán – Sinh học – Tiếng Anh (D08) Toán – Sinh học – Ngữ văn (B03)	- Sơ tuyển - Thi các tổ hợp môn: + Toán – Vật lý – Hóa học (A00) + Toán – Hóa học – Sinh học (B00) + Toán – Hóa học – Tiếng Anh (D07) + Toán – Hóa học – Ngữ văn (C02)
3	7720401	Dinh dưỡng (Mới)	Toán – Vật lý – Hóa học (A00) Toán – Hóa học – Sinh học (B00) Toán – Hóa học – Tiếng Anh (D07) Toán – Sinh học – Tiếng Anh (D08)	Không
4	7440112	Hóa học chuyên ngành hóa dược (Mới)	Toán – Vật lý – Hóa học (A00) Toán – Vật lý – Tiếng Anh (A01) Toán – Hóa học – Sinh học (B00) Toán – Hóa học – Tiếng Anh (D07)	Không
5	7380107	Luật kinh tế	Ngữ văn – Lịch sử – Địa lý (C00) Ngữ văn – Tiếng Anh – Lịch sử (D14) Toán – Tiếng Anh – GD&ĐT (D84) Ngữ văn – Tiếng Anh – GD&ĐT (D66)	Không
6	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Mới)	Toán – Vật lý – Hóa học (A00) Toán – Vật lý – Tiếng Anh (A01) Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh (D01) Toán – Vật lý – Ngữ văn (C01)	Không
7	7340301	Kế toán	Toán – Vật lý – Hóa học (A00) Toán – Vật lý – Tiếng Anh (A01) Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh (D01) Toán – Ngữ văn – Địa lý (C04)	Không
8	7340201	Tài chính ngân hàng		Không
9	7340101	Quản trị kinh doanh		Không
10	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		Không
11	7340115	Marketing		Không
12	7340120	Kinh doanh quốc tế		Không
13	7310630	Việt Nam học	Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh (D01)	Không
14	7810101	Du lịch	Ngữ văn – Lịch sử – Địa lý (C00) Ngữ văn – Tiếng Anh – Lịch sử (D14)	Không
15	7810201	Quản trị khách sạn	Ngữ văn – Tiếng Anh – Địa lý (D15)	Không
16	7229030	Văn học	Toán – Ngữ văn – Địa lý (C04) Ngữ văn – Lịch sử – Địa lý (C00)	Không
17	7229040	Văn hóa học (Mới)	Ngữ văn – Tiếng Anh – Lịch sử (D14) Ngữ văn – Tiếng Anh – Địa lý (D15)	Không
18	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh (D01) Ngữ văn – Tiếng Anh – Lịch sử (D14) Ngữ văn – Tiếng Anh – Địa lý (D15) Ngữ văn – Tiếng Anh – GD&ĐT (D66)	Không
19	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Toán – Vật lý – Hóa học (A00) Toán – Vật lý – Tiếng Anh (A01) Toán – Hóa học – Sinh học (B00) Toán – Hóa học – Tiếng Anh (D07)	Không

20	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Toán – Vật lý – Hóa học (A00) Toán – Vật lý – Tiếng Anh (A01)	Không
21	7850103	Quản lý đất đai	Toán – Hóa học – Sinh học (B00) Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh (D01)	Không
22	7540101	Công nghệ thực phẩm		Không
23	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Toán – Vật lý – Hóa học (A00) Toán – Vật lý – Sinh học (A02)	Không
24	7480201	Công nghệ thông tin	Toán – Vật lý – Tiếng Anh (A01)	Không
25	7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	Toán – Vật lý – Ngữ văn (C01)	Không
26	7640101	Thú y	Toán – Hóa học – Sinh học (B00) Toán – Hóa học – Địa lý (A06) Toán – Sinh học – Địa lý (B02) Toán – Hóa học – Ngữ văn (C02)	Không
27	7620105	Chăn nuôi	Toán – Vật lý – Hóa học (A00) Toán – Hóa học – Sinh học (B00) Toán – Vật lý – Sinh học (A02) Toán – Sinh học – Tiếng Anh (D08)	Không
28	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Toán – Vật lý – Tiếng Anh (A01) Ngữ văn – Lịch sử – Địa lý (C00) Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh (D01) Ngữ văn – Tiếng anh – Địa lý (D15)	Không

4. Phương thức xét tuyển

4.1. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi riêng của Trường Đại học Tây Đô tổ chức

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).
- Điều kiện đăng ký dự thi: Thí sinh đăng ký dự thi ngành Dược học phải có học lực lớp 12 xếp loại khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; thí sinh đăng ký dự thi ngành Điều dưỡng phải có học lực lớp 12 xếp loại từ trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,5 trở lên.
- Thời gian đăng ký dự thi đợt 01: Bắt đầu từ ngày 01/01/2022.
- Thông tin các môn thi, hình thức thi:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Sơ tuyển	Thi tuyển
1	7720201	Dược học	- Thí sinh hoàn thành đầy đủ hồ sơ đăng ký dự thi. - Nội dung sơ tuyển: + Thi trắc nghiệm kiến thức cơ bản: Toán, Hóa, Sinh. + Trả lời phỏng vấn trước Hội đồng sơ tuyển các kiến thức cơ bản chung về ngành sức khỏe (Dược và Điều dưỡng).	- Thi tuyển: Chương trình THPT, chủ yếu là chương trình lớp 12. Thí sinh đăng ký làm các bài thi theo các tổ hợp sau: + Toán – Vật lý – Hóa học (A00) + Toán – Hóa học – Sinh học (B00) + Toán – Hóa học – Tiếng Anh (D07) + Toán – Hóa học – Ngữ văn (C02)
2	7720301	Điều dưỡng		- Thi tuyển: Chương trình THPT, chủ yếu là chương trình lớp 12. Thí sinh đăng ký làm các bài thi theo các tổ hợp sau: + Toán – Vật lý – Hóa học (A00) + Toán – Hóa học – Sinh học (B00) + Toán – Hóa học – Tiếng Anh (D07) + Toán – Hóa học – Ngữ văn (C02)

4.2. Xét tuyển học bạ

- Hình thức xét tuyển:
+ Hình thức 1: Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT
+ Hình thức 2: Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT
+ Hình thức 3: Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 11 và học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT
- Thời gian xét tuyển – nhập học:
+ Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: Thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (Từ 7h00 đến 17h00)
+ Nhận hồ sơ xét tuyển đợt 01 bắt đầu từ ngày 01/01/2022.
+ Thời gian nhập học: Nhà trường sẽ thông báo sau

4.3. Xét tuyển kết quả thi THPT: Thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường Đại học Tây Đô theo quy định của Bộ GD&ĐT:

- Đối với ngành Dược và Điều dưỡng điểm xét tuyển bằng ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định.
- Các ngành còn lại điểm xét tuyển bằng ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào do trường Đại học Tây Đô quy định sau khi có kết quả thi THPT.

4.4. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2022 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2022 do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ mức điểm xét tuyển do Trường Đại học Tây Đô quy định.

Mọi chi tiết liên hệ: **Phòng Tuyển Sinh & Truyền Thông – Trường Đại Học Tây Đô**

Địa chỉ: 68 Trần Chiên, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

Hotline: 0939 028 579 – 0939 440 579 - Website: <https://tdu.edu.vn/>

Trích Nguồn: <https://tdu.edu.vn/>



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ CANTHO UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

256 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Facebook: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

Điện thoại: 0292.3898167; Website: www.ctuet.edu.vn



TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2022 (Mã trường: KCC)

- Vùng tuyển sinh:** Thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.
- Đối tượng xét tuyển:** Thí sinh tốt nghiệp THPT.
- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến:** 1.560

STT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Khoa học máy tính	60	7480101	A00, A01, C01, D01
2	Khoa học dữ liệu	60	7480109	
3	Hệ thống thông tin	60	7480104	
4	Công nghệ thông tin	90	7480201	
5	Kỹ thuật phần mềm	80	7480103	
6	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	60	7520118	A00, C01, C02, D01
7	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	80	7510605	
8	Quản lý công nghiệp	70	7510601	
9	Quản lý xây dựng	60	7580302	
10	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	70	7510102	A00, A02, C01, D01
11	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	60	7510403	A00, A01, A02, C01
12	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	90	7510301	
13	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	60	7510203	A00, A02, C01, D01
14	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	60	7510303	
15	Công nghệ kỹ thuật hóa học	50	7510401	A00, B00, C02, D07
16	Công nghệ thực phẩm	90	7540101	A00, B00, C02, D01
17	Công nghệ sinh học	60	7420201	A02, B00, C02, D01
18	Tài chính - Ngân hàng	80	7340201	A00, C01, C02, D01
19	Kế toán	80	7340301	
20	Quản trị kinh doanh	90	7340101	
21	Luật	80	7380101	C00, D01, D14, D15
22	Ngôn ngữ Anh	70	7220201	D01, D14, D15, D66

Tổ hợp môn xét tuyển:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học	C01: Toán, Vật lý, Ngữ văn	D14: Tiếng Anh, Ngữ văn, Lịch sử
A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh	C02: Toán, Hóa học, Ngữ văn	D15: Tiếng Anh, Ngữ văn, Địa lý
A02: Toán, Vật lý, Sinh học	D01: Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn	D66: Tiếng Anh, Hóa học, GD&ĐT
B00: Toán, Hóa học, Sinh học	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh	

4. Phương thức xét tuyển (gồm 04 phương thức)

- **Phương thức 1: Sử dụng kết quả học bạ THPT:** Tổng điểm trung bình ba môn trong tổ hợp xét tuyển của cả năm lớp 10, năm 11 và học kỳ I lớp 12 hoặc cả năm lớp 12 đạt từ 18 điểm trở lên (làm tròn đến số thập phân thứ 2).

- **Phương thức 2: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022:** Tổng điểm ba môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển.

- **Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

- **Phương thức 4: Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2022:** Kết quả bài thi đạt từ 600 điểm trở lên.

5. Thời gian đăng ký xét tuyển: Kể từ tháng 3/2022

6. Cách thức đăng ký và nộp hồ sơ

- Đăng ký xét tuyển trực tuyến: tuyensinh.ctuet.edu.vn;

- Qua đường bưu điện, theo hình thức chuyển phát nhanh; nộp trực tiếp Phòng Đào tạo.

7. Học phí học kỳ I (Trường công lập): Tùy theo ngành dự kiến khoảng 4.800.000 đồng đến 5.600.000 đồng.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Mã trường: TKG

Các ngành đào tạo của trường Đại học Kiên Giang năm 2022

STT	Ngành học	Mã Ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp 1	Tổ hợp 2	Tổ hợp 3	Tổ hợp 4
			Xét theo kết quả thi TN THPT	Phương thức còn lại				
1	Sư phạm Toán học	7140209	3	17	A00	A01	D01	D07
2	Kế toán	7340301	22	128	A00	A01	D01	D07
3	Quản trị kinh doanh	7340101	34	196	A00	A01	D01	D07
4	Luật	7380101	18	102	A00	C00	D01	D14
5	Tài chính-Ngân hàng	7340201	18	102	A00	A01	C01	D01
6	Công nghệ Sinh học	7420201	4	26	A11	B02	B04	C13
7	Công nghệ Thông tin	7480201	22	128	A00	A01	D01	D07
8	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	7510103	15	85	A00	A01	D01	D07
9	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	7520216	7	43	A00	A01	C01	D01
10	Công nghệ Thực phẩm	7540101	6	34	A00	A01	B00	D07
11	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	7510406	3	17	A07	A09	C04	C14
12	Nuôi trồng Thủy sản	7620301	6	34	A00	B00	B02	C08
13	Khoa học Cây trồng	7620110	4	26	A00	A02	B04	C13
14	Chăn nuôi	7620105	3	17	A00	B00	B02	C08
15	Ngôn ngữ Anh	7220201	19	111	D01	D09	D14	D15
16	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	6	34	A09	B04	C20	D15
17	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	7220101	4	21	C00	D01	D14	D15
18	Du lịch	7810101	21	119	C20	D01	D14	D15
19	Giáo dục tiểu học (*)	7140202	4	21	A00	D01	C02	C20
20	Công nghệ kỹ thuật ô tô (*)	7510205	6	34	A00	A01	D01	C01
Tổng			225	1295				

Trong đó: Các ngành có dấu (*) là dự kiến mở trong năm 2022.

- Tổ hợp khối A gồm: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); A02 (Toán, Vật lý, Sinh học); A07 (Toán, Lịch sử, Địa lý); A09 (Toán, Địa lý, Giáo dục công dân); A11 (Toán, Hóa học, Giáo dục công dân);

- Tổ hợp khối B gồm: B00 (Toán, Hóa học, Sinh học); B02 (Toán, Sinh học, Địa lý); B04 (Toán, Sinh học, Giáo dục công dân);

- Tổ hợp khối C gồm: C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý); C01 (Ngữ văn, Toán, Vật lý); C02 (Ngữ văn, Toán, Hóa học); C04 (Ngữ văn, Toán, Địa lý); C08 (Ngữ văn, Hóa học, Sinh học); C13 (Ngữ văn, Sinh học, Địa lý); C14 (Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân); C20 (Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân);

- Tổ hợp khối D gồm: D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh); D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh); D09 (Toán; Lịch sử, Tiếng Anh); D14 (Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh); D15 (Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh).

MỌI THÔNG TIN CHI TIẾT XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ:

- Phòng Đào tạo - Trường Đại học Kiên Giang, số 320A Quốc lộ 61, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;

- Điện thoại tư vấn: 0297 3.628 777 hoặc 0297 3.96 8888;

- Facebook: <https://fb/daihockiengiang>;

- Email: qldt@vnkgu.edu.vn

- website: <https://vnkgu.edu.vn/trang-chu.html>

Trích Nguồn: <http://tuyensinh.vnkgu.edu.vn/detail.php?id=231#tieude>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Mã Trường: DBL

1. Chỉ tiêu tuyển sinh và ngành đào tạo

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 920
- Ngành học – mã ngành

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển từ kết quả học tập THPT	Tổ hợp môn xét tuyển từ kết quả thi THPT năm 2021	Căn cứ kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG-HCM	Chỉ tiêu 920
Các ngành đại học						
1	Công nghệ thông tin: – Công nghệ phần mềm – Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01, A02, D07	A00, A01, A16, D90	Điểm thi	100
2	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, A02, D01	A00, A01, A16, D90	Điểm thi	60
3	Kế toán	7340301	A00, A01, A02, D01	A00, A01, A16, D90	Điểm thi	100
4	Tài chính – Ngân hàng	7340201	A00, A01, A02, D01	A00, A01, A16, D90	Điểm thi	60
5	Tiếng việt và Văn hóa Việt Nam: – Văn hóa du lịch – Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	7220101	C00, D01, A07, C03	C00, D01, C15, D78	Điểm thi	80
6	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D09, D14, D15	D01, D09, D14, D78	Điểm thi	80
7	Nuôi trồng thủy sản: – Nuôi tôm công nghệ cao – Nuôi trồng thủy sản	7620301	A01, A02, B00, D07	A02, B00, A16, D90	Điểm thi	100
8	Chăn nuôi	7620105	A01, A02, B00, D07	A02, B00, A16, D90	Điểm thi	50
9	Bảo vệ thực vật	7620112	A01, A02, B00, D07	A02, B00, A16, D90	Điểm thi	50
10	Khoa học môi trường	7440301	A01, A02, B00, D07	A02, B00, A16, D90	Điểm thi	50
11	Sư phạm Toán học	7140209	A00, A02, B00, D07	A00, B00, A16	Điểm thi	30
12	Sư phạm Sinh học	7140213	A02, B00, B04, B08	B00, A02, A16	Điểm thi	30
13	Sư phạm Hóa học	7140212	A00, A11, B00, D07	A00, B00, A16	Điểm thi	30
Các ngành cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên						
TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển từ kết quả học tập THPT	Tổ hợp môn xét tuyển từ kết quả thi THPT năm 2020		Chỉ tiêu 100
1	Giáo dục Mầm non	51140201	M00	M00		100

2. Hình thức tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp.
- Có đầy đủ hồ sơ theo quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

2.2. Phương thức tuyển sinh: Trường thực hiện xét tuyển sinh theo 4 phương thức sau:

2.2.1. Phương thức 1: Xét tuyển từ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022:

a) Điều kiện xét tuyển:

- Căn cứ vào kết quả bài/môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- Đảm bảo các quy định theo “Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” hiện hành.

b) Hồ sơ xét tuyển: Thí sinh nộp phiếu đăng ký xét tuyển cùng với hồ sơ đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2022

c) Chế độ ưu tiên khu vực và ưu tiên theo đối tượng: Theo Điều 7 “Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non”.

2.2.2. Phương thức 2: Xét tuyển từ kết quả học tập THPT (Học bạ):

a) Điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh lựa chọn 01 trong 02 cách thức để tính điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển:
 - + Cách thức 1: lấy trung bình 03 học kỳ (học kỳ 1, 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12)
 - + Cách thức 2: lấy trung bình 02 học kỳ (học kỳ 1, 2 lớp 12).
- Đối với các ngành đại học thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên (Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học): Tốt nghiệp THPT và có học lực lớp 12 xếp loại giỏi (hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên); Tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển từ 24,0 điểm trở lên (kể cả điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng).
- Đối với các ngành đại học khác (không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên): Tốt nghiệp THPT và tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển từ 18,0 điểm trở lên (kể cả điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng).
- Ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non:
 - + Tốt nghiệp THPT và có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm trung bình xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên;
 - + Tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển từ 19,5 điểm trở lên;
 - + Điểm thi năng khiếu phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

b) Hồ sơ:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Bạc Liêu).
- 01 bản photo học bạ THPT (không cần công chứng).

c) Chế độ ưu tiên khu vực và ưu tiên theo đối tượng: Theo Điều 7 “Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non”.

2.2.3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM năm 2022.

a) Điều kiện xét tuyển: Tốt nghiệp THPT và có tổng điểm kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022 đạt từ 500 điểm trở lên đối với tất cả các ngành đại học xét tuyển.

b) Hồ sơ:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Bạc Liêu).
- 01 bản photo Phiếu điểm kỳ thi Đánh giá năng lực (có công chứng).

2.2.4. Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp thi tuyển Năng khiếu: (Đối với ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non)

a) Điều kiện xét tuyển: Căn cứ vào điểm Văn, Toán (lấy từ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 hoặc Học bạ) với điểm thi Năng khiếu.

b) Thi tuyển Năng khiếu: Thí sinh xét tuyển ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non bắt buộc phải dự thi Năng khiếu: Đọc, Kể chuyện và Hát. Thời gian thi: ngày 22/7/2022

3. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

3.1. Thời gian nộp hồ sơ

- Thí sinh xét tuyển từ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 đăng ký nguyện vọng vào trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại thời điểm đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2022.
- Thí sinh xét tuyển từ Học bạ nộp hồ sơ đến hết ngày 15/7/2022.
- Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2022 nộp hồ sơ đến hết ngày 15/7/2022.
- Thí sinh dự thi Năng khiếu nộp hồ sơ đến hết ngày 15/7/2022.

3.2. Hình thức và địa điểm nộp hồ sơ: Thí sinh nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường Bưu điện theo địa chỉ:

4. Các tổ hợp môn xét tuyển

TT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển	TT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Lý, Hoá	11	C03	Văn, Toán, Sử
2	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	12	C15	Văn, Toán, KHXH
3	A02	Toán, Lý, Sinh	13	D01	Văn, Toán, T. Anh
4	A07	Toán, Sử, Địa	14	D07	Toán, Hoá, T. Anh
5	A11	Toán, Hoá, Giáo dục công dân	15	D09	Toán, Sử, T. Anh
6	A16	Toán, KHTN, Văn	16	D14	Văn, Sử, T. Anh
7	B00	Toán, Hoá, Sinh	17	D15	Văn, Địa, T. Anh
8	B04	Toán, Sinh, Giáo dục công dân	18	D78	Văn, KHXH, T. Anh
9	B08	Toán, Sinh, Tiếng Anh	19	D90	Toán, KHTN, T. Anh
10	C00	Văn, Sử, Địa	20	M00	Văn, Toán, Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát)

Thông tin liên hệ: **Trường Đại học Bạc Liêu**

Địa chỉ: Số 178 Võ Thị Sáu, Phường 8, TP Bạc Liêu

Email: mail@blu.edu.vn

Điện thoại: 02913821107 (Phòng Đào tạo)

Website: <https://blu.edu.vn>

Trích Nguồn: <https://tuyensinh.blu.edu.vn/nganh-dao-tao>

TÂM LÝ MÙA THI

Sự ổn định về tâm lý của mỗi con người đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống, đặc biệt là sự ổn định về tâm lý của các bạn học sinh trước khi bước vào kỳ thi tuyển sinh – một bước ngoặt lớn trong cuộc đời.

Sự ổn định về mặt tâm lý chính là chìa khóa để các bạn học sinh có thể đạt được kết quả thi như mong muốn.

Những phương pháp cơ bản nhằm ổn định tâm lý trong kỳ thi tuyển sinh:

1. Xây dựng thời khoá biểu một cách chi tiết và cụ thể

Bên cạnh thời khoá biểu học trên lớp thì các bạn cần phải xây dựng cho bản thân một lịch học cụ thể và chi tiết hơn. Buổi sáng học môn nào, thời lượng bao nhiêu, buổi chiều học như thế nào, đến buổi tối học vấn đề gì, nhưng các bạn cũng nên nhớ một điều rằng lồng ghép trong thời khoá biểu học phải có thời gian giải lao, nghỉ ngơi hợp lý.

2. Giữ sức khỏe ổn định

Các bạn học sinh cần nhớ rằng sức khỏe là điều cực kỳ quan trọng trong việc thi cử, do đó phải giữ sức khỏe ổn định trong quá trình ôn và luyện thi, phải ăn uống điều độ, không được thức quá khuya. Bởi không có sức khỏe thì không thể suy nghĩ, giải quyết vấn đề một cách thấu đáo và thông suốt được và khi tinh thần mệt mỏi thường dẫn đến tình trạng làm sai những điều rất đơn giản.

3. Chủ động và nghiêm túc trong quá trình chuẩn bị cho kỳ thi



Các bạn học sinh phải chủ động, tự tin vào vốn kiến thức của bản thân đã tích lũy trong những năm học qua. Không nên học lệch, học tủ, không trông chờ ỷ lại vào người khác mà phải tạo tư thế chủ động, bình tĩnh và tự tin trong mọi tình huống. Cần phải tập trung ôn luyện cho thật tốt, không nên lo sợ, hoang mang và đặc biệt không nên tin vào những lời bói toán vì nó chỉ làm cho chúng ta chủ quan hay hoang mang hơn mà thôi.

4. Đặt mục tiêu phù hợp, vừa sức với bản thân

Một mục tiêu phù hợp với bản thân là rất quan trọng. Mục tiêu đó sẽ tạo động lực giúp các bạn học sinh cố gắng phấn đấu. Một mục tiêu đúng đắn là phải phù hợp với sở thích của bản thân, phù hợp với học lực của mỗi bạn.

Không nên đặt mục tiêu quá cao, không thể thực hiện được điều đó khiến các bạn nhanh chán nản khi không thực hiện được. Các bạn học sinh cũng không nên đặt mục tiêu quá thấp hoặc đi thi với tâm lý thi cho biết, thi cho bằng bạn bằng bè, suy nghĩ “học tài thi phận”, điều này vô hình sẽ kéo tâm lý thi cử đi theo hướng tiêu cực. Hãy tin tưởng vào khả năng của bản thân và cố gắng hết sức mình.

5. Bỏ qua những suy nghĩ, nỗi lo lắng không cần thiết

Những lo lắng như: chưa nhận được giấy báo dự thi, đánh nhầm, ghi nhầm một số chi tiết, nội dung trong hồ sơ dự thi, sai sót trên giấy báo thi.... Các bạn học sinh không nên suy nghĩ quá nhiều về các vấn đề kể trên,

bởi chúng sẽ được giải quyết một cách đơn giản trong ngày làm thủ tục dự thi (trước ngày dự thi một ngày). Hãy gác bỏ những thắc mắc, bận tâm về những sự cố nhỏ nhỏ này để đầu tư ôn luyện bài vở thật chu đáo.

6. Không nên học dồn, nhồi nhét kiến thức trong một khoảng thời gian ngắn



Kiến thức là cả một quá trình dài ôn luyện, đã được tích lũy trong suốt quá trình học tập và thời gian chuẩn bị thi tốt nghiệp. Nếu các bạn đã chuẩn bị thật tốt thì không cần phải quá lo lắng. Việc học một cách ồ ạt, không khoa học sẽ khiến các bạn bị loãng kiến thức, hoang loạn khi chỉ nhớ lẩn quẩn những kiến thức mới học mà quên mất những phần trước đó. Nếu đến ngày thi mà trong đầu bạn vẫn còn “trống rỗng” thì chỉ còn cách học kỹ những kiến thức cơ bản, vừa sức.

Tâm lý bạn nào cũng muốn nhồi nhét, cố nhớ thật nhiều kiến thức trước khi bước vào kỳ thi nhưng thật ra học như vậy không đem lại hiệu quả như mong muốn, ngược lại làm cho đầu óc bạn trở nên căng thẳng và hiệu quả ôn tập cũng không có chất lượng. Để tránh tình trạng này, các bạn hãy biết loại bỏ những phần kiến thức không cần thiết, không nên ôn tập hỗn độn một lúc nhiều môn thi mà cần phải bố trí lịch ôn tập một cách hợp lý, không bị phân tâm khi đang

ôn tập môn này lại sang môn khác. Và điều quan trọng là các bạn cần phải ôn tập những phần mình chưa chắc, kiến thức còn bị khuyết để kịp thời bổ sung vốn kiến thức cho bản thân trước kỳ thi.

7. Phụ huynh không nên đặt quá nhiều kỳ vọng vào kỳ thi của con em mình

Phụ huynh đóng một vai trò rất quan trọng với việc thi cử của con. Cuộc sống hiện đại, mỗi gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con nên nhiều khi phụ huynh đã kỳ vọng vào con tất cả những việc mà mình đã không làm được trong quá khứ. Đây là tâm lý chung. Nhưng các bậc phụ huynh cũng phải hiểu, mỗi con em mình có một điều kiện, hoàn cảnh và khả năng nhất định, vì vậy phải biết bằng lòng với những điều mà con cái mình có. Bố mẹ phải bớt kỳ vọng và tăng kỳ công bởi nếu quá kỳ vọng vào con cái mà sau đó con thất bại thì sẽ thành bi kịch với chúng. Còn kỳ công là phải bỏ nhiều công sức hơn để hỗ trợ con chứ không phải làm giúp con (về cả tâm lý, trí tuệ, chăm sóc chứ không chỉ là tiền bạc).

Không can thiệp sâu, áp đặt hay ép buộc con cái phải làm theo ý mình, nhất là định hướng chọn nghề nghiệp.

8. Học cách làm chủ bản thân khi bước vào phòng thi

Trước khi thi mỗi thí sinh cần tập quen dần với môi trường thi thông qua các kỳ thi khi đang còn ngồi trên ghế nhà trường, tìm hiểu việc di chuyển, đi lại địa điểm tổ chức thi để có thể đến địa điểm thi đúng giờ tránh những sự cố đáng tiếc ngoài ý muốn sẽ tạo tâm lý căng thẳng trước khi bước vào phòng thi.

Khi bước vào phòng thi nên tập phớt lờ những áp lực, nhắm một câu châm ngôn hoặc một bài thơ yêu thích, ngồi đúng vị trí, số báo danh, tận dụng vài phút để thư giãn. Trong quá trình làm bài nên quan tâm đến việc đọc kỹ đề bài yêu cầu, không vội vàng, nôn nóng làm ngay lập tức hoặc làm một cách say sưa, nên phân bổ thời gian hợp lý cho từng nội dung, không nên quá sa đà vào một vấn đề mà làm mất nhiều thời gian không cần thiết.

Chuyên gia tư vấn tâm lý



SỨC KHỎE MÙA THI



Các bạn thường nghe nhắc đến câu ngạn ngữ Pháp: “Một tâm hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện”, điều này càng được chú trọng nhiều hơn nữa vào mùa thi.

Để giúp các bạn giữ gìn sức khỏe khi bước vào mùa thi, chúng tôi xin góp ý về chế độ ăn uống và nghỉ ngơi của các bạn.

Trong suốt thời gian ôn tập cho đến lúc đi thi, các bạn nên chú ý đến việc đảm bảo dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày. Các bạn nên ăn thực phẩm có chất đạm, béo, bột, vitamin muối khoáng. Những chất này có trong các món ăn như trứng, tôm, cua, các loại đậu, dầu thực vật, mỡ, bơ, mè, rau xanh, trái cây chín. Những loại thức ăn này tăng cường dưỡng chất cho cơ thể nói chung và cho não bộ nói riêng. Chúng tạo chất dẫn truyền thần kinh góp phần tăng trí nhớ, giúp dễ tiếp thu bài, làm giảm sự mệt mỏi trí óc:

- Lòng đỏ trứng (gà, vịt, chim cút,...): Chứa hàm lượng cao chất lecithine, vừa giúp gan hoạt động tốt vừa giúp tạo lập acetyl-choline (chất dẫn truyền luồng thần kinh quan trọng nhất). Vì vậy, trứng giúp bổ não, tăng trí nhớ.

- Đậu nành: Chứa nhiều glucid, protid và lipid, các vitamin, các men hỗ trợ sự tiêu hóa và lecithine. Để bữa ăn trở nên đa dạng, phong phú, có thể sử dụng các chế phẩm khác nhau như giá, bơ, sữa đậu nành, đậu phụ,...

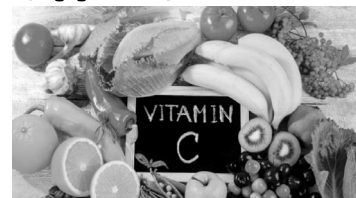


- Bí đỏ: Chứa nhiều beta-caroten, khi vào cơ thể sẽ chuyển thành vitamin A, có lợi cho mắt. Trong bí đỏ còn có một chất cần thiết cho hoạt động của não bộ, đó là acid glutamic tự nhiên (khoảng 1%), giúp thải các chất thải do hoạt động của não bộ tiết ra. Nó cũng chứa nhiều phosphor (một chất cần thiết cho hoạt động của não).

- Cà chua, cà rốt: Giàu beta-caroten.



- Các loại rau, trái cây giàu vitamin C như cam quýt, chanh, bưởi, rau dền,... có tác dụng giảm mệt mỏi.



- Về đồ uống: Mỗi ngày, các bạn nên uống từ 1,5 đến 2 lít nước. Các bạn nên uống nhiều nước ép trái cây; hạn chế uống nước có gas và các chất kích thích như rượu, bia, cà phê. Không nên dùng chất kích thích như trà đặc, cà phê, thuốc lá hoặc thuốc gây hưng phấn. Những thứ này có thể giúp ích nhất thời trong một thời gian ngắn như có thể thức suốt đêm để học bài nhưng sau đó sẽ rơi vào trạng thái uể oải, mệt mỏi, chưa kể nếu dùng kéo dài có thể gây nghiện. Nếu hàng ngày các bạn có thói quen uống sữa tươi, các bạn hãy tiếp tục uống từ 1 – 2 ly sữa mỗi ngày (hoặc ăn sữa chua). Tuy nhiên, nếu không quen uống sữa tươi hoặc cố gắng uống thêm nhiều ly sữa trong ngày là không thực sự tốt.



Một điều không kém phần quan trọng là dù bận rộn nhưng đừng quên bữa ăn sáng, tất nhiên không cần phải ăn quá no buổi sáng. Các bạn có thể “ nạp năng lượng” bằng bữa ăn sáng nhẹ

với bánh mì, khoai lang hay một gói xôi... sẽ cung cấp năng lượng giúp hoạt động của não tốt. Đặc biệt, các bạn nữ đừng vì giảm cân, sợ mập mà kiêng cử hoàn toàn chất béo, mùa thi cũng nên bổ sung các loại chất béo có trong dầu mè, đậu nành,... chỉ nên hạn chế những loại chất béo có trong mỡ heo, mỡ bò vì đó mới là những chất béo có hại cho sức khỏe... Không phải cứ ăn nhiều là tốt, mà quan trọng là cần ăn uống đủ chất và điều độ.

Bên cạnh chế độ ăn uống, các bạn cần sắp xếp thời gian học tập, nghỉ ngơi hợp lý. Mặc dù trong quá trình ôn thi, thời gian rất quý nhưng các bạn cần phải cố gắng đảm bảo cho giấc ngủ tối thiểu đủ 6 tiếng/ngày.



Chúng ta cũng nên ngủ trưa trong vòng 30 phút để giúp các bộ phận của cơ thể, cũng như tế bào não được nghỉ ngơi, phục hồi chức năng.

Các bạn chỉ nên học đến 24 giờ, không nên học quá khuya. Nếu thấy đói, nên ăn nhẹ. Buổi sáng, không nên dậy trước 5 giờ sáng. Cứ sau 45 phút ôn bài, các bạn nên tạm dừng, đứng lên, ra ngoài tập nhẹ để mất được ngủ và chân, tay,... đỡ mỏi. Nếu thấy quá căng thẳng, nên uống một ly sữa nóng, hoặc trà nóng (nên uống trà tâm sen), nghỉ khoảng 15 phút rồi tiếp tục ngồi vào bàn. Nếu thấy

căng thẳng quá, các bạn có thể thư giãn tại chỗ bằng cách ngừng đọc, nghĩ đến điều gì đó giúp mình vui vẻ: Thích nghe nhạc thì mở một ca khúc, đam mê hát thì cất lên một câu nào đó, hay nhớ lại một câu chuyện vui đã từng gặp...



Khi gặp khó khăn, áp lực, các bạn nên thả lỏng tâm sự với cha mẹ, người thân để được chia sẻ, cùng tìm cách giải quyết tốt nhất.

Hàng ngày, buổi sáng các bạn đến trường để nạp vào não bộ một khối lượng kiến thức nhất định, buổi chiều theo các lớp học thêm, buổi tối phải chuẩn bị bài cho ngày mai và ôn bài, làm bài tập nâng cao. Với một khối lượng kiến thức khổng lồ như vậy, rất khó để có thể thu nạp và tiêu hoá hết trong một quỹ thời gian eo hẹp ban ngày, các bạn đành phải dành ban đêm để chuẩn bị bài cho ngày mai, vừa kiểm duyệt lại và nhồi vào đầu những gì cần nhớ.



Nhưng thật sự, sau một ngày làm việc căng thẳng, đến tối gần như bạn không thể nhớ được nhiều những gì

mà bạn đã được học, bởi não bộ đã quá mệt mỏi sau một ngày làm việc căng thẳng, khả năng tập trung để nhớ lại những gì được học giảm đi rõ rệt, đó là nguyên nhân khiến bộ nhớ của các bạn không thể “lưu lại” được tất cả các dữ liệu. Vì não bộ của con người không giống như “ổ cứng” vô tận, do đó không nên nhồi nhét tất cả các dữ liệu mà bạn học được vào đầu, mà các bạn cần phải cẩn thận ghi chép, sắp xếp những phần chính của các bài giảng và ghi nhớ những điều cần thiết một cách hệ thống mà thôi.

TRƯỚC KHI HỌC		TRONG QUÁ TRÌNH HỌC		SAU KHI HỌC
NHẬN THỨC	KIỂM SOÁT BẢN THÂN	LÊN KẾ HOẠCH	LỰA CHỌN HIỆN	TỔNG KẾT

Yếu tố môi trường bên ngoài tác động rất lớn đến tâm lý học tập của các học sinh, chỉ có tâm trạng thanh thản, an vui thì hiệu quả ôn tập mới cao:

+ Không khí gia đình cần được duy trì sự ấm cúng, vui vẻ, hòa thuận. Các bạn không nên quá chú tâm đến lời hứa cho phần thưởng xứng đáng nếu thi đậu, cũng như không nên quá lo lắng đến diễn cảnh nếu thi rớt. Điều này chỉ làm chi phối, không mang lại ích cho các bạn. Không khí đầm ấm của gia đình giúp sức các bạn để đạt kết quả trong kỳ thi.



+ Tạo một không gian yên tĩnh trong lúc ôn tập là điều không thể thiếu. Không gây ồn ào, không làm mất trật tự, không mờ ti vi, ra-đi-ô, không nói to tiếng... Bàn học lộn xộn không ngăn nắp có nguy cơ làm các bạn không tìm thấy tài liệu, viết, thước kẻ, compa... ngoài ra, còn khiến các bạn cảm thấy bức bối, khó tập trung tinh thần để học tập. Các bạn hãy mạnh dạn vứt bỏ những vật dụng không dùng đến hoặc bỏ gọn lại, sắp xếp tài liệu vào hộp giấy. Bày trí những vật trang sức nhỏ đẹp như hộp nến, cây xanh.



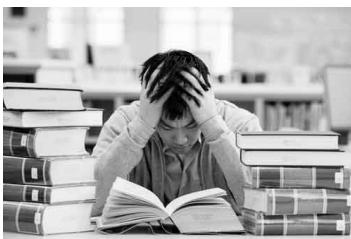
Lứa tuổi học sinh của chúng ta có một trí nhớ tốt, nhạy bén, thông minh là do một quá trình rèn luyện chăm chỉ, cần bản, lâu dài, không phải chỉ một sớm một chiều mà có được. Trong giai đoạn này, các “sĩ tử” cần được chăm sóc tốt, giữ gìn sức khỏe, tinh thần thoải mái, ôn tập chặt chẽ để có thể tự tin bước vào phòng thi và đạt hiệu quả cao nhất.

Hôm trước ngày thi rất quan trọng. Các bạn nên nghỉ ngơi thoải mái, không uống các chất kích thích như rượu, bia, cà phê. Nên đi ngủ sớm, ngủ đủ giấc (nên đi ngủ vào lúc 21 - 22 giờ). Nếu muốn ôn bài, thì chỉ nên xem lướt qua. Buổi sáng hôm thi, các bạn nên ăn sáng bằng đồ tươi, sạch, tránh ăn quá no, tốt nhất là ăn ở nhà để đảm bảo vệ sinh.



Bước vào mùa thi, các bạn thường có hai trạng thái tâm lý trái ngược nhau, hoặc là quá lo lắng cho thi cử dẫn đến cuống cuống học ngày học đêm, hoặc là cảm thấy chán nản, buông xuôi vì cho rằng không học kịp hết các kiến thức cần thiết cho kỳ thi, không đủ thời gian để ôn tập. Cả hai trạng thái tâm lý trên đều ảnh hưởng xấu đến khả năng làm bài thi của các bạn. Bên cạnh đó, các bạn cũng dễ gặp phải những vấn đề rắc rối về sức khỏe như sau:

1. Nhức đầu:



Nhức đầu là tình trạng gặp rất thường xuyên khi học bài thi. Bên cạnh việc tìm nguyên nhân để trị căn nguyên, thì khi bị nhức đầu hoặc đau nhức cơ thể, người ta hay lạm dụng thuốc để làm giảm bớt các triệu chứng đau nhức. Nhưng cần lưu ý rằng, có nhiều loại thuốc phải dùng lúc bụng no, và hết sức thận trọng đối với các em bị loét dạ dày tá tràng tiến triển hoặc thường bị rong kinh hay đa kỳ kinh, bị xuất huyết tiêu hóa. Riêng các bạn nữ bị đau bụng kinh nên tham khảo ý kiến bác sĩ để dùng các thuốc chuyên biệt trị đau bụng kinh phòng trước những ngày đi thi lại rơi vào chu kỳ

kinh nguyệt. Kể cả những loại thuốc giảm đau thông dụng cũng không được dùng tùy tiện, bởi có thể xảy ra phản ứng phụ, hoặc gây ảnh hưởng đến thận và gan... Trong mùa thi, cần tăng thể lực bằng chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn đầy đủ chất, không được bỏ bữa.

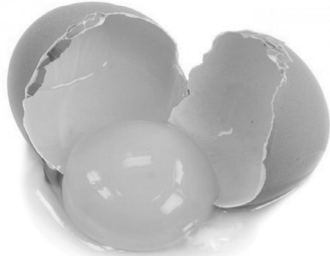
2. Mệt mỏi, suy nhược:

Mùa thi, các bạn thường hay phải thức khuya, dậy sớm để học bài nên cơ thể dễ bị mệt mỏi, thậm chí suy nhược. Do vậy, trong mùa thi cần tăng thể lực bằng chế độ dinh dưỡng hợp lý, ăn đầy đủ chất, không được bỏ bữa. Để chống tình trạng mệt mỏi, trong khẩu phần ăn hằng ngày cần dùng đầy đủ các chất, bột, đường (glucid), đạm (protid), chất béo (lipid), sinh tố, chất khoáng và khoáng vi lượng thiên nhiên cung cấp từ rau quả tươi và uống đầy đủ nước, nhất là nước từ trái cây tươi. Cần thay đổi đa dạng các bữa ăn, dùng các thực phẩm như: lòng đỏ trứng, cà rốt, cà chua, bí đỏ, gấc, quả có màu vàng cam và rau có màu xanh lục đậm.



3. Suy giảm trí nhớ: Trí nhớ rất cần thiết khi ôn thi, nhưng tình trạng “học tuy nhiều nhưng nhớ chẳng bao nhiêu” vẫn thường xuyên xảy ra ở các “sĩ tử”. Việc học dễ nhớ lâu quên, yếu tố đầu tiên cần nghĩ đến là phương pháp học, có lúc học nhưng cũng cần có lúc dành ít thời gian để thư giãn, để trí óc khỏi bị

bảo hòa. Bên cạnh đó, cũng cần bổ sung thêm thực phẩm giúp tăng cường trí nhớ. Chọn những thực phẩm, thức ăn giải độc cho não, giúp tạo lập chất dẫn truyền luồng thần kinh sẽ góp phần tăng trí nhớ như: lòng đỏ trứng (gà, vịt, chim cút...) chứa hàm lượng



cao lecithine vừa giúp giải độc gan vừa giúp tạo lập acetyl-choline là chất dẫn truyền luồng thần kinh quan trọng nhất. Vì vậy, cần xen kẽ trứng vào bữa ăn trong thời kỳ ôn thi, sẽ giúp tăng cường trí nhớ. Ngoài ra, một số thực phẩm khác cũng giúp ích cho trí nhớ như: giá đậu, bơ đậu nành, đậu hũ,... Bên cạnh đó, cần vận động cơ thể để giúp

cho não giảm bớt bị bảo hòa, từ đó sẽ dễ dàng “ nạp dữ liệu” khi học thi....



4. Mất ngủ: Do tập trung học bài, ôn tập cùng với tâm lý lo lắng cho kỳ thi, các bạn rất dễ mất ngủ gây ra mệt mỏi, uể oải. Giấc ngủ không đạt chất lượng thì việc ôn tập càng khó nhớ bài. Khi bị mất ngủ thì không nên ngủ trễ (ngủ quá giấc), tránh sử dụng chất kích thích. Không nên dùng thuốc an thần vì làm mất đi nhịp sinh lý tự nhiên của giấc ngủ. Tránh mệt mắt: môi trường học cần yên tĩnh và sáng sủa. Ánh sáng vừa đủ (60W). Chữ nhỏ hoặc biểu đồ cần nguồn sáng mạnh hơn.

5. Rối loạn tiêu hóa do quá lo lắng: Một số bạn vì

quá lo lắng làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ tiêu hóa: ăn khó tiêu, chướng hơi, thậm chí bị “tào tháo rượt”... Để tránh tình trạng này, các bạn nên chọn ăn những thức ăn, đồ uống quen thuộc với mình, ăn uống tại nhà. Các bạn có thể tự trấn an mình bằng hành động ôn bài, thư giãn.

BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA RỐI LOẠN TIÊU HÓA

 **Ăn uống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm**

 **Ăn uống đúng bữa, nhai kỹ trước khi nuốt**

 **Hạn chế uống nước có gas, cà phê...**

 **Hạn chế ăn đồ chiên xào, bổ sung nhiều rau xanh**

 **Luyện tập thể dục thể thao điều độ và khoa học**

Chúng tôi hy vọng những góp trên đây sẽ giúp cho các bạn có thể bước vào kỳ thi với *“Một tâm hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện”* để đạt được kết quả cao nhất. Chúc các bạn làm bài thi thật tốt và đạt kết quả thật mỹ mãn.
Chuyên gia tư vấn sức khỏe.



DANH BẠ CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, TRƯỜNG CAO ĐẲNG TỪ ĐÀ NẴNG ĐẾN CÀ MAU

TT	Tên, Địa chỉ, Điện thoại, Website
Danh sách các trường ĐH, CĐ Tại TP Đà Nẵng	
ĐẠI HỌC	
	ĐH Đà Nẵng Và Các Trường Thành Viên Địa chỉ: 41 Lê Duẩn, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3822041; Fax: (0236) 3823683 Email: webmaster@ac.udn.vn, Website: udn.vn
1.	Trường Đại Học Bách Khoa - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 54 Nguyễn Lương Bằng, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3842308 - (0236) 3842145 Email: tchc.dhbk@dut.udn.vn, Website: dut.udn.vn
2.	Trường Đại Học Kinh Tế - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn, Bắc Mỹ Phú, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3836 169 – (0236) 3522345 Email: contact@due.edu.vn, Website: due.edu.vn
3.	Trường Đại Học Sư Phạm - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ:Số 459 Tôn Đức Thắng,P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3841 323, Fax: (0236) 3842 953 Email: ued@ued.udn.vn, Website: ued.udn.vn
4.	Trường Đại Học Ngoại Ngữ - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 131 Lương Nhữ Hộc, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0236. 3699324 Fax: 0236 3699338 Email: dhnn@uffl.udn.vn, Website: uffl.udn.vn
5.	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ:48 Cao Thắng, Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Điện Thoại: (0236) 3822 571 Email: dhspktnd@ute.udn.vn, Website: ute.udn.vn
6.	Trường Đại Học Công Nghệ Thông Tin và Truyền Thông Việt – Hàn - ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: Khu Đô Thị Đại học Đà Nẵng,470 Đường Trần Đại Nghĩa, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236).3667117 – (0236) 6552688 Email: info@vku.udn.vn, Website: cti.udn.vn
7.	Khoa Y Dược – ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: Khu Đô Thị Đại học Đà Nẵng, P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 7109.357- 1900.234557 Email: smp@ac.udn.vn, Website: smp.udn.vn
8.	Khoa Giáo Dục Thể Chất Trung Tâm Thể Thao – ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 62 Ngõ Sĩ Liên, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3841325, Email: fpe.udn@gmail.com, Website: fpe.udn.vn
9.	Viện Công Nghệ Quốc Tế DNIIT – ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: Phòng 602 - 604, Khu B, Đại học Đà Nẵng, 41 Lê Duẩn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3812 173 Email: contact@dniit.udn.vn, Website: dniit.udn.vn
10.	Viện Nghiên Cứu Và Đào Tạo Việt Anh – ĐH Đà Nẵng Địa chỉ: 158A Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3738399 Email: admission@vnuk.edu.vn, Website: vnuk.udn.vn
11.	Trường Đại Học Thể Dục Thể Thao Đà Nẵng Địa chỉ: 44 Dũng sỹ, P.Thanh Khê, Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3707188 - Fax : (0236) 3759409 Email: tdttdn@upes3.edu.vn, Website: upes3.edu.vn
12.	Trường Đại Học Kỹ Thuật Y - Dược Đà Nẵng Địa chỉ: 99 Hùng Vương , Q. Hải Châu, P. Hải Châu 1, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3892062, Fax: (0236) 3835380 Email: daotaodaihoc@dhkyduocdn.edu.vn, Website: dhkyduocdn.edu.vn

13.	Trường Đại Học Duy Tân Địa chỉ: 254 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3650403 – (0236) 3827111 Email: tuyensinh@duytan.edu.vn, Website: duytan.edu.vn
14.	Trường Đại Học Đông A Địa chỉ: 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện Thoại: (0236) 3519.929 – (0236) 3519.991 Email: phongtuyensinh@donga.edu.vn Website: donga.edu.vn
15.	Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng Địa chỉ: 566 Núi Thành, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0944 850 888 Email: info@dau.edu.vn, Website: dau.edu.vn
16.	Trường Đại Học Mỹ Tại Việt Nam Địa chỉ: 299 Trần Đại Nghĩa, P. Hoà Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện Thoại: 0236.3967 585 – 0236.3967 595 Email: info@auv.edu.vn, Website: auv.edu.vn
17.	Trường Đại Học FPT Địa chỉ: Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng, P. Hoà Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện Thoại: (0236) 730 0999 Email: daihocfpt@fpt.edu.vn, Website: daihoc.fpt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Đà Nẵng Địa chỉ: 130 Lê Quang Đạo, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 2248132 – (0236) 2248135 Email: tvhnt@danang.gov.vn, Website: vhtdng.vn
2.	Trường Cao đẳng Kinh Tế - Kế Hoạch Đà Nẵng Địa chỉ: 143 Nguyễn Lương Bằng, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3842062. Email: phongdaotaocp@yahoo.com, Website: cep.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Lương Thực - Thực Phẩm Địa chỉ: 101B Lê Hữu Trác, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3831228 – (0236) 3831841 Email: tuyensinh@cfi.edu.vn, Website: cfi.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải Trung Ương V Địa chỉ: 28 Ngõ Xuân Thu, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3770363 Email: cdgtvtw5@caodanggtvtw5.edu.vn, Website: caodanggtvtw5.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Thương Mại Địa chỉ: 45 Dũng Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3759 879 - 3759 881 Email: tuyensinh@cdtm.edu.vn, Website: cdtm.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Bách Khoa Đà Nẵng Địa chỉ: 271 Tổ Hữu, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3640666 - 3640676 - 3621511 website: bachkhoadanang.edu.vn Email: cdbk@bachkhoadanang.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Lạc Việt Địa chỉ: 42 - 46 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng; Điện thoại: (0236) 3553.444 Email: caodanglacviet@gmail.com, Website: caodanglacviet.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Đại Việt Đà Nẵng Địa chỉ: 65 Nguyễn Lộ Trạch, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3644999 Email: tuyensinh@daivietdanang.edu.vn Website: daivietdanang.edu.vn

9.	Trường Cao Đẳng Phương Đông - Đà Nẵng Địa chỉ: 30- 32 Phan Đăng Lưu, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3794999 - 3642712, Email: cdpd.edu@gmail.com, Website: cdpd.edu.vn
10.	Trường Cao Đẳng Nghề Đà Nẵng Địa chỉ: 99 Tô Hiến Thành, P. Phước Mỹ, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3942.790 – (0236) 3940.946, Email: tuyensinh@danavtc.edu.vn Website: danavtc.edu.vn
11.	Trường Cao Đẳng Nguyễn Văn Trỗi Địa chỉ: Số 69 Đoàn Hữu Trưng, P. Hòa An, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3605677 Email: tvccollege@gmail.com Website: nguyenvantrioicollege.edu.vn
12.	Trường Cao Đẳng Hoa Sen Địa chỉ: K62/39 Hà Huy Tập, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 366 1717 – (0236) 366 1919 Email: tuyensinh@hsc.edu.vn, Website: hsc.edu.vn,
13.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Đà Nẵng Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Tổ 69, P.Hòa Hải, Q.Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3 957 957, Fax: (0236) 3957 956, Email: info@dvtc.edu.vn, Website: dvtc.edu.vn
14.	Trường Cao Đẳng Nghề Việt - Uc Địa chỉ: K476/8 Điện Biên Phủ, Thanh Khê, TP. Đà Nẵng Điện thoại: 0935052727, Fax: (0236) 3814500 Email: cdnvietuc@gmail.com, Website: vavc.edu.vn
15.	TRƯỜNG CAO ĐẲNG QUỐC TẾ PEGASUS Địa chỉ: Vùng Trung 3, Khu đô thị mới Phú Mỹ An, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 7301 555 Email: enquiry.danang@pegasus.edu.vn Website: pegasus.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Quảng Nam	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Quảng Nam Địa chỉ: 102 Đại lộ Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3812834 – (0235) 52215255 Email: htduong@qnamuni.edu.vn Website: qnamuni.edu.vn
2.	Trường Đại Học Phan Châu Trinh Địa chỉ: 09 Nguyễn Gia Thiều, P. Điện Ngọc, TX. Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3 757 959, Email: info@pctu.edu.vn, Website: pctu.edu.vn
3.	Phân Hiệu Trường Đại Học Nội Vụ Hà Nội Tại Tỉnh Quảng Nam Địa chỉ: Số 749 đường Trần Hưng Đạo, P. Điện Ngọc, TX Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 6263230 – (0235) 6571399 Email: dhnvmt@edu.vn, Website: trungnoivu-csmf.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường CĐ Kinh Tế - Kỹ Thuật Quảng Nam Địa chỉ: 431 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam. Điện thoại: (0235) 3851442, Fax: (0235) 3858001 Email: ktkn_qnam@ckq.edu.vn, Website: ckq.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Y Tế Quảng Nam Địa chỉ: 49 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam. Điện thoại: (0235) 3851705, Email: daotao@cdytqn.edu.vn, Website: cdytqn.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Điện Lực Miền Trung Địa chỉ: 04 Nguyễn Tất Thành, Hội An, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 2212.201, Email: cdmt@cdmt.edu.vn, Website: cdmt.vn
4.	Trường Cao Đẳng Phương Đông - Quảng Nam Địa chỉ: 03 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3525 379 - 0913247365 Email: tuyensinh@cpd.edu.vn, Website: cpd.edu.vn

5.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Quảng Nam Địa chỉ: 224 Huỳnh Thúc Kháng, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam. Điện thoại: (0235) 3828292 – 3825992, Email: tuyensinh.cdqn@gmail.com Website: caodangngheqn.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng THACO Địa chỉ: KCN Tam Hiệp, Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam Điện thoại: (0235) 3 567 112, Fax: (0235) 3567 113 Email: thacocollege@thaco.com.vn, Website: thacocollege.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Kinh Tế Và Thủy Lợi Miền Trung Địa chỉ: 14 Nguyễn Tất Thành, TP.Hội An, Tỉnh Quảng Nam. Điện thoại: (0235) 3861282 - 863366 Email: tuyensinhcktt@gmail.com, Website: ckt.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Quảng Ngãi	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Phạm Văn Đồng Địa chỉ: 509 Phan Đình Phùng, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3824041, Fax: (0255) 3824925 Email: tuyensinh@pdu.edu.vn, Website: pdu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Tài Chính - Kế Toán Địa chỉ: 01 Lê Quý Đôn, Thị Trấn La Hà, Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3845566 Email: tuyensinh@tckt.edu.vn, Website: tckt.edu.vn
3.	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM - Phân hiệu Quảng Ngãi Địa chỉ: 938 Quang Trung, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 6250 075, (0255) 2222 135 Email: phngngai@iuh.edu.vn, Website: qn.iuh.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Quảng Ngãi Địa chỉ: KM 1051+400 QL 1A, P.Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 2217077, Email: tuyensinh@qnc.edu.vn, Website: qnc.edu.vn
2.	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm Địa chỉ: Số 17 Nguyễn Chánh, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3822904 – (0255) 3725658 Email: cdytdtt@gmail.com, Website: dtt.edu.vn
3.	Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi Địa chỉ: 236 Hoàng Hoa Thám, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3718143 Email: info@vkgnc.edu.vn, Website: vkgnc.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Cơ Giới Địa chỉ: Nghĩa Kỳ, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi Điện thoại: (0255) 3825451, Email: cd.cogioi@gmail.com Website: caodangcogioi.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ Dung Quất - Quảng Ngãi Địa chỉ: Đô thị Vạn Tường, Xã Bình Trị, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: (0255) 6253.889, 6515.820 Email: bantstvl@dungquat.edu.vn Website: dungquat.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Định	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Quy Nhơn Địa chỉ: 170 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 3846156; Email: dhqn@qnu.edu.vn - tuvantuyensinh@qnu.edu.vn Website: qnu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Quy Nhơn Địa chỉ: 327 Đào Tấn, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 2241 037, Email: phongdttts@qtu.edu.vn, Website: qtu.edu.vn

3.	Trường Đại Học FPT Địa chỉ: Khu đô thị An Phú Thịnh, Phường Nhơn Bình & Phường Đồng Đa, TP. Quy Nhơn, Bình Định Điện Thoại: 0256 730 1866 / 0256 7300 999 Email: daihocfpt@fpt.edu.vn Website: daihoc.fpt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Y Tế Bình Định Địa chỉ: Số 130 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Điện thoại: (0256) 3829671, Email: cdytbđ@gmail.com Website: caodangytebinhdinh.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cơ Điện - Xây Dựng Và Nông Lâm Trung Bộ Địa chỉ: Khu vực 8, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 35 10 669 Email: cdntb@cdntrungbo.edu.vn, Website: cdntrungbo.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Quy Nhơn Địa chỉ: 172 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định Điện thoại: (0256) 6274393 – (0256) 6251.541 Email: caodangkctcnqn@gmail.com – tuyensinh@cdkctcnqn.edu.vn, Website: cdkctcnqn.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum	
1.	Phân Hiệu Trường Đại Học Nông Lâm TP. HCM Tại Gia Lai Địa chỉ: Trần Nhật Duật, Thôn 01, Xã Diên Phú, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: (0269) 3877.035 Email: phgl@hcmuaf.edu.vn Website: phgl.hcmuaf.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Gia Lai Địa chỉ: 126 Lê Thánh Tôn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: (0269) 3877.244, Fax: (0269) 3877312 Email: cdspgialai@cdspgialai.edu.vn; Website: cdspgialai.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Gia Lai Địa chỉ: Thôn 6, Xã Diên Phú, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai Điện thoại: (0269) 3825001, Fax: (0269) 3867739, Email: info@cdngl.edu.vn, Website: cdngl.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Y Dược Hà Nội Cơ Sở Đào Tạo Tại Tây Nguyên Địa chỉ: Trường Trung cấp nghề số 15 Bình Đoàn 15 – BQP Số 252 Đường Trường Sơn, Phường Yên Thế, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai. Điện thoại: 0979 248 907 - 0981 483 777 Email: cntm290@gmail.com Website: caodangyduoctaynguyen.com
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Kon Tum	
1.	Phân Hiệu Đại Học Đà Nẵng Tại Kon Tum Địa chỉ: 704 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum Điện thoại: (0260) 3913 029, Fax: (0260) 3913 029, Email: udck@kontum.udn.vn, Website: kontum.udn.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Kon Tum Địa chỉ: 14 Ngụy Như Kon Tum, Tổ 3, Phường Ngô Mây, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum Điện thoại: (0260) 3.864.929, Fax: (0260) 3.856.829, Email: quanlydaotao@ktcc.edu.vn, Website: ktcc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Đắk Lắk	
1.	Trường Đại Học Tây Nguyên Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: 0262. 3825185, Fax: (0262) 3825184 Email: dhtn@ttn.edu.vn, Website: ttn.edu.vn
2.	Trường Đại Học Buôn Ma Thuột Địa chỉ: 298 Hà Huy Tập, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3986688 Email: daihocbmt@bmtu.edu.vn, Website: bmtu.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Đắk Lắk Địa chỉ: 349 Lê Duẩn, P. Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3852 678, Website: dlc.edu.vn

4.	Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Đắk Lắk Địa chỉ: 05 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3952636; Fax: (0262) 3958213 Email: phongcntt.cvl@moet.edu.vn; Website: vhntdaklak.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Tây Nguyên Địa chỉ: 594 Lê Duẩn, P. Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3825238 – (0262) 3825 911. Website: cdctaynguyen.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Đắk Lắk Địa chỉ: 30 Y Ngõng, P. Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3860140, Fax: (0262) 3860140 Email: Vshai48kd1@gmail.com Website: cndaklak.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Y Tế Đắk Lắk Địa chỉ: 32 Y Ngõng – P. Tân Tiến - TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 3860618, Email: trungcaptytedaklak@gmail.com Website: dmc.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Bách Khoa Tây Nguyên Địa chỉ: 300 Hà Huy Tập, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk Điện thoại: (0262) 8551 558 – (0262) 2466 879 Email: bachkhoataynguyen@tnpc.edu.vn Website: tnpc.edu.vn
Danh sách các Học viện, trường ĐH, CĐ tại tỉnh Phú Yên	
ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN	
1.	Trường Đại Học Phú Yên Địa chỉ: 18 Trần Phú, P.7, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3843025 Email: daihocphuyen@pyu.edu.vn, Website: pyu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Xây Dựng Miền Trung Địa chỉ: 24 Nguyễn Du, P.7, TP. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3823 371 Email: dhxdmt@muce.edu.vn, Website: muce.edu.vn
3.	Học Viện Ngân Hàng (phần Viện Phú Yên) Địa chỉ: 441 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3810311 - (0257) 3824744 Email: pvphuyen@hvnh.edu.vn, Website: phanviennganhangphuyen.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Công Thương Miền Trung Địa chỉ: 261 Nguyễn Tất Thành, P. 8, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên. Điện thoại: (0257) 38.28.248 Email: TuyenSinh@Mitc.Edu.vn, Website: Mitc.Edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề Phú Yên Địa chỉ: 276 Trường Chinh, P.7, TP. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3842328, Email: caodangnghephuyen@cdnp.edu.vn Website: cdnp.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Phú Yên Địa chỉ: 270 Trần Hưng Đạo, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên Điện thoại: (0257) 3.823547 Email: truongytepy@gmail.com, Website: ypy.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Khánh Hòa	
1.	Trường Đại Học Nha Trang Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, P. Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 831 149 Email: tuyensinh@ntu.edu.vn, Website: ntu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Thái Bình Dương Địa chỉ: 79 Mai Thị Đông, P. Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 727 181 Email: tbd@moet.edu.vn, Website: tbd.edu.vn
3.	Trường Đại Học Khánh Hòa Địa chỉ: 01 Nguyễn Chánh, P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3 523 420 – (0258) 3 522 476 Email: tttdvbdtx@ukh.edu.vn, Website: ukh.edu.vn

4.	TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG NHA TRANG Địa chỉ: 46 Nguyễn Thiện Thuật, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: (0258) 3526617 - (0258) 3523761 Email: nguyengkachuy2709@gmail.com, Website: dbdnhnhatrang.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm TW Nha Trang Địa chỉ: Đồng Đế, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3831166 - Fax: (0258) 3832736 Email: cm2@sptwnt.edu.vn, Website: sptwnt.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Y Tế Khánh Hoà Địa chỉ: 84 Quang Trung, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3.521171 Email: cdyt@khanhhoa.gov.vn, Website: cyk.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Nha Trang Địa chỉ: Đường N1, Khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3881139 Email: cdktcn@khanhhoa.gov.vn, Website: cdktcnnt.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Nha Trang Địa chỉ: 02, Đường Điện Biên Phủ, P.Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: (0258) 3551.777. Email: tuyensinh@ntc.edu.vn, Website: ntc.edu.vn
9.	Trường Cao Đẳng Y Dược Sài Gòn – CS Nha Trang Địa chỉ: Số 08 đường Pasteur, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà. Điện thoại: (0258) 3822 279 Email: Cdyduocsaiгон@gmail.com, Website: caodangyduocnhatrang.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Ninh Thuận	
1.	Trường Đại Học Nông Lâm – Phân hiệu Ninh Thuận Địa chỉ: Số 8 đường Yên Ninh, Thị trấn Khánh Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: (0259) 472252 (BP.Đào tạo) Email: phnt@hcmuaf.edu.vn Website: phnt.hcmuaf.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề Ninh Thuận Địa chỉ: Đường 16/4, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận Điện thoại: (0259) 3511540 Email: p.tchc.ntn@gmail.com, Website: cnn.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Lâm Đồng	
1.	Trường Đại Học Đà Lạt Địa chỉ: 01 Phủ Đồng Thiên Vương, P. 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: (0263) 3822246; Fax: 02630 3823380 Email: info@dlu.edu.vn; Website: dlu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Yersin Đà Lạt Địa chỉ: Số 27 Tôn Thất Tùng, P. 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 3552111, Fax: (0263) 3554966 Email: tuyensinh@yersin.edu.vn; Website: yersin.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Lâm Đồng Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 3822153, Fax: (0263) 3615000 Email: cdytld@caodangytelamdong.edu.vn, Website: cdytld.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Lâm Đồng Địa chỉ: 39 Trần Phú, P. 4, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: 0263. 3 831267 Website: ktktlđ.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Đà Lạt Địa chỉ: 109 Yersin, P. 10, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 3 822 489, Email: cdspdalat@lamdong.edu.vn Website: cdspdalat.edu.vn
6.	Trường CĐ Công Nghệ Và Kinh Tế Bảo Lộc Địa chỉ: 454 Trần Phú, P. 2, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 371.81.99 - 0982.062.822, Email: tttsbaoloc@gmail.com, Website: blc.edu.vn

7.	Trường Cao Đẳng Nghề Đà Lạt Địa chỉ: 01 Hoàng Văn Thụ, P. 4, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 3836654 - 3827063 Email: cdndalat@cdndalat.edu.vn, Website: cdndalat.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Đà Lạt Địa chỉ: Km số 5, Đường Cam Ly, Phường 7, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng Điện thoại: (0263) 355 4912 Email: daotaodtc@gmail.com, Website: dtc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Thuận	
1.	Trường Đại Học Phan Thiết Địa chỉ: 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận. Điện thoại: 076 253 8686 - (0252) 628 3838, Email: tuyensinhdht@upt.edu.vn, Website: upt.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Bình Thuận Địa chỉ: 205 Lê Lợi, P. Long Hưng, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận. Điện thoại: (0252) 3750072, Email: cdcdcbt@btu.edu.vn, Website: btu.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Bình Thuận Địa chỉ: 274 Nguyễn Hội, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận Điện thoại: (0252) 3821482, Fax: (02520 3832 453. Email: tcdyt@binhthuan.gov.vn, Website: cybt.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Nghề Tỉnh Bình Thuận Địa chỉ: 05 Đường Tôn Thất Bách, P. Phú Tài, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận Điện thoại: (0252) 3835084 - 3835086, Email: info@dnbt.edu.vn, Website: dnbt.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Đồng Nai	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Đồng Nai Địa chỉ: Số 4, Lê Quý Đôn, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3824 684 Email: lienhe@dnpu.edu.vn, Website: dnpu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Công Nghệ Đồng Nai Đường Nguyễn Khuyến, KP5, P.Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3996 473 - Fax: (0251) 3996 915 Email: info@dnpu.edu.vn, Website: dnpu.edu.vn
3.	Trường Đại Học Lạc Hồng Địa chỉ: 10, Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3952778, Fax: (0251) 3952534 Email: lachong@lhu.edu.vn, Website: lhu.edu.vn
4.	Trường Đại Học Lâm Nghiệp – Phân Hiệu Đồng Nai Địa chỉ: Thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3866.242, Fax: (0251) 3866.242 Email: tuyensinh@vnuf2.edu.vn, Website: vnu2.edu.vn
5.	Trường Đại học Công Nghệ Miền Đông Địa chỉ: Quốc lộ 1A, KP Tân Hưng Đạo, Thị Trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3772.668 - 772.669. Email: tuyensinhmut@gmail.com, Website: mut.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Trang Trí Đồng Nai Địa chỉ: 7 (368 cũ) Đường 30/4, P. Trung Dũng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3816 820 – (0251) 3822 042 Email: support@cda.edu.vn, Website: dongnaiart.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Thông Kê II Địa chỉ: KP5, P.Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3891 947 Email: cdkk.cos2@gmail.com, Website: thongke2.edu.vn

3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Nai Địa chỉ: Khu phố 9, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3 881.390 - (0251) 2211 154. Email: info@cyd.edu.vn, Website: cyd.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ & Quản Trị SONADEZI Địa chỉ: Số 01, đường 6A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3994.011, Email: info@sonadezi.edu.vn, Website: sonadezi.edu.vn
5.	Trường Cao đẳng Lê Quý Đôn Địa chỉ: 538 Quốc lộ 51, KP3, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: 0866 892 548. Email: info@lqd.edu.vn, Website: lqd.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Quốc Tế LiLama 2 Địa chỉ: Km 32 QL 51, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3558700 - Fax: (0251) 3558711 Email: Headoffice@lilama2.edu.vn Website: lilama2.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Nghề Số 8 - Bộ Quốc phòng Địa chỉ: Đường Bùi Văn Hòa, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3930 082 - 0397.028.929, Email: daylaixet8@gmail.com, Website: daylaixetn8.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Cơ Giới Và Thủy Lợi Địa chỉ: KM44, QL1A, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3968206 – (0251) 3865739. Email:cogioivathuylroi@gmail.com, Website: vcml.edu.vn
9.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Cao Đồng Nai Địa chỉ: 47 Tôn Đức Thắng, Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 384.4237 Email: longthanhvtc@gmail.com, Website: dcoht.edu.vn
10.	Trường Cao Đẳng Hòa Bình Xuân Lộc Địa chỉ: Giáo xứ Lai Ôn, Ấp Lộ Đức, Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3980 789 Email: caodanghoabinhxuanloc@gmail.com, Website: caodanghoabinhxuanloc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bình Dương	
ĐẠI HỌC	
1.	Trường Đại Học Thủ Dầu Một Địa chỉ: Số 06 Trần Văn Ôn, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3822 518 – 3837 150. Email: trungtamtuysinh@tdmu.edu.vn Website: tdmu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Quốc Tế Miền Đông Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Hoà Phú, TP. Mới Bình Dương, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 629 3036 - (0274) 2220 341. Email: info@eiu.edu.vn, Website: eiu.edu.vn
3.	Trường Đại Học Việt - Đức Địa chỉ: Đường Lê Lai, P. Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 222 0990 – 0988 54 52 54. Email: study@vgu.edu.vn; Website: vgu.edu.vn
4.	Trường Đại Học Bình Dương Địa chỉ: Số 504 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3822 058 - 3820 833. Email: info@bdu.edu.vn; Website: bdu.edu.vn
5.	Đại Học Kinh Tế - Kỹ Thuật Bình Dương Địa chỉ: 530 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3822847 - 3870795. Email: tuyensinh@kktk.edu.vn, kktktd@kktk.edu.vn; Website: kktk.edu.vn

CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Y Tế Bình Dương Địa chỉ: 529 Lê Hồng Phong, P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3822 727 - 3832867. Email: tuyensinhcbcy@gmail.com Website: cdytbinhduong.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề Việt Nam – Singapore Địa chỉ: Quốc lộ 13, P. Thuận Giao, TX. Thuận An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3831 413 – 3824 269 - 3820 655. Email: caodangnghe_vs@vsvc.edu.vn Website: vsvc.edu.vn
3.	Trường Cao đẳng Công Nghệ Cao Đồng An Địa chỉ: 90 đường 30/4, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3774 647 – Fax: (0274)3774573 Email: tuyensinh@dongan.edu.vn, Website: dongan.edu.vn
4.	Trường CĐ Công Nghệ Và Nông Lâm Nam Bộ Địa chỉ: Số 456 QL1k, KP. Nội Hóa 1, P. Bình An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3771 899. Email: ts.truongnghebambo@gmail.com, Website: cnnlb.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Đường Sắt - Phần Hiệu Phía Nam Địa chỉ: Số 07 đường Lý Thường Kiệt, P. Dĩ An, Tx. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3752 033 Email: phpn@truongduongsat.edu.vn Website: caodangduongsat-cs2.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Việt Nam – Hàn Quốc Bình Dương Địa chỉ: 06 Đường Đồng Cây Viêt, KP. 1, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3822.460 – 3825.665. Email: phonghanhchinhvietnan@gmail.com Website: viethanbd.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Nghề Số 22 – BQP Địa chỉ: Số 76, đường số 10, KP. Thống Nhất 2, P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: 0967342.888 – 0984 181501. Email: nguyendangduong.tcnso22@gmail.com
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Bình Phước	
1.	Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Cao Su Địa chỉ: 1428 Phú Riêng Đỏ, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước Điện thoại: (0271) 3879 787 – 3880 689. Email: caodangcaosu@ric.edu.vn, Website: ric.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Bình Phước Địa chỉ: Số 899, Quốc lộ 14, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước Điện thoại: (0271) 3881 236 Email: ductoanspbp@gmail.com, Website: bpcc.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Tây Ninh	
1.	Trường Cao Đẳng Su Phạm Tây Ninh Địa chỉ: KP. Ninh Trung, P. Ninh Sơn, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh. Điện thoại: (0276) 382 6478, Email: cdsptayninh@moet.edu.vn, Website: cdsptayninh.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề Tây Ninh Địa chỉ: 19 Võ Thị Sáu, KP.3, P.3, TP. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh Điện thoại: (0276) 3814 393 – 3815 480. Email: caodangnghe.tn@gmail.com, Website: cdnghetayninh.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Đắk Nông	
1.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Đắk Nông Địa chỉ: Đường Hùng Vương, Tổ dân phố 6, phường Nghĩa Trung, Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông Điện thoại: (0261) 3.577.699 - 3.500.299. Email: caodangcongdong@daknong.gov.vn Website: dncc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	
1.	Trường Đại Học Dầu Khí Việt Nam Địa chỉ: Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Toàn, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Điện thoại: (0254) 3738879 - (0254) 3738877 Website: pvu.edu.vn

2.	Trường Đại Học Bà Rịa - Vũng Tàu Địa chỉ: 80 Trường Công Định, P. 3, TP. Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 730 5456 - Fax: (0254) 353 22 33 Email: dhbrvt@bvuu.edu.vn, Website: bvuu.edu.vn
3.	Trường Đại học Mở - Địa chất Cơ Sở Đào Tạo Bà Rịa Vũng Tàu Địa chỉ: 59 Hùng Vương, Phước Hưng, Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3732 761 – 3721 829 Email: vungtau@humg.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Bà Rịa - Vũng Tàu Địa chỉ: 689 Cách Mạng Tháng Tám, P. Long Toàn, TP. Bà Rịa Điện thoại: (0254) 3826644 – 3825275, Email: cdsprvt@gmail.com, Website: cdsprvt.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Dầu khí Địa chỉ : 43 Đường 30/4, P. 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3838446 - 3838157 Email: info@pvmtc.com.vn, Website: pvmtc.com.vn
6.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Vũng Tàu Địa chỉ: 459 Trường Công Định - TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 385 9964 - 385 3334, Email: truongdulich@vtvc.edu.vn, Website: vtvc.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Công Nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu Địa chỉ: Khu phố Thanh Tân, Thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3866 420 Email: info@bctech.edu.vn, Website: bctech.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Quốc Tế Tuổi Trẻ VABIS Địa chỉ: Đường Trường Chinh, KP Vạn Hạnh, P. Phú Mỹ, Tx. Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3923 194 - 0855.007.008 Website: caodangtueduc.edu.vn
9.	Trường CD Khách Sạn Du Lịch Quốc Tế IMPERIAL Địa chỉ: 159 - 163 Thủy Vân, TP. Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 358 6789 Email: info@imperial.edu.vn Website: imperialhotelschool.edu.vn
Danh sách các Đại Học, Học viện, trường ĐH, CĐ tại Thành phố Hồ Chí Minh	
ĐẠI HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN	
	Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh Và Các Trường Thành Viên Địa chỉ: P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM. Điện thoại: (028) 37242181 – 37242 160, Email: info@vnuhcm.edu.vn, Website: vnuhcm.edu.vn
1.	Trường ĐH Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn – ĐHQG TP.HCM Địa chỉ : 10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM Điện thoại: (028) 3829 3828, Email: nhanvan@hcmussh.edu.vn Website: hcmussh.edu.vn
2.	Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên – ĐHQG-HCM Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cừ, P. 4, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: (028) 6288 4499; Email: bantinh@hcmus.edu.vn, Website: hcmus.edu.vn
3.	Trường ĐH Bách Khoa – ĐHQG-HCM Địa chỉ: 268 Lý Thường Kiệt, P. 14, Q. 10, TP.HCM Điện thoại: (028) 3865 1670, Email: tuyensinh@hcmut.edu.vn, Website: hcmut.edu.vn
4.	Trường ĐH Kinh Tế - Luật - ĐHQG-HCM Địa chỉ: Số 669 Đường Quốc lộ 1, KP. 3, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3724 4555, Email: info@uel.edu.vn; Website: uel.edu.vn
5.	Trường ĐH Quốc Tế - ĐHQG-HCM Địa chỉ : Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 37244270 - 37243228 Email: info@hcmiu.edu.vn, Website: hcmiu.edu.vn

6.	Trường ĐH Công Nghệ Thông Tin – ĐHQG-HCM Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện Thoại: (028) 3725.2002 Email: info@uit.edu.vn, Website: uit.edu.vn
7.	Khoa Y – ĐHQG-HCM Địa chỉ: Nhà Điều hành ĐHQG TP. HCM, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM. Điện thoại: (028) 37242160 Website: medvnu.edu.vn, Email: tttt@medvnu.edu.vn
8.	Viện Đào Tạo Quốc Tế - ĐHQG-HCM Địa chỉ: 08 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM Điện thoại: (028) 3931 3586, Website: iei.edu.vn
9.	Trường ĐH Y Dược TP.HCM Địa chỉ : 217 Hồng Bàng, P. 11, Q.5, TP.HCM Điện thoại: (028) 38558441 Email: daihocyduoc@ump.edu.vn; Website: ump.edu.vn
10.	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch Địa chỉ: 2 Dương Quang Trung, P.12, Q.10, TP.HCM Điện thoại: (028) 38.652.435 Email: info@pnt.edu.vn, Website: pnt.edu.vn
11.	Trường ĐH Ngoại Thương Cơ sở II – TP. HCM Địa chỉ: Số 15, đường D5, Khu Văn Thánh Bắc, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028) 35127258, Website: cs2.ftu.edu.vn
12.	Trường ĐH Sân Khấu, Điện Ảnh TP.HCM Địa chỉ: 125 Công Quỳnh, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (028) 38393658, Website: skdahcm.edu.vn
13.	Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM Địa chỉ: Số 1 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 38968641 - 37222764 Email: ptchc@hcmute.edu.vn; Website: hcmute.edu.vn
14.	Trường ĐH Sài Gòn Địa chỉ: 273 An Dương Vương, P. 3, Q.5, TP.HCM Điện thoại: (028) 38.354409 - 38.352309 Email: vanphong@sgu.edu.vn; Website: sgu.edu.vn
15.	Trường ĐH Tài Nguyên - Môi Trường TP.HCM Địa chỉ: 236B Lê Văn Sỹ, P. 1, Q. Tân Bình, TP. HCM Điện thoại: (028) 3844 3006, Email: tuyensinh@hcmunre.edu.vn Website: hcmunre.edu.vn
16.	Trường ĐH Tôn Đức Thắng Địa chỉ: 19 Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (028) 37 755 051- 37 755 052 - 19002024 Email: tuvantuyensinh@tdtu.edu.vn; Website: tdtu.edu.vn
17.	Trường ĐH Công Nghiệp TP.HCM Địa chỉ: 12 Nguyễn Văn Bào, P. 4, Q.Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: (028) 3 8940 390, Email: dhcn@iuh.edu.vn, Website: iuh.edu.vn
18.	Trường ĐH Giao Thông Vận tải TP. HCM Địa chỉ: 02, đường Võ Oanh, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 3899 1373 Email: ut-hcmc@ut.edu.vn; Website: ut.edu.vn
19.	Trường ĐH Kiến Trúc TP.HCM Địa chỉ: 196 Pasteur, P. 6, Q. 3, TP. HCM Điện thoại: (028) 38.222.748 Email: tuyensinh@uah.edu.vn, Website: uah.edu.vn
20.	Trường ĐH Lao Động - Xã Hội (cơ sở 2) Địa chỉ: Số 1018 Tô Ký, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP.HCM Điện thoại: (028) 3883 7814, Email: info@ldxh.edu.vn; Website: ldxh.edu.vn
21.	Trường ĐH Luật TP.HCM Địa chỉ: 02 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. HCM Điện thoại: 1900 5555 14 , Fax : (028) 3826.5291 Email: tuyensinh@hcmulaw.edu.vn ; Website: hcmulaw.edu.vn
22.	Trường ĐH Mở TP.HCM Địa chỉ: 35 – 37 Hồ Hảo Hớn, P. Cô Giang, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: 028-38364748 Email: ou@ou.edu.vn; Website: ou.edu.vn

23.	Trường ĐH Mỹ Thuật TP.HCM Địa chỉ: 5 Phan Đăng Lưu, P.3, Q.Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028) 3841 6010 Email: daotao@hcmufa.edu.vn, Website: hcmufa.edu.vn
24.	Phân Hiệu Trường ĐH GTVT Tại TP. HCM Địa chỉ: 450 - 451 Lê Văn Việt, P. Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3896.6798 - (028) 7300.1155 Email: banbientap@utc2.edu.vn, Website: utc2.edu.vn
25.	Trường ĐH Công Nghiệp Thực Phẩm TP.HCM Địa chỉ: 140 Lê Trọng Tấn, P.Tây Thạnh, Q. Tân phú, TP. HCM Điện thoại: (028) 38161673 – 38163 319, Email: info@hufi.edu.vn; Website: cntp.edu.vn
26.	Trường ĐH Ngân Hàng TP.HCM Địa chỉ: 36 Tôn Thất Đạm, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: (028) 3821 2430 – 38 291901; Email: dnhntphcm@buh.edu.vn; Website: buh.edu.vn
27.	Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM Địa chỉ: P. Linh Trung, TP.Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 3896.6780 Email: vphanhcinhh@hcmuaf.edu.vn; Website: hcmuaf.edu.vn
28.	Trường ĐH Tài Chính - Marketing Địa chỉ: Số 778 Nguyễn Kiệm, P. 4, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (028) 38726789 - 38726699; Email: contact@ufm.edu.vn, Website: ufm.edu.vn
29.	Trường ĐH Văn Hóa TP.HCM Địa chỉ: 51 Quốc Hương, P.Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM. Điện thoại: (028) 38992901 Email: dhvh@hcmuc.edu.vn, Website: hcmuc.edu.vn
30.	Trường ĐH Kinh tế - Tài Chính TP.HCM Địa chỉ: 141 - 145 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 5422 5555 - 5422 6666. Email: tuyensinh@uef.edu.vn Website: uef.edu.vn
31.	Trường ĐH Kinh Tế TP.HCM Địa chỉ : 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q. 3, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8295 299. Email: info@ueh.edu.vn, Website: ueh.edu.vn
32.	Trường ĐH Sư Phạm Thể Dục Thể Thao TP.HCM Địa chỉ: 639 Nguyễn Trãi, P. 11, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: (028) 38556300 Email: Bants.sts@moet.edu.vn; Website: upes.edu.vn
33.	Trường ĐH Sư Phạm TP.HCM Địa chỉ: 280 An Dương Vương, P. 4, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: (028) 3835 2020 Email: tuyensinh@hcmue.edu.vn Website: hcmue.edu.vn
34.	Trường ĐH Thể Dục Thể Thao TP. HCM Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 3896 0322 Email: tuyensinhush@gmail.com, Website: ush.edu.vn
35.	Phân Hiệu Trường ĐH Thủy Lợi - TP.HCM Địa chỉ: 02 Trường Sa, P.17, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 3840 0532 Email: phanhieu@tlu.edu.vn, Website: tlu.edu.vn
36.	Trường ĐH Hoa Sen Địa chỉ: 08 Nguyễn Văn Tráng, P. Bến Thành, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (028) 7300 7272 - 0908 275 276 Email: tuyensinh@hoasen.edu.vn Website: hoasen.edu.vn
37.	Trường ĐH Hùng Vương TP.HCM Địa chỉ: 736 Nguyễn Trãi, P. 11. Q. 5, TP.HCM Điện thoại: (028) 3855 3675 Email: info@hvuh.edu.vn, Website: hvuh.edu.vn

38.	Trường ĐH Ngoại Ngữ - Tin Học TP.HCM Địa chỉ: 828 Sư Vạn Hạnh, P.13, Q.10, TP.HCM Điện thoại: (028) 38 632 052 – 38 629 232. Email: contact@hufit.edu.vn, Website: hufit.edu.vn
39.	Trường ĐH Công Nghệ TP.HCM Địa chỉ : 475A Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028) 5445 7777 Email: hutech@hutech.edu.vn, Website: hutech.edu.vn
40.	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành Địa chỉ: 300A Nguyễn Tất Thành, P.13, Q. 4, TP.HCM Điện thoại: 1900 2039 Email: tuyensinh@ntt.edu.vn - ntt@ntt.edu.vn Website: ntt.edu.vn
41.	Trường ĐH Quốc Tế Hồng Bàng Địa chỉ: 215 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 73083.456 - 0938.69.2015, Email: hieu@hiu.vn, Website: hbu.edu.vn
42.	Trường ĐH Công Nghệ Sài Gòn Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, P. 4, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (028) 3850 5520, Email: contact@stu.edu.vn, Website: stu.edu.vn
43.	Trường ĐH Văn Hiến Địa chỉ: 665 - 667 - 669 Điện Biên Phủ, P.1. Q. 3, TP.HCM Điện thoại: (028) 3832 0333, Email: info@vhu.edu.vn, Website: vhu.edu.vn
44.	Trường ĐH Gia Định Địa chỉ: 185 -187 Hoàng Văn Thụ, P.8, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (028)7301.3456 – 096 1121 018 Email: tuyensinh@giadinh.edu.vn; Website: giadinh.edu.vn
45.	Trường ĐH Văn Lang Địa chỉ: Cơ sở chính: 68/69 Đặng Thùy Trâm, P.13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM Cơ sở 1: 45 Nguyễn Khắc Nhu, P. Cô Giang, Quận 1, TP.HCM Cơ sở 2: 233 Phan Văn Trị, P11, Quận Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 7105 9999, Website: www.vlu.edu.vn
46.	Phân Hiệu Trường ĐH Nội Vụ Hà Nội Tại TP. HCM Địa chỉ: Số 181 Lê Đức Thọ, P. 17, Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (028) 3894.3717- (028)3895.2372 Email: daihocnoivuhanoicosomiennam@gmail.com Website: trungnoivuu-csmn.edu.vn
47.	Trường ĐH FPT Địa chỉ: Lô E2a-7, Đường D1 Khu Công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Q. 9, TP. HCM. Điện thoại: (028) 7300 1866 Email: daihoc.hcm@fpt.edu.vn Website: daihoc.fpt.edu.vn
48.	Trường ĐH Quốc Tế Sài Gòn Địa chỉ: 08C, 16 & 18 Tổng Hữu Định, P.Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 36203932 – (028) 54093929 Email: admission@siu.edu.vn; Website: siu.edu.vn
49.	Trường ĐH Quốc Tế RMIT Việt Nam Địa chỉ: 702 Nguyễn Văn Linh,P. Tân Hưng, Q. 7, TP.HCM Điện thoại: (028) 3776 1369 Email: enquiries@mit.edu.vn, Website: rmit.edu.vn
50.	Học Viện Hàng Không Việt Nam Địa chỉ: 104 Nguyễn Văn Trỗi, P. 8, Q. Phú Nhuận, TP.HCM Điện thoại: (028) 38442251 Email: info@vaa.edu.vn, Website: vaa.edu.vn
51.	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông Cơ sở TP. HCM Địa chỉ: 11 Nguyễn Đình Chiểu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM Điện thoại: (028) 38.295.258 Email: hvbcthcm@ptithcm.edu.vn, Website: hcm.ptit.edu.vn
52.	Học Viện Cán Bộ Thành Phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: 324 Chu Văn An, P. 12, Q. Bình Thạnh, TP.HCM Điện thoại: (028)22437830, Email: qltdt@hcmca.edu.vn Website: tuyensinh.hcmca.edu.vn

53.	Nhạc Viện Thành phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: 112 Nguyễn Du, Q. 1, TP. HCM Điện thoại: (028) 38 225 841 Website: hcmcons.vn
54.	Trường Đại Học Fulbright Việt Nam Địa chỉ: Tầng 2, 105 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (028) 7303 2255 - 7303 7788. Email: info@fulbright.edu.vn, Website: fulbright.edu.vn
55.	Trường Đại Học Quản Lý Và Công Nghệ TP.HCM Địa chỉ: Đường 60CL, Khu đô thị Cát Lái, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: +84 28 3636 9119 Email: info@umt.edu.vn Website: umt.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Kinh tế TP.HCM Địa chỉ: 33 Vĩnh viễn, P. 2, Q. 10, TP.HCM Điện thoại: 028. 38330731 - 38322825 Email: hce@kthcm.edu.vn, Website: kthcm.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức Địa chỉ: 53 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (028) 38970023 - 38966825, Email: tdc@mail.tdc.edu.vn - tdc@tdc.edu.vn Website: tdc.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế Đối Ngoại Địa chỉ: 287 Phan Đình Phùng, P.15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8446 320 – 8459 971. Email: cofer@cofer.edu.vn, Website: cofer.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Cao Thắng Địa chỉ: 65 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM. Điện thoại: (0283) 8212 868, Email: ktcaothang@caothang.edu.vn, Website: caothang.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM Địa chỉ: 20 Tầng Nhơn Phú, P. Phước Long B, Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 37313631, Email: daotao@hitu.edu.vn, Website: hitu.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải Trung Ương VI Địa chỉ: 189 Kinh Dương Vương, P. 12, Q.6, TP.HCM Điện thoại: (0283) 8750 592 - 0868 245 755. Email: hcmct31976@gmail.com, Website: hcmct3.edu.vn
7.	Trường Cao Đẳng Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh Địa chỉ: 190 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP.HCM. Điện thoại: (028) 3722 0112 - 0903 643 409. Email: tuyensinh.hcc2@gmail.com Website: hcc2.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Trung Ương TP. HCM Địa chỉ: 182 Nguyễn Chí Thanh, P. 3, Q.10, TP. HCM Điện thoại: (028) 38359959 Email: vuvodinh@ncehcm.edu.vn, dt@ncehcm.edu.vn Website: cdsptw-tpHCM.vn
9.	Trường Cao Đẳng Điện Lực TP.HCM Địa chỉ: 554 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, TP.HCM Điện thoại: (028) 22155661 - 028.38919462; Email: hepc@hepc.edu.vn, Website: hepc.edu.vn
10.	Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải TP.HCM Địa chỉ: Số 252 Lý Chính Thắng, P. 9, Q. 3, TP.HCM Điện thoại: (0283) 8439 775 Email: info@hcmct.edu.vn, Website: hcmct.edu.vn
11.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng Địa chỉ: 390 đường Hoàng Văn Thụ, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM. Điện thoại: (0283) 8110 521, Email: tuyensinh@lttc.edu.vn, Website: lttc.edu.vn
12.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật TP.HCM Địa chỉ: 215 Nguyễn Văn Luồng, P. 11, Q. 6, TP.HCM Điện thoại: (0283) 8753 773 Email: ktkthcm@hotec.edu.vn, Website: ktkthcm.edu.vn
13.	Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật TP.HCM Địa chỉ: Số 5 Nam Quốc Cang, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. HCM Điện thoại: (0283) 9250 992 - 0968 052 700 Email: dt.vhntHCM.svhtt@phcm.gov.vn Website: vhnthcm.edu.vn
14.	Trường Cao Đẳng Viễn Đông Địa chỉ: Lô 2, Công viên Phần Mềm Quang Trung ,P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP. HCM Điện thoại: (0283) 89 11 111. Email: contact@viendong.edu.vn, Website: viendong.edu.vn
15.	Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Và Du Lịch Sài Gòn Địa chỉ: 70 Đường Tân Thới Nhất 8, Khu Phố 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8831 793 - 8831 796. Email: info@daihocdulich.edu.vn Website: daihocdulich.edu.vn
16.	Trường Cao Đẳng Phát Thanh Truyền Hình II Địa chỉ: 75 Trần Nhân Tôn, P.9, Q. 5, TP. HCM Điện thoại: (0283) 7151 994 - 0977.228.009 Email: vovedu@vov.edu.vn, Website: vov.edu.vn
17.	Trường Cao Đẳng NoVa Địa chỉ: 194 Lê Đức Thọ, P. 6, Q. Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: 1900 6364491. Website: novacollege.edu.vn
18.	Trường CĐ Công Nghệ Thông Tin TP.HCM Địa chỉ: 12 Trịnh Đình Thảo, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM. Điện thoại: (028) 39734983 - 3860 5003. Email: tuyensinh@itc.edu.vn, Website: itc.edu.vn
19.	Trường CĐ Bình Minh Sài Gòn Địa chỉ: 15k (số mới 424) Phan Văn Trị, P. 7, Q. Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: (0283) 5888 831 – 5888 832 Email: binhminhsaigon@aurora.edu.vn, Website: aurora.edu.vn
20.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Công Nghệ TP.HCM Địa chỉ: 138 Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, TP. HCM Điện thoại: (0286) 2933 744 Email: tuyensinh@hiast.edu.vn, Website: hiast.edu.vn
21.	Trường Cao Đẳng Miền Nam Địa chỉ: 416 Đường số 10, P. 9, Q. Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: (0283) 989 3967 Email: cdmiennam@cdmiennam.edu.vn Website: cdmiennam.edu.vn
22.	Trường Cao Đẳng Đại Việt Sài Gòn Địa chỉ: 12 Hoàng Minh Giám, P. 9, Q. Phú Nhuận, TP. HCM Điện thoại: (0282) 2122 599 - 08.4444.5999 Email: tuyensinh@trungdaiviet.edu.vn, Website: daivietusaigon.edu.vn
23.	Trường CĐ BC Công Nghệ Và Quản Trị Doanh Nghiệp Địa chỉ: 15 Trần Văn Trà, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM Điện thoại: (0285) 4135 026 – 0977 65 66 69. Email: daotao@ctim.edu.vn, Website: ctim.edu.vn
24.	Trường CĐ Y Dược Hồng Đức Địa chỉ: 05 Quang Trung, P. 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (0286) 255 6688. Email: info@hongduccollege.edu.vn Website: hongduccollege.edu.vn
25.	Trường Cao Đẳng Nghề Thành phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: 235 đường Hoàng Sa, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM Điện thoại: (0283) 5267 377 Email: cdntphcm@vnn.vn, Website: caodangnghetphcm.edu.vn
26.	Trường Cao Đẳng Hàng Hải II Địa Chỉ: Số 232 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền, Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (0286) 2818 696, Email: hmvc@cdhanghai.edu.vn; Website: cdhanghai.edu.vn

27.	Trường Cao Đẳng Sài Gòn Gia Định Địa chỉ: 514 Lê Quang Định, P. 1, Q. Gò Vấp, TP.HCM Điện thoại: (0286) 2 564 639 – 0971 327 840; Email: tuyensinhsaigongiadinh@gmail.com, Website: sgc.edu.vn
28.	Trường Cao Đẳng Quốc Tế TP. HCM Địa chỉ: 460 D Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q. Bình Tân, TP.HCM Điện thoại: (0285) 4047 799 - 0902 345 092. Email: xettuyen@gmail.com, Website: ich.edu.vn
29.	Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ II Địa chỉ: 502 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Bình, Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (0283) 7314063 - 7314 032. Email: phongtuyensinh@hvct.edu.vn Website: hvct.edu.vn
30.	Trường CĐ Giao Thông Vận Tải Trung Ương III Địa chỉ: 73 Văn Cao, P. Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM. Điện thoại: (0283) 8605 088, Email: cdgtvtw3@gmail.com; Website: cvct3.edu.vn
31.	Trường Cao Đẳng Giao Thông Vận Tải Đường Thủy II Địa chỉ: 33 Đường Đào Trí, P. Phú Mỹ, Q.7, TP. HCM Điện thoại: (0283) 7850 278. Email: cdn.dt2@gmail.com, Website: duongthuy.edu.vn
32.	Trường Cao Đẳng Sài Gòn Địa chỉ: Công viên Phần mềm Quang Trung, Toà nhà SaigonTech, Quận 12, Tp. HCM Điện thoại: (028) 37 155 033 - 0968 253 307. Email: admissions@saigontech.edu.vn; Website: caodangsaigon.edu.vn
33.	Trường Cao Đẳng Nghề Du Lịch Sài Gòn Địa chỉ: 347A Nguyễn Thượng Hiền, P.11, Q.10, TP.HCM Điện thoại: (0283) 834 4856 - 6297 3210. Email: tuvantuyensinh.dlsg@gmail.com, Website: dulichsaigon.edu.vn
34.	Trường Cao Đẳng Việt Mỹ Địa chỉ : 5-7-9-11 đường số 4, Khu dân cư Trung Sơn, TP.HCM Điện thoại: (028) 5433 6888 - 0938 90 5050; Email: info@caodangvietmy.edu.vn ; Website: caodangvietmy.edu.vn
35.	Trường Cao Đẳng An Ninh Mạng ISPACE Địa chỉ: 240 Võ Văn Ngân, P. Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 62 678 999 Email: lienhe@ispace.edu.vn Website: ispace.edu.vn
36.	Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ Địa chỉ: 02 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q. 1, TP.HCM Điện thoại: (0283) 8223758 - 8299 317. Email: tuyensinh@nguyentruongto.edu.vn, Website: nguyentruongto.edu.vn
37.	Trường Cao Đẳng Thủ Thiêm - TP. HCM Địa chỉ: 145 Lê Văn Thịnh, P. Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (0283) 7437 537 - 7437 037. Website: caodangthuthiem-hcm.edu.vn
38.	Trường Cao Đẳng Nghề Số 7 - Bộ Quốc Phòng Địa chỉ: 51/2 Thành Thái, P. 14, Q.10. TP.HCM Điện thoại: (0283) 866 5146, Website: caodang7.edu.vn
39.	Trường CĐ Công Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: 586 Kha Vạn Cân, P. Linh Đông, TP. Thủ Đức. TP.HCM Điện thoại: (028) 38966927. Email: vanphongvetc@gmail.com, Website: vetc.edu.vn
40.	Trường Cao Đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn Địa chỉ: 47 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP. HCM Điện thoại: (0283) 8503 120 - 8504 637 Email: namsaigon@namsaigon.edu.vn Website: namsaigon.edu.vn
41.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Sài Gòn Địa chỉ: 4/9 Hoàng Dư Khương, P. 12, Q. 10, TP. HCM Điện thoại: (0283) 5088 482 - 5088 483. Website: saigoncollege.edu.vn

42.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức Địa chỉ: Số 17, Đường 8, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM Điện thoại: (0283) 6029 585. Email: tonthuduc@gmail.com, Website: ctd.edu.vn
43.	Trường Cao Đẳng Du lịch Sài Gòn Địa chỉ: Số 215 Nơ Trang Long- P. 12 Q. Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: 0968 81 6981. Email: truongcaodangduoocsaiгон@gmail.com Website: truongcaodangduoocsaiгон.edu.vn
44.	Trường Cao Đẳng FPT – POLYTECHNIC – CS TP. HCM Địa chỉ: 778/B1 Nguyễn Kiệm, P.4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: (028) 62523434. Email: caodang@fpt.edu.vn, Website: caodang.fpt.edu.vn
45.	Trường Cao Đẳng Y Dược Sài Gòn Địa chỉ: PTT - Đường số 3- Lô số 07, CV phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP.HCM Điện thoại: (028) 71060.222 - 096.152.9898. Email: Cdyduocsaiгон@gmail.com Website: caodangyduocsaiгон.vn
46.	Trường Cao Đẳng Kiến Trúc – Xây Dựng TP.HCM Địa chỉ: 337 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. HCM Điện thoại: (028) 35 533 231. Website: txcd.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Long An	
1.	Trường Đại Học Tân Tạo Địa chỉ: Đại lộ Đại học Tân Tạo, E.City Tân Đức, Đức Hoà, Tỉnh Long An Điện thoại: (0272) 3769 216. Email: tuyensinh@ttu.edu.vn, Website: ttu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Kinh Tế - Công Nghiệp Long An Địa chỉ: 938, Quốc lộ 1A, P.Khánh Hậu, TP. Tân An, Tỉnh Long An. Điện thoại: (0272) 3512 826. Email: info@daihoclongan.edu.vn; Website: daihoclongan.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Long An Địa chỉ: 934 Quốc lộ 1, Khu phố Trường Khánh, P. Khánh Hậu, TP. Tân An, Tỉnh Long An. Điện thoại: (0272) 3.511.329 Website: caodangsuphamlongan.edu.vn Email: hieutruong.c49@moet.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ và Du Lịch Địa chỉ: 201 Nguyễn Văn Rành, P.7, TP.Tân An, Tỉnh Long An Điện thoại: (0272) 3839 177 - 0931 535 558. Email: ladec@ladec.com.vn, Website: ladec.com.vn
5.	Trường Cao Đẳng Nghề Long An Địa chỉ: 60 Quốc lộ 1A, P. 5, TP.Tân An, Tỉnh Long An Điện thoại: (0272) 3827 694. Email: tcdnla@longan.gov.vn, Website: caodangnghelongan.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Vĩnh Long	
1.	Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long Địa chỉ: 73 Nguyễn Huệ, P. 2, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3822 141 Email: spkvt@vlute.edu.vn; Website: vlute.edu.vn
2.	Trường Đại Học Xây Dựng Miền Tây Địa chỉ: 20B Phó Cơ Điều, P.3, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3825903 - 0988 897 176 Email: mtu@mtu.edu.vn - tuyensinh@mtu.edu.vn Website: mtu.edu.vn
3.	Trường Đại Học Cửu Long Địa chỉ: QL 1A, Phú Quới, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long. Điện thoại: (0270) 3821 155 – 3821 655. Email: cuulonguniversity@mku.edu.vn, Website: mku.edu.vn
4.	Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại Vĩnh Long Địa chỉ: 1B Nguyễn Trung Trực, P. 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3823359 – 3823443 Email: phvl@ueh.edu.vn, Website: ueh.edu.vn

5.	Trường Cao Đẳng Nghề Vĩnh Long Địa chỉ: QL1A, Xã Phú Quới, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long Điện thoại: (0270) 3.960.566 Email: bbt@vlvc.edu.vn, Website: vlvc.edu.vn
6.	Trường Cao Đẳng Nghề Số 9 Địa chỉ: 09 Đường Phạm Hùng, P. 9, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. Điện thoại: (0270) 3502 555 – 3824 564. Website: caodangngheso9.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Tiền Giang	
1.	Trường Đại Học Tiền Giang Địa chỉ: 119 Ấp Bắc, P. 5, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3872 624 – 6250 200 Email: daihoc_tg@tgu.edu.vn; Website: tgu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Y Tế Tiền Giang Địa chỉ: 83 Thái Sanh Hạnh, P. 9, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3951464 – 3872 970. Website: caodangytcg.edu.vn Email: caodangytcg@tiengiang.gov.vn
3.	Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ Địa chỉ: Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang. Điện thoại: (0273) 3850 136 Email: info@nbac.edu.vn, Website: sac.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Tiền Giang Địa chỉ: 11B/17 Học Lạc , P. 8, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3958 684. Email: caodangtiengiang@gmail.com, Website: tvs.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Đồng Tháp	
1.	Trường Đại Học Đồng Tháp Địa chỉ: 783 Phạm Hữu Lầu, P. 6, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: (0277) 3881 518 Email: dhdt@dthu.edu.vn; Website: dthu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Đồng Tháp Địa chỉ: 259 Thiên Hộ Dương, P. Hòa Thuận, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: (0277) 3851 523 Email: cdcdt@dtcc.edu.vn, Website: dtcc.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Đồng Tháp Địa chỉ: 312 Nguyễn Thái Học, P. 4, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp Điện thoại: (0277) 3854 133 – 3853 750 Email: cya@cdytdt.edu.vn, Website: cdytdt.edu.vn
Danh sách các trường CĐ tại tỉnh Bến Tre	
1.	Trường Cao Đẳng Bến Tre Địa chỉ: 1H, Ấp 1, xã Sơn Đông, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre Điện thoại: (0275) 3822 294. Email: tuyensinhbtr@yahoo.com.vn, Website: cdbt.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Đồng Khởi Địa chỉ: 17A4 Quốc lộ 60, P. Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre Điện thoại: (0275) 3822 194 – 3834 225. Email: tuyensinhcdk@gmail.com, Website: cndongkhoei.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Trà Vinh	
1.	Trường Đại Học Trà Vinh Địa chỉ: Số 126 Nguyễn Thiện Thành - Khóm 4, P. 5, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh Điện thoại: (0294) 3855 246 Email: banbientapwebsite@tvu.edu.vn Website: tvu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Y Tế Trà Vinh Địa chỉ: Số 7 Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4, Phường 5, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh Điện thoại: (0294) 3853 815. Email: phongdaotaocdytv77@gmail.com Website: tvmc.edu.vn

Danh sách các trường CĐ tại Sóc Trăng	
1.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Sóc Trăng Địa chỉ: 400 Lê Hồng Phong, Khóm 5, P. 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng Điện thoại: (0299) 3821730; Email: cdcdst@vnn.vn; Website: stcc.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Sóc Trăng Địa chỉ: Số 139, Tỉnh lộ 934, Ấp Hòa Mỹ, TT. Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng Điện thoại: (0299) 3827028; Email: cdcdst@vnn.vn, Website: stcc.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Nghề Sóc Trăng Địa chỉ: 176 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khóm 4, P. 7, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Điện thoại: (0299) 3614 946 – 3829 896. Website: svc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại TP. Cần Thơ	
ĐẠI HỌC	
1.	Đại Học Cần Thơ Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3832 663 Email: dhct@ctu.edu.vn; Website: ctu.edu.vn
2.	Trường Đại Học Kỹ Thuật - Công Nghệ Cần Thơ Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3898 167 - 3890 765. Email: phonghanhchinh@ctuvt.edu.vn; Website: ctuet.edu.vn
3.	Trường Đại Học Nam Cần Thơ Địa chỉ: 168 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ Điện thoại : (0292) 3798222 - 3 798 668. Email: dnc@moet.edu.vn, Website: nctu.edu.vn
4.	Trường Đại Học Tây Đô Địa chỉ: 68 Lò Hữu Thanh Mỹ (Trần Chiên), P. Lê Bình, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3840 666 – 3840222 – 3740 768. Email: admin@tdu.edu.vn; website: tdu.edu.vn
5.	Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ Địa chỉ: 179 Nguyễn Văn Cừ, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3739 730 Email: ctump@ctump.edu.vn, Website: ctump.edu.vn
CAO ĐẲNG	
1.	Trường Cao Đẳng Cần Thơ Địa chỉ: số 413 đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3838306 Email: caodangct@cdct.edu.vn, Website: sv1.cdct.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Cần Thơ Địa chỉ: 09 Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3826072 Email: ktkct@ctec.edu.vn, Website: ctec.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Cần Thơ Địa chỉ: 340 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3 890550, Website: mcc.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Nghề Cần Thơ Địa chỉ: 57 Cách Mạng Tháng Tám, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3821327 Email: caodangnghecantho@cantho.gov.vn, Website: ctvc.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Du Lịch Cần Thơ Địa chỉ: 47 Đường số 1, Khu vực 3 Sóng Hậu, Cồn Khương, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3797878. Email: tcldct@gmail.com, Website: ctc.edu.vn

6.	Trường CĐ Cơ Điện Và Nông Nghiệp Nam Bộ Địa chỉ: Số 184 - Tỉnh lộ 923 (Lộ Vòng Cung), P. Phước Thới, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3 862 067 Email: cdcodien08@yahoo.com - cen@moet.edu.vn, Website: cea.edu.vn
7.	Trường Cao đẳng văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ Địa chỉ: 188/35A Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3890.027 – (0292) 3899.028 Email: truongcdvht@cantho.gov.vn Website: vhtcantho.edu.vn
8.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế Đối Ngoại - CS Cần Thơ Địa chỉ: Số 8 Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ Điện thoại: (0292) 22.12.440 Email: cosocantho@cofer.edu.vn
9.	Trường cao đẳng FPT Polytechnic Cần Thơ Địa chỉ: Số 288, Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 7300 468
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Hậu Giang	
1.	Trường ĐH Võ Trường Toản Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, Tân Phú Thạnh, Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang. Điện thoại: (0293) 3953 222 - 3953 666 Email: info@vtu.edu.vn, Website: vtu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hậu Giang Địa chỉ: Đường 19/8, Xã Vị Tân, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang. Điện thoại: (029) 3.3581.212 – 3870 190 Email: hgcc@hgcc.edu.vn, Website: hgcc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh An Giang	
1.	Trường Đại Học An Giang Địa chỉ: 18 Ung Văn Khiêm, P. Đồng Xuyên, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang Điện thoại: (0296) 6256 565 Email: webmaster@agu.edu.vn Website: agu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Nghề An Giang. Địa chỉ: 841 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên - Tỉnh An Giang Điện thoại: (0296) 3.953.739, Email: Caodangnghe@angiang.gov.vn Website: agvc.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Kiên Giang	
1.	Trường Đại Học Kiên Giang Địa chỉ: 320A Quốc lộ 61, TT. Minh Lương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3926 714. Email: qlot@vnkgu.edu.vn, Website: vnkgu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Kiên Giang Địa chỉ: 425 Mạc Cửu, P.Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3863 530 - 3872 086 Email: kgc@kgc.edu.vn, Website: kgtec.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Sư Phạm Kiên Giang Địa chỉ: 449 Nguyễn Chí Thanh, Khu Phố 6, P. Rạch Sỏi, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang. Điện thoại: (0297) 3911071 – 3865 498. Email: phongdaotao@cdspkg.edu.vn Website: cdspkg.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Y Tế Kiên Giang Địa chỉ: 14 Phạm Ngọc Thạch, Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3946 721, Email: tuyensinh@kgmc.edu.vn, Website: kgmc.edu.vn
5.	Trường Cao Đẳng Nghề Kiên Giang Địa chỉ: 1022 Nguyễn Trung Trực,P. An Hòa, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang Điện thoại: (0297) 3814 946 – 3814 947 Website: caodangnghekg.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Bạc Liêu	
1.	Trường Đại Học Bạc Liêu Địa chỉ: 178 Võ Thị Sáu, P.8, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Điện thoại: (0291) 3821 107. Email: tuyensinh@blu.edu.vn, Website: blu.edu.vn

2.	Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Bạc Liêu Địa chỉ: 10 Tôn Đức Thắng, Khóm 10, P.1, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu Điện thoại: (0291) 3822 589 - 825 619 Website: ktktbl.edu.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Bạc Liêu Địa chỉ: 01 Đoàn Thị Điểm, P. 3, TP. Bạc Liêu, Bạc Liêu Điện thoại: (0291) 3826 265 – 3822 222 Email: caodangytebaclieu@gmail.com, Website: cdytbaclieu.edu.vn
4.	Trường Cao Đẳng Nghề Bạc Liêu Địa chỉ: 68 Tôn Đức Thắng, Khóm 7, P. 1, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu Điện thoại: (0291) 3822 358. Email: caodangnghe.bl@gmail.com, Website: cdnbl.edu.vn
Danh sách các trường ĐH, CĐ tại tỉnh Cà Mau	
1.	Trường ĐH Bình Dương – Phân Hiệu Cà Mau Địa chỉ: Số 03 Lê Thị Riêng, P. 5, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3997 777 – 3552 177. Email: tuyensinh.cm@bdu.edu.vn Website: camau.bdu.edu.vn
2.	Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Cà Mau Địa chỉ: 126 Đường 3/2, P. 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3 825 262 – 828 234. Email: cdcd.d61@moet.edu.vn; Website: caodangcongdong.camau.gov.vn
3.	Trường Cao Đẳng Y Tế Cà Mau Địa chỉ: 01 Nguyễn Đình Chiểu, P.8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3828 575. Email: caodangytecamau@gmail.com; Website: caodangyte.camau.gov.vn
4.	Trường CĐN Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau Địa chỉ: Số 8 Đường Mậu Thân, P. 9, TP.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Điện thoại: (0290) 3592 101– 3832 835. Email: camau.vkc@gmail.com Website: camauvkc.edu.vn
Các Học viện, Trường ĐH, CĐ Quân đội và Công an	
TRƯỜNG QUÂN ĐỘI	
1.	Học Viện Quân Y Địa chỉ: 160 Phùng Hưng, P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội Điện thoại: 0693.698913 Email: hvqy@vmmu.edu.vn, Website: hocvienquany.vn
2.	Học Viện Kỹ Thuật Quân Sự Địa chỉ: 236 Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội Điện thoại 069.515200, Email: info@mta.edu.vn, Website: mta.edu.vn
3.	Học Viện Kỹ Thuật Quân Sự Cơ Sở TP. HCM Địa chỉ: Số 71 Cộng Hoà, P. 4, Q. Tân Bình, TP.HCM Điện thoại: (028) 3866 4082, Website: mta.edu.vn
4.	Học Viện Kỹ Thuật Mật Mã Địa chỉ: 141 đường Chiến Thắng, Tân Triều, Thanh Trì, TP.Hà Nội. Điện thoại: (024) 38544244 – 0986 622 772. Email: contact@actvn.edu.vn, Website: actvn.edu.vn
5.	Phân Hiệu Học Viện Kỹ Thuật Mật Mã Tại TP.HCM Địa chỉ: 17A Cộng Hòa, P. 4, Q.Tân Bình, TP.HCM Điện thoại: (028) 62939206 - 0903.458.774 Email: admin@actvn.edu.vn, Website: hcmact.edu.vn
6.	Học Viện Khoa Học Quân Sự Địa chỉ: Kim Chung, Hoài Đức, TP.Hà Nội. Điện thoại: (024) 35659449 – 03868 66 246. Email: hvkhqs.edu.vn@gmail.com, Website: hvkhqs.edu.vn
7.	Học Viện Phòng Không - Không Quân Địa chỉ: Xã Kim Sơn, Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 069592892 Email: tuyensinhquansu@hocvienpkq.com, Website: Hocvienpkq.com
8.	Học Viện Hải Quân Điện thoại: Số 30 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà Điện thoại: (0258) 3881102 - 0697 54606 Email: hocvienhaiquan@hocvienhaiquan.edu.vn, Website: hocvienhaiquan.edu.vn

9.	Học Viện Biên Phòng Địa chỉ: Sơn Lộc, Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 0693. 596004. Email: bbt@hvpb.edu.vn, Website: hvpb.edu.vn
10.	Học Viện Hậu Cần Địa chỉ: Ngọc Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội Điện thoại: 069.577.681 - 0376.293.783 Website: hocvienhaucan.edu.vn
11.	Trường ĐH Chính Trị (Trường Sĩ Quan Chính Trị) Địa chỉ: Thạch Hoà, Thạch Thất, Hà Nội Điện thoại: (069).597.654 Email: banbtxb@gmail.com Website: daihocchinhtri.edu.vn
12.	Trường ĐH Trần Quốc Tuấn (Sĩ quan Lục quân 1) Địa chỉ: Xã Cổ Đông, Thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 33686102, Email: daihoctranquocluan@gmail.com, Website: sq1.edu.vn
13.	Trường ĐH Nguyễn Huệ (Sĩ Quan Lục Quân 2) Địa chỉ: Xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 352 9100. Website: daihocnguyenhue.edu.vn Email: tuyensinhq2@gmail.com
14.	Trường Sĩ Quan Pháo binh Địa chỉ: Thanh Mỹ, Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 33930.194 - 069.595.831 Email: tsqpbvn@gmail.com, Website: tsqpb.edu.vn
15.	Trường Sĩ Quan Tăng - Thiết Giáp Địa chỉ: Xã Kim Long, Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc Điện thoại: (0211) 353 9021 Email: info@tsqtg@gmail.com, Website: siquantangthietgiap.vn
16.	Trường Sĩ Quan Đặc Công Địa chỉ: Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 3384 0625 Email: tsqdc.edu.vn@gmail.com, Website: tsqdc.edu.vn
17.	Trường Sĩ Quan Phòng Hóa Địa chỉ: Sơn Đông, Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 0693. 591115 Email: info@siquanphonghoa.edu.vn Website: siquanphonghoa.edu.vn
18.	Trường Đại Học Ngô Quyền (Sĩ quan Công binh) Địa chỉ: 229B Bạch Đằng, P. Phú Cường, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Điện thoại: (0274) 3-859632, 3-829434 Email: khcn.tsqcb@gmail.com, Website: tsqcb.edu.vn
19.	Trường Sĩ Quan Thông Tin Địa chỉ: 101 Mai Xuân Thưởng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: 02583-832-055 Email: info@mitechcenter.vn, Website: tcu.edu.vn
20.	Trường Sĩ Quan Không Quân Địa chỉ: Cổng 3 đường Biệt Thự, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Điện thoại: 069 751 351 Website: tsqkq.edu.vn
21.	Trường ĐH Văn hóa - Nghệ Thuật Quân Đội CS1 Địa chỉ: 101 Nguyễn Chí Thanh, P.Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 62663068 - 069522450, Email: vnq.edu@gmail.com, Website: vnq.edu.vn
22.	Trường ĐH Văn hóa - Nghệ Thuật Quân Đội CS2 Địa chỉ: 140 Đường Cộng Hòa - Phường 4, Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 069.667350 Email: nhahatquandoi.phianam@gmail.com Website: nhahatquandoi.phianam.vnq.edu.vn
23.	Trường Đại Học Trần Đại Nghĩa (Sĩ quan Kỹ Thuật QS Vinhempich) Địa chỉ: 189 Đường Nguyễn Oanh, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM Điện thoại: (028) 3894 0535 Email: lienhe@tdnu.edu.vn, Website: tdnu.edu.vn

24.	Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Quốc Phòng Địa chỉ: Phường Thanh Vinh, Thị Xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ Cơ sở 2: Số 22/103 đường Lý Sơn, Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội Điện thoại: 024. 38 27 32 64, Website: cdcnqp.edu.vn
25.	Trường Cao Đẳng Công Nghệ Và Kỹ Thuật Ôtô Địa chỉ: Phường Xuân Khanh TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội Điện thoại: 069 592468, - 0989531733, Email: tuyensinhcdcnoto@gmail.com; Website: caodangoto.edu.vn
TRƯỜNG CÔNG AN	
1.	Học Viện Chính Trị Công An Nhân Dân Địa chỉ: Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội Điện thoại: 0243. 2052086 Email: webmaster@hvctcand.edu.vn Website: hvctcand.edu.vn
2.	Học Viện Cảnh Sát Nhân Dân Địa chỉ: Phường Cổ Nhuế 2, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội. Điện thoại: 069 3836 2811 – 069 2346002 Email: cttldt@hvcnsd.edu.vn. Website: hvcnsd.edu.vn
3.	Học Viện An Ninh Nhân Dân Địa chỉ: 125 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, TP. Hà Nội Điện thoại: 069 2345 898, Email: congtdt.c500@gmail.com Website: hvannnd.edu.vn
4.	Trường Đại Học An Ninh Nhân Dân Địa chỉ: Km18 Xa Lộ, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (0283).896.3883 Email: info@dhan.edu.vn, Website: dhannd.edu.vn
5.	Trường Đại Học Cảnh Sát Nhân Dân Địa chỉ: 36 Nguyễn Hữu Thọ, P.Tân Phong, Q.7, TP.HCM Địa điểm đào tạo số 2: 179A Kha Vạn Cân - Phường Linh Tây - Quận Thủ Đức Địa điểm đào tạo số 3: phường An Thới - quận Bình Thủy - TP Cần Thơ Điện thoại: (028) 6686 0550, Website: pup.edu.vn
6.	Trường Đại Học Phòng Cháy Chữa Cháy Địa chỉ: 243 Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội Cơ sở 2: Xã Hoà Sơn - Lương Sơn - Hoà Bình Cơ sở 3: Xã An Phước - Long Thành - Đồng Nai Điện thoại: (0243) 553 3006 Website: daihocpccc.edu.vn, Email: daihocpccc@gmail.com
7.	Trường ĐH Kỹ Thuật - Hậu Cần Công An Nhân Dân Địa chỉ: Ngõ 4 Đồng Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh. Điện thoại: 069.2324.285, Email: admin@dhkthc.edu.vn Website: dhkthc.bocongan.gov.vn
8.	Trường Cao Đẳng An Ninh Nhân Dân I Địa chỉ: Xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội Điện thoại: (024) 38850517
9.	Trường Cao Đẳng An Ninh Nhân Dân II Địa chỉ: Xã Tam Phước, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3511642
10.	Trường Cao Đẳng Cảnh Sát Nhân Dân I Địa chỉ: Xã Thủy Xuân Tiên, Huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 38542501 - 3309, Email: cdcsnd@gmail.com, Website: cdcsnd1.edu.vn
11.	Trường Cao Đẳng Cảnh Sát Nhân Dân II Địa chỉ: 247 Đặng Văn Bi, P. Trường Thọ, TP.Thủ Đức, TP.HCM Điện thoại: (028) 3896 6665, Website: caodangcsnd2.edu.vn

Danh bạ ĐH, CĐ mang tính tham khảo, để biết thêm chi tiết về trường các bạn vào Website của các trường để có thông tin (cập nhật tháng 3/2022)

**Sổ tay hướng nghiệp, những thông tin cần biết về tuyển sinh Đại học,
Cao đẳng 2022 - Sổ tay tặng học sinh lớp 12**

**Công ty cổ phần Kết nối Văn hóa Việt (VHV),
VP. Bộ Giáo dục và Đào tạo
Trung tâm phát triển Giáo dục và Đào tạo phía Nam,
Trung tâm Hỗ trợ học sinh, sinh viên Thành Phố Hồ Chí Minh (SAC)**
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở:

Phòng 501, Nhà Điều hành ĐHQG-HCM,
phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh.
ĐT: 028 62726361
E-mail: vnuhp@vnuhcm.edu.vn

Văn phòng đại diện:

Tòa nhà K-Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân
văn, số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 028 62726390
Website: www.vnuhcmppress.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung
TS ĐỖ VĂN BIÊN

Biên tập
LÊ THỊ THU THẢO

Sửa bản in
PHAN KHÔI

Trình bày bìa
CÔNG TY CP KẾT NỐI VĂN HOÁ VIỆT

Đối tác liên kết
CÔNG TY CP KẾT NỐI VĂN HOÁ VIỆT

Xuất bản lần thứ 1. Số lượng in: 50.000 cuốn, khổ 16 x 24cm. Số XNĐKXB: 1089-2022/CXBIPH/21-11/ĐHQGTPHCM. QĐXB số: 50/QĐ-NXB cấp ngày 08/4/2022. In tại: Công ty TNHH Một thành viên Lê Quang Lộc. Địa chỉ: 161 Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. HCM. Nộp lưu chiểu: Năm 2022. ISBN: **978-604-73-8962-9**.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ bởi Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Nghiêm cấm mọi hình thức xuất bản, sao chép, phát tán nội dung khi chưa có sự đồng ý của tác giả và Nhà xuất bản.

ĐỂ CÓ SÁCH HAY, CẦN CHUNG TAY BẢO VỆ TÁC QUYỀN!



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
 SÁNG TẠO - DẪN DẮT - TRÁCH NHIỆM

THÔNG TIN TUYỂN SINH
NĂM 2022 (dự kiến)



- ★ Là trường đại học công lập, có lịch sử phát triển hơn 65 năm hình thành và phát triển với 3 giai đoạn: ĐH Văn Khoa (1958), Trường ĐH Tổng hợp (1976) và Trường ĐH KH&HTNV (1996);
- ★ Là trường thành viên của ĐHQG-HCM - hệ thống đại học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao của cả nước, đứng top 701-750 trong bảng xếp hạng QS World (bảng xếp hạng đại học thế giới); top 600 thế giới lĩnh vực khoa học xã hội (Social Science);

- ★ Trường có mối quan hệ hợp tác và nghiên cứu đào tạo với 250 đối tác quốc tế;
- ★ Là trường đại học đào tạo khối ngành khoa học xã hội và nhân văn lớn nhất phía Nam;
- ★ Dẫn đầu cả nước về số lượng, học viên người nước ngoài theo học;
- ★ Tiên phong khai mở những ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội: Việt Nam học, Đông phương học, Quan hệ quốc tế, Nhân học, Đô thị học, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Ý...

MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP
7140101	70	GIÁO DỤC HỌC	B00, C00, C01, D01
7140114	50	QUẢN LÝ GIÁO DỤC	A01, C00, D01, D14
7220201	210	NGÔN NGỮ ANH	D01
7220201_CLC	130	NGÔN NGỮ ANH_CLC	D01
7220202	65	NGÔN NGỮ NGA	D01, D02
7220203	85	NGÔN NGỮ PHÁP	D01, D03
7220204	145	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC	D01, D04
7220204_CLC	60	NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC_CLC	D01, D04
7220205	50	NGÔN NGỮ ĐỨC	D01, D05
7220205_CLC	40	NGÔN NGỮ ĐỨC_CLC	D01, D05
7220206	50	NGÔN NGỮ TÂY BAN NHA	D01, D03, D05
7220208	50	NGÔN NGỮ ITALIA	D01, D03, D05
7229001	60	TRIẾT HỌC	A01, C00, D01, D14
7229009	50	TÔN GIÁO HỌC	C00, D01, D14
7229010	100	LỊCH SỬ	C00, D01, D14
7229020	80	NGÔN NGỮ HỌC	C00, D01, D14
7229030	135	VĂN HỌC	C00, D01, D14
7229040	87	VĂN HOÁ HỌC	C00, D01, D14
7310206	120	QUAN HỆ QUỐC TẾ	D01, D14
7310206_CLC	80	QUAN HỆ QUỐC TẾ_CLC	D01, D14
7310301	140	XÃ HỘI HỌC	A00, C00, D01, D14

MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	TÊN NGÀNH	TỔ HỢP
7310302	60	NHÂN HỌC	C00, D01, D14
7310401	125	TÂM LÝ HỌC	B00, C00, D01, D14
7310403	54	TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC	B00, B08, D01, D14
7310501	95	ĐỊA LÝ HỌC	A01, C00, D01, D15
7310608	178	ĐÔNG PHƯƠNG HỌC	D01, D04, D14
7310613	95	NHẬT BẢN HỌC	D01, D06, D14
7310613_CLC	60	NHẬT BẢN HỌC_CLC	D01, D06, D14
7310614	145	HÀN QUỐC HỌC	D01, D14, DD2, DH5
7320101	100	BẢO CHÍ	C00, D01, D14
7320101_CLC	60	BẢO CHÍ_CLC	C00, D01, D14
7320104	70	TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN	D01, D14, D15
7320201	60	THÔNG TIN - THƯ VIỆN	A01, C00, D01, D14
7320205	70	QUẢN LÝ THÔNG TIN	A01, C00, D01, D14
7320303	60	LƯU TRỮ HỌC	C00, D01, D14
7340406	65	QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG	C00, D01, D14
7310630	50	VIỆT NAM HỌC	C00, D01, D14, D15
7310630_NN	30	VIỆT NAM HỌC	Kết quả Kỳ thi năng lực tiếng Việt
7580112	100	ĐÔ THỊ HỌC	A01, C00, D01, D14
7760101	90	CÔNG TÁC XÃ HỘI	C00, D01, D14
7810103	115	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	C00, D01, D14
7810103_CLC	60	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH_CLC	C00, D01, D14

📌 CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG

Ngành Lịch sử, Ngành Ngôn ngữ học, Ngành Văn học.

📌 CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngành Nhật Bản học, Ngành Báo chí, Ngành Quan hệ Quốc tế, Ngành Ngôn ngữ Anh, Ngành Ngôn ngữ Đức, Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Ngành Hàn Quốc học (dự kiến).

📌 CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ 2+2

- ✓ Cử nhân Truyền thông (Liên kết với ĐH Deakin, Úc);
- ✓ Cử nhân Quan hệ Quốc tế (Liên kết với ĐH Deakin, Úc);
- ✓ Cử nhân Ngôn ngữ Anh (Liên kết với Trường ĐH Minnesota Crookston, Hoa Kỳ);
- ✓ Cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc (Liên kết ĐH Sư Phạm Quảng Tây, Trung Quốc).

📌 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH

Sinh viên đăng kí sau khi kết thúc năm học thứ nhất các ngành: Báo chí, Tâm lý học, Ngôn ngữ Anh, Quan hệ Quốc tế, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

📌 PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH DỰ KIẾN:

- ✓ **Phương thức 1:** Ưu tiên xét tuyển, tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT); Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2022 (theo quy định của ĐHQG-HCM);
- ✓ **Phương thức 2:** Ưu tiên xét tuyển (UTXT) theo Quy định của ĐHQG-HCM;
- ✓ **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2022;
- ✓ **Phương thức 4:** Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2022;
- ✓ **Phương thức 5:** Phương thức khác, bao gồm:
 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài;
 - Ưu tiên xét tuyển học sinh là thành viên đội tuyển của tỉnh, thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố;
 - Xét tuyển thí sinh đạt thành tích cao trong hoạt động xã hội, văn nghệ, thể thao...
- ✓ **Phương thức 6:** Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội năm 2022.

Thông tin liên hệ

☎ 1900 1957

☎ 0868 223 237

🌐 www.fb.com/ussh.admission

🌐 www.tuyensinh.hcmussh.edu.vn



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP



CHƯƠNG TRÌNH **LIÊN KẾT**
với **ĐH FLINDERS, Úc**
Văn bằng: Do **ĐH Flinders** cấp

CHƯƠNG TRÌNH **LIÊN KẾT**
với **ĐH ROUEN, Pháp**
Văn bằng: Do **ĐH Rouen** cấp

CHƯƠNG TRÌNH **LIÊN KẾT**
với **ĐH BOND, Úc**
Văn bằng: Do **ĐH Bond** cấp

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ

NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT	NGÀNH	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XT
• Kinh tế	7310101	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Anh	• Công nghệ sinh học	7420201	Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh
• Quản trị kinh doanh	7340101		• Công nghệ thực phẩm	7540101	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Anh Toán, Hóa, Sinh Toán, Lý, Anh
• Marketing	7340115		• Luật (2)	7380101	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Sử, Địa
• Kinh doanh quốc tế	7340120		• Luật kinh tế (2)	7380107	Toán, Văn, Ngoại ngữ (3)
• Tài chính – Ngân hàng	7340201		• Đông Nam Á học	7310620	Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Ngoại ngữ (5)
• Kế toán	7340301		• Xã hội học	7310301	Văn, Sử, Địa Văn, KHXH, Ngoại ngữ (5)
• Kiểm toán	7340302		• Công tác xã hội	7760101	
• Quản lý công (Mới)	7340403		• Ngôn ngữ Anh (4)	7220201	Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Anh; Văn, KHXH, Anh
• Hệ thống thông tin quản lý	7340405		• Ngôn ngữ Trung Quốc (4)	7220204	Văn, Toán, Ngoại ngữ (5)
• Khoa học máy tính (1)	7480101		• Ngôn ngữ Nhật (4)	7220209	Văn, KHXH, Ngoại ngữ (5)
• Công nghệ thông tin (1)	7480102		• Ngôn ngữ Hàn Quốc (4)	7220210	
• CNKT công trình xây dựng (1)	7510102				
• Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605				
• Quản lý xây dựng (1)	7580302				
• Quản trị nhân lực	7340404	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Sử, Văn			
• Du lịch	7810101				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

• Luật kinh tế	7380107C	Toán, Hóa, Anh; Toán, Lý, Anh Văn, Sử, Anh; Toán, Văn, Anh	• Quản trị kinh doanh	7340101C	Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, KHXH, Anh
• Ngôn ngữ Anh (4)	7220201C	Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Anh; Văn, KHXH, Anh	• Tài chính – Ngân hàng	7340201C	
• Ngôn ngữ Trung Quốc (4)	7220204C	Văn, Toán, Ngoại ngữ (5) Văn, KHXH, Ngoại ngữ (5)	• Kế toán	7340301C	
• Ngôn ngữ Nhật (4)	7220209C		• Kinh tế (Mới)	7310101C	
• CNKT công trình xây dựng (1)	7510102C	Toán, Lý, Anh; Toán, Hóa, Anh Toán, Văn, Anh; Toán, Lý, Hóa	• Khoa học máy tính (1)	7480101C	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Anh
			• Công nghệ sinh học	7420201C	Toán, Sinh, Anh Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Sinh

(1): Môn Toán hệ số 2

(3): Ngoại ngữ: Anh, Pháp, Đức, Nhật

(4): Ngoại ngữ hệ số 2

(5): Ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Nhật, Trung và Hàn Quốc

(2): Điểm trúng tuyển Văn, Sử, Địa cao hơn các tổ hợp còn lại 1.5 điểm

Các ngành tuyển sinh Chất lượng cao môn Ngoại ngữ nhân hệ số 2 trừ CNKT công trình xây dựng, Công nghệ sinh học và Khoa học máy tính

XÉT TUYỂN

TUYỂN SINH TRONG CẢ NƯỚC

- 1 Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của Bộ GD&ĐT.
- 2 Theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022.
- 3 Theo kết quả học tập Trung học phổ thông (Học bạ)
- 4 Ưu tiên xét tuyển Học sinh Giỏi THPT.

- 5 Ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh có:
 - Dựa trên bài thi tú tài quốc tế (IB) tổng điểm 26 trở lên.
 - Chứng chỉ quốc tế A-level của trung tâm khảo thí ĐH Cambridge (Anh) theo điểm 3 môn thi (trở lên) đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt từ C trở lên.
 - Kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT đạt từ 1100/1600.
- 6 Ưu tiên xét tuyển thẳng học bạ có CC ngoại ngữ, đủ điều kiện xét tuyển theo KQ học tập THPT và có điểm IELTS hoặc các CC khác quy đổi tương đương
 - Các ngành ngôn ngữ IELTS 6.0
 - Các ngành còn lại IELTS 5.5

CHƯƠNG TRÌNH

Tăng cường Tiếng Nhật

- Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Du lịch, CNKT công trình xây dựng

- Khoa học máy tính CLC, CNKT công trình xây dựng CLC, Công tác xã hội

Chất lượng cao 100% Tiếng Anh

- Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Kế toán

97, Võ Văn Tần, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

1800 5858 84

www.facebook.com/tuyensinh.ou.edu.vn

tuyensinh.ou.edu.vn





Trường Đại Học Mở TP. HCM (MBS) là trường đại học Công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), được thành lập từ năm 1990 đến nay và trải qua hơn 32 năm phát triển bền vững, lâu dài cả về quy mô đến chất lượng đào tạo. Là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu ứng dụng có uy tín, đáp ứng ở mức cao nhất nhu cầu được tiếp cận kiến thức đại học và Sau đại học cho người học; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đào tạo có chất lượng, có khả năng thích ứng nhu cầu cao của xã hội, chú trọng nhu cầu học tập suốt đời và cung cấp các chương trình theo nhu cầu người học.

Sứ mạng đóng góp và nâng cao tri thức cho cộng đồng và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học. Trường Đại Học Mở TP. HCM **đa dạng về loại hình đào tạo (Chính quy, Từ xa, Vừa học vừa làm, Trực tuyến);** nhiều bậc **đào tạo từ đại học đến Sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ);** đa dạng về **Lĩnh vực đào tạo (27 ngành đại trà, 11 ngành Chất lượng cao);** **đa dạng chương trình học:** Đại trà, Chất lượng cao và nhiều **chương trình Liên kết quốc tế** với Đại Học Flinders, Bond – Úc, Rouen – Pháp – những chương trình đào tạo bằng cấp Quốc tế, siêu tiết kiệm với những chuyên ngành vô cùng thu hút, hấp dẫn, mở ra nhiều cơ hội cho người học.

MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT:

- Học bổng tuyển sinh năm 2022 hơn 28 tỷ đồng.
- Năm 2020 - Top 6 các trường đại học trực thuộc Bộ GD&ĐT được khen thưởng có nhiều bài báo quốc tế (ISI, SCI, SCIE).
- Năm 2020 - Top 8 các trường đại học được bình chọn trong hạng mục chiến lược dạy và học của năm tạp chí THE (Times Higher Education).
- Xếp thứ hạng 13/179 trường đại học ở Việt Nam và hạng 121/3.828 trường đại học ở Đông Nam Á (theo Webometrics).
- Top 10 sinh viên (SV) nghiên cứu khoa học toàn quốc, nghiên cứu khoa học – Eureka nhiều năm liền.



- Nhiều đóng góp thiết thực trong công tác phục vụ cộng đồng về lĩnh vực giáo dục và đồng tham gia tổ chức các hội thảo, góp ý các chính sách có ảnh hưởng đến xã hội, đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của đời sống KT-XH, thiết lập cầu nối giữa các nhà hoạch định chính sách với giới học thuật và doanh nghiệp.
- Chất lượng đào tạo luôn được chú trọng, quan tâm: 93-100% SV tốt nghiệp có việc làm trong vòng 06 tháng.
- Là trường công lập, học phí không cao, không tăng vượt khung quy định của Bộ GD&ĐT.

TRƯỜNG XÉT TUYỂN THEO 6 PHƯƠNG THỨC, LINH HOẠT VÀ PHÙ HỢP VỚI NHIỀU ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI HỌC:

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của Bộ GD&ĐT.

Phương thức 2: Theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

Phương thức 3: Theo kết quả học tập THPT cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12 (Học bạ).

+ Công nghệ sinh học (Đại trà + CLC), Xã hội học, Đông Nam Á, Công tác xã hội: Điểm xét tuyển từ 18 điểm.

+ Các ngành còn lại Điểm xét tuyển từ 20 điểm.

Phương thức 4: Ưu tiên xét tuyển Học sinh giỏi THPT (cả năm lớp 10, 11 và HK1 lớp 12).

Phương thức 5: Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh có: Bài thi tú tài quốc tế (IB) hoặc Chứng chỉ quốc tế A-level hoặc kết quả kỳ thi SAT.

Phương thức 6: Ưu tiên xét tuyển thẳng học bạ có chứng chỉ ngoại ngữ, đủ điều kiện xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ) và đạt điểm IELTS (hoặc các chứng chỉ khác quy đổi tương đương).

Thời gian xét tuyển (dự kiến): Tháng 4/2022
xem chi tiết thông báo tại

Website: Tuyensinh.ou.edu.vn

Thông Tin Liên Hệ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

📍 Số 97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM

☎ 1800585884

✉ tuyensinh@ou.edu.vn

📍 Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh – Tư vấn tuyển sinh

🌐 Tuyensinh.ou.edu.vn



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

Trí tuệ, Sáng tạo, Hội nhập và Phát triển

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực ĐBSCL và cả nước, trường Đại học Nam Cần Thơ (DNC) đã không ngừng đầu tư về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, đổi mới chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp dạy và học, tăng cường nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Trên cơ sở đáp ứng các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và nhận được chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục nhiều chương trình đào tạo bậc đại học chính quy: Dược học; Luật kinh tế; Quản trị kinh doanh; Kỹ thuật xây dựng....

Trong thời gian tới, các công trình mới của DNC sẽ đi vào hoạt động như: Bệnh viện Đại học Nam Cần Thơ với quy mô 300 giường bệnh, tổng vốn đầu tư hơn 860 tỷ đồng được khánh thành và đưa vào hoạt động vào đầu năm 2022. Bệnh viện ra đời là nơi thực tập của sinh viên khối ngành sức khỏe của trường. Bên cạnh đó, còn là nơi khám, chữa bệnh cho người dân trên địa bàn TP Cần Thơ nói riêng và người dân trong khu vực nói chung. Nhà trường đã khánh thành showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC phục vụ thực hành của sinh viên khối ngành Cơ khí động lực. Khu thực hành đa chức năng có diện tích sàn xây dựng hơn 18.000m² gồm các phòng học hiện đại, phòng thực hành, thí nghiệm, đồng thời là nơi hoạt động của Viện Nghiên cứu và phát triển Dược liệu của trường - tiến hành sản xuất các thực phẩm, dược phẩm mang thương hiệu DNC.

MÃ TRƯỜNG **DNC**



Sinh viên trong giờ thực hành

CÁC NGÀNH BẬC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (38 ngành)

NHÓM NGÀNH SỨC KHỎE	NHÓM NGÀNH KINH TẾ
1. Y khoa (Bác sĩ đa khoa) 2. Dược học 3. Kỹ thuật xét nghiệm Y học 4. Kỹ thuật hình ảnh Y học 5. Quản lý bệnh viện 6. Kỹ thuật Y sinh 7. Y học cổ truyền (dự kiến)	22. Quản trị kinh doanh 23. Tài chính - Ngân hàng 24. Kế toán 25. Kinh doanh quốc tế 26. Marketing 27. Thương mại điện tử 28. Logistics và QL chuỗi cung ứng 29. Quản lý công nghiệp 30. Kinh tế số
NHÓM NGÀNH KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ	NHÓM NGÀNH DU LỊCH XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
8. Công nghệ thông tin 9. Kỹ thuật phần mềm 10. Khoa học máy tính 11. Mạng máy tính và TT dữ liệu 12. Công nghệ thực phẩm 13. Công nghệ kỹ thuật ô tô 14. Kỹ thuật cơ khí động lực 15. Công nghệ kỹ thuật hóa học	31. QT DV du lịch và lữ hành 32. Quản trị khách sạn 33. QT Nhà hàng và DV ăn uống 34. Luật 35. Luật kinh tế 36. Ngôn ngữ Anh 37. Quan hệ công chúng (PR) 38. Truyền thông đa phương tiện
NHÓM NGÀNH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG	
16. Quản lý đất đai 17. Kỹ thuật môi trường 18. QL tài nguyên và môi trường 19. Bất động sản 20. Kiến trúc 21. Kỹ thuật xây dựng	



Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC



Bệnh viện Đại học Nam Cần Thơ

BẠC TIẾN SĨ

1. Quản trị kinh doanh

CÁC NGÀNH BẬC THẠC SĨ

- | | |
|----------------------------|--------------------|
| 1. Quản trị kinh doanh | 4. Quản lý kinh tế |
| 2. Dược học | 5. Luật kinh tế |
| 3. Công nghệ kỹ thuật ô tô | |

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Quản trị kinh doanh

PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN BẬC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT
2. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT
3. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do các trường Đại học tổ chức



Khu thực hành đa chức năng (Khu E)



168 Nguyễn Văn Cừ nổi dài, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ



(0292) 3798 168 - 3798 222 - 3798 333



0939 257 838



www.facebook.com/NamCanThoUniversity



www.nctu.edu.vn



Trường và Bệnh viện Đại học Y Dược Buôn Ma Thuột

CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

Mã trường
BMU● **Y KHOA**Bác sĩ đa khoa
7720101● **DƯỢC HỌC**Dược sĩ đại học
7720201● **ĐIỀU DƯỠNG**Cử nhân điều dưỡng
7720301● **Y TẾ CÔNG CỘNG**Cử nhân y tế công cộng
7720701**HOTLINE: 02623.98.66.88**

*Học phí không tăng trong toàn khóa học *01 năm gồm 02 học kỳ

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY 2022

NGÀNH HỌC	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU DỰ KIẾN	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN	HỌC PHÍ/HỌC KỲ
Y khoa	7720101	215	B00; A02; B08	20.000.000 VNĐ
Dược học	7720201	190	A00; B00; D07	13.900.000 VNĐ
Điều dưỡng	7720301	70	B00; A02; B08	10.000.000 VNĐ
Y tế công cộng	7720701	25	B00; A02; B08	10.000.000 VNĐ

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH NĂM 2022**1**

Xét tuyển bằng kết quả điểm thi các tổ hợp môn trong kỳ thi THPT 2022

2

Xét tuyển bằng kết quả điểm tổ hợp môn trong học bạ THPT

3

Xét tuyển kết hợp điểm trong học bạ THPT và điểm trong kỳ thi THPT 2022

4

Xét điểm bài thi đánh giá năng lực do ĐH Quốc gia, Đại học Vùng tổ chức thi năm 2022

5

Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022

TUYỂN SINH TOÀN QUỐC

Nhiều học bổng trị giá lên đến 1 năm học phí





TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ LILAMA2



LILAMA2
NGHỀ CỦA BẠN
TƯƠNG LẠI CỦA BẠN

TUYỂN SINH
2022

MA TRƯƠNG: CDT 4801

Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế LILAMA2 là trường chất lượng cao theo tiêu chuẩn Quốc tế. Nhà trường tiên phong trong việc đào tạo nhân lực cho cách mạng công nghiệp 4.0 và đào tạo nhân lực chuẩn bị cho sân bay Long Thành. Với thiết bị hiện đại, đội ngũ nhà giáo đạt tiêu chuẩn của CHLB Đức và đội ngũ chuyên gia Đức tham gia đào tạo theo mô hình của Đức. Nhà trường đang triển khai chương trình "Con đường đến làm việc tại CHLB Đức" để đưa sinh viên sang Đức làm việc, năm 2022 Nhà trường tuyển sinh các ngành nghề như sau:

THỜI GIAN
NHẬP HỌC
2022

Đợt 1:

Nhận hồ sơ đến hết
ngày 18/08/2022
nhập học ngày 20/08/2022

Đợt 2:

Nhận hồ sơ đến hết
ngày 26/10/2022
nhập học ngày 28/10/2022

1. CÔNG NGHỆ 4.0
2. KỸ THUẬT RÔ BỐT CÔNG NGHIỆP
3. KỸ THUẬT TỰ ĐỘNG HÓA CÔNG NGHIỆP

NGÀNH ĐÁP ỨNG CHO CÁCH MẠNG
CÔNG NGHIỆP 4.0 (ĐÀO TẠO: 3 NĂM)

NGÀNH ĐÀO TẠO LĨNH VỰC
HÀNG KHÔNG (ĐÀO TẠO: 3 NĂM)

1. KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG MÁY BAY (CƠ ĐIỆN TỬ)
2. KỸ THUẬT SỬ CHỮA CẤU TRÚC MÁY BAY
3. LOGISTIC TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG

1. CẮT GỌT KIM LOẠI
2. CƠ KHÍ XÂY DỰNG
3. CƠ ĐIỆN TỬ
4. ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

NGÀNH ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN
CHLB ĐỨC (ĐÀO TẠO: 3 NĂM)

NGÀNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG KHÁC (ĐÀO TẠO: 2,5 NĂM)

1. HÀN
2. ĐIỆN CÔNG NGHIỆP
3. ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP
4. KT LẮP ĐẶT ĐIỆN VÀ ĐIỀU KHIỂN TRONG CN
5. BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ CƠ ĐIỆN
6. CƠ ĐIỆN TỬ
7. BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ CƠ ĐIỆN
8. VẼ VÀ THIẾT KẾ TRÊN MÁY VI TÍNH
9. CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ
10. LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CƠ KHÍ

11. KỸ THUẬT LẮP ĐẶT ỐNG CÔNG NGHỆ
12. CẮT GỌT KIM LOẠI
13. CÔNG NGHỆ Ô TÔ
14. KỸ THUẬT LẮP RÁP VÀ SỬ CHỮA MÁY TÍNH
15. KỸ THUẬT LẮP ĐẶT ĐÀI TRẠM VIỄN THÔNG
16. KỸ THUẬT TRUYỀN DẪN QUANG VÀ VÔ TUYẾN
17. TIN HỌC VĂN PHÒNG
18. KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
19. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

ĐẶC BIỆT LÀ CHƯƠNG TRÌNH CON ĐƯỜNG ĐẾN LÀM VIỆC TẠI CHLB ĐỨC:
CẮT GỌT KIM LOẠI, CƠ KHÍ XÂY DỰNG, CƠ ĐIỆN TỬ, ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP, HÀN

SAU TỐT NGHIỆP, ĐƯỢC CÔNG NHẬN BẰNG
VÀ CƠ HỘI SANG ĐỨC LÀM VIỆC

Đối Tượng Tuyển Sinh
TỐT NGHIỆP THPT
HỌC PHÍ
MIỄN 100% HỌC PHÍ CÁC SINH VIÊN
HỒ KHẨU ĐỒNG NAI

- CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG: HỌC PHÍ 15 TRIỆU/KỶ
- CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO THEO CHƯƠNG TRÌNH CON ĐƯỜNG ĐẾN LÀM VIỆC TẠI CHLB ĐỨC: HỌC PHÍ 25 TRIỆU/KỶ
- CÁC NGHỀ KỸ THUẬT 6 TRIỆU/1 HỌC KỶ; ĐƯỢC XÉT MIỄN 100% HỌC PHÍ DO DOANH NGHIỆP CUNG VỚI NHÀ TRƯỜNG HỖ TRỢ
- NGHỀ KẾ TOÁN - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP, LOGISTICS TRONG VĂN TÀI HÀNG KHÔNG, MÁY TÍNH, ... HỌC PHÍ: 4.5 TRIỆU/HỌC KỶ
- ĐƯỢC BỐ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP.

CƠ HỘI VIỆC LÀM



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ LILAMA2



1900886841



KM32 - QUỐC LỘ 51 - LONG PHƯỚC - LONG THÀNH - ĐỒNG NAI

WWW.LILAMA2.EDU.VN

WWW.FACEBOOK.COM/LILAMA2.VN



BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH CẦN THƠ

Trường Cao đẳng Du lịch Cần Thơ (CTC) là trường Công lập trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với nhiệm vụ chính là chuyên đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao cho thành phố Cần Thơ và Đồng bằng Sông Cửu Long với lịch sử hình thành và kinh nghiệm giảng dạy trên 14 năm. Trường là nơi đào tạo kỹ năng du lịch chất lượng, có uy tín trong cả nước.



Tại trường Cao đẳng Du lịch Cần Thơ, học sinh sinh viên được học tập trong môi trường chuyên nghiệp, sát thực tế, với đội ngũ giảng viên trẻ, năng động, giàu kinh nghiệm, được đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước; được đi tour và thực tập tại các nhà hàng, khách sạn, khu du lịch cao cấp, các tập đoàn lớn. Thực hành chiếm 80% thời lượng học tập. Cơ hội việc làm rộng mở với 90% HSSV tốt nghiệp có việc làm.

CAO ĐẲNG

(Học trong 2.5 năm)

- Quản Trị Khách Sạn
- Quản Trị Nhà Hàng
- Quản Trị Lễ Hành
- Hướng Dẫn Du Lịch

TRUNG CẤP

(Học trong 1.5 năm)

- Kỹ Thuật Chế Biến Món Ăn
- Quản Lý & Kinh Doanh Khách Sạn
- Hướng Dẫn Du Lịch
- Nghiệp Vụ Lễ Tân
- Nghiệp Vụ Nhà Hàng

- Hình Thức Tuyển Sinh: Xét Tuyển
- Nộp hồ sơ:
 - + Trực tiếp tại trường;
 - + Trực tuyến trên Web: <https://ctc.edu.vn/>;
 - + Facebook: Trường Cao đẳng Du lịch Cần Thơ
- Học phí: Theo quy định của Nhà nước.
- Chế độ ưu tiên: Học bổng, miễn giảm học phí, tạm hoãn nghĩa vụ quân sự.



TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH CẦN THƠ

📍 Số 47 đường số 1, KV3 Sông Hậu, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

🌐 ctc.edu.vn ☎ 0292 315 252 ✉ tcdlct@gmail.com 📘 facebook.com/ctc.edu.vn



Swinburne Vietnam Tuyển sinh 2022:

- Công Nghệ Thông Tin
 - Kinh Doanh
 - Truyền Thông Đa Phương Tiện
- Điều kiện tuyển sinh: Học bạ lớp 12 ≥ 7.0
 - Học bổng Swinburne



CHẤP CÁNH ƯỚC MƠ	OLYMPIA
4000 USD - GPA lớp 11,12 ≥ 8.0 - Có khả năng tiếng Anh khá giỏi (IELTS ≥ 6.0)	2000 USD - GPA lớp 11,12 ≥ 7.5 - Có khả năng tiếng Anh khá giỏi

swin.edu.vn

📍 A35 Bạch Đằng, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
☎ 0387 148 555

**HOTEC****TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****MÃ TRƯỜNG: CDD0213 - TRƯỜNG CÔNG LẬP TRỌNG ĐIỂM****UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - HỘI NHẬP****ĐẠT CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

TUYỂN SINH 2022

CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHÍNH QUY

1. CAO ĐẲNG (1.385 Sinh Viên)

TT	Ngành tuyển Cao đẳng	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Tiếng Anh	6220206	150
2	Quản trị kinh doanh	6340404	170
3	Marketing	6340116	30
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	30
5	Tài chính - Ngân hàng	6340202	50
6	Kế toán	6340301	180
7	Tài chính doanh nghiệp	6340201	40
8	Hệ thống thông tin	6320201	30
9	Công nghệ thông tin	6480201	150
10	Thiết kế trang Web	6480214	30
11	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	30
12	Công nghệ may	6540204	30
13	May thời trang	6540205	30
14	CNKT Ô tô	6510202	150
15	CNKT Cơ khí	6510201	60
16	CNKT Cơ điện tử	6510304	30
17	Quản lý tòa nhà	6340434	30
18	CNKT Điện, Điện tử	6510303	70
19	CNKT Điện tử, Truyền thông	6510312	30
20	CNKT Điều khiển và tự động hóa	6510305	30
21	Logistics	6340113	35

HỌC PHÍ THẤP: Theo quy định của Chính phủ đối với trường công lập; chính sách miễn 100% học phí trung cấp (theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP)

THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

- + Cao Đẳng: 2.5 năm (Tốt nghiệp THPT)
- + Trung Cấp: 2 năm (Tốt nghiệp THCS)

HÌNH THỨC TUYỂN SINH: Xét Tuyển

(Đăng ký trực tuyến nhận ngay kết quả)

THỜI GIAN XÉT TUYỂN:

- + Đợt 1: 07/3 đến 14/5/2022
- + Đợt 2: 16/5 đến 14/8/2022
- + Đợt 3: 16/8 đến 30/9/2022
- + Đợt 4: 04/10 đến 30/10/2022

Chính Sách Hỗ Trợ:

- + Cấp học bổng khuyến học hỗ trợ cho HSSV có thành tích học tập tốt, hoàn cảnh khó khăn, miễn, giảm học phí theo quy định.
- + Cơ hội việc làm trong quá trình thực tập.

2. TRUNG CẤP (925 Học Sinh)

TT	Ngành tuyển trung cấp	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kế toán doanh nghiệp	5340302	90
2	Tài chính doanh nghiệp	5340201	30
3	Công nghệ may và thời trang	5540204	60
4	Điện tử dân dụng	5520224	30
5	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	5510211	60
6	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	120
7	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	5510304	30
8	Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông	5510312	30
9	Quản trị mạng máy tính	5480209	30
10	Thiết kế và quản lý Website	5480215	60
11	Tin học ứng dụng	5480205	90
12	Cơ khí chế tạo	5520117	60
13	Bảo trì và sửa chữa Ôtô	5520159	60
14	Bảo trì và sửa chữa khung, vỏ Ôtô	5520160	35



HỌC TẠI HOTECH - CƠ HỘI LÀM VIỆC TẠI NHẬT

Đăng Ký Xét Tuyển: tuyensinhonline.hotec.edu.vn Tổng Đài 24/7: 19007190**MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ:****TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****215 Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh****☎ 028 5406 1344****🌐 kthcthem.edu.vn****✉ tuyensinh@hotec.edu.vn****☎ 033 808 4637****f [tuyensinh.hotec](https://www.facebook.com/tuyensinh.hotec)**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Thành Nhân trước thành Danh



ts.vhu.edu.vn

XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ HỌC BẠ THPT

01

XÉT THEO KẾT QUẢ KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT

02

XÉT TUYỂN THĂNG THEO QUY ĐỊNH
CỦA BỘ GD&ĐT

03

XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ BÀI THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC CỦA ĐH QUỐC GIA TP.HCM

04

XÉT TUYỂN KẾT HỢP THI TUYỂN
PIANO, THANH NHẠC, GIÁO DỤC MẦM NON

05

05
**PHƯƠNG THỨC
XÉT TUYỂN**



TUYỂN SINH 2022

tuyensinh@vhu.edu.vn

<http://facebook.com/vhu.edu.vn>

MÃ TRƯỜNG DVH

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Công nghệ thông tin
Khoa học máy tính
Thiết kế đồ họa
Khoa học dữ liệu

KHOA KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ

Kỹ thuật điện tử - viễn thông
Công nghệ sinh học
Công nghệ thực phẩm

KHOA XÃ HỘI - TRIẾT THÔNG

Xã hội học
Quan hệ công chúng
Tâm lý học
Văn học
Văn hóa học
Triết thông đa phương tiện

KHOA NGOẠI NGỮ

Ngôn ngữ Anh
Ngôn ngữ Trung Quốc
Ngôn ngữ Pháp

KHOA ĐÔNG PHƯƠNG

Đông phương học
Ngôn ngữ Nhật
Hàn Quốc học
Việt Nam học

KHOA NGHỆ THUẬT

Thanh nhạc
Piano
Giáo dục mầm non

KHOA Y DƯỢC

Điều dưỡng
Dược

KHOA KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Tài chính ngân hàng
Kế toán
Luật

KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ

Kinh tế
Quản trị kinh doanh
Thương mại điện tử
Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

KHOA DU LỊCH

Du lịch
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Quản trị khách sạn
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống

**VĂN PHÒNG
TUYỂN SINH**

665 - 667-669 Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
613 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
624 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
HungHau Campus - Nguyễn Văn Linh - Khu đô thị Nam Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN MIỄN PHÍ
18001568



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

TUYỂN SINH 2022

TỔ HỢP XÉT TUYỂN:

A00, A01, D01, D72, D78, D96

CHỈ TIÊU **4500**

MÃ TRƯỜNG

DMS



CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

CHƯƠNG TRÌNH CLC TIẾNG ANH TOÀN PHẦN

CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC THÙ

CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

**TƯ VẤN TRỰC TUYẾN
TRUYỀN HÌNH ONLINE**



TỪ 19:00 - 20:30

THỨ 5 HÀNG TUẦN



tuyensinhufm



daihoctailchinhmarketingufm

Chương trình
ĐÀO TẠO LIÊN KẾT QUỐC TẾ

TÀI CHÍNH
MARKETING
KẾ TOÁN

QUẢN TRỊ KINH DOANH
KINH DOANH QUỐC TẾ

XÉT TUYỂN HỌC BẠ THPT!

HOTLINE: 0983.373.450



<https://tuyensinh.ufm.edu.vn> [tuyensinhufm](https://www.facebook.com/tuyensinhufm)
Hotline: 0283.772.0404 | 0283.772.0406 | 0283.772.0407





TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT TUYỂN SINH 2022



MÃ TRƯỜNG
DPT

"Trường đại học không chỉ là những tòa nhà cao tầng. Đó là nhà của bạn, là nơi bạn sống, học tập, sai lầm và trưởng thành. Đó là một nơi mà bạn sẽ lớn lên, tạo nên những kỷ niệm và tình bạn đẹp."



30 CHUYÊN NGÀNH ĐẠI HỌC
CỰC HOT

<https://ts.upt.edu.vn>

01

Môi trường học tập năng động cùng cơ sở vật chất hiện đại, khang trang ngay tại Mũi Né - Thủ đô của các Resort

04

Mức học phí phù hợp nhất so với các trường ngoài công lập trong cả nước

02

Chương trình đào tạo tinh gọn, bám sát nhu cầu lao động thực tế của xã hội

05

Cơ hội kiến tập, thực tập đa dạng tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp, và các Resort lớn và uy tín

03

Đội ngũ giảng viên là những chuyên gia Giáo sư, P. Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ giàu kinh nghiệm đến từ các doanh nghiệp, trường Đại học trong nước và quốc tế

06

Cơ hội học tập nâng cao trình độ lên Thạc Sĩ, Tiến Sĩ ngay tại trường

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO 3.5 NĂM**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO RÚT NGẮN
CÒN 3.5 NĂM

96.3 % VIỆC LÀM

CAM KẾT GIỚI THIỆU VIỆC
LÀM CHO 100% SINH VIÊN

KÍ TỨC XÁ

HƠN 1000 CHỖ CHO SINH
VIÊN Ở XA

QUỸ HỌC BỔNG

QUỸ HỌC BỔNG ĐA DẠNG
VÀ PHONG PHÚ

HỌC PHÍ

HỌC PHÍ KHÔNG THAY ĐỔI
TOÀN KHÓA

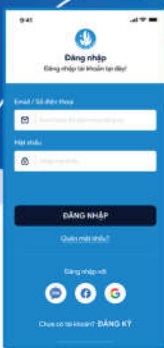


076 253 8686 - 0252 628 3838

<https://www.facebook.com/upt.edu.vn>

Zalo 094 206 6049

<https://upt.edu.vn>






SV360

Ứng dụng hỗ trợ sinh viên

NHÀ TRỢ



SỰ KIỆN



HỌC BỔNG

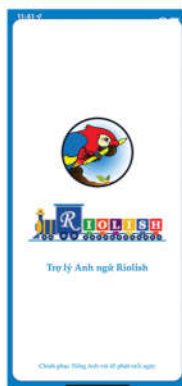
RÈN LUYỆN





chinh phục ENGLISH

Ứng dụng DUY NHẤT có 4 kỹ năng
NGHE - NÓI - ĐỌC - VIẾT



SAC



143.043 likes



152.000

followers

Người bạn "siêu uy tín"

CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN



https://sac.vn

Cập nhật TIN TỨC nhanh chóng
NHÀ TRỢ, HỌC BỔNG, VIỆC LÀM
cùng lên sóng...

eu Business School

Thông tin về trường EU Business School

Năm thành lập	1973
Chương trình đào tạo	Dự bị Tiếng Anh, Đại học và Sau Đại Học
Số sinh viên	Gần 300 sinh viên
Kỳ nhập học	Tháng 2, 6, 8, 10
Các chuyên ngành nổi bật	Quản trị kinh doanh, Marketing, Truyền thông, Cloud computing....

HỌC XÃ



Điểm nổi bật khi theo học tại EU Business School



Top các trường Đại học chuyên về kinh doanh của Châu Âu và thế giới



Chương trình đạt chuẩn quốc tế và được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh



Thường xuyên có học bổng dành cho sinh viên quốc tế.



Trường có chi nhánh ở 3 nước Châu Âu nên có thể di chuyển trong 3 nước được (áp dụng với trường hợp học đại học)

RANKING



QS TOPMBA
2021
Class & Faculty Diversity



QS STARS
RATING SYSTEM
BUSINESS SCHOOLS
4★



QS WORLD UNIVERSITY RANKINGS
2021
ONLINE MBA | 2021



América
economía
No.23

